



NGUYỄN KHẮC VIỆN

ĐẠO VÀ ĐỜI



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



ĐẠO VÀ ĐỜI

NGUYỄN KHẮC VIỆN

ĐẠO VÀ ĐỜI

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



Nguyễn Khắc Viện
(1913 - 1997)

... Là người có nhiều kinh nghiệm chuyên nghiệp đối ngoại
Nguyễn Khắc Viện đã viết hàng loạt tác phẩm bằng tiếng
Pháp, giới thiệu đất nước, lịch sử, nền văn hoá truyền
thống và con người Việt Nam, đặc biệt là giới thiệu cuộc
kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta, bởi
đồng bào bạn bè thế giới.

Là nhà khoa học, Nguyễn Khắc Viện đã có nhiều công
trình nghiên cứu về phòng tập dưỡng sinh, về y học, về
tâm lý học, về tâm bệnh lý học và đã chủ biên nhiều
bộ tài liệu chuyên ngành.

Nguyễn Khắc Viện còn là học giả, nhà văn, nhà báo
với nhiều cuốn sách và bài viết vừa đậm đà, phong
cách văn học, vừa mang tính chất luận văn sắc và
sắc dân tộc.

Trong vòng tròn tài đa dạng và phong phú đó của
Nguyễn Khắc Viện, nhiều tác phẩm đã được bạn đọc trong
và ngoài nước đánh giá cao, coi đó là những đóng góp
có giá trị vào nền văn hoá, xứng đáng được lưu giữ
lâu dài...

Hanoi ngày 10/5/2002

Nguyễn Bính

Nguyễn Bính
Phó Chủ tịch nước
Cộng hòa KHEN Việt Nam.

Lời nói đầu

Trong Lễ tưởng niệm bác sĩ Nguyễn Khắc Viện tại Paris, Tiến sĩ Sử học Charles Fourniau, Chủ tịch Hội Hữu nghị Pháp - Việt đã viết:

“... Ngay từ những phút đầu tiên, tôi nhận ra ngay đây sẽ là bậc thầy của tôi. Và ông mãi vẫn là bậc thầy của tôi. Tôi may mắn được tiếp cận ông - một trong những trí tuệ sáng chói nổi bật nhất. Vốn văn hóa của ông, hay nói đúng ra là vốn các văn hóa của ông, bởi lẽ ông có đến ba vốn văn hóa, Việt Nam, Trung Hoa, Pháp... quả thật dường như là vô hạn...”

Nhiều tác phẩm của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện cho đến nay vẫn còn những giá trị lớn lao. Bất cứ đối tượng nào, từ người già, thanh niên đến trẻ em đều có thể thấy qua tác phẩm của ông bóng dáng một người bạn, một người thầy, một người ông với kiến thức uyên thâm và tấm lòng nhân ái. Về một số vấn đề có tính thời sự, trong dịp tái bản cuốn *Một đôi lời trước ngày đi xa* một năm, ông đã viết: *“... Hơn 10 năm mà nay nhớ lại nhiều việc, như là chuyện thời xa xưa, cả nước đã chuyển sang một thời đại mới. Nay cho in lại, xin cứ giữ nguyên bản, không sửa chữa, như là một vết tích của một thời, để cho bạn đọc ngày nay thấy một số người “xưa kia” suy nghĩ những gì... Thời thế thay đổi, không thể*

không thay đổi ý kiến, loại trừ một số sai lầm tư tưởng, nhưng điều không thể thay đổi là cái đạo lý làm người. Thúc thời, chứ không phải cơ hội...”

Quả là toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Khắc Viện, kể cả những đề tài “thời sự” đã qua như phong trào “hợp tác xã” hay “Liên Xô”... vẫn sáng rõ một “đạo lý” đẹp đẽ và chung thủy của một sĩ phu trung trực, hết lòng vì nước vì dân, nên đều có giá trị bổ sung kiến thức, bồi dưỡng tâm hồn cho nhiều thế hệ bạn đọc.

Với sự ngưỡng mộ và kính trọng đặc biệt sâu sắc với bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, được sự đồng ý và cộng tác của gia đình cố bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, Công ty Cổ phần Sách Thái Hà xin giới thiệu với độc giả bộ sách gồm 5 cuốn: *Tâm tình đất nước, Đạo và Đời, Việt Nam một thiên lịch sử, Nguyễn Khắc Viện - Chân dung và kỷ niệm, Tự truyện.*

Trân trọng giới thiệu cùng độc giả và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

TIỂU SỬ BÁC SĨ NGUYỄN KHẮC VIỆN

Nguyễn Khắc Viện sinh ngày 5 tháng 2 năm 1913, xuất thân từ một gia đình khoa bảng (thân phụ là Nguyễn Khắc Niêm, đậu Hoàng Giáp năm 1907), quê xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Học tiểu học tại Hà Tĩnh và Huế, trung học tại Trường Quốc học Vinh và Quốc học Huế, sau đó ra Hà Nội học Trường Bưởi.

- Năm 1934: Đỗ xuất sắc ba bằng tú tài ở Trường Bưởi.

- 1934 - 1937: Học Đại học Y khoa Hà Nội.

- 1937: Sang Pháp tiếp tục học Đại học Y khoa.

- 1940 - 1941: Tốt nghiệp bác sĩ nhi khoa và các bệnh nhiệt đới (2 bằng). Tham gia hoạt động phong trào Việt kiều.

- 1942: Bị lao phổi và điều trị ở bệnh viện Saint Hilaire du Touvet, tỉnh Grenoble, một bệnh viện dành cho trí thức và sinh viên Pháp. Sau 6 tháng điều trị, bệnh có đỡ, xin ra viện tiếp tục hoạt động. Nhưng vì ăn uống kham khổ và làm việc quá sức, bệnh tái phát.

- 1943 - 1948: Vào lại bệnh viện Saint Hilaire du Touvet, phải lên bàn mổ 7 lần, cắt bỏ 8 xương sườn, toàn bộ phổi phải và 1/3 phổi trái, tưởng không thể thoát chết. Nhưng nhờ nghị lực cao, dần dần lấy lại sức, vừa nằm điều trị, vừa đọc sách triết học Đông - Tây, tìm ra phương pháp dưỡng sinh hợp với thể bệnh của bản thân để tự cứu chữa, đồng thời tham gia các hoạt động ủng hộ cuộc kháng chiến ở Việt Nam.

- 1949: Gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, sinh hoạt trong chi bộ bệnh viện. Tích cực vận động trí thức trong bệnh viện ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh.

- 1950: Ra viện, hoạt động Việt kiều tại Grenoble.

- 1952 - 1963: Lên Paris thay Giáo sư Phạm Huy Thông (bị trục xuất về nước) làm Tổng thư ký kiêm Bí thư Đảng đoàn Hội liên hiệp Việt kiều ở Pháp. Viết bài cho các Tạp chí: *La Pensée*, *La nouvelle Critique*, *Démocratie nouvelle*, *Europe...* Và hoàn thành tập sách *Le Sud Vietnam depuis Điện Biên Phủ*. Vận động trí thức Pháp ủng hộ kháng chiến Việt Nam.

- 1963: Bị trục xuất về nước do các hoạt động chống chiến tranh.

- 1964 - 1984: Là ủy viên Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài, Giám đốc Nhà xuất bản Ngoại văn. Sáng lập và là Tổng biên tập 2 Tạp chí *Le Courrier du Vietnam* và *Etudes Vietnamiennes*. Dịch tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du ra tiếng Pháp. Đề xuất thiết kế, viết lời giới thiệu Tuyển tập Văn học Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XX (bằng tiếng Pháp).

Viết bằng tiếng Pháp cuốn: *Việt Nam, một thiên lịch sử*. Ngoài ra còn viết nhiều sách báo giới thiệu đất nước, con người, văn hóa truyền thống Việt Nam.

- 1984: Nghi hưu, được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng Ba.

- 1989: Sáng lập Trung tâm nghiên cứu Tâm lý và Tâm bệnh lý trẻ em Việt Nam (N-T).

- 1992: Được Viện Hàn lâm khoa học Pháp tặng giải thưởng lớn dành cho người nước ngoài đã sử dụng tích cực và có hiệu quả tiếng Pháp (*Grand prix de la Francophonie*).

Biên soạn nhiều tác phẩm về Tâm lý học.

Soạn kịch bản và cộng tác với Xưởng phim Tài liệu khoa học Trung ương sản xuất một số phim giới thiệu đất nước (Đất Tổ nghìn xưa, Vịnh Hạ Long, Đất Tây Sơn) và về tâm lý giáo dục trẻ em.

- 1996: Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Từ tháng 7-1996 bị ốm nặng. Chăm cữ bằng phương pháp dưỡng sinh (không dùng thuốc, không can thiệp bằng kỹ thuật y học).

Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện mất ngày 10-5-1997 (tức ngày 4 tháng 4 năm Đinh Sửu) tại Hà Nội.

BÀN VỀ ĐẠO NHO

Theo bản in

Nhà xuất bản Thế giới

Hà Nội - 1993 (Tái bản 1998)

*Bài này nguyên văn tiếng Pháp đăng tạp chí
LA PENSÉE số 10-1962 với tiêu đề là:
Confucianisme et Marxisme au Vietnam" đã được
dịch ra nhiều thứ tiếng. Năm ấy Nhà xuất bản
Sự thật Hà Nội dịch ra tiếng Việt nhưng không in.
Nay in bản dịch sau đây của Đào Hùng
và Trần Văn Quý.*

I ÔNG QUAN VÀ KẾ SĨ

Một hôm Albert Camus¹ đưa ra nhận xét rằng hòa bình thế giới có thể bảo vệ, nếu những người có thiện chí ở các nước thành lập được một thứ hội đoàn quốc tế theo kiểu các sĩ phu nho học và dựa trên cơ sở học thuyết của Khổng Tử. Tôi hỏi lại ông dựa trên cơ sở nào để nghĩ rằng học thuyết Nho giáo hiện nay có thể phục vụ cho việc thiết lập nền hòa bình thế giới.

- Dựa trên các văn bản của Khổng Tử mà tôi đọc được. Camus trả lời.

¹ Một nhà văn nổi tiếng của Pháp.

Tôi nói: - Nho giáo là một bộ phận cấu thành của một xã hội nhất định. Có thật ông nghĩ rằng có thể tách nó ra khỏi bối cảnh lịch sử và xã hội để phục vụ lại thời đại chúng ta chăng?

Camus giơ hai tay lên trời đáp: - Biết sao được, tôi chỉ biết Nho giáo qua sách vở, và lại tôi không theo chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Đối với Albert Camus, Nho giáo là một học thuyết như mọi học thuyết khác, đọc được một cách tỉnh bơ và giống như mọi học thuyết lớn khác, người ta có thể tìm thấy ở đây một căn cứ để mở tầm nhìn rộng lớn đối với con người và đối với vũ trụ. Đối với người Việt Nam, Nho giáo còn hơn là một thứ học thuyết ghi chép trong sách của thánh hiền; đó là một di sản của lịch sử, một di sản cơ bản để tiếp thu, để chống lại, để vượt qua trong quá trình chuyển biến lịch sử mà đất nước đang phải trải qua trong thời đại hiện nay.

Tôi thuộc thế hệ những trí thức Việt Nam, từ những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường tiểu học, học lịch sử qua sách giáo khoa của Ernest Lavisse¹ rằng “Tổ tiên chúng ta là người Gô-loa”. Ở trường, người ta không dạy chúng tôi học thuyết Nho giáo nữa, nhưng các bậc cha chú và anh chúng tôi, người thì làm quan, kẻ là nhà nho, tất cả đều thấm nhuần tư tưởng Nho giáo. Cả áp lực chính thống của Nho giáo đè nặng lên tuổi trẻ của chúng tôi. Người ta nhân danh Khổng Tử để ngăn cấm chúng tôi nhiều điều, cũng như buộc chúng tôi phải tuân theo nhiều thứ kỉ luật. Trước hết Nho giáo đã tồn tại trên các cột nhà, trên các bia đá, trên các cổng đền chùa với những dòng chữ Hán

¹ Sách giáo khoa cổ điển của tiểu học Pháp, thực dân cho trẻ con các thuộc địa học từ bé.

nhắc nhở từng bước đi của chúng tôi cho đúng truyền thống Nho giáo. Trong ngôn ngữ hàng ngày và trong văn học đầy rẫy những thành ngữ và những câu trích dẫn của Nho giáo.

Người ta chủ trương hòa hay chiến, người ta đi theo hay chống lại cũng vì Nho giáo. Những người thuộc thế hệ chúng tôi còn có thể tiếp cận con người nho học cổ điển là các nho sĩ. Trước những con người đầu đội khăn xếp, dáng điệu khoan thai, lời nói trịnh trọng, khác hẳn những người dân cày, người thợ, người lao động thủ công hay nhà thể thao hiện đại, chúng tôi nảy sinh một thứ tình cảm vừa muốn xa lánh, vừa kính trọng. Xa lánh vì những nét lạc hậu lỗi thời của con người, kính trọng vì một cái gì khó tả mà chúng tôi cảm thấy chứ không hiểu được, một cái gì đó mà chúng tôi, những người được đào tạo ở nhà trường phương Tây không có được.

Từ cái quá khứ Nho giáo đó, người ta cứ lải nhải với chúng tôi rằng phải giữ lại những khía cạnh tích cực, loại trừ những mặt tiêu cực. Thứ lời khuyên kiểu hàng xén đó không giúp ích gì được chúng tôi, vì đâu là mặt tích cực, đâu là khía cạnh tiêu cực của học thuyết, người ta không vạch rõ tiêu chuẩn để phân biệt, và nhất là không chỉ cho chúng tôi phương pháp thực hành để chọn lọc. Vậy mà cuộc đấu tranh chống Nho giáo cũng như việc tiếp thu những khía cạnh tích cực, đối với chúng tôi, trước hết là một vấn đề thực tiễn chứ không phải chỉ là một việc nghiên cứu sách vở đơn giản.

NGƯỜI TIỂU NÔNG VÀ QUAN LẠI

Nho giáo là học thuyết chính thức sử dụng trong thi cử ở

Việt Nam xưa. Kỳ thi đầu tiên mở năm 1075 và kỳ thi cuối cùng 1919. Trong mười thế kỉ, học thuyết đó là đường lối tri thức và tư tưởng của Việt Nam. Nhà nước phong kiến tuyển chọn quan lại cao cấp qua các kỳ thi, mở cho mọi người tham gia (trừ phường hát và tất nhiên trừ phụ nữ). Việc khảo hạch gồm có những bài bình văn sách, đạo đức, chính trị, làm thơ, soạn các biểu chương hành chính.

Các khoa thi hương tổ chức ở một số địa phương, tuyển chọn tú tài và cử nhân. Những người trúng tuyển được phép dự khoa thi hội tổ chức ở kinh đô, dưới sự giám khảo của nhà vua, nhằm đạt danh hiệu tiến sĩ. Những người trúng tuyển thi hương và thi hội đều có thể ra làm quan, trở thành kẻ thực hiện mệnh lệnh của Nhà vua, thành viên của một bộ máy nắm mọi quyền điều hành công việc hành chính quốc gia.

Mỗi lần mở khoa thi hương, có hàng nghìn thí sinh. Không có nhà cửa nào chứa hết số thí sinh, nên mỗi người phải mang theo lều chõng, tự dựng lấy trên một bãi đất trống rất rộng. Một số trường thi ngày nay đã trở thành sân bay. Từ nửa đêm, người ta gọi tên dưới ánh sáng những cây đèn liệu, rồi các thí sinh được vào trong bãi, và đến sáng thì cuộc thi bắt đầu... Từ trên những chòi cao, các quan giám khảo theo dõi thí sinh và binh lính tuần tra giữa các lều để ngăn ngừa mọi sự gian lận.

Có nhiều người thi và rất ít người đỗ, chỉ khoảng một trăm trên hàng nghìn người dự các khoa thi hương. Từ năm 1075 đến 1919, chỉ có hơn hai nghìn người đỗ tiến sĩ. Những người thi đỗ được nhận mũ áo của vua ban. Khi vinh quy về làng, họ được chính quyền địa phương và nhân dân đón tiếp trọng thể, có kèn trống, cờ quạt rước đón. Người trúng tuyển

có quyền cho đám rước đi qua bất cứ cánh đồng nào hay mảnh vườn nào họ muốn, và nếu cần thì phá dỡ các rào dậu trên đường đi.

“Dùi mài kinh sử” để ra làm quan là ước mơ cao nhất của thanh niên trong nhiều thế kỉ. Lấy một anh khoá với hy vọng sau này anh ta sẽ ra làm quan là ước mơ lớn nhất của một cô gái con nhà khá giả (truyền thống lâu đời đó giải thích tại sao những kì thi vào các trường lớn của Pháp không bao giờ làm sinh viên Việt Nam sợ hãi). Tất cả tầng lớp trẻ tuổi đều bị ám ảnh bởi ước mơ sẽ thành đạt trong thi cử để ra làm quan mà danh vọng còn vượt xa những người trúng tuyển vào trường đại học Bách khoa hay Sư phạm cao cấp ở Pháp (Polytechnique, Ecole normale supérieure).

Vì nó còn lớn hơn một thành tựu ở trường đại học: Người thi đỗ sẽ thoát khỏi thân phận thường dân để bước vào đẳng cấp quan lại. Trước khi thi họ sống như mọi người, ra làm quan họ sống trong công đường của huyện, của tỉnh hay của bộ. Người viên chức hiện đại ngồi sau bàn giấy trong giờ làm việc, nhưng trở về nhà khi tan tầm sống chung với người bình thường. Lãnh chúa phong kiến sống trong lâu đài có thành lũy bao quanh, hoàn toàn tách rời khỏi nhân dân. Cuộc sống của quan lại có thể nói là nằm ở quãng giữa của lãnh chúa phong kiến với người viên chức hiện đại. Công đường vừa là nơi làm việc, vừa là nhà ở. Ở đây không có thành lũy nhưng có một bức tường chắc chắn, có lính canh ngày đêm. Không có nhiều tùy tùng, nhiều lính hầu như lãnh chúa phong kiến, nhưng có một số ít lính được triều đình đãi thọ để hầu hạ các quan. Khi ông quan ra ngoài, có hai hay ba người lính hầu mang theo cờ lọng, và trước những nghi trượng đó, mọi người phải lánh xa

và kính cẩn cúi chào. Khi đến công đường, người dân thường không chỉ là gặp người đại diện của triều đình với một bàn giấy đơn sơ, mà còn có cả một loạt cờ, quạt, lệ bộ, hoành phi thếp chữ vàng, cả một loạt nghi thức buộc họ phải cúi đầu, hạ thấp giọng xuống. Người dân ở đây đang đứng trước đại diện của Hoàng đế.

*

* *

Nhà Lý mở khoa thi đầu tiên ở thế kỉ XI, là triều đại đầu tiên đã thực sự tập hợp toàn bộ lãnh thổ dưới vương quyền vừa giành được độc lập, thoát khỏi nền đô hộ Trung Hoa từ thế kỉ thứ X. Nhà nước quân chủ tập quyền cai trị đất nước bằng bộ máy quan liêu, ra đời do ba nhu cầu: Xây dựng và quản lý một hệ thống đề điều rất rộng, bảo vệ độc lập dân tộc và đối phó với cuộc đấu tranh của nông dân.

Châu thổ sông Hồng, cái nôi của dân tộc Việt Nam, thường xuyên bị lũ lụt đe dọa, muốn tồn tại, nhân dân Việt Nam buộc phải đắp dọc sông lớn và dọc những sông nhánh khác, hàng nghìn cây số đê. Việc xoá bỏ các lãnh địa cát cứ, thiết lập một Nhà nước tập trung để lo việc xây dựng và quản lý đề điều là một nhu cầu sống còn.

Hơn nữa, Việt Nam còn luôn bị mưu đồ thôn tính của phong kiến Trung Hoa đe dọa. Thế kỉ XI-XII chống quân Tống, thế kỉ XIII ba lần đánh lui quân Nguyên Mông. Đầu thế kỉ XV quân Minh lại xâm chiếm đất nước, và cuộc chiến tranh giải phóng phải kéo dài mười năm. Đến cuối thế kỉ XVII, quân Thanh đưa một đạo quân lớn sang chiếm đóng, nhưng dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, nhân dân Việt Nam đã nhanh chóng

quét sạch quân xâm lược.

Những công trình thủy lợi lớn cũng như cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập đòi hỏi phải thường xuyên huy động đông đảo nông dân. Trên các công trình đề điều người ta tập hợp hàng trăm ngàn người; trước những đội quân khổng lồ của Trung Hoa, vương triều Việt Nam chỉ có thể duy trì đội quân chính quy ít ỏi, nhưng khi cần thì phải huy động toàn bộ nhân dân để bảo vệ đất nước. Những người nông dân được động viên đi chống lụt hoặc chống giặc ngoại xâm, khi nhiệm vụ hoàn thành, thường lúc trở lại làng cũ không dễ gì chịu lại cảnh áp bức xưa. Cuộc đấu tranh đòi quyền lợi của nông dân xuyên suốt lịch sử Việt Nam như sợi chỉ đỏ, và nếu không có khái niệm về cuộc đấu tranh nông dân đó, chúng ta sẽ không hiểu được lịch sử Việt Nam.

Vào thế kỉ X, khi mới giành được độc lập, còn tồn tại những dòng họ phong kiến lớn chia cắt đất nước, những dòng họ đó có nông nô cày cấy ruộng đất, có nô tì đông đảo và cả quân đội riêng. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV, khi các vua Lý - Trần thống nhất đất nước, các vương hầu quý tộc và đại thần vẫn còn được phân cấp những điền trang lớn, có khi gồm cả một huyện. Họ nắm trong tay hàng nghìn nô tì và có quân đội riêng. Những chức vụ lớn trong triều thường dành cho các thân vương hay cho những dòng họ quý tộc lớn.

Cho đến thế kỉ XIII, Phật giáo vẫn là tôn giáo chính thống: các đại sư là cố vấn của Vua, các tu viện Phật giáo có nhiều ruộng đất do nô bộc cày cấy.

Tuy nhiên, từ lâu, nông dân vẫn đấu tranh để tự giải phóng và đòi quyền sở hữu ruộng đất tư. Bên cạnh những

đất đai của triều đình quản lý, thuộc thái ấp hay Tu viện, vẫn có ruộng đất của các điền chủ tự canh. Nông dân luôn luôn đấu tranh đòi xóa bỏ thái ấp phong kiến và điền trang của nhà chùa, trong khi đó tầng lớp địa chủ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong lịch sử. Nhà nước Trung ương cũng có yêu cầu xóa bỏ các dòng họ phong kiến lãnh chúa lớn. Chiến thắng quân Nguyên - Mông cuối thế kỷ XIII đã đánh một đòn vào các lãnh địa phong kiến và tu viện. Trong những năm chiến tranh, nông dân được động viên đông đảo để chống kẻ thù hùng mạnh. Khi chiến tranh kết thúc họ cũng đòi hỏi phải thoát khỏi thân phận nô tì. Nguyên tắc về quyền sở hữu ruộng đất tư nhân đã được thừa nhận. Tầng lớp địa chủ đã chiến thắng tầng lớp lãnh chúa quý tộc sau nhiều thế kỉ đấu tranh.

Với việc trưng thu ruộng đất của nhà chùa, Phật giáo đã mất dần vai trò chủ đạo và Nho giáo đã thế chân.

Đầu thế kỷ XV, khi đất nước bị quân Minh chiếm đóng, chính một người điền chủ là Lê Lợi đã cầm đầu cuộc khởi nghĩa giải phóng đất nước, và mưu sĩ của ông không phải là một nhà sư, mà là một nho sĩ, một nhà chính trị, một nhà thơ, một nhà chiến lược - Nguyễn Trãi. Với triều Lê, từ thế kỉ XV, Phật giáo đã hoàn toàn lùi bước để nhường chỗ cho Nho giáo. Cho đến thế kỉ XV, triều đình đã dành các chức vụ quan trọng trong triều cho vương hầu quý tộc và lãnh chúa lớn, nhưng do nhu cầu hành chính, vẫn phải tuyển lựa quan lại đào tạo theo nho học. Trong khi nông dân đấu tranh đòi xóa bỏ chế độ nô tì và đòi quyền sở hữu ruộng đất, thì quan lại và nho sĩ cũng từng bước loại dần các lãnh chúa khỏi bộ máy Nhà nước và loại Phật giáo khỏi chính trường.

Nhiều thế kỉ đấu tranh của nông dân đã đưa đến sự thành lập một xã hội nông nghiệp trong đó tầng lớp địa chủ giữ vai trò chủ chốt, do một vương triều thế tập cai trị, nhưng tuyển lựa quan lại qua thi cử. Quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất cũng như tham gia bộ máy quan lại về nguyên tắc được mở rộng cho mọi người. Nhưng trên thực tế, chỉ một số ít người có ruộng đất, và đại đa số nông dân được tự do về mặt pháp luật, nhưng buộc phải cày cấy trên đất đai của kẻ khác.

Về mặt ý thức hệ, giai cấp địa chủ, tầng lớp quan lại và vương triều thế tập đều chấp nhận Nho giáo.

ĐỜI SỐNG LÀNG XÃ VÀ NHO SĨ

Các lãnh chúa quý tộc bị thủ tiêu, nhà vua trị vì, quan lại cai trị nhưng không phải vì thế mà Nhà nước Việt Nam trở thành một quốc gia theo ý nghĩa hiện đại của nó. Kỹ thuật sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp còn quá thô sơ để có thể tạo nên sản xuất hàng hoá cung cấp cho thị trường toàn quốc. Giao thông giữa các tỉnh còn rất tạm bợ. Mỗi địa phương tự sản xuất hầu hết mọi nhu cầu tiêu dùng của mình, chỉ có một vài sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp mới được sử dụng buôn bán trong từng vùng. Kinh tế của mỗi địa phương về thực chất vẫn là tự cấp tự túc. Một vương triều với bộ máy nho sĩ quan liêu bao trùm lên một hệ thống làng xã, đó là hình ảnh của nước Việt Nam xưa.

Tuy nhiên, đời sống của các làng xã đặc biệt sinh động và có một sự gắn bó chặt chẽ. Nông nghiệp lúa nước là nội dung

chính trong hoạt động của các làng, việc xây dựng các công trình thủy lợi tập thể cùng với việc tập hợp cư dân trên những gò đất cao nổi lên giữa các cánh đồng ngập nước, đã tạo nên cấu trúc những cộng đồng làng xã ổn định và có tổ chức. Nhà cửa nằm riêng lẻ giữa cánh đồng từ xưa chỉ có thể tồn tại như là một biệt lệ ở Việt Nam.

Làng xã có nhiệm vụ đóng thuế, cung cấp binh lính cho triều đình và cung cấp lao động để làm các công trình tạo tác lớn. Chi kẻ nào phạm trọng tội, chỉ những vụ tranh chấp tài sản lớn mới phải đưa ra xét xử ở công đường của quan lại. Ngược lại việc phân bố thuế má, việc đăng lính, lao dịch của dân làng, mọi sự tranh chấp trong đời sống hàng ngày, việc thờ cúng thần linh, trật tự trị an, đều do bộ máy làng xã đảm nhiệm. Đó là một hội đồng kì mục với một lí trưởng, được toàn thể nhân dân bầu ra theo danh nghĩa, đứng ra điều hành chính quyền đó. Chính quyền đó còn có một chức năng quan trọng khác là chia lại ruộng đất theo định kì cho mọi người dân. Tổng số ruộng đất công có khi chiếm hơn 25 phần trăm diện tích canh tác của cả làng.

Trong mỗi làng, người dân còn tập hợp theo dòng họ, có khi đông tới hàng trăm người. Trong mỗi họ, từng gia đình sống riêng rẽ, nhưng đến ngày cúng tổ tiên, các thành viên thường họp nhau ở nhà thờ họ để cúng lễ. Mỗi họ có đại diện để bênh vực quyền lợi của họ mình trước hội đồng làng xã.

Mỗi làng với số dân mấy nghìn người, có một cuộc sống cộng đồng rất chặt chẽ. Công việc đồng áng, hội hè đình đám, giỗ tết trong gia đình, cứ nối tiếp nhau, người ta bầu cử hay tranh giành nhau chức dịch, người ta bàn cãi về việc làng, về việc họ. Ngoài ra giữa những người trong làng còn có rất nhiều

tổ chức tương trợ, giải trí, chơi họ...

Về phương diện văn hoá và tư tưởng, làm động lực cho cuộc sống tập thể đó, chính là nho sĩ. Hàng nghìn khoá sinh không may trong các kì thi trở về làng, tay trắng vẫn hoàn tay trắng. Nhưng một khi đã bỏ nhiều năm theo học, họ không thể làm quen trở lại với cái cày hay cái đục của người thợ thủ công, lại càng không biết buôn bán, trong khi đó nhà nước lại miễn cho họ mọi thứ lao dịch. Suốt đời họ chỉ có thể là nhà nho. Nhưng họ phải sống. Đôi khi ruộng đất trong nhà đủ tiêu dùng, thì người vợ tiếp tục dệt vải, buôn bán đôi chút để nuôi chồng ăn học cho đến kì thi sau. Cứ ba năm lại mở một khoa thi, và hi vọng thành đạt rất là ít ỏi. Người ta thấy những nhà nho 50, 60 tuổi vẫn còn đi thi cùng với những thanh niên 18 tuổi. Trên khắp đất nước, có hàng chục ngàn nhà nho sống như thế đó. Suốt cuộc đời họ chỉ lo nấu sừ sôi kinh, mang mãi hy vọng một ngày kia sẽ thi đỗ ra làm quan.

Trong khi chờ đợi cái ngày tốt lành đó có thể chuyển biến cả cuộc đời mình, các nhà nho phải dạy học, làm chủ tế, viết lách thuê. Họ thảo các giấy trước bạ, thảo đơn từ kêu lên cửa quan, viết đơn kiện, viết giấy giá thú, giữ sổ sách của làng xã. Một số học qua y lí, trở thành thầy thuốc bắt mạch kê đơn, bán thuốc. Những người khác hiểu biết dịch lí, trở thành thầy tướng số, chấm tử vi, chọn hướng nhà, làm thầy địa lí tìm đất đặt mồ mả. Trong các cuộc hát đối nam, nữ trong làng hay giữa các làng với nhau, đằng sau những nhóm hát của thanh niên, bao giờ cũng có một nhà nho. Trong các bài ca dân gian và trong các tích chèo, ta thấy có những đề tài nông dân bằng ngôn ngữ của nông dân, và có

cả kỹ thuật chữ nghĩa của nhà nho.

Nghề đáng trọng nhất là dạy học. Trong các làng bao giờ cũng có một nhà giàu hay một họ lớn đón thầy về dạy con cái. Nhà thờ họ thường được dùng làm lớp học. Trẻ con trong họ đến học đọc, học viết, đọc thuộc lòng các bài kinh sách, những người khá hơn thì được học làm văn bài theo đề tài nho học, tập làm thơ phú để chuẩn bị đi thi. Triều đình không hề phải lo việc tài trợ cũng như bổ nhiệm thầy giáo cho các trường đó, mà hoàn toàn để mặc cho sáng kiến tư nhân. Các quan coi việc học chỉ phải lâu lâu tổ chức một kì khảo hạch để kiểm tra trình độ học sinh, chọn những người có thể dự thi. Việc họ được coi trọng khiến nơi nào cũng mở trường. Nhà trường rất gần gũi nên mỗi gia đình dù nghèo mấy cũng cố cho con em đến trường (tất nhiên là con trai) để kiếm dăm ba chữ. Khi một đứa trẻ tỏ ra sáng dạ, cả gia đình phải hi sinh để cho nó được học đến nơi đến chốn, và thông thường có cả sự đóng góp của họ hàng. Một người làm quan cả họ được nhờ.

Nhà vua trị vì, quan lại cai trị, nho sĩ trong làng sống gần nhân dân, là người thầy tư tưởng, người bảo ban cho quần chúng hàng ngày. Trật tự tinh thần phụ thuộc vào cộng đồng nho sĩ đó, mỗi kì thi lại tập hợp hàng nghìn nho sĩ đó tại các trung tâm hành chính của cả nước. Quan lại và nho sĩ đều học theo một cách, theo một thầy, nhưng trong khi người này ở sau bốn bức tường của công đường, thì người kia lại sống giữa nhân dân, giữa đám dân làng.

Hoàn cảnh sống ấy là cơ sở đẻ ra hai luồng tư tưởng trong Nho giáo: một bên là của bộ máy quan liêu, một bên là sĩ phu.

NHÂN - NGHĨA - LỄ

Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, nho sĩ và quan lại nho học phải đấu tranh không ngừng để gạt bỏ Phật giáo khỏi vai trò chủ đạo tư tưởng trong nước. Trong khi Phật giáo coi thế giới này là hư vô, chủ trương diệt dục và hướng ý thức về cõi siêu linh, thì Nho giáo dạy rằng con người trước hết là một nhân vật xã hội, gắn bó nhau bằng những ràng buộc xã hội. Trung với vua, hiếu với cha mẹ, vợ chồng hòa thuận; tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, là nghĩa vụ mà Nho giáo dạy cho mọi người. “Từ thiên tử cho đến thứ dân, tất cả đều lấy tu thân làm gốc”.

Chớ quên rằng Khổng Tử sống ở thế kỉ VI trước Công nguyên, vào thời đại mà mọi người đều thấy phải tôn kính quý thần hơn là con người, đối với con người thì cuộc sống ở thế giới bên kia còn có ý nghĩa hơn là cuộc sống trần thế. Phải có tinh thần dũng cảm, Khổng Tử mới có thể trả lời cho học trò về quý thần và sống chết như sau:

“Không biết thờ người, làm sao lại đi lo việc thờ quý thần? Không biết sống như thế nào, làm sao lại đi hỏi về cái chết”.

Bàn về câu đó, một môn đồ Trình Tử thêm rằng: “Nếu biết được đạo sống thì cũng biết được đạo chết. Thờ người hết lòng chính là thờ quý thần”. Chú ý là trong triết học Trung Hoa, đạo vừa là quy tắc sống chủ yếu của con người, vừa là nguyên lí của vũ trụ. Sự hòa nhập trật tự vũ trụ với trật tự xã hội sẽ luôn luôn là nét tiêu biểu của tư duy Trung Hoa.

Vào thời đại Khổng Tử, các trường phái mọc lên khắp nơi, các nhà triết học và các thần học lẫn lộn, các nhà nguy biện tranh giành với các thầy phù thủy. Trong khi đó, Khổng Tử

bình thần nói: “Nói chuyện thần bí, làm phép lạ để nêu danh muôn thuở, ta không làm vậy... Chăm lo điều nghĩa của dân, kính quý thần mà xa... Đạo không xa người, người mà làm đạo lại xa người thì không làm được đạo... Quân tử học đạo thì thương yêu người. Lấy đạo để tu thân... Ta không phải sinh ra mà biết, chỉ là yêu đời xưa mà tìm biết thôi”. Cầu trời, cúng tế, những cái đó không có ở trong Nho giáo gốc. Ta thấy Voltaire¹ đã từng bị học thuyết đó lôi cuốn.

Trên cơ sở đó nho sĩ Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV lên án sự sùng bái Phật giáo. Nhà sử học Lê Văn Hưu thế kỉ XII viết:

“Lý Thái Tổ lên ngôi vừa được hai năm, nhà tông miếu chưa xây, nền xã tắc chưa lập, đã dựng tám ngôi chùa ở phủ Thiên Đức lại trùng tu chùa chiền ở các lộ, độ hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng, ắt là hao phí thổ mộc tài lực không thể kể xiết. Của cải không phải là trời mưa xuống, nhân lực không phải là thần làm ra, há chẳng phải hút máu nhân dân đầy ư? Ông vua sáng nghiệp tự mình cần kiệm còn sợ con cháu xa xỉ lười biếng, thế mà Thái Tổ như thế nên đời sau mới dựng tường vách chọc trời, lập cột chùa chót vót, nhà Phật tràng lên gấp mấy chỗ vua ở. Những kẻ dưới quyền đều thay đổi theo, thậm chí có kẻ thay hình đổi áo phá hủy tài sản, bỏ trốn người thân. Bách tính quá nửa làm tăng, trong nước khắp nơi đều là chùa, nguồn gốc há chẳng phải từ đó hay sao?”.

Bình luận việc Lý Thần Tông tạ Phật sau khi thắng Chăm-pa năm 1128, cũng nhà nho ấy viết:

¹ Voltaire - Nhà văn Pháp thế kỉ XVIII, đề cao Khổng giáo chống lại đạo Kitô La Mã đang ngự trị ở châu Âu.

“Ôi, trù mưu trong màn trướng, quyết thắng ngoài nghìn dặm, đều là công chiến thắng của người tướng giỏi nơi chiến trường. Thái Phó Lý Công Bình phá giặc Chăm-pa ở Châu Nghệ An, sai người báo tiếp về, thì vua Thần Tông đáng phải lên cáo tiếp ở nhà Thái miếu, luận công ở chốn triều đường để thưởng công lao phá giặc của bọn Công Bình. Nay lại quy công cho đạo Phật mà đến chùa bái tạ, không có gì để uỷ lạo kẻ có công, cổ động tinh thần quân lính”.

Cũng vào thời đó, chúng ta còn thấy bài bia ở chùa Tiên Phúc của nhà nho Lê Quát như sau:

“Việc họa phúc của nhà Phật - rung động lòng người làm sao mà được sâu và vững đến thế. Trên từ vương công, dưới đến thứ dân, phàm làm việc Phật tuy hết sạch cả của cải cũng không tiếc gì. Ngày nay phó gửi cho chùa tháp thì to nhỏ vui vẻ như cầm tờ chứng khoán để được sự báo đáp ngày mai. Cho nên từ kinh thành ở trong, châu phủ bên ngoài, hang cùng ngõ hẻm, không ra lệnh mà đi theo, không thể ngăn mà đi theo, chỗ nào có nhà người ở ắt có chùa, Phật phế rồi lại hưng, hư rồi lại sửa, chiêm trông lâu dài dường như nửa dân cư”.

Nhìn tình trạng của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay, đối chiếu với các văn bản đó, ta thấy nó đã bị Nho giáo đẩy lùi đến mức nào. Nhà nho Trương Hán Siêu còn đã kích gay gắt hơn nữa:

“Một bọn giáo hoạt gian ngoan, mất hết cả bản ý khổ hạnh không hư, chỉ ham chiếm được vườn xinh cảnh đẹp, để nhà cửa lộng lẫy như vàng ngọc, tay chân đông đúc như rồng voi. Lũ giàu có lưu tục đời nay lại đi theo hường ứng, cho nên phàm tất cả danh thổ khắp nơi thì một nửa đã là chùa chiền, lũ

lượt đi ở chùa, không cày mà có ăn, không dệt mà có mặc. Thất phu, thất phụ thường dời nhà cửa, bỏ xóm làng, theo như gió cuốn. Ôi, đức thánh xa xôi, đạo không sáng rõ. Những kẻ làm thái sư tể tướng, đã không có những người như ông Chu, ông Thiệu, để dẫn đầu phong hoá, chốn châu lữ xóm thôn lại không có nhà trường, nhà tự, nhà học, để làm sáng nghĩa hiếu để, thì làm sao người ta lại chẳng hoang mang mà đi theo họ...

Chùa bỏ nát rồi lại làm đã không phải ý ta, dựng đá khắc bia việc gì ta nói. Huống chi ngày nay thánh triều muốn nổi gió lớn để cứu thời hư, dị đoan nên bỏ đi, chính đạo nên khôi phục. Làm sĩ đại phu, không phải đạo Nghiêu Thuấn không trình bày, không phải đạo Khổng Mạnh không trước thuật, sao lại bỏ bỏ nói dài dòng về đạo Phật, ta toan lừa dối ai đây?”.

Ở phương Tây, phải chờ vài thế kỉ sau mới thấy những giọng nói gay gắt như vậy bàn về tôn giáo. Từ thế kỉ XV, nước Việt Nam đã “thế tục hoá”¹. Không nuôi những ảo vọng ở thế giới bên kia, con người nho học tập trung sức lực vào những trách nhiệm hoàn toàn trần thế: Học hành, tu thân, gánh vác trách nhiệm với xã hội. Phải đặt vào hoàn cảnh thế kỉ VI trước Công nguyên mới hiểu hết giá trị những lời dạy của Nho giáo, khi lần đầu tiên khẳng định rằng nỗ lực của con người đối với bản thân, còn hơn là những lễ nghi đối với quỷ thần.

Coi trọng việc học là một nét cơ bản của những xã hội theo

¹ Cho đến thế kỷ IX, xã hội Âu châu hoàn toàn do giáo hội Kitô thống trị. Từ thế kỷ XVI trở đi, các nhà tư tưởng tiến bộ đấu tranh không ngừng để xóa bỏ ảnh hưởng của tôn giáo; mãi sau cách mạng Pháp 1789 xã hội châu Âu mới thật “*Laïque*” (hoàn tục).

Nho giáo. Người quân tử là người có học, có bằng cấp; các thứ hiệp sĩ, võ sĩ đạo, giang hồ kiếm khách không bao giờ được coi trọng. Quan văn bao giờ cũng đứng trên quan võ trong bộ máy Nhà nước. “Chẳng ham ruộng cả ao liền, chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ”, đó là câu hát của các cô gái Việt Nam.

Tuy nhiên Nho giáo không dạy những kiến thức chung mà chỉ dạy đạo đức, các phép tắc trong đời sống, những nguyên tắc về ứng xử. Ngay từ những ngày đầu đi học, đứa trẻ lên sáu đã phải học:

*“Nhân chi sơ tính bản thiện,
tính tương cận tập tương viễn
Ngọc bất trác bất thành khí,
nhân bất học bất tri lý...”*

Trong nhiều năm, đứa trẻ, rồi người thanh niên, đến người trung niên, cứ học thuộc lòng, bình các câu châm ngôn, đọc sách kinh điển, để biết cách kính trọng cha mẹ, hòa thuận với anh em, phục vụ nhà vua, ứng xử như thế nào trong mọi hoàn cảnh của đời sống. Lịch sử được học rất kĩ, không phải để biết diễn biến các sự kiện hay sự phát triển của xã hội, mà là để rút ra bài học về cách xử thế; bất kể là lịch sử Trung Hoa hay lịch sử Việt Nam. Lịch sử Trung Hoa phong phú hơn nên cung cấp nhiều tấm gương về thái độ ứng xử của các nhân vật và soi sáng học thuyết đạo đức của Thánh hiền.

Những câu châm ngôn luân lý đó thấm sâu vào đầu óc học trò. Vừa có sự chấp nhận một cách duy lý, vừa có một quá trình tiềm ẩn liên tục khiến mọi người đều thấm nhuần những phép tắc của đời sống đó. Khổng Tử là một trong những nhà tư tưởng đầu tiên của nhân loại đã tập trung mọi sự chú ý của con

người vào những vấn đề thuần túy con người. Ông là nhà nhân văn chủ nghĩa đầu tiên theo đúng nghĩa của nó. Đọc lại sách *Luận ngữ*, ta thấy hầu hết những câu chuyện của ông đều xoay quanh chữ *nhân*. Nhà nho không giải thích chữ Nhân là yêu thương đồng loại, định cho nó một nội dung cụ thể rất khó, vì đó là đức tính tối cao, khiến con người trở thành “Con Người” nhất. Nếu cần phải định nghĩa nội dung chủ yếu thì có thể nêu lên bốn điểm:

- Rộng lượng với mọi người (kì sở bất dục vật thi ư nhân).
- Hiểu biết để có một thái độ đúng trong mọi hoàn cảnh.
- Dũng cảm nhận trách nhiệm.
- Giữ mình đúng lễ. Nói tóm lại là có tính người, có tình người.

Mỗi lời nói, mỗi hành động của người quân tử phải làm theo đúng lễ: Đây là nét đặc biệt của học thuyết Nho giáo. Có lễ để kính thờ cha mẹ, để đối xử giữa vợ chồng, giữa anh chị em, lễ trong quan hệ với bạn bè, với người dưới và người trên, lễ độ với vua. Có lễ để biểu lộ sự vui, giận, để tang, ăn uống, và cả khi ngủ (người quân tử không nằm dài như tấm phản). Người quân tử chú trọng giữ gìn lời ăn tiếng nói, cách mặc, cách bộc lộ tình cảm tùy theo vị trí và hoàn cảnh của mình. Không hiểu lễ là kẻ “man rợ”, gán cho ai danh từ ấy là một sự phỉ báng. Cha tôi rất nghiêm khắc với đứa trẻ nào nói tục. Chúng tôi sẽ bị la rầy nếu la lên: “Đồng hồ chết”! Mà đáng lẽ phải nói: “Đồng hồ đứng”. Chết là một từ thô lậu, không xứng đáng ở miệng một người tử tế. Trong tiếng Việt, người ta không nói chữ *tôi* hay *ta* khi nói với người ngang hàng, người trên, kẻ dưới.

Chữ lễ bao hàm ba nghĩa: Tôn giáo, xã hội và luân lí. Nó gồm cả lễ nghi trong việc thờ cúng, nghi thức trong quan hệ xã hội, và tác phong đúng mực của con người biết tự trọng, ngay cả khi ở một mình, con người cũng phải giữ lễ. Việc giữ lễ bao trùm cả đời sống cá nhân và xã hội. Trong xã hội Nho giáo, người ta không ôm hôn kẻ khác, kể cả con cái, người ta không vỗ tay khi vui mừng, người thường dân dù giàu có cũng không được xây nhà to đẹp hơn nhà quan. Người ta đặc biệt khắt khe đối với những vấn đề tôn ti trật tự và những định kiến đối với từng giai tầng xã hội.

Bây giờ chúng ta có thể phác họa hình ảnh con người nho học. Họ học rất nhiều, nhưng kiến thức tương đối bị hạn chế, vì họ chỉ quan tâm đến “khoa học nhân văn”, và hoàn toàn không để ý đến những cái gì thuộc về tự nhiên. Họ quá trọng đạo đức, thấm nhuần những nguyên tắc mà họ tin theo một cách thành thật. Họ là con người xã hội, không thể chấp nhận một người thiếu số lại không làm tròn bốn phận đối với xã hội. Họ là người lễ nghĩa, tôn trọng những quy ước xã hội, không dung thứ sự buông tuồng trong hành động, lời nói và ăn mặc.

Sự thực hành lòng nhân của người nho sĩ bắt đầu từ chữ hiếu. Con cái phải gánh mọi công việc khó khăn để làm đẹp lòng cha mẹ. Từ những bài học đầu tiên đứa trẻ đã phải học những tấm gương của đứa bé cời trăn nằm cạnh cha mẹ để muỗi đốt về mình, hay nằm ngủ cho ấm giường trước khi mời cha mẹ đi ngủ. Ở Việt Nam, người ta không thể chấp nhận một con người giàu khá giả lại để cho cha mẹ già vào nhà tế bần.

NHO SĨ QUAN LẠI VÀ NHO SĨ BÌNH DÂN

Chúng tôi đã nói đến Nguyễn Trãi, nhà thơ, nhà chiến lược, nhà chính trị đã phụ tá Lê Lợi lập nên nhà Lê ở thế kỷ XV. Đó là một nhà nhân văn chủ nghĩa thực sự. Giai cấp địa chủ lên cầm quyền đã xoá bỏ các đại gia đình quý tộc, xoá bỏ chế độ nô tì, nắm lấy trách nhiệm bảo vệ độc lập dân tộc. Nho giáo được sử dụng làm hệ thống tư tưởng cho một xã hội mới. Khi viết bài *Đại cáo bình Ngô* năm 1428, Nguyễn Trãi đã nói lên với một giọng đầy tự hào dân tộc, tự hào của những con người mở ra một thời đại mới:

"Thay trời hành hoá, Hoàng thượng truyền rằng:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân cứu nước trước cần trừ bạo.

Xét như Đại Việt ta,

Thật là một nước văn hiến".

Vài năm sau, nhân danh Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi làm bài chiếu đề răn bảo Thái tử như sau:

"Ta tự phát chông gai, tay trừ cường bạo. Lấy giáo trụ làm chân áo, lấy đồng cỏ làm nhà cửa. Xéo đạp hiểm nghèo, xông pha gươm giáo. Do đó phong trần quét sạch, cơ nghiệp dựng lên. Gây dựng kinh doanh thực gian khổ lắm! Nay con nhớ công lao của ta, nối cơ nghiệp của ta, phạm những phép giữ nước cấm quân, những phương giữ mình trị nước, thì hành nên cố sức, chăm chỉ chớ ham vui. Hòa thuận tôn thân, nhớ giữ một lòng hữu ái; thương yêu dân chúng, nghĩ làm những việc khoan nhân. Chớ thường bậy về tư ân, chớ phạt bừa vì tư nộ. Đừng thích của tiền mà buông tuồng xa xỉ, đừng gần thanh

sắc mà bừa bãi hoang dã. Cho đến những việc dùng nhân tài, nghe can gián, nghe một chính sách, một mệnh lệnh, phát một lời nói, một việc làm, đều giữ chính trung, dùng theo thường điển, ngõ hầu trên có thể đáp thiên tâm, dưới có thể thỏa nhân vọng, thì quốc gia mới được yên vững lâu dài. Nếu con cậy mình sáng suốt, dùng người yêu riêng, quan của ta thì ruộng bỏ, chính của ta thì đổi thay, gia pháp thì không tuân, chí thân thì phế khí, xa người trung trực, gần bọn siểm du, chỉ điều khoái chí thì làm, chỉ trò ngoạn mục thì chuốc, chẳng theo đức cần kiệm, chẳng nghĩ công gian nan, thì như cổ nhân đã nói: “Cha đã sắp đặt làm nhà mà con chẳng chịu đắp nền dựng cột; cha đã siêng chăm cày ruộng mà con không chịu gieo giống gặt mùa”, sao thành được chí ta, nổi được nghiệp ta, mà truyền nổi về sau mãi mãi? Và lại mền người có nhân là dân, mà chò thuyền lật thuyền cũng là dân, giúp người có đức là trời, mà khó tin và không thường cũng là trời”.

Nguyễn Trãi đã lấy khái niệm về đáng mình quân đó trong học thuyết Nho giáo. Chủ nghĩa nhân văn Nho giáo trước hết là chính trị. Nếu Khổng Tử và các môn sinh đã suốt đời tìm cách giải thích đức nhân dưới mọi khía cạnh, không phải là để giáo dục mọi người, mà chính là để truyền cho các quân vương đương thời. Khổng Tử trước hết là một người đi tìm một công thức chính trị tốt nhất. Ông sống ở một thời đại biến động xã hội sâu sắc, các công quốc của Trung Hoa cổ đại đang giải thể để ra đời những vương quốc lớn hơn, và quá trình đó diễn ra hàng thế kỉ để đưa đến sự thống nhất Trung Hoa dưới quyền lực một vương triều phong kiến. Hai trường phái đối lập nhau lúc bấy giờ về những vấn đề chính trị, pháp gia chủ trương củng cố luật pháp và thiết chế, cai trị theo pháp

luật, trong khi đó thì Nho giáo chủ trương cai trị bằng luân lí và lễ. Các triều đại Tần, Hán thủ tiêu các tiểu quốc để thống nhất Trung Hoa, đã áp dụng tư tưởng của pháp gia trong giai đoạn chinh phạt và cải cách xã hội. Nhưng khi đế chế đã được thiết lập, xã hội mới đã được củng cố, hệ thống quan liêu đã được thành hình, thì Nho giáo lại được đề cao. Vì trên phương diện chính trị, Nho giáo chủ yếu là bảo thủ. Nó bỏ qua vấn đề luật pháp và thiết chế, từ chối mọi sự cải cách. Đạo lí về chính trị chủ yếu là bảo thủ, hướng tư tưởng vào việc tu thân nhằm mục đích cải thiện xã hội mà không muốn đặt vấn đề thiết chế, là đặc trưng của kẻ sợ những biến động xã hội. Ta hiểu tại sao Camus lại bị hấp dẫn bởi Nho giáo.

Tuy nhiên trong Nho giáo còn một số khái niệm cơ bản: Là vua và sĩ đại phu - tức là những người chịu trách nhiệm về chính trị - phải là những kẻ gương mẫu về đạo đức. Trong xã hội Nho giáo, sự vô luân thất đức của chính quyền đã tạo nên những lí do tốt nhất cho những người làm cách mạng.

Trên thực tế Nho giáo còn hơn cả sự bảo thủ, nó quay hoàn toàn về quá khứ. Bảo vệ lễ nghi của các triều đại xưa là mối quan tâm lớn của Khổng Tử. Trong chữ lễ, vương triều Trung Hoa cũng như Việt Nam đã tìm thấy biện pháp tốt nhất để duy trì sự ổn định của ngai vàng.

Những quy tắc đạo đức chặt chẽ, những lễ nghi cụ thể là những phương pháp cai trị tốt nhất đối với nho sĩ. Ngay cả chữ hiếu cũng phải xem xét trên quan điểm duy trì trật tự xã hội. Một môn đồ nổi tiếng của Khổng Tử đã nói: "Tôi chưa thấy người nào có hiếu mà lại muốn chống lệnh trên" (phạm thượng).

Nhưng phải tìm một lí do, tìm một nguồn gốc cho những quy tắc đạo đức và lễ nghi đó. Hãy đọc lại những đoạn của Nguyễn Trãi viết ở trên. Giống như trong mọi văn bản nho học pha lẫn cả chính trị và đạo đức, người ta luôn luôn thấy hai chữ đi song song với nhau: Trời và Dân. Quyền lực của nhà nước bắt nguồn từ đâu? Nhà vua cầm quyền theo mệnh trời hay theo ý dân? Trong nhiều thế kỉ, tư tưởng Nho giáo luôn luôn dao động giữa hai cực đó trên phương diện chính trị và xã hội; cũng như trên phương diện triết học nó ngập ngừng giữa hai mệnh đề: Giữa *lí*, tức nguyên lí của sự vật, và *khí* tức thực chất của sự vật. Những kẻ đề cao *lí* thì chủ trương quyền vua như mệnh trời; còn những kẻ đề cao *khí* thì nghiêng về phía nhân dân.

Đây không phải là một cuộc đấu tranh tư tưởng đơn thuần, đằng sau những cuộc tranh luận kinh viện đó, là những thế lực xã hội sâu xa hơn, đối lập nhau trong cuộc đấu tranh dai dẳng. Giai cấp địa chủ lên cầm quyền tuy xoá bỏ chế độ nô tì, nhưng sự bóc lột về ruộng đất vẫn nặng nề, chế độ quan lại vẫn đè nặng. Đại đa số quần chúng nông dân vẫn không có ruộng đất, và không ngừng đòi chia ruộng đất công, giảm tô thuế, nợ lãi, lao dịch, và cuối cùng là đòi quyền tư hữu ruộng đất. Thường xuyên bị trưng tập trên những công trình thủy lợi, đám nông dân không ruộng đất đó thường xuyên đe dọa một trật tự xã hội, dựa trên ba cơ sở: Tài sản ruộng đất, quan lại và vương triều chuyên chế. Có quan lại nho học, trong khi coi thường pháp luật, lại đặt ra luật lệ khá nghiêm khắc; trong khi coi thường nghiệp võ, lại tiến hành những cuộc đàn áp không thương tiếc chống lại khởi nghĩa nông dân. Lại còn có tầng lớp thợ thủ công và thương nhân hoạt động mở rộng kinh tế hàng

hoá, cũng làm lung lay cơ sở của xã hội truyền thống. Chế độ quan lại bóp chết buôn bán, chống lại mọi tiến bộ về kỹ thuật và khoa học. Nhân nghĩa của giai cấp địa chủ không thể đi xa hơn.

Trời luôn luôn được cấu tạo theo hình ảnh của xã hội loài người, khi dưới đất có một ông vua, thì cũng phải có một Hoàng đế trên trời. Khổng Tử không chấp nhận một thượng đế cụ thể, can thiệp mọi lúc vào mọi công việc cụ thể của con người. Nhưng ông cũng không gạt bỏ được ý nghĩa về một nguyên lí tối cao điều hành vũ trụ. Đối với chữ Trời, các văn bản nho học trình bày đầy rẫy mâu thuẫn: người ta không hiểu nó là nguyên lí hay nhân vật cai quản vũ trụ.

Những nhà tư tưởng của chế độ chuyên chế và của sự bảo thủ xã hội khẳng định rõ ràng và đơn giản rằng Thượng đế trao mệnh cho Hoàng đế thay mình trị vì. Nhà vua có quan hệ cụ thể với Trời, Người và Đất, không những cai trị người mà còn phong sắc cho quý thần. Lễ và quy tắc đạo đức bắt nguồn từ Trời, và phải chấp hành tuyệt đối, nếu không sẽ bị trời trừng phạt. Bộ Lễ lo việc quan sát các sao, soạn lịch pháp, cấp sắc phong thần, ban bằng khen cho những người có đức, điều khiển lễ nghi ở triều đình cũng như trong mọi nghi lễ xã hội, và chăm lo cả việc giáo dục. Dưới chế độ quân chủ không có Bộ học, dù rằng quan lại được tuyển chọn bằng thi cử.

Việc thờ vua bao trùm lên mọi học thuyết của quan lại. Khi Thiên tử đi ra ngoài, không ai được phép nhìn. Ở Việt Nam (cũng như ở Trung Hoa), tên người được chọn trong một tên chung. Tên của Hoàng Đế phải kị húy trong mọi văn bản, người nào đi thi không may phạm húy, không những bị đánh hỏng mà còn bị tù tội. Để cho quần chúng tôn trọng, chủ nghĩa

quan liêu, nho sĩ duy trì chặt chẽ sự tôn thờ vua và các nghi lễ trong phong tục. Về nguyên tắc mọi người đều có quyền sở hữu ruộng đất tư nhân và có quyền ra làm quan, nhưng trong một xã hội nông nghiệp mà buôn bán và công nghiệp không đáng kể, thì sự cơ động của xã hội rất hạn chế. Người nào cũng muốn ngoi lên, nhưng ít người đạt được. Chữ lễ của học thuyết Nho giáo kết hợp với sự ngưng trệ xã hội. Người ta tranh giành nhau từng bậc thang trong quan trường, từng danh hiệu được ban, từng thứ bậc trong xã hội. Người nào cũng cố giữ thể diện. Vua và quan rất nghiêm khắc với mọi thiếu sót trong cách ứng xử với bề trên. Các thầy đồ đánh roi nếu một học trò tỏ ra vô lễ. Người nông dân bắt đầu từ bạch đình, phải làm mọi công việc phu phen tạp dịch, không được đếm xỉa đến, rồi trở thành seo, cháu, nghiêu... để cử lên dần dần, và nếu có thể thì bước vào hàng kì mục; về phía quan lại cũng vậy, cũng từng bước tiến dần vào bộ máy triều đình. Người nào cũng cố gìn giữ những đặc quyền đã giành được: Sau lễ tế thành hoàng trong làng, phải giành phần đầu gà có cả mào và mỏ cho hàng chức sắc. Chỉ thiếu một phần đầu là có thể gây nên án mạng.

Hiếu để trở thành sợi dây trói buộc mọi sáng kiến. Khi cha mẹ còn sống thì con cái không được đi xa. Thờ kính cha mẹ nghĩa là phải làm như cha mẹ, không được thay đổi những thói quen của đời sống và tư tưởng.

Học tập dần dần trở thành kinh viện thuần túy. Người ta chỉ học thuộc lòng kinh sách, biết bình luận theo tinh thần chính thống. Không được phép sửa chữa sách của thánh hiền dù chỉ là một dấu phẩy.

Người nông dân tự do trở thành địa chủ, người làm quan

trở thành kẻ bấy tôi, nho sĩ nhân văn chỉ còn là con người chủ tế. Một thế kỉ sau Nguyễn Trãi, những nhà tư tưởng lớn như Nguyễn Bình Khiêm không còn đủ can đảm để gánh công việc. Khởi nghĩa nông dân đã làm lung lay tận gốc nền quân chủ, bộ máy quan lại trở thành công cụ đàn áp là chủ yếu. Tuy nhiên nhà nho ẩn dật Nguyễn Bình Khiêm vẫn thấm nhuần sâu sắc tinh thần Nho giáo, ông vẫn mong muốn phục vụ xã hội, dám dâng lời khuyên lên nhà vua, giữ quan hệ chặt chẽ với hàng trăm nho sĩ khắp nước, những người đó là những kẻ nắm dư luận của công chúng.

Người nho sĩ trung bình - nghĩa là đại đa số - bảo vệ chế độ truyền thống một cách hữu thức hoặc vô thức (giống như trí thức của mọi thời đại). Nhưng những nhà nho lớn, hàng ngày sống gần gũi với nhân dân, không thể không thấy mặt trái của xã hội. Một khi xã hội truyền thống còn ở trong giai đoạn “thịnh trị”, thì quan lại và nho sĩ cùng tôn phù hoàng đế và thống nhất với nhau trong sự giải thích sách kinh điển. Nhưng xảy ra một trận lụt lớn. Những nho sĩ học cùng một thầy lúc ấy lại ở hai trận tuyến đối lập nhau (Nguyễn Hữu Cầu, Phạm Đình Trọng).

Đối với những nho sĩ nổi loạn, hay chỉ là gắn bó với nông dân mà họ là những cố vấn hàng ngày, thì ý nghĩa về Hoàng đế, về Thiên Tử chỉ là sự tưởng tượng. Câu phương ngôn dân gian: Được làm vua, thua làm giặc, phản ánh thực tế một cách chính xác hơn. Thiên lương dân gian đã nổi lên chống lại những giáo điều chính thống, ở đây gặp người bạn đồng minh quý giá là nhà nho pháp chấp. Đối lập với mỗi câu châm ngôn cổ điển, người ta dễ dàng tìm thấy một câu ngạn ngữ dân gian ngược lại. Sân khấu chèo dân gian chủ yếu là trào phúng, luôn

luôn đưa quan lại và kì hào ra chế giễu. Vương triều và quan lại lấy chữ Hán là chữ chính thức, nho sĩ gần gũi với nhân dân viết bằng chữ Nôm để cho quần chúng hiểu được. Khi phong trào nông dân Tây Sơn thành công, chữ Nôm chuẩn bị được lấy làm chữ viết chính thức. Nhà Nguyễn đánh bại Tây Sơn, lại quay trở về với chữ Hán là chữ viết chính thống.

Trong các thế kỉ vẫn tồn tại hai luồng tư tưởng nho học. Mọi người đều tôn thờ Đức thánh, không ai dám phê phán học thuyết của Người, nhưng mỗi bên hiểu trước tác của Người theo cách riêng của mình. Thiếu sót lớn nhất của cuốn sách về xã hội học Việt Nam của Paul Mus, chỉ là trình bày những tư tưởng và tín ngưỡng của người Việt trên khía cạnh chính thống¹.

NHO SĨ VÀ TRÍ THỨC HIỆN ĐẠI

Từ nửa sau thế kỉ XIX, Việt Nam phải đương đầu với cuộc xâm lược của thực dân. Sự rạn nứt giữa quan lại với nho sĩ trở nên quyết liệt. Triều đình và quan lại vội vàng hòa hoãn với giặc; đối với họ, ngai vàng và chức vụ quan trọng hơn độc lập dân tộc. Nhưng mặc dầu triều đình kêu gọi các làng xóm giữ gìn trật tự, những nhà nho tin vào sự ủng hộ của nhân dân, mang sẵn truyền thống đấu tranh dân tộc hàng thế kỉ, đã huy động nông dân tổ chức kháng chiến. Trong suốt hai mươi năm, từ Nam đến Bắc, ta thấy các nho sĩ trở thành chiến sĩ cầm đầu

¹ *Sociologie d'UNESCO guerre* của Paul Mus được dư luận phương Tây xem như là quyển sách phân tích sâu sắc nhất về xã hội Việt Nam.

học trò và nông dân trong tình hình ra chiến đấu. Bị địch bắt, họ dưng cảm chịu đựng tra tấn và sẵn sàng để chết. Nhưng thiếu vũ khí hiện đại, thiếu một đường lối chính trị phù hợp với thời đại, họ lần lượt thất bại. Tuy nhiên trước khi lụi tàn, trước khi rời khỏi hoàn toàn sân khấu lịch sử Việt Nam những nho sĩ yêu nước đã cứu vãn danh dự của Nho giáo. Nước Việt Nam bước vào thế kỉ XX với một học thuyết Nho giáo hoàn toàn mất hết sức sống; mọi mưu toan khôi phục nó chỉ là một trò hề phản động (đặc biệt chế độ Vichy đã định phục hồi Nho giáo ở Đông Dương trong chiến tranh thế giới thứ hai).

Thất bại của nho sĩ trước thực dân xâm lược không phải chỉ là vấn đề thua kém về vũ khí. Sự thua kém về ý thức hệ cũng không kém phần nổi bật. Nho giáo, dù là Nho giáo bình dân cũng có hạn chế của nó, đó là những hạn chế do nguồn gốc và tính chất của tư tưởng nông dân.

Bị chế độ quan liêu chèn ép, giai cấp tư sản Việt Nam chưa bao giờ trở thành một giai cấp mạnh, những cuộc nổi dậy trong lịch sử Việt Nam chỉ là những phong trào nông dân, nông dân nổi loạn, và nho sĩ cầm đầu không có con đường nào khác là đưa đến ông vua mới, có đức độ và công bằng theo học thuyết Nho giáo. Với Mạnh Tử, họ nghĩ rằng: dân vi quý. Nhưng chính Mạnh Tử cũng nói rằng: Kẻ lao lực bị người trị, kẻ lao tâm trị người. Vua và quan cai trị nhân dân, là “dân chi phụ mẫu”. Khái niệm dân chủ đối với họ hoàn toàn xa lạ. Họ có thể đấu tranh để thay một ông vua vô đạo bằng một ông vua vua nhân đạo, một ông vua thoán nghịch bằng một ông vua chính thống. Các nhà nho yêu nước không có một ý niệm gì về những cải cách phải tiến hành trong thiết chế cho phù hợp với tình hình mới. Họ chống chủ nghĩa thực dân hiện đại như tổ

tiền xưa đã chống phong kiến Trung Hoa xâm lược, với một phương pháp, một tư tưởng như cũ.

Mặt khác, hoàn toàn không biết đến vấn đề sản xuất, họ không thể hiểu cũng như không thể tiếp thu khoa học hiện đại. Đến lúc này, họ vẫn coi khinh lao động chân tay, chỉ coi trọng việc đọc sách. Hình ảnh người nho sĩ để móng tay thật dài, trời gà không nổi, không phải chỉ là một lời nói suông. Đất nước không thể dựa vào họ để cải tiến phương pháp sản xuất.

Các thế hệ sau năm 1900 không muốn chết cho vương triều đã thoái hoá, họ cũng không muốn chết dưới ngọn cờ Nho giáo. Những thất bại trước một kẻ thù có vũ khí tối tân, chiến thắng của quân đội Nhật chống quân đội Nga hoàng năm 1905, những tân thư của Jean Jacques Rousseau và Montesquieu truyền vào, đã gây nên những đột biến đối với các nho sĩ khai minh cũng như đối với toàn đất nước. Hai khái niệm mới, hoàn toàn xa lạ với Nho giáo xuất hiện ở Việt Nam; đó là khoa học và dân chủ. Người ta bắt đầu đi tìm giải pháp bên ngoài những con đường mòn của quá khứ.

Sự phát hiện một chế độ không phải chế độ quân chủ, trong đó nhân dân được tham gia chính quyền một cách đáng kể, đối với nhiều nho sĩ là cả một điều mới lạ... Những máy móc, với những sự nghiên cứu khoa học lại là một phát hiện khác. Những nho sĩ trong làng quả cũng từng làm thầy thuốc và thầy địa lí, nhưng họ lấy Đạo giáo làm hệ suy luận, nên không phân biệt được khoa học với ma thuật. Thiên văn học lẫn lộn với chiêm tinh học, địa dư học và địa chất học lẫn lộn với khoa phong thủy, y học đạt được những thành tựu đáng kể nhưng vẫn chưa thật thoát khỏi thuật suy luận siêu hình.

Tuy vậy, trong một thời kỳ dài, những tư tưởng khoa học và dân chủ vẫn chỉ là những ánh sáng leo lét trong đêm tối, chưa thể chiếu sáng khắp cả nước. Từ năm 1905 đến năm 1930, đất nước Việt Nam phải chịu đựng chấp nhận nền đô hộ thực dân. Những thể hệ trí thức mới được đào tạo ở nhà trường phương Tây được học thế nào là dân chủ và khoa học, nhưng dù cho họ có tài giỏi uyên bác đến đâu, cũng không có một ai có thể kêu gọi đất nước đứng dậy như những nho sĩ cuối thế kỉ XIX. Chúng tôi, những trí thức Việt Nam tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội hay ở Pháp về trong thời kì thuộc địa, được học những điều mà nho sĩ không biết đến như vật lí, đại số, sinh vật học; chế độ bầu cử, thiết chế cộng hòa. Nhưng so với một số nhà nho mà chúng tôi còn tiếp xúc, chúng tôi vẫn cảm thấy mình thiếu một cái gì.

Kiến thức của nhà nho so với chúng tôi còn bị hạn chế nhiều, nhưng họ là những “Con người”, những “cây tre” mọc thẳng, những “cây thông” đứng vững trong gió rét. Chúng tôi thì chỉ là những “cái túi kiến thức”, những cây sậy sẵn sàng rạp mình trước gió nhẹ, mà khi gian khổ không thể tin cậy được. Các nhà nho có những nguyên tắc sống, những quan niệm đạo đức ăn sâu trong đầu mà họ làm theo. Người ta có thể phủ nhận giá trị của những nguyên tắc đó, nhưng không thể phủ nhận sự tồn tại của chúng, vì không thể bảo những con người đó làm ngược lại quan niệm của họ. Đạo đức là cơ sở giáo dục của họ.

Sự đào tạo của chúng tôi khác hẳn. Ở trường trung học cũng như ở trường đại học, chúng tôi tập trung học hoá hay học lượng giác, địa lí. Nhưng đến giờ luân lí thì chúng tôi chỉ lén lút đọc truyện hay đánh cờ chơi. Nho sĩ không biết thế nào

là một con người khoa học; còn chúng tôi thì không biết thế nào là một con người chính nghĩa. Và khi tình hình biến động, phần lớn chúng tôi, tất nhiên không phải là tất cả - trở thành những thứ bột dẻo để cho những thế lực đối lập nhau tha hồ nặn một cách dễ dàng.

Giống như quan lại thời xưa, mấy nghìn trí thức được đào tạo dưới thời thuộc địa ở các trường đại học bên Pháp hay ở Hà Nội đều sống xa nhân dân. Chúng tôi là những người thành thị thuần túy trong một nước mà 95% dân sống ở nông thôn. Khi các nho sĩ ra lời kêu gọi, cả nước từ Nam ra Bắc đều hưởng ứng, vì sống trong làng, hàng ngày, nhà nho có quan hệ mật thiết với nông dân. Chúng tôi thì bị chìm giữa đất nước, không có kim chỉ nam, không có gậy chỉ đường.

Chúng tôi cũng không phải là quan chức của chế độ mới, vì người ngoại quốc cai trị nước chúng tôi. Về phần các nho sĩ thì họ cảm thấy là kẻ thừa kế những người đã lãnh đạo đất nước bao thế kỉ, đã dẫn dắt nhân dân trong cuộc đấu tranh dân tộc hàng mấy trăm năm nay. Những người ưu tú trong tầng lớp nho sĩ còn giữ được lòng tự hào và tự tin, cái mà chúng tôi thiếu. Trong nhân dân, người ta vẫn kể lại một cách kính trọng tên tuổi những nhà nho vừa ngã xuống trong cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân, hiên ngang chết trước mũi súng quân thù, thà chịu tù đầy còn hơn danh vọng, thực hiện điều mà Mạnh Tử từng nói: *Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*. Tôi biết rằng, phần lớn chúng tôi không có được tinh thần dũng cảm bình thản đó.

Một điều nữa ám ảnh chúng tôi là chúng tôi học bằng tiếng Pháp. Rất ít người trong chúng tôi biết viết một bài chính xác bằng chữ quốc ngữ, trước nhân dân, chúng tôi trở thành

không có tiếng nói, bị cắt đứt khỏi truyền thống dân tộc.

Chúng tôi có trong đầu những tư tưởng hiện đại về khoa học và dân chủ, nhưng lật đố chế độ thực dân, phá vỡ cấu trúc phong kiến, để có thể thiết lập nền dân chủ và phương thức sản xuất khoa học trong nước, lại là một gánh nặng mà đôi vai chúng tôi không thể đảm đương nổi. Cơ sở xã hội của chúng tôi, giai cấp tư sản Việt Nam lại quá yếu. Nó chỉ có thể sống dưới bóng đô hộ của thực dân. Chúng tôi đã thất bại ngay từ bước đầu, trước chủ nghĩa đế quốc phương Tây, chúng tôi cảm thấy bất lực. Những trí thức tốt nghiệp đại học dưới thời thuộc địa không thể đóng vai trò như nho sĩ thời Nguyễn Trãi.

NHO SĨ VÀ NHỮNG NGƯỜI MÁC-XÍT

Vai trò lãnh đạo trong cuộc đấu tranh dân tộc và tiên phong của xã hội mới được trao vào tay những chiến sĩ Mác-xít, sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập năm 1930. Mười lăm năm sau khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, rồi lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm thắng lợi, để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đất nước¹.

Những chiến sĩ Mác-xít đầu tiên phần lớn là những “trí thức nhỏ”, phải thôi học trước khi đỗ tú tài, và làm viên chức trong các công sở, nhà máy, đồn điền thực dân. Nhiều người trở thành thầy giáo làng, có khi là thầy giáo trường tư, giống hệt như những nhà nho xưa. “Cu li cầm bút”, họ chia sẻ sự

¹ Viết năm 1962.

nghèo khổ với công nhân và nông dân, cũng lo thất nghiệp, cũng chịu đựng mọi sự tù nhục. Trong một nước có truyền thống nho học, những người có học luôn luôn được coi trọng, tất nhiên họ sẽ giữ vai trò dẫn dắt đối với nhân dân mà họ gần gũi hàng ngày.

Chủ nghĩa Mác đến Việt Nam không phải là một học thuyết như các học thuyết khác, mà như một công cụ giải phóng, sau thất bại của nho sĩ, sau những cố gắng yếu ớt và vô vọng của trí thức tư sản chống chế độ thực dân và phong kiến. Nó kế tục Nho giáo để đem lại cho đất nước một học thuyết chính trị và xã hội, giúp cho nó giải quyết những vấn đề thực tiễn, nó vấp phải Nho giáo, nó gặp gỡ Nho giáo trong sự phát triển lịch sử, chứ không phải gặp trong những cuộc tranh luận sách vở. Mà tiếp xúc, đối phó với chủ nghĩa Mác cũng có hai luồng Nho giáo.

Những quan lại lỗi thời, những chức sắc trở thành kẻ phục vụ cho chế độ thuộc địa chống lại chủ nghĩa Mác một cách điên cuồng, vì chúng biết rằng chế độ ruộng đất từ ngàn xưa, những cơ cấu phong kiến, không thể đứng vững trước những nông dân được các chiến sĩ Cộng sản lãnh đạo. Bám chắc lấy làng xã, giáo dục nông dân, tổ chức họ đấu tranh cho đến cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp, những chiến sĩ Mác-xít đã kế tục truyền thống của các nho sĩ cách mạng thời xưa, nhưng đã đưa cuộc đấu tranh nhân dân lên một mức độ cao hơn, và mở ra những triển vọng hoàn toàn mới. Đồng thời đã giáng cho nho sĩ quan lại một đòn chết gục.

Các nhà nho yêu nước lỗi lạc như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, đã có cảm tình ngay với học thuyết mới khi nó xuất hiện ở Việt Nam. Căm thù chế độ thuộc địa, họ cảm thấy

gắn bó sâu sắc với những chiến sĩ Cách mạng kiểu mới, hi sinh tuyệt đối cho sự nghiệp dân tộc. Giữa những người Mác-xít và nho sĩ chân chính, không phải chỉ có sự đồng nhất về mục tiêu chính trị mà họ còn có sự gần gũi trên lĩnh vực tư tưởng khiến họ đã gần nhau, và có khi tạo nên sự nhảy vọt về tư tưởng.

Từ nhiều thế kỷ trước, Nho giáo đã quen hướng tư tưởng con người vào những việc của đời, ở đây chủ nghĩa Mác không gặp khó khăn như khi du nhập vào những xã hội Hồi giáo hay Thiên chúa giáo. Học tập, phục vụ xã hội chứ không phải cầu nguyện, làm phép. Các nho sĩ đã chống lại Thiên chúa giáo một cách quyết liệt hơn, không những vì những nhà truyền giáo Cơ đốc thường giữ vai trò dẫn đường cho chủ nghĩa thực dân, mà còn vì những khái niệm về thánh thể, về chúa cứu thế, hoàn toàn xa lạ với tư tưởng Nho giáo.

Chủ nghĩa Mác không làm cho các nho sĩ bị ngỡ ngàng khi tập trung suy nghĩ về các vấn đề chính trị và xã hội, học thuyết Nho giáo cũng có cùng mục tiêu suy nghĩ tương tự. Trong khi chứng minh con người là sự tổng hòa của những quan hệ xã hội, chủ nghĩa Mác không mâu thuẫn với các nho sĩ coi mục đích tối cao của con người là phải gánh vác thích đáng những trách nhiệm xã hội. Từ sự giải thích thuần túy về đạo đức những trách nhiệm xã hội của Nho giáo, đến sự chứng minh khoa học những quan hệ xã hội của chủ nghĩa Mác, rõ ràng có sự khác nhau giữa một bên là tư tưởng khoa học với một học thuyết thuần túy đạo đức, nhưng người ta vẫn suy luận trên cùng một bình diện, vẫn có những mối quan tâm trong cùng một hệ thống. Chủ nghĩa cá nhân tư sản đặt cá nhân lên trên xã hội, chủ nghĩa vô chính phủ tiểu tư sản không thừa nhận một trật tự xã hội nào, đều xa lạ với Nho giáo cũng như chủ nghĩa

Mác. Khi chuyển từ xã hội truyền thống sang xã hội Xã hội chủ nghĩa, con người Nho giáo tiếp thu một trật tự xã hội mới, nhưng từ đáy lòng họ không bao giờ đổi lập như người trí thức tư sản đối với nguyên tắc kỉ luật tập thể, coi đó là điều kiện không thể thiếu đối với sự phát triển của nhân cách.

Về phía mình, những chiến sĩ Mác-xít sẵn sàng vận dụng chủ nghĩa đạo đức chính trị của Nho giáo cho mình. Ý thức về những người lãnh đạo phải tuyệt đối gương mẫu ăn rất sâu trong những nước có truyền thống Nho giáo, và trong khi tìm cho nó một ý nghĩa khác, những chiến sĩ Mác-xít ngày nay đang kế tục truyền thống của những nho sĩ thời xưa. Không để cho tiền tài hủ hoá, không để cho nghèo khổ lôi đi chệch đường, không cúi đầu trước sức mạnh, những châm ngôn Nho giáo đã được các người Mác-xít ca ngợi nhiều lần. Bernard Fall, một tác giả chống cộng triệt để, trong cuốn sách viết về Việt Minh cũng buộc phải công nhận đạo đức cao cả của những người chiến sĩ cộng sản Việt Nam. Tác giả đó đã kể lại trường hợp những chiến sĩ đi thu thuế, mang theo một số lớn tiền bên mình, nhưng vẫn đành chịu đói không dám tiêu của tập thể.

Trong những năm chiến tranh giải phóng dân tộc, một cuốn sách nhỏ nhan đề *Sửa đổi lối làm việc*, đã được sử dụng làm sách gối đầu giường cho cán bộ. Sau đây là mấy đoạn trích điển hình về cuốn sách đó.

TRÍCH SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC (tr.32)

“Người đảng viên, người cán bộ muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chỉ

công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau ngày càng thêm:

Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có 5 điều: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm.

- *Nhân* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ, vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền.

Những người đã không ham, không sợ gì thì việc gì là phải họ đều làm được.

- *Nghĩa* là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kì to nhỏ đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói, không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

- *Trí* vì không có việc tư túi làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lí luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người, biết xem việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian.

- *Dũng* là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải làm có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Có gan chống lại những sự vinh hoa phú quý không chính đáng. Nếu cần thì có gan hi sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

- *Liêm* là không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại không bao giờ hủ hoá. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Đó là đạo đức cách mạng. Đạo đức đó không phải là đạo đức thù cụ. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Cũng như con sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì”.

Ta nhận thấy rõ ràng trong đó chủ nghĩa đạo đức chính trị của Nho giáo, những văn kiện như vậy có thể in trong một tuyển tập Nho giáo mà không thấy lạc lõng. Đây không phải là những bài học luân lí, dạy trong các trường trung học. Đây là những chỉ thị cho một đợt chỉnh huấn. Mỗi lần đứng trước một nhiệm vụ mới quan trọng, mỗi lần phải vượt qua giai đoạn mới, hay đưa ra những quyết định mới để giải quyết một khó khăn, Đảng đều đưa ra những chỉ thị về chính trị và tư tưởng. Các cán bộ họp lại, nghiên cứu các văn kiện, phát biểu ý kiến của mình xem tán thành hay không, rồi tiến hành phê bình những công việc đã làm qua phê bình cá nhân, đặt ra nhiệm vụ sắp tới, khen thưởng, biểu dương, thi hành kỉ luật... (tr.39). Phê bình và tự phê bình, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và đưa đến những sự

phân tích về đạo đức có khi rất sâu sắc, rất chí lý.

Có thể nói rằng, ở Việt Nam (và ở Trung Hoa), đôi khi Nho giáo làm lu mờ chủ nghĩa Mác; trong xã hội có truyền thống Nho giáo, đạo đức thường có xu hướng vượt lên trên khái niệm về quy luật phát triển lịch sử. Chủ nghĩa Mác bao gồm cả “lí giải và xây dựng”, có khi tư tưởng xây dựng được đặt lên trên. Trong đại gia đình các đảng Cộng sản, Đảng Việt Nam thường nhấn mạnh đến đạo đức hơn là những Đảng hoạt động trong những nước mà tư tưởng tư sản đã thống trị từ lâu. Ở các nước đó, chính chủ nghĩa vô đạo của tư sản đôi khi làm biến chất các chiến sĩ cộng sản, có xu hướng coi nhẹ những vấn đề đạo đức cá nhân.

Thứ chủ nghĩa đạo đức đó đôi khi có thể đưa đến một thứ ý chí chủ nghĩa, chủ trương rằng mọi nhiệm vụ đều có thể làm được miễn là cán bộ cứ nỗ lực. Nguy cơ đó có khi nghiêm trọng, lấn át tính chất khoa học của chủ nghĩa Mác.

Sự khác biệt cơ bản giữa Nho giáo và chủ nghĩa Mác là ở tính chất khoa học. Nhiều nhà nho đã có những bước nhảy vọt từ tư tưởng Nho giáo sang chủ nghĩa Mác, ví dụ nổi tiếng nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng trong những trường hợp đó không phải chỉ là một sự chuyển biến nhẹ nhàng sau khi đọc sách và suy nghĩ một mình. Khi một nhà nho tiếp thu chủ nghĩa Mác, trước hết họ là một chiến sĩ đấu tranh cho độc lập dân tộc, đã trải qua thất bại nhiều năm trời, vào tù ra tội, tìm cách đổi mới làng mạc mà không thành công. Chính những hoạt động Cách mạng thực tế đã khiến cho họ tiếp thu chủ nghĩa Mác, chứ không phải chỉ là nhò đọc sách, họ đã thay đổi hệ thống tư tưởng.

Ngày nay, trình độ thấp của sức sản xuất, sự lạc hậu về kỹ thuật, đã khiến cho nhiều người xem xét sự phát triển lịch sử dưới khía cạnh đạo đức. Phải tiến hành giáo dục tư tưởng và thực tế một cách nỗ lực mới hướng được tư tưởng về các vấn đề sản xuất. "Tất cả cho sản xuất" là một trong những chỉ thị của đợt chỉnh huấn năm 1961.

Nho sĩ đã gán những giá trị đạo đức cho "Trời" một cách có ý thức hay không có ý thức. Và cuối cùng con người đã tự đào sâu trong cái tâm của mình để đạt tới ông "Trời" đó. Trong sách *Đại học* có câu "Cách vật trí tri", cách vật theo sách kinh điển là xét vào lòng mình. Cứ tự xét mãi lòng mình một cách chân thành, nhà hiền triết sẽ cảm thông với "Trời" và hành động theo quy luật của vũ trụ. Trong sách Nho giáo, khó mà biết được rõ tài đức của người cầm quyền tác động đến nhân dân thông qua toàn xã hội, hay là do môi "quan hệ thần bí" giữa trật tự xã hội với trật tự vũ trụ.

Phải qua nhiều năm đô hộ của chủ nghĩa thực dân, và đối với mỗi cá nhân là những kinh nghiệm của cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, thì mới thoát được chủ nghĩa chủ quan vũ trụ đó, và nghĩ rằng giá trị của con người bắt nguồn từ cuộc sống vật chất của chính nó.

Ngày nay, ở Việt Nam chủ nghĩa Mác thay thế Nho giáo để trở thành một học thuyết hành động chính trị và xã hội tạo cơ sở cho một nền đạo đức mới đã thay thế cho luân lý Nho giáo. Mọi mưu toan phục hồi Nho giáo đều vô ích, nhưng khác với những kẻ cách mạng giả hiệu, những người Mác-xít coi Nho giáo và sự nghiệp của các nho sĩ là di sản của dân tộc cần phải thừa kế, không phải "số toét".

BỔ SUNG 1984

Xin nhắc lại mấy điểm quan trọng trong bài trên trước khi bàn đến một vài luận điểm khác.

- Phải thấy rõ hai luồng tư tưởng trong Nho giáo, một bên là luồng gốc, có tính nhân văn, một bên là luồng thuộc hệ tư tưởng của bộ máy quan liêu; một bên là Nho giáo của ông quan, một bên của kẻ sĩ.

- Vì không thấy hai luồng ấy, nên có người “sô toẹt” vai trò lịch sử của Nho giáo, khẳng định ngay từ đầu Nho giáo từ xưa đến nay chỉ có vai trò tiêu cực, hoàn toàn đối lập với tư tưởng gọi là dân gian. Dĩ nhiên khi đã có định kiến như vậy, hễ nghe ai nói sự gần gũi nào giữa Nho và Mác, và nhất là nếu có nhắc đến một vài yếu tố nho nào trong tư tưởng của Hồ Chủ tịch thì cho là “tà thuyết”, phạm thượng...

- Cũng từ định kiến đó, cho rằng Nguyễn Trãi không có liên quan gì đến Nho cả, rồi phủ nhận toàn bộ các nhà nho yêu nước, xem như là lòng yêu nước chỉ có chống lại đạo nho. Có người viết: “Lòng yêu nước là ánh sáng mở đường (xin nhấn mạnh chữ mở đường) cho sự ra đời sớm trên đất Việt một nền văn hoá cổ truyền và độc đáo”.

Nói như vậy là đảo ngược quá trình lịch sử: Có tạo ra một nền văn hoá phong phú độc đáo rồi dần dần từ đó mới hình thành lòng yêu nước. Lúc các dân tộc Bách Việt chống lại quân Tần Hán, chưa phải là do lòng yêu nước; ngay cả đến thời Hai Bà Trưng cũng chưa thật là lòng yêu nước theo nghĩa ngày nay. Phải qua một quá trình lịch sử lâu dài, trong đó việc chống ngoại xâm không phải là yếu tố độc nhất để hình thành

được lòng yêu nước mà cần mấy yếu tố sau:

- Việc chống thiên tai xây hệ thống đê điều;
- Xây dựng Nhà nước quân chủ tập quyền;
- Chống ngoại xâm;
- Xây dựng văn hoá dân tộc.

Không có chế độ quân chủ tập quyền với bộ máy quan liêu đảm nhiệm trách nhiệm quốc gia với hệ tư tưởng thống nhất, không thể có ý thức yêu nước ở trình độ cao. Thông thường người dân chỉ đứng trước thiên tai và ngoại xâm trực tiếp đánh vào làng bản của mình mới có ý thức vượt qua óc địa phương và sĩ phu, mới ý thức được nhiệm vụ với đất nước; và mọi người cũng phải thông qua hình tượng một ông vua. Trung quân và ái quốc trong một giai đoạn lịch sử dài không thể tách rời. Đạo nho đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành lòng yêu nước. Nguyễn Đình Chiểu, Mai Xuân Thưởng, Phan Đình Phùng là những nhà nho, không thể xuyên tạc sự thật bảo những chí sĩ ấy không liên quan gì với Nho giáo cả.

Về sau lúc lịch sử đã tiến lên, xuất hiện những chế độ và hệ tư tưởng tiến bộ hơn, trở lại với Nho giáo là phản động nhưng phủ định hoàn toàn vai trò của Nho giáo là ấu trĩ. Phải có tư tưởng tư sản và vô sản ra đời mới kết thúc được vai trò lịch sử của đạo nho. Hiện nay rất dễ vạch rõ những nhược điểm của Nho giáo, nhưng đặt nó vào bối cảnh lịch sử mới thấy hết mặt này mặt khác.

- Có người cho rằng, nhân dân không chấp nhận Nho giáo vì nó du nhập nước ta “theo vó quân xâm lược”. Quá đơn giản! Một bộ phận ít hay nhiều trong nhân dân chấp nhận một

hệ tư tưởng nào do nội dung của nó, đâu có do xuất xứ (Phật, Mác thì sao). Lúc mới độc lập, đời Lý - Trần, bộ máy quân chủ tập quyền chưa ở mức cao, tuy hết sứ quân, nhưng còn điền trang và áp thái của thân vương quý tộc; Nho giáo với bộ máy quan liêu thống nhất của nó không được chấp nhận. Bộ máy quan lại sử dụng Nho giáo làm vũ khí đấu lại Phật giáo; trong giai đoạn này, Nho so với Phật là tiên bộ.

- Có người đánh giá giai đoạn Lý - Trần với Phật giáo tiên bộ hơn thời Lê sau thế kỷ XV với Nho giáo. Về mặt này mặt khác, Phật giáo hơn Nho giáo và chế độ Lý - Trần "dễ thương" hơn chế độ thời Lê. Nhưng đứng về tiến trình lịch sử của dân tộc, thì thời đại Lê ở mức thống hợp đất nước cao hơn. Thời Lý - Trần mới độc lập, chỉ bảo vệ được bờ cõi về phía Bắc, dân số còn ít, chưa khai thác hết châu thổ sông Hồng, đối đầu với hai vương quốc Chăm-pa, Khmer chưa phân thắng bại. Đất nước luôn bị gọng kìm Bắc - Nam uy hiếp. Qua đời Lê, Đại Việt chiếm rõ ưu thế, bờ cõi phía Bắc, phía Nam được bảo đảm trong một thời gian dài, lãnh thổ mở rộng về phía Nam. Đó là chế độ quân chủ tập quyền với bộ máy quan lại hoạt động trên một cơ sở tư tưởng thống nhất là Nho giáo. Trong hoàn cảnh lịch sử thời ấy, đó là chế độ hợp lý nhất (so với Chăm-pa - Khmer). Về sau, Nho giáo không giải quyết nổi những mâu thuẫn mới phải lùi bước.

- Nho giáo tạo miếng đất thuận lợi cho sự du nhập của chủ nghĩa Mác. Đây là một luận điểm gây nhiều "sóng gió". Lập luận chủ yếu: Nho giáo khác với những tôn giáo khác, nó hướng suy nghĩ con người hoàn toàn vào cuộc sống xã hội, cho nên đứng trên một bình diện chung với người Mác-xít. Nếu thuyết phục được một nhà nho rằng chủ nghĩa Mác sẽ thực

hiện mọi lí tưởng xã hội mà ông ta mơ ước, nhà nho ấy sẵn sàng từ bỏ Nho giáo, chấp nhận chủ nghĩa Mác. Thuyết phục một tín đồ, Thiên chúa, Phật hay Hồi giáo về mặt xã hội vẫn chưa đủ, vì chưa giải đáp cho họ về cuộc sống siêu nhiên, sau khi chết sẽ ra sao. Cũng như người Mác-xít, nhà nho không đặt ra câu hỏi này. Cho đến nay, các nước theo Hồi giáo rất khó chấp nhận chủ nghĩa Mác, cũng như những nước còn nặng về Kitô (Ba Lan).

Gần đây một học giả Nhật Bản cũng nêu lên luận điểm là Nho giáo đã giúp cho các nước như Nhật, Đài Loan, Triều Tiên để tiến lên hiện đại.

Chủ nghĩa Mác trên miếng đất thuận lợi ấy, gieo lên những mầm mống mới là: Khoa học, dân chủ, tinh thần quốc tế vô sản, là những yếu tố hoàn toàn mới. Nhưng cũng như Nho giáo, lúc Đảng đã nắm chính quyền, nguy cơ quan liêu hoá của chủ nghĩa Mác luôn luôn đe dọa; và một chủ nghĩa Mác quan liêu hoá về nhiều mặt rất giống với Nho giáo. Phê phán Nho giáo cũng giúp cho phê phán chủ nghĩa quan liêu ngày nay.

II

NOI THEO ĐẠO NHÀ

Nhà báo Trường Giang phân vân không biết giới thiệu tôi với bạn đọc là “nhà” gì? Và cuối cùng gọi tôi là nhà văn hoá. Đó là nhìn về mặt “sản phẩm”. Còn về con người thì sao?

Anh Đặng Thế Bình mừng tôi 80 tuổi với một bức trướng thêu mấy chữ Hán:

學而不厭
誨人不倦

Học nhi bất yếm: Học không biết chán

Hồi nhân bất quyện: Dạy (truyền lại) cho người khác không biết mỏi.

Đây là câu của thầy Khổng nói về mình. Ông thường bảo: “Tổ ẩn hành quái, ngô bất vi chi” - Những việc bí ẩn quái dị tôi không làm, tôi chỉ biết học tập. Học mãi, rồi truyền lại cho người khác. Xem tôi là một đồ đệ của Khổng Tử, anh Đặng Thế Bình đã nhầm đúng. Anh Bình cùng một số anh chị em khác đã cùng tôi làm việc trong một cơ quan, cùng nhau sơ tán

như anh Hữu Ngọc thường gọi tôi là Đồ Nghệ. Cũng đúng.

Chỉ có một điều là thầy Đồ Nghệ này lại học Tây. Sống ở Tây 26 năm ròng rã, cho nên báo *Đất Việt* lại gọi tôi là “Sĩ phu hiện đại”. Hai mặt của một con người, vì có một truyền thống bao đời nho học, nhưng lại nhuốm vào từng sợi từng thớ những sắc thái của thời nay. Gốc nho, nhưng ghép vào là khoa học thực nghiệm, là chủ nghĩa tự do dân chủ, là học thuyết Mác.

Tóm gọn lại: Đạo lí là Nho.

Học thức là khoa học thực nghiệm, kết tinh vào học thuyết Mác.

*
* * *

Không hiểu vì sao trong gia đình, tôi lại gọi bố là Thầy, mẹ là Chị. Lại, thầy tôi là một nhà nho, 20 tuổi đỗ tiến sĩ Hoàng giáp - hay chữ nổi tiếng đất Nghệ Tĩnh, cả đến kinh kì, thế mà lúc tôi 6-7 tuổi, không cho học chữ nho như bao nhiêu người thuở ấy mà cho học ngay trường Pháp - Việt. Có lẽ thầy tôi đã quá rõ cái cảnh ông Nghè ông Cống cũng nằm co. Suốt thời bé và trẻ, tôi không học chữ của Thánh hiền mà mơ ước trở thành bác sĩ, kĩ sư, thạc sĩ trường Pháp. Chữ nho chỉ vô vẽ học tuần một tiết ở các Trường Quốc học Vinh và Trường Bưởi - Hà Nội. Bố con thời ấy sống cách biệt, con đông, nhà gia giáo, trước bố chỉ biết kính cẩn dạ thưa, không bao giờ bố tôi tỏ ra âu yếm nuông chiều, nhưng cũng không đánh đập to tiếng. Lại, cũng không bao giờ bố gọi con lại, lên lớp giảng đạo đức cho con. Tôi nhớ chỉ có vài ba lần cụ nhắc nhở, dặn dò tôi.

Lần đầu tiên ra Hà Nội vào ở nội trú lớp tú tài ở Bưởi. Vài

tuần qua, tôi viết thư về và xin cho ra ngoài ở, vì nội trú kỉ luật quá nghiêm “khó chịu” lắm. Thấy tôi trả lời là khó chịu thì tập chịu khó cho quen. Lần thứ hai, 1934, thấy tôi làm tuần phủ Khánh Hòa, tôi đỗ tú tài, sắp vào Đại học, ông bảo tôi: Con muốn học gì thì học, đừng học làm quan như Thầy. Đây là lời tâm sự của Thầy với tôi lần đầu tiên và cũng chỉ có lần ấy, ông mới thổ lộ cho tôi một ít tâm tư riêng. Năm 1937, tôi đi Pháp, ông tiễn tôi đến bến tàu thủy Sài Gòn. Trước khi lên tàu, ông trao cho tôi một bức thư bảo: «Tàu ra đến biển, con hãy mở ra xem». Không dặn dò gì khác. Tàu kéo neo ra biển, tôi mở thư xem: “Thầy chắc chắn con sẽ học hành đầy đủ, không cần dặn gì thêm, chỉ mong con không lấy vợ dầm”.

Còn chữ Hán, chỉ một lần, tôi đã 15, 16 tuổi rồi không hiểu vì sao, một hôm ở Huế, vào lúc tôi nghỉ hè từ trường Bưởi về, ông dạy cho tôi một bài thơ Đường mà đến nay tôi vẫn nhớ.

春 眠 不 覺 曉
處 處 聞 啼 鳥
夜 來 風 雨 聲
花 落 知 多 少

Xuân niên bất giác hiếu

Xứ xứ văn đề diếu

Dạ lai phong vũ thanh

Hoa lạc tri đa thiếu

Tản Đà dịch:

*Đêm xuân một giấc còn mê
Tiếng chim đâu đã bốn bề xôn xao
Hồi hôm gió táp mưa rào
Chỉ e hoa rụng biết bao nhiêu cành.*

Sau này, trong lúc dịch *Kiểu*, ngẫm lại thấy bài dịch của Tàn Đà thật hay, nhưng lại không đúng với “tứ” của bài thơ gốc. Tứ của bài gốc là “trí tuệ” - “triết lí”, của bài dịch là trữ tình lãng mạn.

Một ông bố như vậy đã ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của đứa con trai như thế nào? Đứng về góc độ tâm lý học mà nói, tôi đã “tự đồng nhất” với hình ảnh của bố về nhiều mặt; con người nhà nho của bố là hình mẫu con người không phải để tôi noi gương, học tập, bắt chước một cách có ý thức lúc đã lớn lên, đã có suy nghĩ, mà tôi đã tự đồng nhất từ lúc còn nhỏ một cách vô thức. Không phải tôi đã học đạo nho mà đã nhiễm tập, phong cách, lối sống của nhà nho.

Nói về học chữ nho, thì mãi sau 1942 khi nằm bệnh viện, tôi mới bắt đầu tự học: *Tứ thư*, *Đường thi* và một số tác phẩm Hán - Việt như *Chinh Phụ Ngâm* và một ít bạch thoại. Lúc ấy học để mà hiểu thêm về văn hoá, văn học Việt Nam nhiều hơn là học Nho giáo. Điều thú vị là chữ nho viết đẹp hơn các chữ cái a, b, c nhiều, tôi học thì ít nhưng thích viết - thú vị nữa là chữ Hán thường rất cô đúc, trong những câu thơ hay châm ngôn, chỉ cần kết hợp 2, 3 chữ là gợi lên một ý sâu sắc, một cảm xúc sâu thẳm hay nồng nhiệt. Tiếng Việt cũng như vậy. Nhưng không thể cô đúc bằng chữ Hán. Còn tiếng Pháp thì ngược lại - phân tích, mạch lạc dài dòng. Dần dần mới hiểu câu: Không

học thơ không biết nói - không biết viết. Kề sĩ là phải biết làm thơ. Nhớ lại bài tập đọc tiếng Pháp nói về ông quan huyện bỏ trốn công đường để làm thơ, xem như chuyện buồn cười. Trái lại, ngày xưa ở nước ta, người ta lại chê cười những ông quan huyện không biết làm thơ, nghĩa là vô học. Nhất là ở Nghệ Tĩnh, đông nho sĩ, triều đình phải cử đến những ông quan thật “hay chữ”. Có lần dân một huyện gánh một ông quan mới đến để trả lại cho nhà chức trách Pháp, bảo ông này không phải là khoa bảng. Những ông quan dốt rất khổ vì bị các ông đồ mĩa mai châm biếm.

Dần dần tôi mới hiểu câu “học để làm quan” chỉ đúng một nửa thôi. Còn về thứ hai - học để hiểu biết cách vật, trí tri, nhân bất học bất trí lí. Không phải chỉ có hệ thống quan chức, mà song song còn có màng lưới sĩ phu không có quyền lực nhưng nắm lấy học thuật, nhà vua quan lại phải nể nang, không thể xem thường. Dư luận, công luận trong xã hội ngày xưa chính là dư luận trong giới nho sĩ.

Được sự đồng tình của nho sĩ thì triều đại vững vàng, nho sĩ cùng quan lại càng trung thành với nhà vua. Nho sĩ mất lòng tin, thế ngại vàng lung lay. Xã hội học ngày nay đề xuất khái niệm “thủ lãnh dư luận”, là những người nhiều khi không giữ chức quyền nào, nhưng được dân tin, định hướng cho dư luận. Nho sĩ đóng vai trò như vậy. Không lạ gì, ông quan thì lấy chữ *trung* làm đầu, mà nho sĩ sống gần dân lại hướng về dân. Cái gọi là văn học dân gian chính là do những nho sĩ sống trong các làng xóm, từ những cảm nghĩ tản mạn của dân đúc thành những câu tục ngữ, ca dao, chuyện cười thú vị.

*

*

*

Đến tuổi 60, tôi mới được bác Kim Cương kể chuyện về thầy tôi. Hồi ấy bác Kim Cương với ông Tôn Quang Phiệt là *Thanh niên cách mạng đồng chí vượt biên* giới định sang Trung Quốc dự lớp học của Nguyễn Ái Quốc nhưng bị bắt. Nếu xử theo luật nước Pháp thì tội vượt biên không có giấy tờ, không có gì là nặng, cho nên Pháp giao lại cho bên Nam triều xử, theo luật xưa của vua, dễ bị kết án rất nặng. Hai ông là người Nghệ An, nên đã giải về Vinh giao lại cho án sát tức quan tòa Nam triều. Án sát lúc ấy chính là thầy tôi. Thầy tôi không chịu xử, viện cớ là hai người ấy bị bắt ngoài địa phận Nghệ An. Trong lúc bị giam ở Vinh, một buổi tối, hai thanh niên Kim Cương và Tôn Quang Phiệt thấy một người lính mang đến một gói thuốc láo và bánh kẹo, bảo là quan án gửi tặng hai cậu. Về sau hai người bị kết án nhẹ. Qua câu chuyện trên và một số chuyện người này, người kia kể lại, nay tôi hiểu được tâm tư thầy tôi. Vào thời Văn thân không còn nữa, Phan Bội Châu đã thất bại, đạo nho cùng đường, không có gan làm giặc chống Pháp, thì đổ, tưởng ra làm học quan - Đốc học Vinh rồi Tư nghiệp Quốc Tử Giám - là yên thân, không dính dáng đến chính trị, chỉ mong nuôi 5-6 đứa con, ít nhất cũng truyền lại chút ít đạo lý của Thánh hiền.

Nào ngờ đâu, Pháp bỏ luôn chữ nho, phải chuyển sang làm quan chính trị để nuôi gia đình. Làm quan không vui, cố giữ chút thanh liêm, rảnh thì đánh cờ, tổ tôm. Năm 1930, khi Xô Viết Nghệ Tĩnh nổi lên, Pháp cần những ông quan trung thành để cai trị Vinh, bèn đẩy hai chức quan quan trọng của tỉnh là tổng đốc Phạm Liệu và án sát Nguyễn Khắc Niêm, hai nhà nho, hai vị tiến sĩ được nho học trong tỉnh tin phục, về

ngôi “cạo giấy” ở các Bộ ở Huế. Bang vô đạo¹ nhưng không thể như ngày xưa về quê dạy học, vì không còn ai học chữ nho nữa nên đành làm quan vậy. Không lạ gì ông đã bảo con đừng lao vào con đường quan lại. Về hưu trước 1945, ông chuyển làm thuốc, sau được cử làm uỷ viên Liên Việt khu 4.

Thầy tôi không lấy sách Khổng Mạnh dạy chúng tôi, nhưng bao quanh cuộc sống của chúng tôi thời tám bé là một không khí đặc biệt. Ra vào lễ phép, ăn nói nhẹ nhàng. Mẹ tôi mất sớm, bà mẹ kế (chúng tôi gọi là Mụ) cũng xuất thân từ gia đình Nho giáo, tuy không biết đọc nhưng lại thuộc lòng hết cả *Truyện Kiều* và nhiều bài chữ Hán. Cả hai bà mẹ sinh ra 14 con, cho nên dù lương của thầy tôi khá cao, cả nhà vẫn phải ăn mặc đạm bạc. Sáng dậy ăn cháo với mấy quả cà, có khi có chút cá kho. Học đến khoảng 10 giờ bụng đói như cào. Có lần tôi kêu lên: “Mụ ơi, cá kho quá mặn”! Mụ bảo: “Mặn thì ăn ít cá, ăn nhiều cơm cháo vào!”

Cho đến ngày ra Hà Nội, tôi mới được đi giày, vì Trường Bưởi bắt buộc. Trước đó chỉ đi guốc, áo len không hề biết, sang nhất là chiếc áo dài lưng (the) đen, tóc cắt “carê”.

Năm 1939, đại chiến bùng nổ, chúng tôi là lưu học sinh ở Pháp không nhận được tiền nhà gửi sang nữa. Chỉ còn hai cách: một là cố gắng tìm việc làm, tự lo lấy; hai là cúi đầu lên Bộ Thuộc địa xin trợ cấp, vì thế muốn tránh nhục phải sống giản dị, chịu khó đi tìm việc làm nuôi thân. Lúc này tôi mới thấy cuộc sống đạm bạc của gia đình đã giúp tôi lựa chọn con

¹ “Bang” là “Nước”. Cụm từ “Bang vô đạo” dùng nhiều trong sách cổ. Ví dụ: Sách *Luận ngữ* viết: “Bang hữu đạo tắc tri; Bang vô đạo tắc ngu”, có nghĩa là: Nước có đạo thì tỏ ra sáng suốt thông minh; Nước vô đạo thì làm ra vẻ ngu đần. Ý nói để tránh tai hoạ, bất cọng tác... (BT).

đường sống. Về sau, hai nhóm sinh viên cũng chia làm hai phe, một bên theo kháng chiến chống Pháp, một bên hướng về Bảo Đại. Đây không phải là lựa chọn chính trị, thực chất là lựa chọn về "đạo lí". Lần đầu tiên tôi mới suy nghĩ đến hai chữ đạo lí. Thấy tôi nổi tiếng về hay chữ nhưng làm quan cũng được tiếng là thanh liêm, tôi không thể bêu xấu truyền thống của gia đình.

Nằm bệnh viện mười năm, tôi có dịp suy nghĩ nhiều, đọc sách, tiếp xúc với nhiều bạn bè. Thời cuộc từ lúc bị bệnh, năm 1942, đến khi ra viện năm 1951, thôi thúc tôi phải có một lập trường, một quan điểm, một chủ nghĩa. Dần dần tôi bị lôi cuốn vào trào lưu Mác-xít. Lòng yêu nước, những hiểu biết về khoa học, tiếp xúc với nhân dân tiến bộ Pháp, dễ dàng dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác. Nhưng dù sao vẫn thấy thiếu hụt một chút gì đấy, tôi mới chỉ thỏa mãn 90 - 95% thôi. Về sau mới hiểu là thiếu hụt phần "đạo lí".

*
* *

Nằm bệnh viện, tiếp xúc hàng ngày với các linh mục, bà xơ, một số tín đồ, sách vở không thiếu, tôi tìm hiểu (khá sâu) về đạo Kitô. Nhưng đạo này có một cái gì đó hoàn toàn xa lạ với cái chất của con người Việt Nam của tôi. Tôi không thể nào hình dung được một ông Chúa trời dạng con người, một ông bố siêu nhiên rồi lại uỷ nhiệm cho Giáo hoàng, cho Giám mục và cả bộ máy quan liêu quyền lực tuyệt đối. Tôi tập luyện theo kiểu Ấn Độ, kiểu Thiền nhưng cũng không thể chấp nhận lối sống xuất thế. Còn phần Yoga tôi cũng tránh việc "Tổ ân hành quái", tránh tin phù phép, chỉ giữ phần dưỡng sinh, nâng cao sức khoẻ, giúp con người giữ bình tĩnh, đỡ mệt mỏi.

Tôi còn nặng nợ chưa bỏ đời đi tu được. Ngày tôi học Đại học Hà Nội, có lần về quê, một bà cô hỏi cháu ở ngoài ấy ăn tiêu hết bao nhiêu. Tôi trả lời là 20 đồng bạc. Bà thốt lên: Cả nhà cô 5-6 người ở quê ăn cũng đủ. Cả tỉnh Hà Tĩnh thời ấy cùng lúta chỉ một mình tôi được lên đại học. Rồi tôi qua Pháp, ăn tiêu mỗi tháng bằng 20-30 người ở nhà. Nợ dân, nợ nước, nợ nhà nặng quá, phải tính cách trả... Tôi lao vào hoạt động chính trị, rồi từ quan điểm *tu, tề, trị, bình*, tiến lên chủ nghĩa Mác. Theo con đường ấy, tôi thấy trả được nợ với Thầy tôi, với làng nước. Và con người của tôi lớn lên trong truyền thống một gia đình Nho giáo, tiếp thu tinh hoa khoa học thực nghiệm kết hợp được nhiều mặt. Cái gốc duy lí của đạo nho không đối lập với khoa học, với học thuyết Mác. Cơ sở nhân bản, lấy con người, lấy cuộc sống xã hội làm gốc, đúng vậy. Phân tích xã hội, để hiểu rõ lịch sử, xác định đường lối thì chủ nghĩa Mác hơn hẳn, nhưng Mác trong đạo lí không được nổi bật và cụ thể như trong Nho giáo. Có thể nói không có học thuyết chủ nghĩa nào đặt vấn đề “xử thế” rõ ràng và đầy đủ như vậy. Đặc biệt về cách ứng xử của nhà nho đối với vua chúa. Sách Hy Lạp hay nhắc chuyện, khi hoàng đế Alexandre đến thăm Diogen đang trần trụi nằm ở vỉa hè, ông ta la lên: “Kìa ông kia lúi ra, che hết ánh sáng của tôi”. Tôi thích câu chuyện của Hứa Do, khi nghe phái viên của nhà vua lần thứ hai đến mời ra làm quan, ông liền bỏ đi ra rửa tai, bảo là rửa sạch những điều dơ bẩn. Nhưng thích hơn cả là chuyện một nhà nho được vua gọi lên, bảo: “Nhà vua nên đến thăm tôi hơn là tôi đến thăm nhà vua”. Vua hỏi vì sao - Vì nếu tôi đến thì tôi mang tiếng là nịnh vua, còn vua đến tôi thì vua được tiếng là tôn trọng người hiền, quý kẻ sĩ (tức trí thức).

Tôi thích thú tình thần có mức độ, ứng xử vừa phải của đạo nho. Không cường điệu lên và yêu hết mọi người ngang nhau, mà bảo phải yêu bố mẹ mình, vợ con mình đã rồi mới đến yêu người khác. Lấy ân báo ân nhưng cũng không đến mức lấy ân báo oán, mà báo oán thì lấy công bằng mà xử lí, nhận rõ điều gì là phi pháp, nhưng không nhẫn tâm đến mức đi tố cáo bố mẹ với nhà chức trách. Vì cao hơn pháp luật là tình người, là lòng nhân.

Thế nào là *nhân*? Cả đạo nho xoay quanh một chữ. Nhân là tính người, khác với thú vật. Nhân là tình người, nối kết người này với người khác. Có tự kiểm chế, khắc kỉ, khép mình vào lễ nghĩa mới nên người. Có mở rộng tầm nhìn, lấy “vấn” mà tỏ đẹp mới thành người. Có gần bó với người khác mới thật là người. Có thấu hiểu bản thân, tri thiên mệnh mới là con người trưởng thành.

Nhân việc Viện Hàn lâm Pháp tặng giải thưởng năm 1992, có người chê trách tôi đã từng thay đổi ý kiến nhiều lần. Đúng, thời thế chuyển biến, tôi có thay đổi chính kiến, nhưng không hề thay đổi đạo lí. Đã gọi là đạo lí, không thể xa rời dù là chốc lát. Không vì giàu sang mà sa đọa, không vì nghèo khó mà xa rời, không khuất phục trước uy quyền, thời buổi nào cũng vẫn giữ được đường đi.

Có thể liên minh chính trị với quý, chỉ kết bạn với người có “đạo”, dù là “đạo” khác. Liên minh chỉ nhất thời, nghĩa bạn là lâu dài.

Đóng góp phần mình cho cuộc đấu tranh cứu nước, xây dựng dân chủ, khoa học nhân văn là ba bước đường tôi đã lựa chọn. Đạo là con đường. Nhân văn là tìm hiểu con người về cả

ba mặt sinh học - xã hội - tâm lý để cố gắng luyện mình theo ba hướng: Dưỡng sinh (thầy Khổng Tử bỏ qua mặt này), xử thế, tu thân (Mác xem nhẹ mặt này).

Không nhìn lên trời, không nghĩ đến những gì xảy ra khi chết, không thấy cần thiết có thần linh hay không có, không tìm tuyệt đối, không mong trở về với Chúa, thoát khỏi vòng luân hồi, chỉ mong làm con người cho ra người. Hình tượng Thầy tôi, đạo lí nhà nho, đã góp phần không nhỏ, tuy không phải tất cả, giúp tôi nên người. Tôi không xem ông Khổng là một vị thánh - chẳng có ai là thánh cả - chỉ xem là một trong những bậc thầy lớn nhất đã giúp cho loài người tiến lên thành người, và nay vào cuối thế kỷ này, ngẫm lại nhiều điều ông dạy vẫn còn rất bổ ích.

Phải thông qua phong cách và thân phận của một ông bố mới hiểu thấu sách của Khổng Mạnh. Cũng chưa đủ. Khi học về các nhà văn Pháp, như Racine, Hugo chỉ chú ý đến tác phẩm và lời văn. Nhưng khi học về Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Ngô Thì Nhậm, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu... chủ yếu là nhớ đến những con người, những thân phận, những con người mà xã hội xưa gọi là nho sĩ.

Cũng phải thông qua những tấm gương sống, cách xử thế của bao chế độ mới thật hiểu. Một số học giả phương Tây dày công nghiên cứu Khổng Tử. Nhờ tư liệu phong phú, phương pháp phân tích xác đáng, họ đi sâu vào nhiều điểm còn hơn các nho sĩ của ta. Nhưng đọc sách vở của họ, hiểu được học thuyết triết lí mà không nắm, không thấm được đạo lí. Họ thiếu cả một chiều dày truyền thống.

Nhờ truyền thống ấy, dù có hấp thụ sâu sắc chủ nghĩa tự do cá nhân, tôi vẫn thấy mình nặng nợ với đất nước, với làng xóm, với phố phường, thấy mình có gốc, có rễ, một điều mà không ít bạn thân của tôi, người Pháp, nhìn vào có ý thêm muốn mà không đạt được.

Ba trăm năm phát triển tư bản đã làm con người phương Tây dứt hết gốc rễ, trở thành những cá nhân năng động, tự lập, tự chủ nhưng cũng khá cô đơn.

Cái "phận" của tôi được may mắn hơn thầy tôi: sinh sau lúc đạo nho đã cùng đường lịch sử, nhưng truyền thống đạo lí còn đó, và lúc nước nhà đã sang trang lịch sử, mở cho những nho sĩ ngày nay những con đường mới, giúp cho trở thành những kẻ sĩ hiện đại.

Hà Nội, tháng 6 năm 1993

III

CHÚT VỐN NHO HỌC

(Trích Cách ngôn sách Nho giáo)

L.N.D. Tôi không được học Nho một cách chính quy từ bé, mà lớn lên rồi mới tìm hiểu, mót gặt trong sách vở một số ý, một số câu để suy ngẫm, đối chiếu với những học thuyết đạo lý khác, đối chiếu với kinh nghiệm sống.

Nay ghi chép lại, vì nghĩ rằng ngày nay cũng ít ai bỏ công đọc hết sách xưa, còn đi lượm lặt như tôi đã phải làm cũng không dễ (ngay việc tìm ra đủ các sách chữ Hán cũng đã khó).

Cũng may là có ông bạn Trần Văn Quý, thông thạo Hán học, đã giúp cho việc trích dẫn, lựa chọn, hiệu đính cho, nên mới tập hợp được Chút Vốn Nho Học này, gọi là giúp ích phần nào cho bạn đọc.

Trong này có vài câu của Lão Trang, vì một số câu và luận điểm của Lão Trang đã trở thành vốn văn hoá chung của các nho sĩ ngày trước.

Nguyễn Khắc Viện

LUẬN NGŨ

Luận ngữ là sách quan trọng nhất trong kho kinh điển Nho giáo, sách ghi lại những cuộc hội thoại trực tiếp giữa Khổng Tử và học trò của ông. Có thể nói toàn bộ thuyết Khổng Tử được thu gọn trong *Luận ngữ*.

Người Nhật coi *Luận ngữ* là cuốn sách đã góp phần khai hoá nền văn minh Nhật Bản.

Sau đây sẽ trích từ *Luận ngữ* nhiều hơn các sách khác.

1. “*Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt*”: Quân tử đạt về cái lí cao minh, tiểu nhân đạt về cái lí đê hạ.

2. “*Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi*”: Quân tử hiểu rõ ý nghĩa, tiểu nhân hiểu rõ ở lợi.

3. “*Quân tử cầu chư kỉ, tiểu nhân cầu chư nhân*”: Quân tử cầu ở mình, tiểu nhân cầu ở người.

4. “*Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái*”: Quân tử thư thái mà không kiêu căng, tiểu nhân kiêu căng mà không thư thái.

5. “*Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa*”: Quân tử hòa với mọi người mà không hòa về ai, tiểu nhân thì hòa với mọi người mà không hòa với ai.

6. “*Quân tử thân đẳng đẳng, tiểu nhân trường thích thích*”: Quân tử bao giờ trong bụng cũng phẳng lổng lổng, tiểu nhân bao giờ trong bụng cũng lo ngay ngáy.

7. “*Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lạm hĩ*”: Quân tử cố giữ lúc khốn cùng, tiểu nhân gặp lúc khốn cùng thì lạm bậy.

8. “*Quân tử bất khả tiểu tri, nhi khả đại thụ giã, tiểu nhân bất*

khả đại thụ, nhi khả tiểu tri giả”: Quân tử không biết được cái nhỏ mà có thể chịu được cái lớn; tiểu nhân không thể chịu được cái lớn mà có thể biết được cái nhỏ vậy.

9. *“Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác*”: Quân tử làm điều hay cho người khác, không gây thành cái ác cho người khác.

10. *“Quân tử nhi bất nhân giả, hữu hĩ phù? Vị hữu tiểu nhân nhi nhân giả giả*”: Quân tử mà bất nhân có vậy chăng? Chưa có tiểu nhân mà là người có nhân.

11. *“Quân tử bất ưu bất cự*”: Quân tử không lo không sợ.

12. *“Quân tử cặng nhi bất tranh, quân nhi bất đảng*”: Quân tử nghiêm trang mà không tranh với ai, hợp quần với mọi người mà không bè đảng.

13. *“Quân tử nột ư ngôn, nhi mậu ư hành*”: Quân tử thì nói chậm mà làm thì nhanh.

14. *“Quân tử động nhi thế vị thiên hạ, hành nhi thế vị thiên hạ pháp, ngôn nhi thế vị thiên hạ tắc, viễn chi tắc hữu vọng, nghị chi tắc bất yếm*”: Quân tử cử động có thể đời đời làm đạo cho thiên hạ, hành vi có thể đời đời làm khuôn phép cho thiên hạ, nói năng có thể đời đời làm chuẩn tắc cho thiên hạ, người ở xa thì trông mong, người ở gần không bao giờ chán.

15. *“Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thanh*”. Thấy điều thiện phải cố làm như không bao giờ kịp, thấy điều bất thiện thì không phải sợ hãi như thò tay vào nước sôi.

16. *“Chất thẳng văn túc dã, văn thẳng chất tác sự, văn chất bản bản nhiên hậu quân tử*”: Chất thẳng văn thì quê mùa, văn hơn chất thì kém lòng thành thực, văn chất đều đều nhau mới thật là quân tử.

17. “*Đệ tử nhập tắc hiếu xuất tắc dễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn*”: Người đi học vào thì hiếu, ra thì dễ, cần mà tín, yêu mến mọi người mà thân cận người có nhân, làm được những điều ấy rồi có thừa sức mới học văn.

18. “*Quân tử thực vô cầu bảo, cư vô cần an, miễn ư sự nhi thân ư ngôn, tỵ hữu nhi đạo chính yên, khả vị hiếu học giả*”: Quân tử ăn không cầu no, ở không cần yên, làm công việc thì mau mắn, nói năng thì cẩn thận, tìm người có đạo mà theo học, để chất chính ngôn ngữ và hành vi của mình, được như thế mới có thể gọi là người hiếu học.

19. “*Phú dữ quý thị nhân chi sở dục giả, bất dĩ kì đạo đắc chi, bất xử giả; bần dữ tiện thị nhân chi sở ố giả, bất dĩ kì đạo khứ chi, bất khứ giả*”: Phú quý thì ai cũng muốn, nhưng không do đạo mà được thì không nhận; bần tiện thì ai cũng ghét, nhưng không lấy đạo mà làm cho khỏi thì không bỏ.

20. “*Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân tắc viễn oán hi*”: Mình tự trách mình nhiều mà trách người ít thì xa được điều oán giận.

21. “*Phan cơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi trảm chi, lạc lại kì trung hĩ; bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân*”: Ăn gạo xấu, uống nước lã, gấp cánh tay mà gồi đầu, tuy thế cũng có cái vui ở trong đó, làm điều bất nghĩa mà giàu sang thì ta coi như đám mây nổi.

22. Tử Cống vấn Khổng Tử viết: “*Hương nhân giai hiếu chi, hà như? Tử viết: Vị khả giả*: - *Hương nhân giai ố chi, hà như? Tử viết: Vị khả giả. Bất như hương nhân chi thiện giả hiếu chi, kì bất thiện giả ố chi*”: Tử Cống hỏi Khổng Tử: Người mà cả làng ưa

hết thầy là người như thế nào? Khổng Tử nói rằng: Chưa phải là người hiền. - Người mà cả làng ghét thầy là người như thế nào? Khổng Tử nói: Chưa phải là người hiền. Không bằng người mà kẻ thiện trong làng ưa, kẻ bất thiện trong làng ghét.

23. *"Trung cáo nhi thiện đạo chi, bất khả tắc chi, vô tự nhục yện"*: Lấy điều ngay thẳng mà bảo, khéo tìm cách mà khuyên răn, không nghe thì thôi, nói lắm cũng vô ích, mà lại làm cho người ta khinh nhờn mình.

24. *"Kỉ sở bất dục vật thi ư nhân"*: Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người.

25. Có người hỏi đến việc thờ quỷ thần, Khổng Tử nói: *"Vị năng sự nhân, an năng sự quỷ"*: Chưa thờ được người, thờ thế nào được quỷ thần.

26. Hỏi chết là thế nào, Khổng Tử nói: *"Vị tri sinh, an tri tử"*: Chưa biết được việc sống, biết thế nào được việc chết.

27. *"Phụ mẫu tại bất khả viễn du, du tất hữu phương"*: Khi cha mẹ còn thì đừng đi đâu xa, mà có đi xa thì phải cho cha mẹ biết chỗ đi.

28. Tử Công hỏi việc chính trị nên như thế nào? Khổng Tử dạy: *"Túc thực, túc binh, dân tín chi hi"*: Đủ ăn, đủ binh, dân tin mình vậy. Nhược bằng trong ba điều ấy, bất đắc dĩ phải bỏ một điều thì nên bỏ điều nào trước? - Bỏ việc binh. Còn hai điều nữa mà bất đắc dĩ phải bỏ đi một điều nữa thì nên bỏ điều nào trước? - Bỏ ăn. Vì bỏ ăn thì chết, nhưng xưa nay người ta vẫn chết, chứ dân mà không tin thì không sao đứng được.

29. Tử viết: *"Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập bất nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mệnh, lục thập nhi*

nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du củ”:

Đức Khổng Tử (thọ 73 tuổi) nói: Hồi mười lăm tuổi ta đã để hết tâm trí vào sự học; đến ba mươi tuổi ta vững chí mà tiến lên đường đạo đức, được bốn mươi tuổi tâm trí ta sáng suốt, hiểu rõ việc phải trái, đạt được sự lí, chẳng còn nghi hoặc; qua năm mươi tuổi ta biết Mệnh Trời. Đến sáu mươi tuổi, lời gì, tiếng gì lọt vào tai ta thì ta hiểu ngay, chẳng còn suy nghĩ lâu dài; được bảy mươi tuổi trong tâm ta đâu có muốn điều gì cũng chẳng hề sai phép.

30. Tề Dư trú tâm. Tử viết: *“Hủ mục bất khả điều già, phân thố chi tường bất khả ô già”*: Tề Dư có tật ngủ ngày. Nhân đó Khổng Tử nói rằng: Gỗ mục không chạm khắc được, vách bằng đất bùn không tô vẽ được.

31. Tử Lộ viết: *“Tử hành tam quan, tắc thù dĩ dữ?”* Tử viết: *“Bạo hổ, băng hà, tử nhi vô hô già, ngô bất dĩ già. Tất già lâm sự nhi cụ, hảo mưu nhi thành già già”*: Tử Lộ hỏi: Nếu thầy đem ba quân ra trận, thầy sẽ chọn ai giúp thầy? Khổng Tử đáp: Như kẻ tay không bắt hổ, chân không mà lội qua sông, chết không biết tiếc thân, ta chẳng để cho kẻ ấy theo giúp ta. Ta chọn kẻ vào việc mà biết lo sợ dè dặt, biết mưu tính cho được thành công.

32. *“Trảm tố bất hành yên thị vị minh viễn”*: Tử Trương hỏi Khổng Tử thế nào là người có trí thông minh bạch sáng suốt. Khổng Tử đáp: Những lời dèm pha của kẻ độc hiểm thâm thía về lâu, những lời vu cáo của kẻ hung ác làm cho đau đớn như banh da xẻ thịt; trước những lời ấy mình đừng dao động mà nghe theo, đó gọi là người có trí minh bạch, sáng suốt.

33. Tử viết: *“Đương nhân bất nhượng ư sự”*: Người chuyên làm điều nhân, hề gặp điều nhân thì vui lòng làm ngay, chẳng

nhường thầy mình.

34. Diệp Công vấn chính. Tử viết: “*Cận giả duyệt, viễn giả lai*”: Ông Diệp Công hỏi về cách cai trị, Khổng Tử đáp: Phải được lòng dân, khiến kẻ ở gần, tức người trong địa phương thấy vui và người ở xa, tức người địa phương khác, vì mộ danh mà kéo nhau về với mình.

35. Tử viết: “*Mặc nhi chí chi, học nhi bất yếm, hối nhân bất quyên, hà hữu u ngā tai?*”: Khổng Tử nói: Trầm mặc suy nghĩ đạo lý để ghi nhớ trong lòng, học đạo mà không biết buồn chán, dạy người mà không biết mệt mỏi, ba cái đức ấy có nơi ta chăng?

36. Tử viết: “*Hậu sinh khả uý. Yên tri lai giả chi bất như kim già. Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc uý già dĩ*”: Khổng Tử nói: Những kẻ sinh sau mình là hạng đáng sợ. Biết đâu sau này họ sẽ hơn mình bây giờ. Nhưng đến chừng bốn mươi, năm mươi mà chẳng nghe thấy danh tiếng của họ thì chẳng còn sợ họ nữa.

37. Tăng Tử viết: “*Ngô nhật tam tính ngô thân. Vị nhân mưu nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?*”: Tăng Tử nói: Hằng ngày ta phải xét mình về ba điều: Làm việc gì cho ai có hết lòng không? Kết giao với bạn bè ta có giữ được tín không? Đạo lý thầy dạy có học tập không?

38. Tử viết: “*Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ*”: Khổng Tử nói: Người quân tử học văn để mở rộng kiến thức, nhưng để tự kiểm chế mình thì phải học lễ.

39. Tử viết: “*Ngô vị kiến hảo đức như hảo sắc giả già*”: Khổng Tử nói: Ta chưa từng thấy ai hảo đức bằng hảo sắc (mê gái).

40. Tử viết: “*Tam quân khả đoạt suý già, thất phu bất khả đoạt*

trí giả”: Khổng Tử nói: Một đại tướng chỉ huy ba quân người ta còn bắt được, còn cái chí của một kẻ tầm thường thì không ai đoạt nổi.

41. Tử viết: “*Trí giả bất thất nhân, diệt bất thất ngôn*”: Người trí chẳng để thiệt thòi một đời người, cũng chẳng để phí mất lời nói.

MẠNH TỬ

Mạnh Tử là học trò, cháu Đức Khổng Tử (tức Tử Tư, còn gọi là Khổng Cấp). Khi đã về già ông cùng các môn đệ tập hợp những điều ông đã giảng thuyết soạn thành sách *Mạnh Tử*. Sách có bảy thiên. Mạnh Tử tiếp tục và phát triển học thuyết của Khổng Tử. Sách *Mạnh Tử* có rất nhiều chỗ dẫn những lời của Khổng Tử (nói trong *Luận ngữ*) ra bình giảng lại để làm sáng tỏ thêm.

Dưới đây chỉ trích một số điều của *Mạnh Tử*.

1. “*Quân tử sở dĩ dị ư nhân giả, dĩ kì tồn tâm giả, quân tử dĩ nhân, tồn tâm, dĩ lễ tồn tâm*”. Quân tử sở dĩ khác người ta là chỉ ở chỗ giữ còn cái tâm mà thôi. Quân tử lấy nhân mà giữ cho cái tâm, lấy lễ mà giữ cho còn cái tâm.

2. “*Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục. Kì vi nhân giả quả dục, tuy hữu bất tổn yên, giả, quả hĩ. Kì vi nhân giả đa dục, tuy hữu tổn yên giả quả hĩ*”: Nuôi cái tâm thì không gì hay hơn quả dục. Làm người mà quả dục, thì chỉ có người không giữ được cái tâm nhưng ít lắm. Làm người mà đa dục, thì tuy có người giữ được cái tâm nhưng cũng ít lắm.

3. “Đại nhân giả bất thất kì xích tử chi tâm giả giả”: Bậc đại nhân không bỏ mất cái tâm hỗn nhiên của đứa con đồ.

4. “Thuấn hà nhân giả, dư hà nhân giả, hữu vi giả nhược thị”: Vua Thuấn là người nào, ta là người nào, ai theo đạo mà làm thì cũng thế cả.

5. “Nhân chi hữu đạo giả, bảo thực noãn y, dật cư nhi vô giáo, tắc cận ư cầm thú”: Người ta tuy có đạo lí, nhưng cứ ăn no, mặc ấm, ngồi rồi mà không dạy bảo thì gần giống như cầm thú.

6. “Tận tín thư bất như vô thư”: Đọc sách mà tin cả ở sách thì không bằng không có sách.

7. “Nhân chi hoạn tại hiếu vi nhân sự”: Cái bệnh của người ta là ở chỗ thích làm thầy người ta.

8. “Nhân bất khả dĩ vô sỉ, vô sỉ chi sỉ, vô sỉ hĩ”: Người ta không thể không có lòng xấu hổ về điều mình làm bậy. Nếu ai đã có lòng biết xấu hổ về điều vô sỉ thì không có điều gì đáng xấu hổ nữa.

9. “Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tạc ư nhân”: Ngưng lên không xấu với trời, cúi xuống không thẹn với người.

10. “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”: Dân làm quý, xã tắc là thứ, vua làm khinh.

11. “Dân chi tiểu tụy ư ngược chính, vị hữu thậm ư thử, thì giả giả. Cơ giả dị vi thực, khát giả dị vi ẩm...”: Dân điều đứng khổ sở vì sự cai trị bạo ngược, đến nay đã trầm trọng lắm rồi. Kẻ đói thì dễ dãi với thức ăn, kẻ khát thì dễ dãi với thức uống. Cùng như thế, hiện nay dân khốn khổ triệt để, nếu có bậc vua hiền ra đời thì họ hoan nghênh lắm.

12. “Thiên thì bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa”: Thời

trời chẳng bằng lợi đất, lợi đất chẳng bằng lòng người hòa hiệp.

13. *"Lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kì lạc; ưu dân chi ưu giả, dân diệc ưu kì ưu; lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ, nhiên nhi bất vương giả, vị chi hữu giả"*: Người vui cái vui của dân, thì dân cũng vui cái vui của mình; vì thiên hạ mà vui, vì thiên hạ mà lo thế mà không làm vương thì chưa có vậy.

14. *"Tặc nhân giả vị chi tặc, tặc nghĩa giả vị chi tàn, tàn tặc chi nhân vị chi nhất phu, văn tru nhất phu Tru hĩ, vị văn thí quân giả"*: Người làm hại nhân gọi là tặc, người làm hại nghĩa gọi là tàn; người tàn tặc gọi là một đứa không ra gì. Ta nghe nói: giết một đứa Tru, chưa nghe nói giết vua vậy.

15. *"Thượng vô lễ, hạ vô học, tặc dân hưng, táng vô nhật hĩ"*: Trên mà không có lễ, dưới không có học, giặc giã nổi lên, chẳng bao lâu mà mất vậy.

16. Mạnh Tử viết: *"Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất; thử chi vị đại trượng phu"*: Mạnh Tử nói: Giàu có sang trọng không hoang dâm, phóng túng, gặp nghèo khó ti tiện không đồi tiết tháo, uy thế và vũ lực cũng không khuất phục được mình, người như thế mới đáng được gọi là đại trượng phu.

17. Mạnh Tử viết: *"Quân tử hữu tam lạc: Phụ mẫu câu tồn, huynh đệ vô cố, nhất lạc giả; ngưỡng bất quý ư thiên, phú bất tạc ư nhân, nhị lạc giả; đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi, tam lạc giả"*: Mạnh Tử nói: Người quân tử có ba điều vui: cha mẹ còn khỏe mạnh, anh em chẳng có chuyện gì, đó là điều vui thứ nhất. Trông lên trời chẳng hổ với trời, ngó xuống chẳng thẹn với người, đó là điều vui thứ hai. Được những anh tài của thiên hạ theo học để mình dạy, đó là điều vui thứ ba,

ĐẠI HỌC VÀ TRUNG DUNG

Hai sách này khi xưa vốn là sách chép trong sách *Lễ Kí*. (*Đại Học* là thiên thứ 42, *Trung Dung* là thiên thứ 31).

Đời Tống các nho gia mới đem in riêng ra cùng với sách *Luận Ngữ* và *Mạnh Tử* làm bốn sách gọi là *Tứ Thư*.

Sách *Đại Học* do Tăng Tử soạn trên cơ sở diễn giải lời của Khổng Tử truyền lại. Nội dung là: Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ.

Sách *Trung Dung* do Tử Tư (còn gọi là Khổng Cấp) soạn. Tử Tư là cháu đích tôn của Khổng Tử. Sách *Trung Dung* nói cái nghĩa chấp trung của thánh hiền ngày xưa.

1. “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí u thì thiện. Tri chỉ nhi hậu hựu đình, đình nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc. Vật hữu bản末, sự hữu chung thì, chi sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ*”: Cái đạo của bậc đại học là ở chỗ làm cho sáng cái đức sáng, ở chỗ thân yêu người, ở chỗ đến chí thiện mới thôi. Có biết đến cùng thì sau mới có thể định, định thì sau mới có thể tĩnh, tĩnh thì sau mới có thể yên, yên thì sau mới có thể tư lự tình tường, tư lự tình tường thì sau mới có thể được cái hay, cái phải.

Vật vốn có gốc ngọn, sự có cuối có đầu, biết đạo trước sau thì gần đạo vậy (*Đại Học*).

2. “*Tự thiên tử dĩ chí u thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản*”: Từ đáng thiên tử cho đến kẻ thứ nhân ai cũng phải lấy sự sửa mình làm gốc (*Đại Học*).

3. “*Vật cách nhi hậu tri chi, tri chỉ nhi hậu ý thành, ý thành nhi*

hậu chính tâm, chính tâm nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình”: Suốt tới chỗ uyên thâm của sự vật thì sau mới biết chỗ cùng cực; biết đến chỗ cùng cực thì sau cái ý mới tinh thành; cái ý đã tinh thành thì sau cái tâm mới chính; cái tâm đã chính thì sau cái thân mới tu; cái thân đã tu thì sau cái nhà mới tề; nhà đã tề nước mới trị; nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình (Đại Học).

4. “Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo”: Đạo không xa cái bản tính người ta, nếu theo đạo để cho xa cái bản tính của người ta thì không phải là đạo (Trung Dung).

5. “Trung giả giả, thiên hạ chi đại bản giả; hòa giả giả, thiên hạ chi đại đạo giả. Trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên”: Trung là cái gốc lớn của thiên hạ; Cùng cực cả trung và hòa thì trời đất định vị, vạn vật hoá dục (Trung Dung).

6. “Thành giả thiên chi đạo giả, thành chí giả nhân chi đạo giả”: Thành thực là đạo Trời, giữ cho được thành thực là đạo người (Trung Dung).

7. “Quân tử chi đạo, đạm nhi bất yếm, giản nhi văn, ôn nhi lí”: Đạo của quân tử nhạt mà không chán, giản dị mà có văn vẻ, ôn hòa mà hợp lý (Trung Dung).

8. “Xạ hữu tự hồ quân tử, thất chư chính hộc, phản câu chư kì thân”: Người tập bắn cũng tựa như người quân tử, bắn không trúng bia thì tự xét lại mình (Trung Dung).

9. “Sách ẩn, hành quái, hậu thế hữu thuật yên, ngô phát vi chi hi”: Tìm những điều huyền bí tôi tìm, làm những việc quái lạ, để đời sau có người bắt chước thì ta không làm (Trung Dung).

10. “Tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân”: Lầy đạo mà sửa mình,

lấy nhân mà sửa đạo (Trung Dung).

11. “*Quân tử tuân đạo nhi hành, bán đồ nhi phế, ngô phát năng dĩ hĩ*”: Bậc quân tử nương theo đạo chính mà đi, còn như đi được nửa đường mà bỏ, ta không làm như vậy được (Trung Dung).

12. Thi vân: “*Phạt kha phạt kha, kì tắc bất viễn. Cố quân tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chỉ. Trung thứ vi đạo bất viễn. Thi chư kì nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân*”: Kinh thi chép rằng: Người thợ muốn đẽo một cái búa, thì để sẵn một kiểu búa bên mình. Nhưng khi cầm cái búa mẫu định đẽo cán, nhắm đi nhắm lại thấy cái cán của mình đang đẽo hãy còn xa cách cái mẫu. Cho nên bậc quân tử dùng người mà trị lấy người, sửa mình cho đến lúc thật tốt lành mới thôi. Nếu mình giữ niềm trung thì mình chẳng cách xa đạo. Việc gì mình không muốn người ta làm cho mình, thì chớ đem việc ấy mà làm cho người (Trung Dung).

13. Thi viết: “*Thê tử hảo hiệp, như cố sắt cầm; huynh đệ kí hấp, hòa lạc thả thâm; nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa*”.

Từ viết: “*Phụ mẫu kì thuật hĩ hồ*”: Kinh Thi chép: Trong nhà vợ con hào hiệp, như đàn sắt ăn nhịp với đàn cầm; anh em cùng nhau thỏa thuận, cảnh ấy vui vẻ biết bao! Gia đình phải như vậy đấy! Vợ con an lạc thay! Đức Khổng Tử nói: Trong nhà mà anh em vợ chồng con cái đều hòa thuận, đáng làm cha mẹ rất vui lòng (Trung Dung).

14. Từ viết: “*Hiếu học cận hồ trí; Lục hành cận hồ nhân; Tri si cận hồ dũng; Tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân; Tri sở dĩ tu thân, tắc tri sở dĩ trị nhân; Tri sở dĩ trị nhân, tắc tri sở dĩ trị thiên hạ quốc gia hĩ*”: Khổng Tử nói: Kẻ ham học hỏi, tức gần với đức trí; kẻ ra sức làm điều lành thì gần với đức nhân; kẻ biết hổ người thì gần với

đức dũng. Ai biết ba việc ấy ắt là biết tự sửa mình, biết phương pháp tự sửa mình ắt là biết phương pháp trị người; biết phương pháp trị người ắt là biết phương pháp trị yên cả thiên hạ và các quốc gia (*Trung Dung*).

15. “*Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh viết: Tu thân già, tôn hiền già, thân thân già, kính đại thần già, thể quân thân già, tử thứ dân già, lại bá công già, nhu viễn nhân già, hoài chư hầu già*”: Hễ ai cai trị cả thiên hạ và các quốc gia, phải giữ đủ 9 phép này: 1. Tự sửa lấy mình; 2. Tôn trọng bậc hiền; 3. Thương cha mẹ bà con; 4. Kính trọng đại thần; 5. Biết xét công cán và tình cảm các quan; 6. Thương dân chúng như con; 7. Chiêu mộ các công nghệ; 8. Trọng đãi những người từ xa mới đến; 9. Bảo hộ các nước chư hầu (*Trung Dung*).

NGŨ KINH

Ngũ kinh gồm:

- *Kinh dịch*: Bộ sách triết học rất cao siêu của Nho giáo. Vừa là sách tướng số học, trình bày dưới dạng toán học trừu tượng hoá mức siêu đẳng; vừa là sách lí học giải thích lẽ biến hóa của trời đất và hành động của muôn vật.

- *Kinh Thư*: Bộ sách chép những Điền, Mô, Huấn, Cáo, Thệ, Mệnh của vua tôi đời trước.

- *Kinh Thi*: Bộ sách chép ca dao, dân ca từ đời thượng cổ đến đời Chu.

- *Kinh Lễ*: Bộ sách chép những lễ nghi, phép tắc để giữ trật tự xã hội và tiết chế các tình dục.

Trước còn có *Kinh Nhạc* nhưng sách mất hết chỉ còn một ít

chép chung vào Kinh Lễ thành một thiên gọi là Nhạc Kí.

- Kinh Xuân Thu: Là bộ sách sử do Khổng Tử viết: Sử nước Lỗ, sử nhà Chu.



1. “Dịch Hữu thái cực, thái sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái”: Đạo Dịch có Thái Cực, Thái Cực sinh ra hai nghi (âm, dương), hai nghi sinh ra bốn tượng (thái dương, thiếu dương, thái âm, thiếu âm), bốn tượng sinh ra tám quẻ (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Li, Khôn, Đoài) (Dịch).

2. “Cương nhu tương thôi nhi sinh biến hoá”: Cương mềm đụn đầy nhau mà sinh ra biến hoá (Dịch).

3. “Thiên địa chi đại đạo viết sinh”: Đức lớn của trời đất là sự Sinh (Dịch).

4. “Quân tử thể nhân túc dĩ trường nhân, gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hòa nghĩa, trinh cố túc dĩ cán sự”: Quân tử lấy nhân làm thể là đủ làm trường thành cho người; hợp các cái tốt đẹp là đủ làm cho hợp lễ; lợi cho vạn vật là đủ làm hòa cái nghĩa; biết cái trinh chính mà cố giữ là đủ làm gốc cho mọi sự. Như vậy, nhân là đầu các điều thiện, chủ bồi dưỡng sự sinh của trời đất (Dịch).

5. “Quân tử thượng giao bất siểm, hạ giao bất độc”: Quân tử giao với người trên thì không nịnh, giao với người dưới thì không nhàm (Dịch).

6. “Duy thiên vô thân, khắc kính duy thân, quý thân vô thường hưởng, hưởng vu khắc thành”: Trời không thân với ai, chỉ thân với người hay kính; quý thân không thường chứng giám cho ai, chỉ chứng giám cho kẻ có lòng thành (Thu).

7. “Duy mệnh bất vu thường, đạo thiện tắc đắc chi, bất thiện tắc thất chi hi”: Mệnh trời không định, thiện thì được, bất thiện thì mất (Thư).

8. “Thiên cāng vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi”: Trời thương dân, dân muốn điều gì, trời cũng theo (Thư).

9. “Thiên thị tự ngã dân thị, thiên chính tự ngã dân chính”: Trời trông thấy tự ở dân ta trông thấy; trời nghe thấy ở tự dân ta nghe thấy (Thư). Giống như câu của phương Tây: Vox populi, Vox Dei - Tiếng nói của dân là tiếng nói của trời.

10. “Thiên thông minh tự ngã dân thông minh, thiên minh uy tự ngã dân minh uy, đạt vu thượng hạ kính tai hữu thô”: Cái sáng suốt ở trời ở cái sáng suốt của dân, việc làm cho rõ điều lành sợ điều ác của trời ở việc làm cho rõ điều lành sợ điều ác ở dân, trên trời dưới đất thông đạt với nhau. Vậy nên người làm vua, làm chúa phải kính vậy (Thư).

11. “Quan quan thư cưu, Tại hà chi châu, Yếu diệp thực nữ, Quân tử hảo cưu”: Tản Đà dịch: Quan quan cái con thư cưu, Con sống con mái cùng chung bãi ngoài, Dịu dàng thực nữ như ai, Sánh cùng quân tử thành đôi vợ chồng (Thi).

12. “Duy thước hữu sào, Duy sưu cư chi, Chi tự vu quy, Bách lạng nhạ chi”: Tản Đà dịch: Con thước có tổ, Con cưu ở trong, Cô về nhà chồng, Xe đón hàng trăm (Thi).

13. “Cao dương chi bì, Tổ ti ngũ đà, Thoái thực tự công, Uy di uy di”: Tản Đà dịch: Áo da dê, Viên the năm đường trắng, Lui châu về, Trông dáng khoan thai, Trông dáng khoan thai! Thời đó những người làm quan đều tiết kiệm chính trực, cho nên bài thơ này khen quan ăn mặc giản dị mà ung dung tự đắc như thế (Thi).

14. Khổng Tử viết: “*Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: tư vô tà*”: Khổng Tử nói (trong *Luận Ngữ*): Ba trăm bài trong *Kinh Thi*, lấy một lời mà nói trùm cả là: không nghĩ bậy.

15. Khổng Tử viết: “*Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quân, khả dĩ oán; nhĩ chi sự phú, viễn chi sự quân, đa thức ư điều thu thảo*”: Khổng Tử nói về *Kinh Thi* (trong *Luận Ngữ*): Đọc *Kinh Thi* thì có thể cảm phát ý chí, có thể xem xét điều hay điều dở, có thể hòa hợp mà không lưu đả, có thể bày tỏ cái sâu oán mà không oán giận, gần trong nhà thì biết thờ cha mẹ, xa ra ngoài thì biết cách thờ vua, biết thêm nhiều những tên chim muông cây cỏ.

16. “*Phàm nhân chi sở dĩ vi nhân giả, lễ nghĩa giả*”: Phàm người ta mà thật có cái phẩm giá con người là ở chỗ có lễ nghĩa vậy (*Lễ kí*).

17. “*Thượng hiếu nhân, tắc hạ chi vi tuân. Cố trường dân giả, chương chi, trình giáo, tôn nhân, dĩ tử ái bách tính, dân tri hành kỉ, dĩ duyệt kì thượng hi*”: Người trên thích điều nhân thì người dưới tranh nhau làm điều nhân. Cho nên người cai quản dân phải làm cho sáng rõ điều yêu ghét của mình cho dân biết, lập cái đạo cho chính để dân tôn quý điều nhân, để yêu dân như con. Như thế thì dân hết sức hết lòng làm điều nhân, điều lành, điều phải cho đẹp lòng người trên vậy (*Lễ kí*).

18. “*Dân dĩ quân vi tâm, quân dĩ dân vi thể, tâm trạng tắc thể thư, tâm tức tắc dung kính. Tâm hiếu chi, thân tất an chi; quân hiếu chi, dân tất dục chi. Tâm dĩ thể toàn, diệc dĩ thể thương; quân dĩ dân tôn, diệc dĩ dân vong*”: Dân lấy vua làm tâm, vua lấy dân làm thân thể; tâm trạng chính thì thân thể thư thái, tâm nghiêm túc thì dung mạo cung kính. Tâm thích cái gì, thân thể ắt là yên vui cái ấy; vua thích cái gì dân ắt là muốn cái điều ấy; Tâm nhờ

thân thể mà toàn và cũng vì thân thể mà nguy. Vua nhờ dân mà còn cũng vì dân mà mất (*Lễ kí*).

19. “*Nhân đạo chính vì đại*”: Đạo người thì chính trị là lớn (*Lễ kí*).

20. “*Lễ tiết dân tâm, nhạc hòa dân thanh, chính dĩ hành chi, hình dĩ phòng chi. Lễ, Nhạc, Hình, Chính, tứ đạt nhi bất bội, tắc vương đạo bị hi*”: Lễ để tiết chế lòng dân, Nhạc để hòa thanh âm của dân, Chính trị để định việc làm, Hình Pháp để ngăn cấm điều bậy. Lễ Nhạc Hình Chính, bốn việc ấy đạt cả, không trái điều nào, thì vương đạo đủ vậy (*Nhạc Kí*).

21. Khổng Tử viết: “*Tri ngã giả kì duy Xuân Thu hồ, tội ngã giả kì duy Xuân Thu hồ*”: Người biết ta cũng ở kinh Xuân Thu, người trách tội ta cũng chỉ ở kinh Xuân Thu (*Sách Mạnh Tử*).

22. Trang Tử viết: “*Xuân Thu dĩ đạo danh phận*”: Trang Tử nói (trong *Đạo Đức Kinh*): Sách Xuân Thu là để nói danh và phận.

23. “*Nhất tự chi bao, vinh ư hoa cổn; nhất tự chi biếm nhục ư phủ việt*”: Người đời sau bàn về kinh Xuân Thu, nói: Một chữ khen thì vinh hơn cái áo cổn hoa của vua ban cho, một chữ chê thì nhục hơn phải tội búa rìu.

Chú ý: Sách *Xuân Thu* có ba chủ đích: chính danh tự, định danh phận, ngụ bao biếm. Nó không chỉ là sách chép sử thông thường.

Một chữ là đủ định rõ người tà, người chính. Ví dụ: Thiên tử chết thì chép chữ *Băng*; Vua chư hầu chết thì chép chữ *Hoảng*; ông vua đã cướp ngôi, làm việc tiếm quyền mà chết thì chép chữ *Tổ*; người làm quan ngay thẳng chết thì chép chữ *Tốt*; người làm quan gian nịnh chết thì chép chữ *Từ*.

ĐẠO ĐỨC KINH (của Lão Tử) NAM HOA KINH (của Trang Tử)

1. Lão Tử: “Đạo khả đạo, phi thường đạo; Danh khả danh, phi thường danh”: Lão Tử nói: Đạo mà ta có thể gọi được, không còn phải là đạo thường. Danh mà có thể gọi được thì không phải là danh thường (Đạo Đức Kinh).

2. “Thiên tử giai tri mĩ chi vi mĩ, tư ác dĩ; Giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ”: Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi. Đều biết lành là lành, thì đã có cái chẳng lành rồi (Đạo Đức Kinh).

3. “Vi vô vi tắc vô bất trị”: Nếu làm theo vô vi thì không có gì là không trị (Đạo Đức Kinh).

4. “Phú quý nhi kiêu, Tự di kì cữu”: Giàu sang mà kiêu là tự rước tai vạ. (Đạo Đức Kinh)

5. Khổng Tử: “Ngô kim kiến Lão Tử kì do long”: Sau khi gặp Lão Tử, Khổng Tử về nói với học trò: Chim, ta biết nó bay như thế nào; cá, ta biết nó lội ra sao; thú, ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy thì ta có lưới bắt; cá lội thì có dây câu nó; chim bay thì ta có bẫy gài nó. Chứ như con rồng thì ta không biết nó theo mây gió mà bay liệng như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng (Luận Ngữ).

6. Trang Tử: “Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, Vạn vật dữ ngã vi nhất, Kí dĩ vi nhất hĩ, thả đắc hữu ngôn hồ?": Trang Tử nói: Trời và Đất cùng ta đồng sinh, Vạn Vật cùng ta là một. Đã là một rồi thì còn nói gì được nữa (Nam Hoa Kinh).

LUTÈCE

阮
克
援

阮
克
援

Saint-Hilaire
du Touvet
1942 - 1951

Học chữ Hán
ở Saint Hilaire

Bìa vở "Học chữ Hán" của BS. Nguyễn Khắc Viện

IV ĐẠO LÀM NGƯỜI

BẠT

Điều tôi tâm đắc nhất trong đạo Nho là tính “vừa phải”, không cực đoan. Đạo này cũng dạy lòng nhân, nhưng Phật thì mở rộng từ bi cho mọi sinh vật, cả con ong cái kiến cũng như con người, Giê-su thì kêu gọi yêu mọi người như bản thân, vì đều là con của Chúa như nhau. Thầy Khổng Tử không cực đoan như vậy, mà bảo yêu mọi người, nhưng tôi yêu bố mẹ tôi, bà con tôi, dân tộc tôi hơn bố mẹ, bà con, dân tộc người khác.

Các đạo khác dạy, lấy ân đáp cả ân và oán, ông Khổng bảo: lấy ân đáp ân, lấy công bằng sáng suốt mà đáp oán.

Giê-su bảo: Ai tát anh bên má phải, cứ đưa má bên trái cho người tát tiếp. Một nhà nho đối xử khác: bị tát một lần, biết tránh đỡ những cái tát khác, và nếu người kia quá hung hăng, biết tát lại. Vừa phải thôi.

Thầy Khổng không bảo, mình thích thú, ham muốn gì thì tìm cách giúp cho người khác được như vậy. Thầy dạy: cái gì mình không muốn, đừng bắt người khác gánh chịu. Lòng nhân tránh làm hại, trong thực tế nhiều khi hơn lòng nhân tích cực,

cố làm phúc cho người khác. Chưa chắc tràn trề yêu thương, năng nổ giúp ích cho kẻ khác là tốt nhất, nhiều khi gây hại không nhỏ. Tôi rất sợ những nhà từ thiện cuồng nhiệt. Có lần tôi mới mổ xong, đau nhức nhối, thiếp ngủ được vài phút, một ông bạn đẩy lòng ưu ái lắc tôi tỉnh dậy: “Cậu muốn mình giúp gì không”?

Điều tâm đắc thứ hai là câu chuyện xử thế. Trong mọi tình thế, đối với người này, người khác, với bề trên kẻ dưới, đối xử ra sao. Nhất là đối với ai có quyền lực, vương bá vua quan. Tôn trọng phong tục luật lệ của cộng đồng mà không để mất nhân phẩm của mình. Trung thành mà không ngu trung, không phải vua bảo gì là nhắm mắt tuân theo. Thờ vua, nhưng có khi phải giết cả vua để cứu dân, cứu nước. Xuất thế kinh bang tế thế, nhưng cũng biết lúc nào cần rút lui, về dạy học, làm thuốc. “Lên gân” một tí, Mạnh Tử để lại mấy câu bất hủ:

“Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất”. Nhưng vẫn có sách lược xuất xử.

Từ những cử chỉ hàng ngày đến thái độ khẳng khái chấp nhận cái chết để bảo vệ nhân phẩm của mình, chưa thấy đạo giáo nào dạy bảo chi li như vậy. Ngày nay một số học giả Mỹ bày ra cái thuật huấn luyện những cái mà họ gọi là kỹ năng xã hội (social skills), tức là thủ pháp, thủ thuật, cả thủ đoạn ứng xử trong cuộc sống xã hội, phần nào giống như thuật xử thế của đạo Nho. Chỉ có là theo lối Mỹ, thực dụng không cần nói đến đạo lý, chỉ biết ứng xử cho thuận lợi. Đó là học thuyết ứng xử cả kiểu cũ và mới (behaviorism và néobehaveosm): họ thành công không ít, nhưng nhiều khi lại rất ngây thơ hay tàn nhẫn, thiếu cái chiều sâu và lòng nhân của nhà nho.

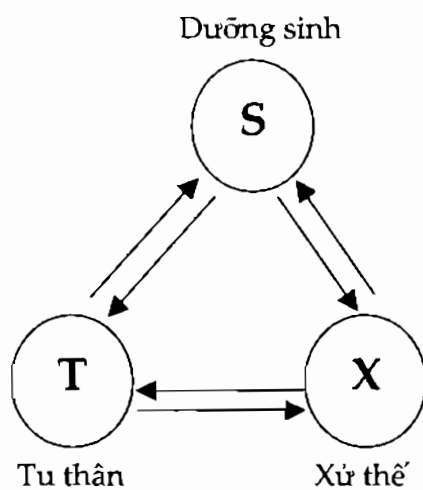
CÓ THUẬT PHẢI ĐI VỚI HỌC, CÓ ĐẠO

Tôi không phải tín đồ của đạo Nho, cũng không phải là một học giả hiểu thấu nho học. Tôi thuộc một dân tộc đã mấy trăm năm thâm nhuần đạo Nho, là con một gia đình nho sĩ, truyền thống ấy nằm trong bản tính, dù có muốn bỏ đi cũng không được. Chỉ cố gắng nhận thức ra cần cố gắng giữ lại những gì? Bỏ sung những gì?

Đạo Nho không giúp gì cho tôi trong việc chữa bệnh, tôi đã phải học thêm các thuật Yoga của Ấn Độ và khí công nhu quyền của Lão giáo. Rồi kết hợp với sinh lí hiện đại, thành thuật dưỡng sinh. Thầy Khổng dạy: học, học mãi, đồng ý, nhưng vì đã học về khoa học tôi xin bổ sung: học có óc phê phán, không tôn ai làm Thánh, kể cả Khổng Tử. Tôi đồng ý phải đặt nhiệm vụ chính trị thành một trong những mối quan tâm hàng đầu, nhưng không phải chỉ trên cơ sở đạo đức, mà cả trên cơ sở khách quan, kinh tế, quan hệ các giai cấp, các dân tộc, theo tiến trình lịch sử như Mác đã phân giải. Đồng ý tu thân, tự mình phải xét mình, nhưng không như nhà nho ngừng ở bình diện đối xử với người khác, mà còn đi sâu vào thâm tâm, vào cái vô thức của mình phần nào, kiểu phân tâm hay thiền.

Xuất phát từ cấu trúc của con người với ba mặt: Sinh lí (S), xã hội (X), tâm lý (T), tôi đi đến một đạo lí ba mặt:

Dưỡng sinh, xử thế, tu thân.



TÔI ĐÃ ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NHƯ THẾ NÀO

Con nhà quan, tôi chưa bao giờ phải chịu đói rét. Trường học của thực dân, sau đó là đại học của Pháp, với 26 năm sinh sống trên đất Pháp đã làm cho tôi thấm nhiễm sâu sắc văn hoá Pháp, tức một nền văn hoá tư sản.

Chưa bao giờ tôi bị giam cầm, bị tra tấn. Tôi chưa hề bắn một phát súng chống quân xâm lược.

Phép mầu nhiệm nào đã biến con người trí thức ấy xuất thân từ truyền thống phong kiến mang nặng một vốn văn hoá tư sản thành một người đảng viên cộng sản, tin tưởng sâu sắc rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải quyết được những vấn

* Tác phẩm được tặng giải nhất trong cuộc thi quốc tế "Con người của thế giới xã hội chủ nghĩa" do Thông tấn xã Nôvôxti phối hợp với Hội Nhà báo Liên Xô tổ chức, nhân dịp kỷ niệm 40 năm hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới (BT).

đề nghiêm trọng của thời đại, chỉ có học thuyết Mác - Lênin mới vạch ra được con đường đúng.

*

* *

Người ta thường nói, muốn trở thành một người cộng sản, một trí thức tư sản, phải thực sự lột xác, trải qua một con đường khổ ải, gay go. Tôi chưa hề đi qua một con đường như vậy. Ngày giờ nào tôi được kết nạp vào Đảng, tôi nhớ rất rõ, nhưng trở thành người cộng sản lại là những bước đường kéo dài nhiều năm, hầu như không rõ nét.

Vào tuổi hai mươi, trong đầu óc tôi tư tưởng chính trị duy nhất không phải là căm thù, mà là một khối ấm ức đối với người Pháp. Một thằng nhóc Pháp ra đường có quyền mắng chửi bất kì người Việt Nam nào, nhưng tai họa sẽ ập đến cho bất kì người Việt Nam nào dám đụng đến sợi lông của một con chó, nếu chủ nó là người Pháp. Làm gì được, tôi chỉ biết mỗi lần gặp đội đá bóng của trường Trung học Pháp thi đấu với đội của chúng tôi là giờ cùi chò đầu gối chơi xấu.

*

* *

Đại chiến thứ hai bùng nổ. Lúc ấy tôi đang học y khoa ở Paris, mơ ước trở nên một người thầy thuốc nổi tiếng, sẽ hết lòng cứu chữa người nghèo với những thành tựu khoa học cao nhất. Đây là con đường mà tôi nghĩ rằng có thể giúp tôi đóng góp phần mình vào sự nghiệp giải phóng của đất nước.

Chiến tranh đến phá vỡ mơ ước ấy. Và ngay trên nước Pháp, tôi lại tiếp xúc với Tổ quốc. Máy vạn nông dân Việt Nam bị bắt qua Pháp, hoặc làm lính hoặc làm thợ. Đại đa số còn mù

chữ, họ bị nhốt lại trong những trại lính, phải ăn đói, và sĩ quan Pháp hàng ngày hành hạ lính Việt Nam. Nhiều người phát bệnh và đôi lần tôi có dịp thăm chữa cho họ.

Chẳng bao lâu tôi thấy rõ đợt họ đau ốm rồi mới chăm chữa là công dã tràng và cần phải tạo cho họ những điều kiện sinh sống tốt hơn về vật chất cũng như tinh thần. Thế là tôi bị lôi cuốn vào cuộc đấu tranh của họ, lúc đầu không phải vì mục tiêu chính trị mà chỉ vì những yêu sách về đời sống.

Lần đầu tiên trong đời tôi, tôi tham gia một cuộc đấu tranh xã hội, và cũng là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với anh em lao động, ăn sâu vào tâm trí. Lúc đầu còn mơ hồ, đến nhiều năm sau này càng rõ nét.

*

*

*

Tháng sáu 1940, quân Đức chiếm nước Pháp. Lúc ấy, tôi không hiểu gì về cuộc chiến tranh mà tôi cho là chỉ đụng đến người Âu châu. Tôi nghĩ rằng nước Pháp thực dân, nước Pháp xâm chiếm Tổ quốc tôi đã chiến bại, và tôi hoan hô chiến thắng của quân Đức.

Thực tế của sự xâm chiếm Đức ở Pháp dần dần làm cho tôi mờ mắt. Tôi có một số bạn Pháp (bạn chưa phải là đồng chí vì thời ấy tôi chưa biết từ đồng chí), những người bạn này có tư tưởng chống thực dân, lại bị bọn Đức bắt bớ truy lùng, còn những người Pháp thực dân hạng nặng thì hợp tác chặt chẽ với quân Đức.

Tôi bắt đầu hiểu, mặc dù còn rất mơ hồ - ranh giới giữa người này, người khác chính không phải là giữa dân tộc Việt Nam và dân tộc Pháp mà giữa một bên là chủ nghĩa phát xít và

thực dân, một bên là những lực lượng tiến bộ khắp thế giới. Tuy nhiên, lúc ấy tôi vẫn còn nghĩ rằng, có thể Nhật Bản giúp người Việt Nam đánh đuổi bọn Pháp, tôi theo dõi thời cuộc một cách tường tận hơn trước. Xtalingrat gây nên một môi suy nghĩ sâu sắc và có hệ thống: vai trò lịch sử của Liên Xô nổi bật lên.

Sự sụp đổ của Hitle mở cho cộng đồng người Việt Nam ở Pháp một thời tự do hoạt động chưa từng thấy. Chúng tôi có thể mở rộng nhiều hoạt động: biểu tình đòi độc lập, thanh toán mù chữ, tổ chức hội, in báo. Những người cộng sản Pháp giúp đỡ chúng tôi tích cực, vì vậy tôi thường tiếp xúc với họ.

Dần dần một cảm nghĩ mới xuất hiện. Trước kia, tôi hoàn toàn thờ ơ với những vấn đề nội bộ của nước Pháp. Sau 1945, tôi đã tham gia những cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc cùng với sự giúp đỡ của những người cộng sản Pháp. Những vụ bãi công, những đợt đấu tranh tuyên cử, những vụ tranh luận về tư tưởng và đặc biệt kế hoạch Marshall, sự thành lập khối quân sự Đại Tây Dương, việc Đảng Cộng sản Pháp bị đẩy ra khỏi chính phủ, sự phát động phong trào hòa bình, tôi tiếp nhận một cách sâu sắc cũng như những tin chiến thắng chống quân Pháp từ trong nước đưa sang.

Và mỗi lần những tin chiến thắng chống quân Pháp đến với chúng tôi, vui mừng nhất là thấy một số cộng sản người Pháp, chia sẻ niềm vui với chúng tôi. Tôi bắt đầu hiểu sợi dây liên kết, rõ ràng là không thể tách rời với nhau giữa bộ ba: Dân tộc Việt Nam - Liên Xô - Đảng Cộng sản.

Rồi những chế độ Dân chủ Nhân dân ở Đông Âu được củng cố, 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc đại thắng, hình ảnh

và khái niệm phong trào Cộng sản quốc tế từ đó in sâu vào tâm trí một cách vĩnh cửu.

*

* *

Trong những năm ấy, thông qua sách báo của Đảng Cộng sản Pháp, tôi tìm hiểu chủ nghĩa Mác. Mười năm làm nghề y khoa đã giúp tôi làm quen với phương pháp suy nghĩ khoa học. Tôi dễ dàng nhận ra trong chủ nghĩa Mác cũng có một phương pháp suy nghĩ tương tự, một phương pháp biện chứng và duy vật, tôi từng quen thuộc trong y khoa. Nhưng trước đó, trong lúc hành nghề, lúc suy luận để chẩn đoán bệnh tật một cách chính xác, hoặc tìm hiểu căn nguyên cơ chế một chứng bệnh, tôi cũng vận dụng một phương pháp biện chứng và duy vật chỉ có một điều là vô ý thức mà thôi.

Tôi xin gia nhập Đảng Cộng sản.

Độc lập dân tộc, yêu sách cơ bản của những dân tộc lệ thuộc.

Chủ nghĩa nhân đạo, cốt lõi của ngành y.

Chủ nghĩa quốc tế, nguyện vọng thiết tha của những con người đã từng có bè bạn ở nhiều nước.

Có khoa học chứ không phải tín ngưỡng, cảm tính.

Việc tự nguyện gia nhập Đảng Cộng sản, chấp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin đã đúc kết một cách hài hòa những nguyện vọng cơ bản kể trên. Trước đó, tôi đã tìm tòi về nhiều phương hướng, Khổng giáo, chủ nghĩa Gandhi, Yoga, Thiền, Lão. Nhưng ở mỗi học thuyết và đạo lý ấy vẫn thấy thiếu một cái gì, và nếu tôi chấp nhận thì nhất định con người của tôi sẽ què

quặt về một mặt nào đó.

*
* *

Năm nay tôi đã 72 tuổi, tôi đã chứng kiến những điều khủng khiếp trong Đại chiến thứ hai, tôi đã thấy những tội ác ghê tởm của Mỹ tàn phá Tổ quốc tôi, tôi đã nhìn tận mắt những đồng xương mà bọn Pôn Pốt đã rải trên khắp đất Campuchia. Cũng như tất cả những người Việt Nam, tôi vấp phải muôn vàn khó khăn trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công tác.

Nhưng tôi vẫn lạc quan sâu sắc về tương lai của Tổ quốc cũng như của loài người. Tôi hiểu rõ một hiểm họa hạt nhân đang uy hiếp ghê gớm cả nhân loại, cũng như một cuộc xâm lăng của đế quốc đang uy hiếp nặng nề đất nước tôi.

Tôi vẫn giữ một niềm hy vọng vững chắc, vì sự tồn tại sức mạnh của Liên Xô, của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bảo đảm cho mọi người một nền hòa bình lâu dài. Đúng là ai không tin tưởng như vậy thì mất hết niềm hy vọng về con người và tương lai. Được chứng kiến những tiến bộ không ngừng mà dân tộc Việt Nam đạt được trong 40 năm qua, bằng cố gắng của bản thân và với sự giúp đỡ tận tình và có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa khác đã tôi luyện cho tôi một niềm tin không gì lay chuyển nổi ở những lực lượng tiến bộ của toàn thế giới.

Từ "tiến bộ", mà có kẻ muốn xóa bỏ trong ngôn ngữ của loài người, trong lòng tôi vẫn vang động. Tôi tin tưởng rằng đến 2045, tức một trăm năm sau chiến thắng chống phát xít, một trăm năm sau tuyên bố độc lập của Việt Nam, loài người

sẽ thực hiện được ít nhất một số mơ ước táo bạo nhất. Sẽ có nhiều nước mới gia nhập cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, sự nghèo khổ nay còn đè nặng lên nhiều dân tộc đối với một số lúc ấy đã thuộc về lịch sử. Sự bất bình đẳng giữa các dân tộc ít nhất là giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau, đại bộ phận đã được san bằng. Lúc ấy, mọi người sẽ tự hào vừa là công dân của một quốc gia dân tộc nhất định, vừa là công dân của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Những nền văn hoá khác nhau sẽ nảy nở, giữ tính độc đáo mà vẫn phát triển hài hòa với những nền văn hoá khác. Lúc ấy, đế quốc bị bao vây sẽ dần dần lùi bước. Những tổ chức quốc tế sẽ thật sự có khả năng hoạt động phục vụ loài người.

*

*

*

Viết đến đây, tôi nhìn thấy những nụ cười hoài nghi của một số bạn quen ở phương Tây. Chắc cũng có người tò vè thương hại, cho rằng vì tuổi già, tôi đã bắt đầu lẩm cẩm. Cũng có những người táo tợn hơn sẽ chỉ vào mặt tôi: Anh cứ nhìn chung quanh anh đi, chủ nghĩa xã hội bằng xương bằng thịt anh đang sống đấy, có gì đẹp đẽ không?

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Ngủ trong chăn mới thấy chăn có rận”. Tôi nghĩ rằng, tôi thấy rõ những bệnh hoạn hiện có đè nặng lên các nước xã hội chủ nghĩa như là quan liêu, cửa quyền, chủ nghĩa hình thức... còn rõ hơn những người quan sát từ ngoài. Tôi biết rõ con đường gay go và dang dặc tiến tới chủ nghĩa cộng sản đầy rẫy những chứng bệnh ấu trĩ, sai lầm, nhất là ở một nước như Việt Nam xuất phát từ một trình độ rất thấp với một xã hội tiền tư bản bị chủ nghĩa thực dân và chiến tranh phá vỡ tan hoang. Đã bao lần, chính bản thân, hoặc

những người thân thuộc bè bạn gần gũi nhất của tôi đã đau khổ vì những chứng bệnh ấy.

Tôi đã sống nhiều năm ở những nước tư bản phát triển, tôi biết rõ trình độ vật chất và kỹ thuật của họ còn hơn các nước xã hội chủ nghĩa, và chế độ dân chủ tư sản cũng có những mặt hấp dẫn. Nhưng chế độ dân chủ tư sản ấy có cho phép nhân dân Pháp ngăn cản chính phủ của mình đẩy nước Pháp vào những cuộc chiến tranh thuộc địa tai hại, ngăn chặn được những công ty siêu quốc gia Mỹ nắm lấy một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Pháp, có ngăn chặn được nạn thất nghiệp tràn lan không? Làm sao mà giải quyết được bi kịch của thế giới ngày nay chia làm hai, một trung tâm tư bản phát triển đầy ắp của cái với một ngoại vi thế giới thứ ba xơ xác, trong khuôn khổ của cái thế giới gọi là tự do? Quả thật là nan giải.

Tôi đã dạo qua những đường phố Paris, Hambua, Rôma, Bru xen, ở đây tôi có nhiều bạn bè, tôi rất thích thú với những lâu đài lịch sử và những thành tựu khoa học kỹ thuật của những thành phố ấy. Nhưng hễ tôi so sánh những cảnh đông người, cảnh xã hội ở đây với những cảnh tôi thấy trong đường phố Matxcova thì một sự khác biệt đập ngay vào mắt. Cảnh đông người trên đường phố Matxcova toát ra một khí sắc lạnh mạnh không thể có ở các thành phố tư bản.

Người ta hay nói đến sự hội tụ của những xã hội công nghiệp: đúng là dễ giống nhau về hàng hoá, về kiến trúc, nhà cửa hay sân bay, nhưng không thể nào ngụy biện để che giấu được sự khác biệt giữa một xã hội lạnh mạnh và một xã hội bệnh hoạn. Với tất cả những giàu sang và hấp dẫn của nó, xã hội tư bản phát triển nhất vẫn là một xã hội bệnh hoạn, có

nguy cơ dẫn loài người đến ngày tận thế hạt nhân. Một xã hội xã hội chủ nghĩa ngay từ trong trứng nước như ở Việt Nam, còn mang nặng tất cả những chứng tật ấu trĩ và di sản từ ngày xưa, vẫn có những mầm mống lành mạnh không thể nào có ở những nước tư bản.

Kể ra tôi cũng có khả năng tạo nên một chỗ náu mình, êm ấm ở một nước tư bản phát triển, nhưng tôi biết chắc chắn không thể một tháp ngà nào có thể bảo vệ cho tôi tránh khỏi tiêm nhiễm. Vì vậy, tôi đã lựa chọn đứng vào hàng ngũ của những người xây dựng chủ nghĩa xã hội giữa một dòng thác còn trôi theo nhiều rác rưởi, nhưng đang cuốn loài người tới một tương lai nặng tình người.

*

* *

Tương lai ấy, tôi phải bảo vệ chống những bọn hiện nay đang mưu đồ bóp nghẹt nó dưới bom đạn. Vũ khí độc nhất của tôi là cây bút và lời nói. Mỗi lần tôi đứng lên nói hay cầm bút, tôi lắng nghe các em nô đùa ngoài đường phố, tôi thấy mắt chúng sáng lên, lúc nhìn vào những nụ hoa trông ở công viên, tôi nhớ lại trận bom ở Hà Nội vào tháng 12-1972, và lời kêu gọi của Julius Fucik lại vang vọng bên tai:

“Hỡi loài người, phải cảnh giác”.

Hà Nội, khai bút 1983

Nguyễn Khắc Viện, cán bộ về hưu,
8 Nguyễn Chế Nghĩa - Hà Nội

MỘT ĐÔI LỜI

*Theo bản in Nhà xuất bản Trẻ
Thành phố Hồ Chí Minh 1985
(Tái bản có bổ sung 1997)*

I

LÒNG TIN

Tôi sẽ nói chuyện chính trị với các bạn

Mặc dù tôi biết nhiều bạn đã chán nghe chuyện chính trị. Chán hơn cơm nếp nát. Tôi biết. Tivi đến mục thời sự thì bạn lảng đi, nghe đài đến “phát động thi đua” bạn tắt. Xem báo thấy cả trang báo cáo bạn không đọc. Tôi không trách bạn. Ngay từ lúc lên mười, lên mười một tuổi, bạn đã phải học nhiều nội dung chính trị vượt xa trình độ tiếp thu của bạn. Sự quá tải đó đã tạo nên hiện tượng dị ứng¹ đối với chính trị. Nhưng tôi vẫn nói chuyện chính trị.

Vì tôi biết các bạn suy nghĩ nhiều về chính trị. Chính trị như nước trong mỗi thức ăn, thấm vào sinh hoạt của các bạn. Nó không thống soái cuộc sống, không nhất thiết là cái gây chỉ huy mọi sự việc, nhưng phân tích đến cùng, sự việc gì cũng có khía cạnh chính trị của nó.

Nghĩa là, suy nghĩ về bất kì một sự việc gì, đừng quên khía cạnh chính trị. Quyết định một điều gì, không quên mặt chính trị của nó. Không vì lí do chính trị mà lấy vợ, nhưng lấy

¹ Dị ứng: Có nhiều thức ăn, thuốc, chất liệu, được đa số người uống, tiêm vào hay tiếp xúc ngoài da, không xảy ra biến chứng gì, một số người lại phản ứng khác nhau, sinh ra những bệnh chứng, có khi nguy hiểm.

vợ này hay vợ khác cũng có khía cạnh chính trị đấy. Lựa chọn một nghề cũng vậy. Hút thuốc lá nội hay ngoại cũng thế. Ham thích ca nhạc kiểu này hay kiểu khác cũng vậy.

Bảo chính trị là thống soái, là “mao ít”, giáo điều. Quên mất chính trị thì nông cạn.

Có lẽ nội dung câu chuyện của chúng tôi chẳng khác gì những chuyện mà các bạn đã chán ngấy, nghe ở trên đài, đọc trên các báo. Có lẽ chỉ khác cách nói thôi.

Cách nói thế nào? Đứng trên cương vị nào mà nói?

Chuyện xưa, ông già ấy lấy vợ, đêm tân hôn, nàng hỏi:

- Chàng năm nay bao nhiêu tuổi?

- Ngũ thập niên tiền, nhị thập tam.

Năm mươi năm về trước, anh cũng trẻ như em, mới hai mươi ba. Các bạn hỏi tôi bao nhiêu tuổi, tôi cũng trả lời: Năm mươi năm về trước, tôi phơi phơi tuổi hai mươi ba. Tôi xin đứng cương vị một ông già. Cách nói của ông già là hay kể chuyện xưa.

Chuyện thời phong kiến. Vua quan thế nào, vì cha tôi xưa làm quan, tôi từ bé đã có dịp vào tận cung điện ở Huế. Hào lí, địa chủ thế nào, xưa cũng hay về quê. Chuyện thời thực dân. Chuyện tư bản, vì tôi đã ở Pháp hai mươi sáu năm rông. Chuyện các nước: tôi đã may mắn đi khoảng hai mươi nước. Chuyện trong sách vở đã đọc trong năm mươi năm qua.

Có người bảo: thanh niên ngày nay thiếu lòng tin.

Tôi không ưa dùng lòng tin một cách chung chung. Tin như thế nào? Cần phân biệt: tin ngưỡng, tin nhiệm, tin tương.

Có tin ngưỡng kiểu tôn giáo, mang tính tuyệt đối, đặt

niềm tin vào một vị cứu thế và một giới siêu nhiên, tín đồ giao phó vận mệnh cho một giáo hội, đứng đầu là một giáo hoàng hay giáo chủ với một bộ máy linh mục tu sĩ.

Tôi biết anh chị em Phật tử đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chống Mỹ nhưng tôi không tin rằng đạo Phật có thể giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện nay. Nếu tôi đồng ý với một số luận điểm của Phật giáo, tôi không thể đồng tình với điểm gốc của Phật, khẳng định đời là bể khổ. Đời có khổ, có sướng. Nhìn một buổi sáng bình minh trên biển, nô đùa với em bé, này ra một sáng kiến cải tiến một cỗ máy, sáng tạo ra một câu thơ hay, vợ chồng tâm đầu ý hợp, xây dựng được đoàn kết trong một chi bộ, chiến thắng giặc, tại sao lại quên biết bao nhiêu cái vui sướng mà chỉ nói về cái khổ.

Trong thời gian ở Âu châu, tôi đã có rất nhiều bạn thân là tín đồ Ki-tô, và cũng tìm hiểu khá kĩ đạo ấy, nhưng đối với tôi, Ki-tô giáo vẫn xa lạ. Nhìn một nhà thờ đồ sộ, không hòa mình với xóm làng xung quanh, dự một buổi lễ, một đám tang bên đạo, tôi vẫn có cảm giác một mảng sống của phương Tây đã ghép vào đất nước chúng ta chứ không hình thành từ cội nguồn dân tộc. Tôi đã nghiên cứu kĩ lịch sử giáo hội La Mã, một lịch sử lâu dài chưa thật hòa mình vào cách mạng, từ cách mạng tư sản của Pháp đến cách mạng vô sản ngày nay. Tôi mừng thấy giáo hội Việt Nam tuyên bố rõ ràng chấp nhận chế độ xã hội chủ nghĩa, và đại đa số tín đồ ngày nay đang tham gia tích cực xây dựng đất nước, nhưng thú thật tôi còn bị ám ảnh về quá khứ.

Nhưng nói chung, bất kì tôn giáo nào, riêng tôi, tôi cũng không đồng tình, vì họ không tin ở sức lực con người. Con người, hoặc phải nhờ một Thượng đế cứu vớt cho, hoặc phải

đặt hy vọng vào một thế giới siêu nhiên, nằm ngoài cuộc sống, xã hội và cá nhân. Vì vậy, tôi tôn trọng tuyệt đối quyền tự do lựa chọn của mỗi người kể cả con tôi, còn nếu có ai hỏi tôi một lời khuyên bảo, thì dứt khoát tôi sẽ bảo không nên.

Không tín ngưỡng, không giao phó vận mệnh của mình cho một vị cứu thế, một giáo hội và những linh mục thầy tu, con người có thể tín nhiệm vào một tổ chức, một cộng đồng, một tập thể. Vì tính chất của tập thể ấy, vì cơ chế hoạt động của nó. Và tín nhiệm ở những người được bầu lên, được chỉ định lãnh đạo các tập thể hay tổ chức ấy.

Tín nhiệm tức giao cho những người ấy quyền lãnh đạo để vạch ra phương hướng, quyết định những chủ trương mà mình phải nghiêm túc chấp hành.

Nhưng làm vậy không có nghĩa là bỏ hết, từ hết trách nhiệm của bản thân.

Bản thân là một thành viên tích cực của tổ chức, có quyền và có nhiệm vụ tham gia vào những quyết định, những chủ trương, đóng góp ý kiến, phê phán lãnh đạo. Con người ở đây không phải là con cừu nhắm mắt đi theo cả đàn, và cả đàn cùng nhắm mắt đi theo một người chăn chiên (một mục sư)¹.

Mỗi con người là một cá nhân, một nhân cách riêng biệt, có suy nghĩ, có hành động độc lập, vừa nghiêm túc chấp hành chủ trương của tập thể, của cấp trên, vừa luôn luôn tỉnh táo suy nghĩ để đóng góp phần của mình, ý kiến của mình cho sự nghiệp chung. Đây là một con người năng động, chủ động.

Muốn chủ động phải xây dựng cho bản thân một tin tưởng vững chắc.

¹ Mục sư: Mục là chăn dắt. Người chăn dắt các tín đồ.

Có tin mới hành động được lâu bền, vượt qua khó khăn, chịu đựng gian khổ. Nhưng tin trên cơ sở lý trí, hiểu rõ ngọn ngành, để cho mỗi quyết định quan trọng trong cuộc sống của mình đều có cơ sở lý trí, không bị tình cảm bùng bột chi phối. Lòng nóng sôi, đầu óc vẫn ngội lạnh, tình táo suy nghĩ, nhận xét.

Không thể có ngay một tin tưởng vững chắc. Phải qua một quá trình xây dựng lâu dài, thông qua mấy con đường phối hợp.

- Kinh nghiệm sống, qua nhiều thách thức;

- Được một tổ chức, một tập thể, một người đi trước giúp đỡ dìu dắt, giáo dục;

- Bản thân có nhiều cố gắng, có một ý chí bền vững để học tập, suy nghĩ và hành động.

Quá trình xây dựng này không bao giờ ngừng, không ai có thể tự hào là mình đã đạt một trình độ đầy đủ, “đắc đạo” đến mức không có gì suy chuyển nữa. Sóng gió mãnh liệt của cuộc sống luôn luôn thách thức đi, thách thức lại tin tưởng của mỗi người.

Lúc tư tưởng đã thật vững chắc, thường gọi là đạo lí.

Đạo đây không có nghĩa tôn giáo, đạo là con đường tự mình vạch ra và cố gắng hành động, tổ chức cuộc sống theo con đường ấy; lý là lý trí, lấy trí tuệ, hiểu biết, nhận thức làm cơ sở cho cuộc sống.

Phần tôi, sau nhiều năm kinh nghiệm và suy nghĩ học tập, tôi thấy chỉ có đạo lí cộng sản là đạo lí của con người thời đại ngày nay.

Phải chăng thế hệ thanh niên thời trước, thời chúng tôi, hay suy nghĩ, để tiến tới một đạo lí hơn là thanh niên ngày nay?

Tôi không nghĩ như vậy.

Đại đa số thanh niên 50 năm về trước không ai suy nghĩ trăn trở gì lắm. Chỉ một số ít thôi. Vì ai đã có “phận” nấy.

Phận là cái phần mà cuộc sống, xã hội đã dành cho mỗi người, phận làm trai, phận giàu, phận nghèo, phận đàn bà, phận làm tôi... Con nhà lao động nghèo, nhiều lắm học đến 9 - 10 tuổi là phải lo làm ăn, may mắn là kẻ tục được nghề nghiệp của cha anh. Con nhà giàu thì học lên, cao thì làm quan, kém hơn làm thầy. Sinh đẻ ở phận nào theo phận ấy, chỉ số ít thoát khỏi.

Bất phong trần phải phong trần

Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

(Truyện Kiều)

Thành thử thanh niên ngày nay, mặc dù con ông này ông nọ có khi dễ tiến thân hơn con một nông dân, nhưng dù sao trước mặt mọi người đều có khó khăn mở ra nhiều con đường. Ngày nay, sự lựa chọn và cố gắng của bản thân, sự giúp đỡ của bạn bè đóng vai trò quyết định. Có lựa chọn, tất phải có suy nghĩ trăn trở.

Một đứa cháu 12 tuổi, có lần hỏi tôi: Thế nào là mất ngủ bác nhỉ? Cháu cứ nghe người lớn than phiền như vậy, cháu không hiểu. Tôi trả lời: Vài năm nữa cháu sẽ hiểu. Đến lúc nó 16 tuổi, một hôm thấy nét mặt bơ phờ của nó, tôi hỏi: Cháu hiểu thế nào là mất ngủ chưa? Nó gật đầu.

Tuổi thanh niên là tuổi bắt đầu mất ngủ.

Hết lớp 8, lớp 9, học gì đây? Trung học, hay học nghề, hay đi sản xuất?

Trai gặp gái, gái gặp trai không tự nhiên như trước nữa, mà bắt đầu ngập ngừng. Yêu ai đây? Yêu như thế nào?

Sức khoẻ tăng nhanh, bề gãy sừng trâu, kiến thức hiểu biết tích lũy đã khá, sức sống ấy sẽ dồn vào hướng nào. Sống như thế nào đây?

Tình yêu, nghề nghiệp, lối sống?

Ba câu hỏi ngày ngày ám ảnh, người khuyên thế này, kẻ bảo cách khác. Không thể quy cho số phận. Cơ may cũng sần sần như nhau cả thôi, con ông lớn ông nhỏ cũng nhiều lắm là một tám một mười.

Ngày xưa, con gái 15-16, trai 17-18 đã có chồng có vợ, cha mẹ họ hàng xếp như thế nào đành phải nhận. Từ ngày dậy thì, tình dục bắt đầu sôi động cho đến ngày lập gia đình, không phải đợi cả chục năm “ba khoan” như thanh niên ngày nay. Ngày nay ở Hà Nội, thanh niên công nhân 24-25 mới lấy vợ, trí thức 27-28, cả một thời gian chờ đợi, bần khoản, vật vờ.

Nghề nghiệp xưa kia cứ theo vết cha ông, con thầy chùa là quét lá đa; ngày nay phải suy nghĩ đắn đo. Đứa con tôi học xong lớp 10, sau mấy đêm trằn trọc, bảo tôi: Con không thi đại học đâu, chỉ muốn học làm công nhân. Bao nhiêu bạn bè chú bác phản đối: Con nhà nòi, con cán bộ có cỡ mà lại làm công nhân! Vợ chồng tôi chỉ bảo: Tùy con cứ suy nghĩ cho kĩ, sau đừng nuối tiếc. Thế là nó đi học 3 năm công nhân kỹ thuật, xong đi làm.

Còn sống như thế nào? Xã hội ngày xưa không hề biến

động, chỉ bày ra trước một người thanh niên một lối sống truyền đời này sang đời khác, cứ thế mà theo như tàu hỏa, tàu điện đã đặt lên đường ray.

Giao lưu quốc tế cũng không, nước nào dân tộc nào sống riêng biệt trong lãnh thổ của mình, phong tục tập quán không thay đổi.

Thanh niên ngày xưa vào đời như người đi xem phim đã biết trước ở rạp nào, xem phim gì, ghế số bao nhiêu, cứ thế mà ngồi vào. Ngày nay, chưa biết sẽ xem phim gì, ở rạp nào, ngồi ghế số mấy, cạnh ai. Cho đến khi ổn định được chỗ ngồi trong xã hội, xác định được vai trò và vị trí của mình là cả một quá trình.

Quá trình để xây dựng cho mình một đạo lí hay không xây dựng được.

Xây dựng nên thì như tàu ra biển rộng, có kim chỉ nam để mỗi lúc xác định hướng đi; còn ngược lại thì như chiếc bách giữa dòng, e dè gió đập, hãi hùng sóng va (*Truyện Kiều*)¹.

¹ Theo bản dịch *Truyện Kiều* của Nguyễn Khắc Viện thì câu thứ 2485 là:

“Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng.

E dè sóng vỗ hãi hùng nước sa”. (BT)

II

LÀM NGƯỜI VIỆT NAM

C hắc có người sẽ nhắc tôi: đâu có dễ!

Yêu nhau rồi, nghề nghiệp chưa thành, nhà cửa chưa có. Tốt nghiệp phổ thông, chuyên nghiệp và cả đại học nữa nhiều khi cũng không tìm ra việc. Sống chưa nổi, nói gì đến lối sống. Có lần, chụp được tay một em bé móc túi, tôi hỏi: tại sao em lại đi móc túi? Nó hỏi lại: Thế bác bảo cháu làm gì bây giờ?

Làm gì?

Bạn đã 18-20, sức khoẻ tốt, có một vốn học thức nhất định. Có khi đã có một nghề.

Trước hết xác định mình là người Việt Nam, đang ở thời đại cuối thế kỉ XX.

Là người Việt Nam, việc ấy dĩ nhiên, cần gì đặt thành vấn đề?

Tôi đặt thành vấn đề vì có những người bỏ nước ra đi. Bạn không có dăm ba “cây”, vẫn có thể ngày nào đó, một người nào đó đến với bạn, rủ ra đi, hứa hẹn một cuộc sống vàng son khi đến được Hồng Kông, Niu Ióoc. Một vài hình ảnh trong một số bộ phim, những bức ảnh màu ở nước ngoài gửi về làm bạn mơ màng, để nhìn lại cảnh căn phòng chật chội của gia

đình, bữa ăn đạm bạc với một câu hỏi day dứt: đi hay ở?

Nhưng cũng có cái gì tự trong đáy lòng cứ giữ bạn lại. Phải chăng là bè bạn, là một cảnh làng quê bờ tre khuấy, một tiếng vọng của lời mẹ ru, hay lời của thầy cô giảng bài thời thơ ấu, một lời ca, một khúc nhạc, khó mà nói, đây là một tổng hòa màu sắc, âm thanh tình tứ, ý nghĩ, là những mối quan hệ chẳng chịt đã được hun đúc trong con người của bạn từ thuở nào, nó cứ như trăm nghìn rễ lớn rễ nhỏ buộc chân bạn lại trên đất nước Việt Nam này.

Bạn ra đi tức là trốc hết cả một bộ rễ cắm sâu lòng đất, đó là một chấn thương không dễ gì băng bó; không dễ gì thân cây này sẽ cắm rễ lại một cách êm ả trên một mảnh đất xa lạ.

Nhưng cũng không dễ gì trụ lại trên miếng đất Việt Nam đầy bão táp.

Một miếng mồi mà phát xít Nhật, đế quốc Pháp, đế quốc Mỹ,... đã bao lần xâm lấn và vẫn lăm le tìm đường trở lại. Một đất nước thiên tai dồn dập, con người chưa kịp gặt cọng lúa, hái cành rau, thì mưa bão đã cướp mất...

Có lần, ở Đan Mạch, tôi nói đùa với các bạn ấy: Đan Mạch cho dân tộc chúng tôi đất Groenland để chúng tôi dời lên đấy, tránh tất cả thiên tai địch họa (Groenland là một hòn đảo lớn hoang vắng thuộc quyền của Đan Mạch ở gần Bắc Cực). Sau câu đó, các bạn Đan Mạch đã thấu hiểu hoàn cảnh khắc nghiệt của dân tộc Việt Nam.

Đúng thế, làm người Việt Nam không phải dễ.

Thế mà, lâu lâu lại có những anh chị em kiêu bào, đang sống cảnh giàu sang ở nước ngoài, ô tô nhà lầu, lại xin về, chấp nhận tất cả khó khăn gian khổ để được làm một người công

dân Việt Nam, một người cán bộ Việt Nam lương vài trăm đồng.

Không chỉ có những anh chị em Việt kiều. Xin kể chuyện về một chị bác sĩ người Pháp lấy chồng Việt Nam: Năm 1960, lúc tôi còn công tác bên Pháp, chị ấy nhờ tôi gửi đơn về Hà Nội để cùng về với chồng công tác ở Việt Nam. Tôi bảo: Về Việt Nam cực khổ lắm đấy. Ngoài công việc ra, chị sẽ không có gì giải trí, vui như ở Pháp đâu. Cái gì cũng thiếu đấy. Chị suy nghĩ thật kĩ.

Chị ấy nói lại: Tôi xin sang ở Việt Nam, làm việc ở Việt Nam, không phải vì để theo chồng, anh đừng quên tôi là đảng viên.

Rồi chị sang Việt Nam, sinh sống công tác như một cán bộ Việt Nam, nhiều lần được bầu chiến sĩ thi đua, về nhà nấu bếp mùn cưa (vào những năm 60), cơm nhiều rau hơn thịt cá. Mỹ thả bom miền Bắc, gia đình bên Pháp nhắn chị gửi con về họ nuôi cho để tránh bom đạn. Chị bảo, con tôi là người Việt Nam thì phải sống như các trẻ em Việt Nam khác. Rồi chị cho hai con đi sơ tán, chủ nhật ngày nghỉ, đạp xe đi thăm con, thồ gạo cho chúng. Trong những ngày B52 giội bom lên Hà Nội, tôi có dịp ghé thăm chị; chồng con sơ tán, chị ở lại một mình. Tôi đến thấy chị đang ăn cơm, một nồi cá kho, rảnh về ăn ba miếng, rồi lại lên trực ở bệnh viện. Sau giải phóng miền Nam, chị vào Sài Gòn công tác; một số bác sĩ bỏ đi, chị làm việc bằng ba (không thêm lương), sau một thời gian quá mệt, sinh bệnh, tưởng là nguy hiểm đến tính mạng. Anh em thuyết phục mãi chị mới chịu về Pháp chữa trị. Tạm lành, chị trở về Việt Nam, anh em bảo chị đã có tuổi, chị đã phục vụ cách mạng 25 năm rồi, nếu thấy cần về Pháp an dưỡng cũng không có vấn đề gì. Đến nay

chị vẫn ở lại Việt Nam để tiếp tục công tác.

Cái gì đã thúc đẩy anh bạn Việt kiều, chị bác sĩ người Pháp đang sinh sống thoải mái, người thì trở về nước, người thì đến một xứ lạ. Cái gì làm cho bạn, mặc dù cuộc sống vàng son ở nước ngoài cảm dỗ vẫn không dứt được mà ra đi?

Anh Việt kiều đã trở về với dân tộc, chị bác sĩ kia đã đến với cách mạng.

Dân tộc, cách mạng, cả hai điều đó đã níu chân anh ở lại.

Dân tộc, cách mạng, hai danh từ nghe như đã nhảm tai, không có gì mới lạ cả. Thế mà cứ vẫn phải bàn đi bàn lại, sách viết về hai đề tài ấy tính ra có cả vạn cuốn, thế mà tôi vẫn phải nói lại.

Trên kia, tôi đã bảo, tuổi già hay kể chuyện xưa.

Năm, sáu nghìn năm về trước, đồng bằng sông Hồng còn là vùng sinh lầy, cha ông mới mon men ở các đồi núi ngoài ven, nhưng cũng đã bắt đầu hướng về xuôi chiếm lĩnh đất châu thổ. Kè ở lại miền núi, người xuôi theo dòng sông chiếm lẩn sinh lầy, câu chuyện 100 con của Âu Cơ và Lạc Long Quân, năm mươi tiến ra biển, năm mươi ở lại đồi núi, nhắc lại cho chúng ta, dân tộc Việt Nam tuy hai vẫn là một, người miền ngược miền xuôi cũng một giống dòng, cũng từ một bọc trứng mà ra, là “đồng bào” với nhau.

Tiến về đồng bằng, cha ông ta phải đương đầu với một con sông hung hãn, mùa mưa lũ dâng lên 9 - 10m, tràn ngập khắp nơi. Có trị được nước mới có đất mà ăn ở. Sơn Tinh thắng Thủy Tinh. Sơn Tinh là ai, nếu không phải là sức chiến đấu chống lũ lụt của cộng đồng người Việt, mấy nghìn năm đã dựng nên một hệ thống đê, cao hàng chục mét, dài mấy nghìn

cây số, để tạo ra miếng đất sinh sống, và bảo vệ miếng đất, giành giật của trời đất. Một công trình vĩ đại hơn Vạn Lí Trường Thành¹ hay Kim Tự Tháp². Một công trình hàng năm phải làm đi, làm lại. Một công trình đòi hỏi sự cố kết chặt chẽ của tất cả thành viên của cộng đồng.

Cũng từ sự cố kết ấy, cùng nhau trồng lúa đắp đê mà tạo ra một lối sống, một nền văn hoá riêng biệt, độc đáo, cứ tạm gọi là văn hoá Đông Sơn, và lấy những chiếc trống đồng Đông Sơn làm vật tiêu biểu.

Có làm chủ được nước mới có đất làm ăn, hai chữ đất nước gắn với nhau gọi lên trong tâm hồn mỗi chúng ta những âm vang sâu sắc. Đất nước xây dựng bằng bao nhiêu mồ hôi lại phải đổ xương máu để giữ gìn. Phía Bắc là một đế chế đầy tham vọng, thường xuyên đe dọa, thường xuyên dân tộc phải chống lại. Chuyện về Thánh Gióng tượng trưng cho cuộc chiến đấu lâu dài, bền bỉ ấy.

Bạn cứ nhớ đến các chuyện: *Bọc trăm trứng*, *Sơn Tinh Thủy Tinh*, *Thánh Gióng* là hiểu được thế nào là dân tộc.

Đến thế kỉ XIX, đứng trước một kẻ địch từ phương Tây ập đến, đứng trong một thế giới đã biến chuyển sâu sắc, vốn cổ truyền không còn đủ để đối phó. Năm 1873, chỉ 175 quân Pháp đã hạ thành Hà Nội sau hai tiếng đồng hồ nổ súng, đánh tan 7000 quân của triều đình. Các chiến sĩ yêu nước từ Trương Định đến Phan Đình Phùng, từ Nguyễn Thiện Thuật đến Hoàng Hoa Thám dù có anh dũng đến đâu, rút cục cũng thất bại.

¹ Ở Trung Quốc.

² Ở Ai Cập.

Yêu nước như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo thuở trước không đủ nữa, còn phải đổi mới nữa, phải “canh tân”.

Những giống lúa nghìn năm của chúng ta dần dần thoái hoá, phải lai ghép những “gen” mới vào. Ngày xưa, chúng ta đồng hoá nhiều yếu tố của Trung Quốc, Ấn Độ, Champa¹ vào cái gốc Đông Sơn mới đủ sức chống lại áp lực mãnh liệt của xu thế Đại Hán. Ngày nay, những “gen” mới lại từ phương Tây đi vào.

Rồi từ cuối thế kỉ XIX, một số tư tưởng của phương Tây, nào là chính thể cộng hòa, nào là dân chủ, nào là kinh doanh, với sự thành lập hãng buôn, xí nghiệp làm xao động một vài giới không đông lắm ở các thành phố. Đi theo là một lối sống “tôi sâm banh, sáng sữa bò” (thơ của Tú Xương), lấy hai chữ “tiện nghi” làm khẩu hiệu.

Đó là “gen” tư bản.

Nhưng rồi tư bản Việt Nam mới nhú mầm đã bị thực dân Pháp dìm xuống. Mại bản² người Hoa chiếm mất chỗ. Mỹ vãi ra hàng chục tỉ đô la, mại bản Việt Nam cũng chỉ vét được một tí rơi vãi, phần lớn mại bản người Hoa cướp hết.

Tư bản người Việt giả thử không chết yếu, nhiều lắm cũng chỉ leo lét nấp bóng đế quốc, đánh ké vài ván bài của người Hoa.

Với Cách mạng Tháng Tám, với sự thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cái “gen” cách mạng đã ăn sâu vào cuộc sống của dân tộc.

¹ Champa cũng gọi là Chiêm thành.

² Mại bản: Tư bản trung gian giữa đế quốc và nhân dân bị lệ thuộc.

Khẳng định tính dân tộc, ta là ta, đồng thời đổi mới tận gốc.

Không khẳng định, không thể đổi mới, chỉ có lai căng.

Không đổi mới, không thể tự khẳng định, chỉ có suy tàn.

Trong lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, trong tất cả bộ mặt của cuộc sống, dân tộc và cách mạng có hòa nhập với nhau mới tồn tại, mới phát triển được.

Sống giữa phố phường Hà Nội, rào qua các tiệm, các chợ Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, 40 năm sau ngày Cách mạng Tháng Tám, 10 năm sau giải phóng, chắc cũng có người phân vân, tự hỏi: Dân tộc thực đã giải phóng, nhưng chủ nghĩa xã hội thật đã mọc lên chưa?

Các anh chị em Việt kiều từ Pháp, từ Canada... về, thường gặp lại tôi, vì trước kia tôi công tác bên ấy. Có hai lớp kiều bào: một bên là những người lúc ra đi phần lớn là nông dân nghèo, trong Đại chiến thứ hai bị thực dân Pháp bắt đi làm lính thợ, một bên là những người từ thành phố đi du học hay buôn bán bên Âu Mỹ. Những người nông dân nay đã thành công nhân, còn những sinh viên và nhà buôn nay đã có một cuộc sống sung túc.

Về thăm quê hương, anh chị em thường cho tôi biết rõ cảm nghĩ.

Các anh chị em xưa là nông dân nghèo, sau khi về thăm làng cũ thì hào hứng phấn khởi.

Đa số anh chị em trí thức, buôn bán thì phân vân, có phần bi quan.

Một anh công nhân bảo: Hồi chúng tôi ra đi, cả nhà tôi chỉ

mơ ước sao giá có bát canh (chứ không dám nghĩ đến đĩa thịt), trẻ con có manh áo (chứ chưa dám nghĩ đến cả quần). Miếng đất cắm dùi không có. Nay về thấy trong làng nhà ngói san gạch san sát, các cháu đi học cấp 2¹, cấp 3², có đưa đi Liên Xô, Tiệp Khắc... có những chị ngày trước đi ăn đi ở, nay là Chủ tịch xã, huyện uỷ viên. Tôi không ngờ cách mạng đã đi nhanh như thế.

Tôi nhớ lại, năm 1955, lúc miền Bắc mới giải phóng, cán bộ giảng dạy Hà Nội, sau 9 năm ở chiến khu, cần rất nhiều sách giáo khoa để nắm cho được những kiến thức mới. Việt kiều ở Pháp quynh tiền mua sách gửi về. Một anh công nhân mời tôi đến bảo: tôi bị ung thư máu, sắp ra đi, còn bao nhiêu tiền tiết kiệm của tôi, xin anh lấy mua sách gửi về cho các trường Đại học ở Hà Nội. Tôi hỏi: Sao không gửi cho gia đình anh? Anh đáp: Gia đình tôi thì nghèo thật, nhưng cách mạng mới chia cho ruộng đất, với bàn tay lao động, chắc rồi cũng đủ sống, anh cho phép tôi được đóng góp phần nhỏ của mình cho cách mạng. Rồi anh giao cho tôi một ngân phiếu nửa triệu Franc trước lúc qua đời.

Anh ấy lúc ra đi chưa biết chữ, mãi đến năm 1945, tổ chức Việt kiều mới dạy cho anh biết đọc, tiếng Pháp anh không biết, thế mà anh nghĩ đến mua sách cho Đại học.

Đối với anh Việt kiều xuất thân là nông dân nghèo, thấy lại gia đình họ hàng cùng với làng xóm hơn hẳn ngày trước, rõ ràng ích nước lợi nhà đi đôi với nhau.

Với anh Việt kiều sinh ra ở thành phố trong một gia đình

¹ Nay là bậc THCS.

² Nay là bậc PTTH (BT).

buôn bán hay công chức, cảnh sống của gia đình ngày nay thường eo hẹp hơn xưa, nhìn ra xã hội thì tranh tối tranh sáng khó mà xét đoán. Hẳn rằng Hà Nội đã rộng lớn hơn xưa, có thêm nhiều xí nghiệp, trường học (số sinh viên đại học cao gấp 20 lần so với trước) nhưng còn bao nhiêu điều “tiêu cực”, và một câu hỏi nổi lên ray rứt, chưa thể giải đáp: liệu tiêu cực đến bao giờ hết?

Ngoài xã hội thì tiêu cực tích cực xen lẫn, trong bộ máy Nhà nước thì đụng đến vấn đề gì cũng giải quyết chậm chạp, thường lỡ hết thời cơ. Làm sao mà đẩy xã hội lên được, mà sinh tồn giữa một thế giới cạnh tranh không tha thứ cho ai trì trệ?

Anh Việt kiều nông dân trở thành công nhân, sống ở Pháp hơn 30 năm, về nhà không so sánh hàng xóm của ta với nông thôn Pháp hiện nay, mà so với làng xóm mà anh đã từng biết thời trước: anh đã vận dụng phương pháp suy luận “lịch sử”. Lúc anh ra thành phố, anh cũng lúng túng không kém gì những người khác.

Một đoàn công nhân Việt kiều ở Pháp về, đến thăm khu tập thể công nhân Nhà máy Cơ khí Hà Nội. Sau đó, có người hỏi: Theo các anh, công nhân Pháp hay công nhân của ta bên nào sướng hơn? Anh em không trả lời được. Bảo công nhân bên Pháp khổ hơn là không đúng sự thật, bảo sướng hơn là “mất lập trường”. Các anh ấy lại gặp tôi hỏi: Trả lời thế nào anh nhỉ?

Tôi nói: Các anh đã có kinh nghiệm nhiều về cuộc đấu tranh giữa chủ và thợ ở Pháp, hai bên giành giật nhau từng li từng tí, như hai người đắp một chiếc chăn quá nhỏ, suốt đêm

người nào cũng muốn kéo hết chẵn về mình, không ai ngủ yên được. Công nhân thì muốn ngày càng mở rộng dân chủ, tư bản thì muốn lãi tối đa, và nếu có thể, chuyển sang phát xít trấn áp lao động. Được lương cao, nghỉ hè, có bảo hiểm tật bệnh, tai nạn, có lương hưu, là nhờ không bao giờ ngừng đấu tranh; hễ công nhân lơ là, là cái chẵn lại bị kéo tuột sang phía bên kia. Nhưng nếu chỉ nói về hiện tại, không thể trả lời câu hỏi trên kia. Phải có con mắt lịch sử.

Phải đặt lại câu hỏi như sau: Lúc nước Pháp tư bản ở trình độ phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật như ta hiện nay, thì công nhân Pháp sướng hơn hay khổ hơn công nhân ta? Như vậy sẽ đưa ta về khoảng giữa thế kỷ XIX, cách đây chừng hơn trăm năm. Tài liệu sách báo về hoàn cảnh sống của công nhân và nhân dân lao động Pháp về thời ấy không thiếu, tài liệu không do những người cộng sản viết ra, vì thời ấy chưa có cộng sản, mà chính do những trí thức tư bản”¹

Công nhân ngày ấy làm 12 đến 14 tiếng, chủ nhật không nghỉ, nghỉ hè không có, ốm đau bị thái, không được chữa trị, già không có lương hưu. Trẻ em đi làm từ 7-8 tuổi, vào xí nghiệp làm ngày 12 tiếng, bị đưa xuống hầm mỏ đẩy xe goòng, vì các em người bé nhỏ dễ chui xuống hầm, suốt ngày không được hưởng ánh sáng mặt trời. Trong suốt thế kỉ XIX, không có lính nghĩa vụ từ công nhân, vì các em trai con cái công nhân làm lụng cực nhọc từ bé, lớn lên không đủ sức. Quân đội toàn là nông dân, những nông dân mù chữ, không một chút giác ngộ chính trị, nên dễ bị bọn chỉ huy phản động dẫn đi bắn vào công nhân nổi loạn.

¹ Xem tiểu thuyết của Victor Hugo và của Dickens.

Muốn tích lũy ban đầu, tức có vốn xây dựng công nghiệp lớn từ một nền sản xuất nhỏ, tư bản trong một thời gian dài - ở Pháp ít nhất một trăm năm mươi năm - phải bóc lột công nhân đến xương tủy. Phải một trăm năm mươi năm đấu tranh, nhiều lần đổ xương máu, công nhân Pháp mới giành giật được những quyền lợi để sinh sống như ngày nay. Cuộc đấu tranh ấy vẫn tiếp diễn.

Tư bản Âu châu không những bóc lột công nhân trong nước mà còn bóc lột thậm tệ hơn nhân dân các thuộc địa. Giàu sang của nước Pháp, nước Anh hiện nay là trả bằng xương máu của nhân dân Đông Dương, Ấn Độ, Indônêxia, và cả một châu lục châu Phi.

Phần vinh của các nước tư bản phát triển ngày nay là xây dựng trên xương máu. Có thể trả lời dứt khoát: Thời mà công nghiệp Pháp còn ở trình độ phát triển như ta hiện nay, thì công nhân Pháp khổ hơn công nhân của ta rất nhiều. Về mặt này, chủ nghĩa xã hội hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Kinh tế của một nước xã hội chủ nghĩa tiến đến đâu, công nhân được mở rộng quyền sống đến đấy, không phải thông qua một cuộc đấu tranh gian khổ về mặt giai cấp.

IV

TỪ PHÁP QUA THÁI LAN

Năm 1937 - đã hơn 40 năm rồi - tôi qua Pháp; chiếc tàu thủy sau bốn tuần lênh đênh trên mặt biển, cập bến Mácxây, một cảng lớn của Âu châu. Từ mạn tàu tôi ngây ngất nhìn quang cảnh hiện ra trước mắt: hàng chục cây số đường biển, mấy trăm chiếc tàu thủy lớn, trên bến, tàu hòa, mấy trăm chiếc ô tô vận tải qua lại, một rừng cần cẩu. Toàn là máy móc, toàn là sắt thép.

Tôi nhớ lại cảnh chiếc cày chìa vôi, những người đàn bà gánh gồng ở nước ta, tôi tự hỏi: biết bao giờ ta mới được như vậy? Rồi tôi hiểu qua lịch sử phát triển của tư bản Pháp, hai ba trăm năm đi lên bằng con đường xương máu, nhiều lần tôi lại nhớ đến câu Kiều: “Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh!”. Cơ may để nước ta trở thành một nước hùng mạnh đã bị vua quan nhà Nguyễn bỏ mất, cách đây hơn một trăm năm rồi. Ngày mà giới thống trị Nhật Bản khôn ngoan bắt đầu hiện đại hoá kinh tế xã hội của họ, tư bản phương Tây chưa chiếm hết địa cầu, ở châu Phi, châu Á, Mỹ Latinh còn những vùng đất rộng để biến thành thuộc địa, Nhật Bản còn có chỗ mà ngoi lên, để cũng trở thành một nước tư bản lớn mạnh, đến lượt mình cũng mang quân đi xâm lược nước khác.

Ngày nay ở những nước nghèo yếu, ai còn mong tiến lên tư bản thì chỉ nuôi một ảo tưởng lỗi thời. Đây là nói tiến lên thành một nước tư bản độc lập, làm cho toàn dân thịnh vượng, văn hoá phát triển. Những hãng tư bản lớn đã trở thành những con bạch tuộc khổng lồ, hãng mẹ nằm ở Mỹ, ở Âu châu, ở Nhật Bản, nhưng chi nhánh thì rải khắp các nước. Vì vậy thường gọi là công ty siêu quốc gia. Chúng đặt chi nhánh ở nước này để vơ vét nguyên liệu - dầu khí, quặng, gỗ quý, nông sản - để sử dụng nhiều công nhân rẻ tiền.

Lấy ví dụ ở một hãng làm máy móc điện tử của Mỹ. Những linh kiện đòi hỏi kỹ thuật cao thì làm ở Mỹ còn những thao tác lắp ráp tỉ mỉ, mất nhiều thì giờ thì đưa sang các nước Đông Nam Á làm. Công việc ấy nếu làm ở Mỹ, hãng phải trả công mỗi tháng có khi đến 1000 đôla, ở Thái Lan, Ma Lai, Hồng Kông chỉ cần 50 đôla. Có những việc cần làm qua kính hiển vi, công nhân làm 7, 8 năm loà mắt phải bỏ nghề; ở Mỹ hãng phải bồi thường suốt đời cho người công nhân ấy, ở Đông Nam Á thì chỉ việc thải đi, lấy người khác thay thế vào, chẳng cần bồi thường gì cả.

Thế giới đế quốc ngày nay đã thành một thế giới gồm hai khu vực khăng khít với nhau: một trung tâm nằm ở các nước tư bản phát triển, Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu; một ngoại vi nằm ở các nước châu Phi, châu Á, châu Mĩ Latinh. Trung tâm nắm lấy khoa học kỹ thuật, vốn đầu tư, quản lý thị trường; ngoại vi cung cấp nguyên liệu và công nhân rẻ tiền. Lúc mà các công ty siêu quốc gia ấy đã cắm vào một nước nào thì kinh tế nước ấy dần dần bị những chi nhánh của các hãng ấy chi phối. Các chính phủ dần dần phải ép mình theo những chính sách của hãng ấy đặt ra.

Bề ngoài là độc lập, nước nào cũng có tổng thống, thủ tướng, đại sứ khắp nơi, nhưng thực ra bộ máy chính quyền ấy chỉ thực hiện những chủ trương lớn của các hãng siêu quốc gia, làm cảnh sát giữ cửa cho họ. Đó là chế độ thực dân mới.

Không phải thực dân mới không làm cho các nước ấy phát triển kinh tế về mặt nào đó, không phải trong các nước ấy không có ai được hưởng lợi. Kẻ ở ngoài xâm nhập vào bao giờ cũng có nội ứng. Thực dân nào cũng phải dành cho tôi tớ một phần lãi, thời thực dân cũ, khoa học kỹ thuật còn non kém, phần rơi vãi ấy ít, nuôi được ít người. Thời thực dân mới, khoa học kỹ thuật tinh xảo hơn, phần rơi vãi nhiều, nuôi được nhiều người. Pháp, thời trước mỗi năm chỉ vét được 1 triệu tấn than Hòn Gai; giả thử ngày nay nó trở lại, chắc cũng khai thác được hai mươi triệu tấn.

Tiền lãi của 16-17 triệu tấn thì đưa về "trung tâm" (ngày trước vẫn gọi là mẫu quốc), còn lãi 3-4 triệu tấn để lại "ngoại vi" (trước gọi là thuộc địa) cho những kẻ nội ứng. Nếu khai thác cao su hay cà phê, đồn gỗ quý ở rừng, dựng một nhà máy chế biến nông sản, hay lắp ráp điện tử cũng vậy. Hãng "mẹ" ở trung tâm nắm tất cả các đầu mối: kỹ thuật, thị trường, giá cả. Các chi nhánh ở nước khác không phục vụ quyền lợi của các nước sở tại, chỉ phục vụ quyền lợi của hãng gốc. Lúc nào tình hình ở một nước bất lợi cho hãng gốc - như thay đổi chính sách, công nhân đòi hỏi mạnh - hãng gốc chuyển chi nhánh sang nước khác. Kinh tế của nước sở tại bị một đòn nặng. Tệ hơn phối hợp với tình báo Mỹ, hãng siêu quốc gia tổ chức đảo chính lật đổ chính phủ. Chính phủ Aghende ở Chi Lê đã bị lật đổ như vậy, và tổng thống đã bị chúng giết.

Trong một nước thuộc địa kiểu như vậy, lớp người hưởng

lợi đầu tiên là những người buôn bán trực tiếp với các hãng đế quốc. Hoặc thu mua nông sản - lúa gạo, sắn, hoa quả, dừa, lạc... hay các nguyên liệu khác, hoặc buôn các hàng xa xỉ từ các nước tư bản lớn về bán lại trong nhân dân. Tầng lớp thứ hai là những phú nông địa chủ, có khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật, tăng gia sản xuất để xuất khẩu. Những biện pháp kỹ thuật mới như sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu, các giống mới, máy móc bơm nước hay cày gặt, tổng hợp thường gọi là “cách mạng xanh”. Các hãng đế quốc bán cho phú nông địa chủ các chất hoá học và máy móc, mua lại nông sản; phú nông địa chủ dần dần tiêu thụ chủ yếu hàng hoá công nghiệp của đế quốc, từ vải vóc, thuốc men đến các phương tiện hiện đại hơn như đài, tivi...

Chế độ thực dân mới này cần một số trí thức để tính toán dự trù, điều tra nghiên cứu các điều kiện phát triển sản xuất và quản lý xã hội; và một bộ máy chính quyền giữ gìn an ninh trật tự. Cán bộ cao cấp trong chính quyền và quân đội gắn chặt vận mệnh của mình với mối quan hệ chặt chẽ với các hãng siêu quốc gia. Những cán bộ cao cấp trực tiếp làm việc cho các hãng ấy, tự xem mình là người của hãng này hay hãng khác, người của IBM - hãng máy tính của Mỹ, của Mitsubishi (Nhật) hơn là công dân của nước mình.

Năm 1981, tôi được bộ môn kinh tế chính trị của hai trường đại học ở Thái Lan, trường Chulalongkorn ở Băng Cốc và trường đại học Chiềng Mai (thành phố lớn thứ hai của Thái Lan, ở miền núi phía Bắc) mời sang giảng bài về Việt Nam. Một nhóm trí thức Thái Lan tiến bộ đã giúp tôi hiểu về tình hình kinh tế xã hội của nước họ một cách rất trung thực. Sở dĩ họ muốn tiếp xúc với một trí thức Việt Nam một cách thẳng

thần, là chính họ đang suy nghĩ nhiều về con đường tiến lên của nước họ.

Đến Bằng Cốc, cũng như nhiều người khác đã qua đây, điều đập vào mắt trước hết là những đường phố lớn với những cửa hàng, khách sạn, ngân hàng lớn không kém gì ở Paris. Nhưng cạnh những khu phố sang trọng ấy, lại có những ổ chuột rộng lớn, cạnh một số ít có công ăn việc làm đang hoàng trong một xí nghiệp hiện đại, có khá nhiều người lao động không có chỗ ăn làm nhất định. Rõ ràng là Bằng Cốc không đủ xí nghiệp và cơ sở dịch vụ nuôi được 6 triệu người ùn về đây. Tôi nói ùn về, vì mỗi ngày ở nhà ga lớn, tàu hỏa từ các nơi đổ về hàng mấy trăm con người đến thủ đô tìm công việc.

Một hôm một ông bạn giáo sư mời tôi đến nhà để trao đổi với một nhóm trí thức Thái Lan, so sánh tình hình kinh tế xã hội giữa hai nước. Nhà ông bạn nằm trong cơ ngơi rộng lớn của ông bố làm bộ trưởng. Trong lúc trò chuyện, tôi được biết cả gia đình có đến 35 người ở. Tôi hỏi, ở đâu mà đông thế. Ông bạn trả lời họ là những người nông dân phá sản bỏ làng chạy về Bằng Cốc, may tìm được một việc, không thì cù bất cù bơ, con gái rất dễ sa đoạ làm gái điếm.

Tôi hỏi tiếp: Báo phương Tây bảo Thái Lan có hơn một nửa triệu gái điếm, tôi không biết họ có xuyên tạc không. Ông bạn trả lời: Họ nói đúng đấy.

Hôm sau, tôi đáp máy bay lên Chiềng Mai, một thành phố miền núi phía Bắc Thái Lan. Đến sân bay thấy một đơn vị biệt động mặc áo rằn ri mới đi càn quét vùng rừng núi lân cận trở về. Giảng bài ở trường đại học xong, tôi được một ông giáo sư dẫn về, thăm một làng gần thành phố, ông ấy bảo: Các nhà chức

trách không ưa người ngoài vào làng lắm đâu vì tình hình nông thôn ở đây không yên ổn, quân chính phủ cứ lâu lâu lại đánh nhau với du kích trong rừng núi gần đây. Nhưng tôi thường về đây làm điều tra kinh tế xã hội, họ quen nên để cho tôi vào làng. Chúng tôi đi vào làng, cảnh nông thôn giống như ở trung du nước ta. Ông bạn dẫn tôi đi thăm một gia đình ăn ở khang trang, trong nhà tiện nghi đầy đủ rồi sang một nhà khác lụp xụp, đồ đạc sơ sài. Ông bạn cho tôi biết, người thứ nhất là phú nông, đủ sức thuê máy cày, mua giống mới và các phân hoá học, thuốc trừ sâu, cho nên năng suất cao, (quên nói là trong nhà có máy bơm) bán ra thị trường nhiều nông sản và kịp thời. Gia đình thứ hai chỉ có 1 héc-ta, không có máy móc, không mua nổi phân và thuốc, năng suất kém, bán ra ít nông sản và kém phẩm chất. Đây là gia đình một nông dân đang sắp phá sản.

Tôi hỏi: Ở Việt Nam có 1 héc-ta là khá rồi, tại sao gia đình này lại phá sản? Ông bạn phân tích cho tôi thấy, gia đình nông dân này sống trong một thị trường, tiền bán nông sản ít ra cũng phải bằng tiền mua các loại hàng hoá cần thiết mới không phá sản. Ngày xưa với 1 héc-ta là đủ sống. Vì con đẻ ra thì nhiều nhưng sống thì ít. Ngày nay đông con, mà không thể nuôi kiểu trời sinh voi, trời sinh cò nữa, trong nhà phải mua sắm nhiều thứ. Ngày xưa hàng tiêu dùng hàng ngày mua đồ thủ công trong làng giá không bao nhiêu, ngày nay vài vốc và các thứ hàng hoá khác là từ các thành phố, nhiều khi từ nước ngoài gửi về. Ngày xưa đau ốm dùng thuốc men trong làng rẻ tiền, ngày nay dùng thuốc Tây. Chưa nói là cũng phải có chiếc xe đạp, chiếc đài. Ruộng ít, không đủ sức áp dụng khoa học kỹ thuật mới, tất nhiên chi nhiều hơn thu. Không may gặp trận ốm, hay thiên tai là phải đi vay nặng lãi ở các nhà phú nông, lãi

mẹ đẻ lái con đến lúc không trả được đành bán ruộng bỏ đi.

Trong quá trình phá sản ấy, trước lúc bán ruộng đất, các gia đình thường cho con đi Băng Cốc kiếm ít tiền gửi về trang trải nợ nần cho bố mẹ. Con gở không ra, cả gia đình bán cơ nghiệp bỏ ra thành phố. Lúc bấy giờ tôi hiểu rõ vì đâu có cảnh nhà ga Băng Cốc đầy những người nông dân, các gia đình lớn ở thành phố có nhiều người ở, và số gái điếm đông như vậy. Về điếm này cần nói rõ thêm, Băng Cốc hàng năm tiếp đón hơn triệu người du lịch từ các nước tư bản phát triển, Mỹ, Nhật, Âu châu sang. Từ các nước ấy, những người du lịch hàng năm tràn về các nước Á Phi, vì ở đây ăn ở rẻ tiền, và dễ chơi bời. Một người có máu mặt ở Paris chẳng hạn, không thể ăn chơi trác táng ngay tại chỗ, vì "quan trên trông xuống, người ta trông vào" ông ta bảo với gia đình quen biết là đi du lịch Băng Cốc vài tuần, đến đó tha hồ rượu chè trai gái. Người ta đã đúc kết, muốn có một ngành du lịch phát triển trong thế giới tư bản, cần có bốn chữ S: Sun (theo tiếng Anh) là mặt trời, Sea là biển, Sand là bãi cát (để tắm) và S thứ tư là Sex tức là gái.

Thái Lan trong thời Mỹ đánh Đông Dương đã biến thành nơi ăn chơi của lính Mỹ, hết chiến tranh, sử dụng cơ ngơi ấy để phát triển ngành du lịch. Như vậy, từ trung tâm quốc tế, hàng ngày tràn về ngoại vi một luồng người, mang lại cho ít hay nhiều ngoại tệ, nhưng đồng thời cũng mang theo cả một lối sống xa hoa, tiêu sài, trụy lạc. Sau gót chân của dòng người du lịch phương Tây là thuốc lá thơm, rượu mạnh, quần áo lố lăng, phim ảnh khiêu dâm và đi điếm. Cái giá phải trả để thu vài chục hay vài trăm triệu đôla cũng khá đắt.

Một số trí thức Thái Lan cũng cho tôi biết, họ khổ vì du lịch, du lịch càng đông, giá hàng, giá thuê nhà ở càng đắt thêm,

chưa nói là đau lòng vì thấy cảnh xã hội sa đoạ. Có một số trí thức là chuyên viên cao cấp cho các hãng lớn, đặc biệt các hãng siêu quốc gia, hay cho những cơ quan quy hoạch quan trọng của chính phủ thì lương cao và nhất là lộc trọng, còn những trí thức khác sống cũng không dễ dàng. Nhiều trí thức tiến bộ đang suy nghĩ về con đường giải thoát cho đất nước.

Nông dân phá sản nổi lên đấu tranh, có người đi thẳng vào du kích; sinh viên trí thức và nhân dân lao động thành phố cũng không cam phận. Năm 1973, một số cao trào nông dân và sinh viên trí thức đánh đổ bọn quân phiệt, mở ra một giai đoạn dân chủ. Nhưng ba năm sau, bọn cực hữu phản động cướp lại quyền chủ động, giết hại 400 sinh viên ở Băng Cốc và nhiều cán bộ các nông hội. Chúng tổ chức bọn lưu manh thành những nhóm gọi là “Trâu điên” đi khủng bố các phần tử tiến bộ. Mấy nghìn sinh viên trí thức phải bỏ thành phố chạy lên rừng núi, hoạt động du kích với Đảng Cộng sản Thái Lan. Với một đường lối như vậy, không trách gì quần chúng và đảng viên mất phương hướng, các sinh viên trí thức chạy ra chiến khu dần dần bỏ về hết. Ngày nay, chính phủ Thái Lan có thể tuyên bố là đã đánh tan Đảng Cộng sản và diệt trừ du kích, nhưng không phải vì vậy mà tình trạng phân hoá sâu sắc và không ổn định của xã hội Thái Lan dẫn đến du kích đã chấm dứt. Tình hình Thái Lan không có gì là ổn định.

Bên trong thì nhân dân Thái Lan phải chịu hậu quả của chính sách tư bản và thực dân mới, chỉ một số người được hưởng lợi. Thêm nữa, tầng lớp ấy đa số lại là người Hoa. Buôn bán lớn nhỏ từ trong các thôn làng đến các đại lộ Băng Cốc đều của người Hoa; làm đại lí quản đốc cho các hãng siêu quốc gia phương Tây là người Hoa, trong các khách sạn, nếu các cô

“hầu” khách là người Thái thì chủ lại là người Hoa. Nông sản thì do người Thái Lan làm ra, nhưng thu mua để bán lại cho các hãng lớn phương Tây là người Hoa. Như vậy thành một dây chuyền đầu mỗi đường này là nhân dân lao động Thái Lan sản xuất ra của cải, đầu mỗi đường kia là các hãng lớn đế quốc thu lãi lớn, làm môi giới ở giữa là người Hoa chia một phần lãi với tư bản phương Tây.

Trên trường quốc tế, phái phản động Thái Lan theo đuôi đế quốc, biến nước mình thành căn cứ cho các nước đế quốc đánh phá cách mạng và các lực lượng tiến bộ ở Đông Nam Á. Năm 1940, Thái Lan dựa vào Nhật Bản chiếm hai tỉnh của Campuchia; về sau lại để cho quân Mỹ dùng Thái Lan làm căn cứ đánh ba nước Đông Dương...

Tóm lại, con đường phát triển tư bản của Thái Lan thực chất là thực dân mới, trong nước chỉ phục vụ lợi ích của một số người, nhưng lại đẩy xã hội Thái Lan vào một tình trạng phân hoá giàu nghèo hết sức căng thẳng. Vì vậy, Thái Lan dễ bị đế quốc và các thế lực thù địch lôi kéo vào những cuộc chiến tranh cục bộ.

V

ĐỪNG VỀ BÊN NÀO?

Các bạn đừng nóng ruột thấy tôi nói nhiều về Thái Lan; trông người lại ngẫm đến ta. Nói đến Thái Lan cuối cùng cũng chỉ nói đến nước ta thôi. Thái Lan là một nước rất giống Việt Nam về hoàn cảnh địa lí, đồng ruộng làng xóm chung quanh Băng Cốc chẳng khác gì Nam Bộ; rừng núi chung quanh Chiềng Mai chẳng khác gì Việt Bắc, Tây Bắc. Ra ngoài đường cũng không dễ gì phân biệt người nào là người Thái, người nào là người Việt.

Chỉ khác là số dân kém ta mười triệu trong lúc diện tích canh tác gấp hai lần rưỡi, họ đã không phải chịu chiến tranh ba bốn mươi năm như ta. Trong hoàn cảnh ấy, nếu họ có phát triển hơn ta thì cũng không có gì lạ.

Nhưng có thật về mặt nào họ cũng hơn ta không?

Nếu nói về sản lượng lương thực hay hàng hoá, Thái Lan hơn chúng ta. Nhưng về năng suất lúa chẳng hạn thì chẳng có gì hơn. Còn về mạng lưới trường học và bệnh viện, trạm xá, nhất là ở nông thôn thì ta hơn hẳn. Các thống kê của nhiều tổ chức trong Liên hợp quốc đã nêu ra, trong các nước Đông Nam Á, Việt Nam mặc dù là một nước vào hạng nghèo nhất, mặc dù bị chiến tranh tàn phá ghê gớm vẫn là nước tiến bộ

nhất về giáo dục và y tế, về quyền lợi xã hội dành cho phụ nữ. Một giáo sư Pháp đến Hà Nội tham gia một hội thảo toán học cao cấp bảo tôi: Ở Đông Nam Á chỉ có ở Việt Nam mới tổ chức được một hội nghị toán học trình độ như thế này.

Theo tôi một điều khác cơ bản hơn nữa là ở Việt Nam đã xoá bỏ quyền tư hữu ruộng đất làm cho không còn ai có quyền mua đất, bán đất nữa. Được mùa, người nông dân ăn nhiều, mất mùa thì ăn ít, nhưng không thể và cũng không phải bán đất, bỏ làng xóm ra đi. Song chưa phải sung sướng, nhưng không bao giờ mất chỗ đứng và nếu gặp tai hoạ lớn thì có hợp tác xã và Nhà nước hỗ trợ.

Vì vậy không thấy ùn ra thành phố hàng vạn hàng triệu người nông dân phá sản. Một vị khách nước ngoài có lần bảo tôi: Nước ông còn nghèo, nhưng trên các đường phố tôi không thấy nhiều kẻ ăn xin như ở nhiều nước Á Phi khác, ở đây có chăng cũng chỉ là cá biệt. Và ông nói tiếp: Có phải người Việt Nam có lòng tự trọng nhiều hơn các nước kia, không chịu ngửa tay ăn xin? Tôi đáp: Dân tộc nào cũng có lòng tự trọng, cái khác là ở Việt Nam người nông dân không còn bị phá sản như một số nước khác.

Và tôi có thể nói thêm: Cũng vì thế mà ở nước ta cũng không thể có đến hàng chục vạn cô gái phải bỏ làng về thành phố làm gái điếm như ở Thái Lan.

Đến đây, tôi có thể trả lời một câu hỏi mà một số bạn đôi khi đặt ra: Giả sử sau khi độc lập, nước ta tiến lên chủ nghĩa tư bản, có phải hay hơn không?

Đúng là chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn, nhưng có phải vì thế mà thay đổi đường đi, chuyển

sang chủ nghĩa tư bản chăng?

Đi theo con đường tư bản tức là cho làm ăn “tự do”:

- Tự do buôn bán kinh doanh, việc gì có lãi thì làm việc gì lãi ít thì bỏ. Kinh doanh đến quy mô nào cũng được, mỗi người nếu có vốn đều có quyền mua nhà máy, lập hãng buôn lớn, mở ngân hàng, xây nhà cao cửa rộng, buôn bán với nước ngoài.

- Ở nông thôn ai có tiền tự do mua đất, ai cũng có quyền tự do bán miếng đất của mình.

- Các hãng lớn quốc tế được tự do vào đầu tư ở nước ta, thuê kỹ sư, công nhân, cán bộ quản lý người Việt.

Tư do như vậy sẽ dẫn đến đâu?

Một số người sẽ phát lên nhanh chóng. Lúc mới giải phóng, ở Sài Gòn có 300.000 hộ đăng kí là kinh doanh, trong đó có vài vạn người có vốn khá, bằng hàng hoá, vàng bạc, ngoại tệ, có kinh nghiệm và một số nhỏ có những quan hệ quốc tế chặt chẽ. Đã tự do kinh doanh thì cũng tự do cạnh tranh, cá lớn nuốt cá bé. Những người có vốn lớn, có mạng lưới buôn bán tổ chức chặt chẽ sẽ lấn át những người buôn bán nhỏ. Những hãng lớn không những sẽ buôn bán ở Sài Gòn mà còn vớ tay ra cả miền Bắc, thu mua hồi ở Lạng Sơn, quê ở Thanh Hoá, than Hòn Gai, apatit ở Lào Cai... Rồi họ bắt tay với tư bản ở Hồng Kông, Xingapo, Mỹ, Nhật, Pháp, Tây Đức. Những người buôn bán nhỏ hoặc phá sản hoặc chịu lép vế, đứng vào hàng ngũ đàn em, phụ việc.

Trong lúc đó, một số hãng siêu quốc gia nước ngoài của Mỹ, Nhật, Tây Âu sẽ mở ở nước ta một số xí nghiệp lắp ráp điện tử, ô tô, hoặc chế biến cao su, cà phê, nhảy vào khai thác

dầu khí, quặng bôxít... Một số kỹ sư công nhân cán bộ quản lý làm việc với các hãng ấy được lương cao hơn những người làm ở các xí nghiệp Việt Nam.

Những người tư sản Việt Nam, họ sẽ kinh doanh những gì? Xây dựng một nhà máy xi măng? Khai thác một cái mỏ lớn? Không. Những việc đó đòi hỏi kỹ thuật cao, vốn nhiều, quản lý khó khăn. Trong một nước còn lạc hậu, chỉ có buôn là giàu nhanh chóng "Phi thương bất phú". Buôn với nước ngoài lại là ngành có lợi nhất: thu vét nông sản bán cho nước ngoài, đổi ngoại tệ mua hàng công nghiệp, đặc biệt các hàng xa xỉ, thuốc lá, rượu, quần áo, xe cúp, video...

Còn các hãng siêu quốc gia thì họ đầu tư vào những ngành gì lợi cho họ nhất, khoa học kỹ thuật đã nghiên cứu sẵn ở "trung tâm", sản xuất những bộ phận linh kiện cao cấp làm từ "trung tâm" rồi chở sang nước ta lắp ráp. Nếu công nhân ta đòi lương quá cao, nếu chính phủ ta đánh thuế hơi nặng, chúng sẽ dời xí nghiệp sang Thái Lan, Philíppin, Mã Lai... hàng nghìn người sẽ thất nghiệp, một mảng quan trọng trong nền kinh tế ta sụp đổ. Họ càng đầu tư nhiều, càng dễ gây áp lực với ta, từ ngón chân lấm lên tận đầu. Chính phủ ta sẽ dần dần mắc nợ ngày càng nhiều, đến lúc chỉ trả tiền lãi, khoản nợ ấy cũng kiệt quệ. Hiện nay các nước gọi là Thế giới thứ ba, tức các nước còn kém phát triển, nợ để quốc khoảng 800 tỉ đôla, cứ tính thấp nhất lãi 5% thì mỗi năm đã phải bỏ ra 40 tỉ, chưa nói còn phải thanh toán dần món nợ, ví như hàng năm chừng 10% thì đến 80 tỉ.

Hẳn rằng vay như vậy, ta có thể mở ra một xí nghiệp mới, và một số cán bộ đi lại điều đình với các nước tư bản lớn cũng được hưởng "lộc" khá cao, nhưng liệu xí nghiệp ta dựng lên,

rồi có thoát được sự lệ thuộc vào kỹ thuật của đế quốc không, phụ tùng bổ sung có tự làm ra được không, kỹ thuật có cải tiến được để cạnh tranh trên thị trường thế giới không? Muốn vậy phải phát triển khoa học kỹ thuật, phát triển công nghiệp toàn diện, liệu các hãng siêu quốc gia kia có giúp ta, có cho phép ta tiến lên như vậy không? Chắc chắn họ sẽ không bao giờ làm như vậy, vì làm như vậy tức là đuổi họ đi. Đến lúc nào đó, chúng ta sẽ đứng trước một sự lựa chọn: Hoặc chui hẳn vào trong, chấp nhận sự lệ thuộc không úp mở gì nữa, hoặc bị bỏ rơi và chống lại.

Còn ở nông thôn, tự do mua và bán đất sẽ tạo ra rất nhanh chóng một tầng lớp phú nông biết vận dụng cách mạng xanh, còn đa số sẽ phá sản; ở nước ta ruộng đất rất ít, tính theo đầu người còn thua Ấn Độ, sự phá sản càng nhanh. Hàng triệu người sẽ bỏ làng xóm ùn lên thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cũng trong ít năm sẽ thêm một hai triệu dân, các thành phố khác cũng vậy. Số lao động nghèo ở thành phố cù bất cù bơ, công việc làm không ổn định rất dễ cùng quẫn, bạ gì làm này.

Chắc cũng có một số bạn nghĩ rằng: tư bản hay không tư bản chẳng quan hệ gì đến tôi. Tôi cố làm ăn đủ sống; và có lẽ cũng có người cho rằng theo tư bản càng tốt, mình sẽ phát huy tài tháo vát, phát lên làm giàu, hay ít nhất cũng làm một anh công nhân lương khá trong những xí nghiệp của đế quốc.

Câu chuyện không đơn giản như thế.

Con thuyền Việt Nam đang vượt qua sóng gió, vấn đề cập bến hay chìm giữa đường, không phải chuyện giải quyết riêng từng người được. Bạn có thể tìm một góc ngách nào đó,

tưởng là sống yên tĩnh, hoặc dần lên phát tài một thời gian, nhưng sóng gió sẽ không để yên đâu. Ngày nay, chúng ta đứng trước một sự lựa chọn, phải làm theo bên này hay bên kia, sống theo lối này hay lối khác. Bạn tưởng là yên thân làm trong một xí nghiệp đế quốc, đến lúc những công nhân đòi tăng lương, chủ dọa sa thải, bạn bắt buộc phải lựa chọn, theo anh em hay theo chủ? Đến lúc hăng đế quốc gây hấn với chính phủ ta, bạn sẽ đứng vào hoàn cảnh: Ủng hộ bên nào? Ở nông thôn cũng vậy: Làm ăn lương thiện, cày sâu cuốc bẫm, hay vừa cày vừa buôn bán, cho vay nặng lãi, thu vén để trở thành phú nông, chèn ép bà con làng xóm.

Trên đây là tôi giả định thế thôi để cho thấy rõ vấn đề. Làm gì có câu chuyện Việt Nam tiến lên con đường tư bản. Đó là mơ hão của một số người ngây thơ, hoặc âm mưu của một số người làm tay sai cho đế quốc. Đảng ta, Chính phủ ta dứt khoát từ bỏ con đường tư bản, không phải không quan hệ buôn bán với các nước đế quốc nhưng dứt khoát không mở rộng cửa cho tư bản phương Tây tùy tiện đầu tư - tức là đầu độc - vào nước ta. Hiện nay, chúng ta phải đắp một cái đê ngăn chặn ảnh hưởng của đế quốc về mọi mặt tràn ngập vào nước ta. Có đắp được cái đê ngăn lũ lụt mới yên ổn, làm ăn được.

Việc gì mà nhìn đế quốc một cách sợ hãi hoảng hốt như vậy?

Tôi không sợ hãi, càng không hoảng hốt. Nhưng đã sống 26 năm ở Âu châu, tôi đi đến kết luận dứt khoát là: Việt Nam không thể nào tiến lên tư bản, và nhất thiết không nên để cho tư bản nước ngoài tùy tiện đầu tư rộng rãi vào.

Tôi không sợ vì tôi biết thế yếu của đế quốc.

Thời đế quốc làm mưa làm gió đã qua. Năm 1873, đế quốc Pháp chỉ với 175 lính hạ thành Hà Nội. Một trăm năm sau, 1973, Mỹ với hơn nửa triệu quân, phải rút khỏi Việt Nam. Trước kia đế quốc ở vào thế mạnh vì họ hoàn toàn làm chủ cả thế giới, đương đầu với họ chỉ có những chế độ phong kiến hay bộ lạc, những chế độ tiền tư bản lạc hậu. Ngày nay, chúng phải đối phó với ba dòng thác cách mạng. Các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, và phong trào công nhân ngay trong đất nước họ. Nhờ vậy mà chúng ta đã chiến thắng đế quốc cũng như các dân tộc Angiêri, Cuba, Nicaragua...

Tôi biết thế yếu của đế quốc, nhưng cũng biết rõ chỗ mạnh của nó. Tôi không chủ quan khinh thường chúng.

Các nước đế quốc là những nước đã có một quá trình xây dựng tư bản nhiều thế kỉ, đã tích lũy một vốn kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, kinh nghiệm và mưu mô chính trị rất lớn. Cánh mạng chiếm ưu thế chính trị nhưng về nhiều mặt vẫn còn thua kém.

Từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX, các nước đế quốc đã thực hiện một cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thứ nhất, tạo ra một nền kinh tế phát triển. Từ 30 năm nay, lại tiến lên cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thứ hai - điện tử, nguyên tử, hóa học hiện đại, sinh vật... - làm cho lực lượng sản xuất tăng lên nhiều lần so với năm 1950. Phải nhìn thẳng vào sự thật, biết rõ kẻ địch mới mong thắng địch. Hiện nay, phe đế quốc đứng về kinh tế, khoa học kỹ thuật trên một số lĩnh vực có trội hơn các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là về công nghiệp tiêu dùng. Điều ấy cũng dễ hiểu.

Năm 1913 trước đại chiến thứ nhất, nước Nga mặc dù dân

số hơn gấp ba nước Pháp mà mới có một sản lượng công nghiệp chưa bằng phân nửa của Pháp. Rồi chiến tranh, nội chiến kéo dài từ 1914 đến 1922 tàn phá hầu hết các cơ sở vật chất kỹ thuật đến 1928 mới khôi phục được, nhưng xây dựng được 13 năm lại chiến tranh, phát xít Đức xâm chiếm lại phá hoại một phần lớn cơ sở công nghiệp của Liên Xô. Năm 1945, sản lượng công nghiệp của Liên Xô mới bằng 1/4 của Mỹ. Mỹ không bị chiến tranh tàn phá nên đã vượt lên trước. Sau 1950, Liên Xô mới hàn gắn xong vết thương chiến tranh, lúc ấy Mỹ đã bước vào cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thứ hai cũng 15 năm rồi. Khác với Liên Xô, Mỹ và các nước đế quốc khác vết tiền của từ nhiều nước thuộc địa về làm giàu – Mỹ chỉ chiếm 5% dân số, nhưng chiếm 30% nguyên liệu của cả thế giới. Sản lượng công nghiệp của Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu cộng lại còn vượt nhiều hơn so với các nước xã hội chủ nghĩa.

Không lạ gì, hàng hoá đế quốc tràn ngập thế giới, ngày ngày do con đường buôn bán chính thức hay buôn lậu xâm nhập vào các nước công nghiệp chưa phát triển. Không lạ gì con buôn chạy theo các hàng hoá này để làm giàu chứ đứng ra sản xuất cạnh tranh sao nổi. Ra ngoài thị trường quốc tế, về hàng hóa, về tiền tệ, về vận tải, về khách sạn, đế quốc chiếm ưu thế. Nhảy ra giữa thị trường quốc tế, tư sản Việt Nam không mong gì chơi nước cờ độc lập.

Ưu thế kinh tế khoa học kỹ thuật trên một lĩnh vực kèm theo ưu thế về thông tin tuyên truyền; mạng lưới thông tin, điện đài, phát thanh, tivi, báo chí, phim ảnh, cassette của đế quốc tràn ngập khắp nơi. Riêng 4 hãng thông tấn quốc tế - AP, UPI, AFP, Reuter - phát ra hàng ngày 80% tin tức của thế giới. Chương trình tivi, phim của các nước kém phát triển đến 90%

dùng phim các nước đế quốc. Vì một lẽ khá đơn giản là sản xuất ra một bộ phim tốn kém nhiều lần hơn mua một bộ phim của Mỹ (có khi đến 20 - 30 lần). Thành thử ở rất nhiều nước kém phát triển, nhà giàu và quan chức thì tiêu xài hàng đế quốc, còn sách báo, đài, tivi truyền tin tức phim ảnh của đế quốc, hằng ngày khách du lịch phương Tây qua lại (không nói đến gián điệp và chính khách), công nghiệp độc lập và cả văn hóa lối sống độc lập cũng không ngoi lên được.

Không riêng gì cho các nước nhỏ yếu. Năm 1972, tham dự một hội thảo quốc tế bàn về chủ nghĩa đế quốc ngày nay, nhân dịp bà Indira Gandhi đến thăm hội nghị, tôi có dịp hỏi: Kính thưa bà Thủ tướng, các nước nhỏ yếu bị đế quốc Mỹ uy hiếp nặng nề, không biết một nước như Ấn Độ có bị không? Bà trả lời ngay: Uy hiếp nặng.

Ấn Độ là một nước trên 700 triệu dân, có một nền văn hóa lâu đời, những trung tâm công nghiệp lớn, một đội ngũ khoa học và văn nghệ sĩ đông đảo có trình độ cao. Chính phủ Ấn Độ cố gắng theo một chính sách độc lập về mọi mặt và bảo vệ hòa bình. Mỹ dùng các nước lân cận, Pakixtan, ... khiêu khích gây hấn với Ấn Độ, tung gián điệp vào gây chia rẽ phiến loạn giữa các dân tộc, tôn giáo, nuôi dưỡng bọn phản động, Mỹ xây dựng căn cứ quân sự bao vây Ấn Độ.

Sau hội nghị tôi gặp một giáo sư kinh tế học Ấn Độ cho biết: chính phủ Ấn Độ cố gắng xây dựng một nền công nghiệp độc lập, nhưng đại đa số tư bản lại muốn buôn bán làm đại lí cho các hãng lớn của đế quốc hơn, vì dễ ăn lãi hơn, nên kinh tế không phát triển nhanh được, và nguy cơ bị đế quốc lũng đoạn luôn luôn đe dọa.

Tôi lại được một nhà điện ảnh Ấn Độ cho thấy rõ thêm một khía cạnh khác. Ấn Độ sản xuất phim rất nhiều. Ít phải mua phim nước ngoài. Tôi hỏi ông: Trong hoàn cảnh như vậy, điện ảnh Ấn Độ có chịu ảnh hưởng của phim Mỹ không? Ông ấy đáp: Ảnh hưởng nặng lắm. Rạp chiếu bóng ở nước chúng tôi là của tư nhân, họ chỉ chiếu những phim câu khách, đặc biệt lôi cuốn thanh niên các thành phố. Giới khán giả này đã xem một vài phim Mỹ, sau đó nếu phim chúng tôi không có một vài pha khiêu dâm hay giết gân li lý đánh giết nhau, thì vắng khách, chủ rạp không chịu mua. Chúng tôi, những người nghệ sĩ điện ảnh đành nuốt bồ hòn làm phim kiểu Mỹ vậy.

Ở một hội nghị bàn về vấn đề bảo vệ văn hoá dân tộc ở thời đại này, họp ở Cotonca (nước Bênanh, châu Phi) năm 1981, tôi đã được nghe Bộ trưởng Văn hoá Pháp, ông Jack Lang trong một bài diễn văn dài, hết sức cay cú nói về sự xâm nhập của văn hóa Mỹ ở Pháp. Ở Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Ý, tôi cũng được nghe tiếng nói tương tự. Văn hoá và lối sống Mỹ nhiễm sang các nước tư bản khác, từ đó lại tràn ra các thuộc địa cũ và mới, thành thử đi khắp thế giới, ở các sân bay, khách sạn, tiệm cơm, cà phê, bar đều thấy một kiểu ăn mặc, gặp những loại hàng hóa, những bao thuốc lá, rượu mạnh giống nhau, cũng nghe một số điệu nhạc “xập xình”. Một vết dầu loang, đúng hơn là một dòng lũ.

Cũng có thể là bạn nghĩ rằng câu chuyện thế giới chẳng ăn nhằm gì với đời riêng của mình. Không có đâu. Thế giới ngày nay nhỏ hẹp lắm, mỗi sự việc xảy ra bất kì đâu cũng làm rung chuyển nhiều nơi khác. Một hãng phim Mỹ hay Nhật Bản lên giá xuống giá một món hàng là mỗi chúng ta phải chịu hậu quả. Đồng đôla lên giá xuống giá thì mỗi chúng ta ra chợ mua

cá mua thịt đắt hay rẻ đi ít nhiều.

Và mỗi con người trên thế giới hiện nay đều đứng trước câu hỏi: Liệu có chiến tranh nguyên tử, chiến tranh hạt nhân không? Vì nếu xảy ra một cuộc chiến tranh thì ít nhất một phần nửa loài người sẽ chết, phần còn lại sống trên cảnh điêu tàn khó tả. Không nói gì về nguy cơ bức xạ, chỉ riêng khối đất bụi của hàng trăm nghìn quả bom nguyên tử làm tung lên giữa không trung cũng đủ che ánh mặt trời trong nhiều tháng, không cho tảo xuống mặt đất, nhiệt độ mặt đất sẽ hạ thấp, cây cỏ ngừng sinh trưởng trong nhiều tháng.

Nhưng làm sao một thanh niên sống ở một làng hẻo lánh Việt Nam có thể tác động đến ông Reagan, Tổng thống Hoa Kỳ được? Mà ngay cả Việt Nam nhỏ yếu có ảnh hưởng gì với những siêu cường quốc khổng lồ kia? Không, chuyện thế giới không ngoài tầm tay của chúng ta đâu.

Tôi không nghĩ rằng, Việt Nam là anh hùng nhất, là cách mạng nhất thế giới, là trung tâm của năm châu, nhưng tôi biết rõ nước ta có một vị trí quốc tế đáng kể, nước ta tiến lên hay lùi bước đều có ảnh hưởng đến các nước khác. Vào những năm 1950, tôi quen nhiều bạn Angiêri ở Pháp, họ rất phân vân, không biết nước họ đã đủ điều kiện để nổi lên đánh thực dân chưa? Không ít người bảo là phiêu lưu, cho đến lúc ta thắng ở Điện Biên Phủ. Ngay sau đó họ nhất trí chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Năm 1959, cách mạng Cuba thành công ở một nước chưa đầy 10 triệu dân, nằm sát nách Mỹ. Nhưng Mỹ lúc ấy đang mắc kẹt ở Việt Nam, 15 năm sau quân đội Mỹ mới gỡ ra được thì Cuba đã trở nên hùng mạnh, đã đặt quan hệ khăng khít với Liên Xô, quần chúng và binh lính Mỹ đã ngăn ngấm với những chuyến đi xâm lược nước khác; một sự can

thiệt vũ trang đánh Cuba không còn dễ như năm 1959 nữa.

Ngày nay Mỹ và các lực lượng đế quốc, phản động khác đang bố trí lực lượng khắp nơi để chuẩn bị chiến tranh tấn công cách mạng; chúng thắng được nơi nào thì nguy cơ chiến tranh nguyên tử tăng lên, chúng lùi bước nơi nào, cách mạng tiến lên bước nào thì nguy cơ ấy giảm đi. Đánh tan mọi âm mưu phá hoại của địch, xây dựng nên một nước Việt Nam vững chắc, thắt chặt quan hệ với Liên Xô và các nước anh em khác thì chúng ta không những bảo vệ độc lập tự do của chúng ta mà còn đóng góp với thế giới ngăn chặn chiến tranh nguyên tử.

Câu chuyện còn cụ thể hơn nữa. Có một số nước đã theo gương Việt Nam làm hồ xí hai ngăn (trong lúc nhiều nơi ở nước ta lại bỏ mất), xây dựng những trường vừa học vừa làm như trường Hòa Bình, nghiên cứu trồng bèo hoa dâu, chữa bệnh bằng châm cứu, tôi đã từng tiếp một đoàn gồm đại biểu của Bộ Giáo dục 7 nước châu Phi sang thăm nước ta để học tập việc chống nạn mù chữ và tổ chức học bổ túc văn hoá.

VI

CUỘC SỐNG KHI QUÁ ĐỘ

Nhưng rồi Việt Nam có đứng vững được không, có tiến lên được không, nói gì đóng góp với thế giới?

Mười năm đã qua, từ ngày miền Nam được giải phóng, một thời gian đủ để chúng ta cùng nhau đánh giá bước đường đã qua. Đánh giá một cách trung thực, một mặt không vì khó khăn trước mắt, bức bối riêng tư mà quên việc lớn, mặt khác không giấu giếm những khó khăn sai lầm có khi nghiêm trọng. Cũng không thể cứ diễn ra hết chuyện này sang chuyện khác, như vào một cửa hàng bách hoá, sục hết ngăn này ngăn khác xem còn thiếu thừa cái gì. Cần phải đánh giá và rút kinh nghiệm theo một vài phương châm cơ bản.

Nước ta đang ở giai đoạn quá độ, tức là trên con đường đi từ xã hội cũ đến một xã hội mới, vấn đề chủ yếu là ai thắng ai. Nghĩa là những lực lượng cách mạng quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ thắng hay là những lực lượng muốn lôi kéo ta về con đường tư bản.

Người ta nói, ngày nay ở nước ta đã xuất hiện một giai cấp tư sản mới. Tôi thì muốn dùng chữ “con buôn”. Con buôn chứ không phải nhà buôn. Chữ “con” nói lên tính gian lận, việc làm ăn phi pháp của bọn này, cụ thể là: Đánh cắp của Nhà

nước và tập thể, buôn lậu, làm hàng giả, đầu cơ vàng bạc ngoại tệ. Những con buôn làm ăn cỡ lớn nhất định phải ngoặt với một số cán bộ thoái hóa, và sử dụng một số lưu manh côn đồ làm chân tay. Bọn tay sai phá hoại của các thế lực thù địch thường có quan hệ chặt chẽ với bọn trên. Như vậy đã hình thành một liên minh gồm bốn thành phần: Con buôn, cán bộ xấu, lưu manh và bọn tay sai phá hoại của các thế lực thù địch.

Bọn này tìm đủ cách vét vàng bạc ngoại tệ đưa ra nước ngoài buôn hàng xa xỉ về, và để quốc cùng một hệ thống mại bán người Hoa, Đông Nam Á liên hệ chặt chẽ với chúng. Trong nước còn có cả chục triệu người buôn bán nhỏ, làm thủ công, nông dân cá thể, và ngay những người nông dân đã vào tập thể cũng còn phần thu hoạch do kinh tế cá thể. Nếu bọn con buôn không bị trừng trị, làm ăn phát tài, nếu Nhà nước không xây dựng được kinh tế quốc doanh vững chắc thì mấy chục triệu người làm ăn cá thể kia cũng lao vào con đường làm ăn kiểu ấy, làm nghiêng cán cân xã hội về hướng tư bản. Và số cán bộ bị mua chuộc ngày càng đông, để quốc và các thế lực thù địch ngày càng có nhiều tay chân! Đến ngày nào đó, lực lượng của chúng, giả thù chúng ta không chặn nổi, sẽ lớn lên đến mức chúng tìm cách tranh đoạt chính quyền với sự giúp đỡ của các thế lực thù địch. Cuối cùng, chúng ta lại một lần nữa mất độc lập và tự do, đất nước hoang tàn. Chúng ta không thể nào không cảnh giác.

Bây giờ thử hỏi: Từ 10 năm qua, và nói rộng ra, 40 năm qua, ai thắng ai?

Chúng muốn cướp lại độc lập tự do của chúng ta: Chúng đã thất bại, ta đã thắng.

Chúng muốn phá hoại an ninh trật tự của chúng ta, ta đã thắng.

Đúng là những thắng lợi to lớn, vì kẻ địch toàn là những nước khổng lồ... Giữ được an ninh yên ổn ở miền Nam, nhất là ở Sài Gòn là một thắng lợi, có lẽ nhiều người chưa đánh giá hết tầm quan trọng. Đừng quên, Sài Gòn lúc mới giải phóng có 400.000 quân sĩ nguy, nhân dân mọi nơi dồn về. Mỹ còn cài lại không biết bao nhiêu tay sai, vũ khí đầy ắp, kho tàng bí mật rải khắp, trong hoàn cảnh ấy đối với các thế lực thù địch tổ chức một mạng lưới dày đặc phá hoại, ám sát, gây loạn kẻ ra không khó, nhất là chúng ta đang vướng mắc nhiều khó khăn kinh tế xã hội. Và cũng phải nói là cán bộ của ta nhiều khi xử sự cũng không phải là không gây bất mãn. Nhưng an ninh đã được giữ vững, khả năng thực hiện một cuộc phản cách mạng ngày nay xa vời hơn hồi mới giải phóng nhiều.

Nhưng nếu chúng ta đã chiến thắng, đánh bại mọi âm mưu xâm lăng và phá hoại, chúng ta chưa đánh tan ý chí xâm lược và tiếp tục phá hoại của địch, cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn.

Trên mặt trận quốc tế, địch muốn lôi hút ta vào quỹ đạo của đế quốc, chúng đã thất bại. Vị trí quốc tế của ta ngày nay vững mạnh hơn 1975. Điều này đối với một số bạn chưa thật rõ, vì không phân biệt vị trí thực tế với thiện cảm của nhân dân thế giới. Một bên là cơ sở khách quan, một bên là tình cảm chủ quan.

Trước 1975, vị trí quốc tế của nước ta là của một nước còn bị chia hai, một nửa còn bị nước ngoài chiếm đóng, nhiều nước chưa công nhận, chưa có mặt ở Liên hợp quốc. Chỉ có nhận

viện trợ, trao đổi kinh tế hàng hoá với các nước chẳng có là bao. Ngày nay ta đã vào Liên hợp quốc, hầu hết các nước đã công nhận, ta buôn bán khắp thế giới. Và chúng ta đã tiến hành được hai bước đường rất quan trọng. Một là xây dựng khối đoàn kết ba nước Đông Dương, đập tan âm mưu của các thế lực thù địch. Ta đã tạo nên một mặt trận chung của ba dân tộc Việt - Lào - Campuchia chống ngoại xâm, tạo điều kiện cho một sự hợp tác kinh tế văn hoá đầy hứa hẹn.

Bước thứ hai còn quan trọng hơn nữa là sự gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa, và việc kí kết hiệp ước với Liên Xô, đảm bảo an ninh cho nước ta, đồng thời tạo điều kiện tối ưu để xây dựng đất nước.

Trước 1975, Việt Nam là một nước chưa thật đứng vững giữa quốc tế vì chưa ai biết chắc chiến tranh sẽ ngã ngũ ra sao; ngày nay Việt Nam là một nước xã hội chủ nghĩa, thành viên của một cộng đồng hùng mạnh, với gần 60 triệu dân, một lãnh thổ không nhỏ, nhiều mối quan hệ quốc tế, không dễ gì mà uy hiếp, càng không dễ xâm lược, khuất phục.

Tình cảm của nhân dân thế giới đối với chúng ta trong những ngày đánh Mỹ lan rộng và sôi nổi hơn bây giờ; cũng như lúc một nhà đang cháy mọi người đều quan tâm và sẵn sàng giúp đỡ, chữa cháy xong, người ta ít quan tâm hơn. Nay ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, trên thế giới người nào thiết tha với chủ nghĩa xã hội đối với ta càng thân thiết, còn những người khác hoặc thờ ơ, thậm chí còn có người chuyển sang chống đối. Bộ máy tuyên truyền của các thế lực thù địch với những phương tiện hết sức lớn lao ngày ngày xuyên tạc cũng làm cho một số người nước ngoài mất thiện cảm đối với ta.

Cũng phải nói một số sai lầm của ta, như sơ suất trong việc tuyển dụng lao động đi nước ngoài đã làm cho một số bạn của ta bực bội và uy tín của ta bị giảm sút. Nhưng không phải vì thế mà bảo rằng vị trí quốc tế của nước ta ngày nay không được như mười năm trước.

Về mặt kinh tế xã hội, ai đã thắng ai, chủ nghĩa xã hội hay các lực lượng chống lại?

Ta có thêm một số cơ sở vật chất kỹ thuật mới như các công trình thủy lợi, giao thông, công trình thủy điện Hòa Bình, và các công trình khác mà báo chí thường nói đến. Sản lượng có tăng về cả lương thực cũng như hàng hoá khác, một số vùng kinh tế mới thành lập, phân bố lại được một số dân cư, hàng xuất khẩu có tăng so với 1975, số Viện nghiên cứu và cán bộ khoa học kỹ thuật cũng tăng, đó là những tiến bộ đáng kể.

Một điểm khá cơ bản là khắp cả miền Nam, năm 1975 quan hệ sản xuất tư bản và thực dân còn ngự trị, thì nay chủ nghĩa xã hội đã cắm rễ khá sâu, ở thành phố cũng như nông thôn, mặc dù quá trình cải tạo ấy đã vấp nhiều khó khăn và nhiều sai sót.

Nhưng lương thực và hàng hoá tăng không kịp bù lại sự gia tăng dân số, chưa bảo đảm vững chắc đời sống của toàn dân, nhất là giá cả không ổn định, làm cho đời sống của toàn dân, đặc biệt cán bộ công nhân hết sức vất vả, trong lúc đó một số con buôn và phần tử xấu lại sống phè phỡn. Thị trường tự do còn có xu thế lấn át thị trường xã hội chủ nghĩa.

Rõ ràng là trả lời câu hỏi ai thắng ai trên mặt trận kinh tế, không phải mọi người nhất trí như tôi đối với các điểm trên. Nhất là những người trong cuộc sống hàng ngày còn vấp vấp

trăm thứ khó khăn phiền nhiễu, từ lúc xếp hàng đến lúc tính toán cuối tháng cuối năm làm sao thắng bằng được chi thu trong ngân sách gia đình, hoặc thực hiện kế hoạch của xí nghiệp cơ quan. Tôi không ngại thơ đến nỗi bảo những người nằm trong chăn là không có rận, tôi chỉ muốn nói là chúng ta có khả năng dần dần diệt trừ được rận. Diệt trừ như thế nào sẽ bàn sau. Trước đó, tôi muốn nói đến một mặt trận vô hình hơn các mặt trận biên giới, hay an ninh, hay quốc tế và cả mặt trận kinh tế nữa. Đó là mặt trận kinh tế xã hội.

Ngay sau giải phóng, rất nhiều anh em miền Bắc vào Sài Gòn ngạc nhiên. Điều mà sách báo thường gọi là “phồn vinh giả tạo” lại rất thật. Nhà cửa, đường sá, cầu cống, ô tô, xe máy, vài vóc đầu có gì là giả tạo. Sao vậy? Thông thường thực dân xâm lược và bóc lột đến tận xương tủy, nên lúc đuổi chúng đi, đất nước thêm được ít nhiều của cải. Đằng này chính đuổi Mỹ, kinh tế lại sa sút rất nhiều. Đáng lẽ không nên nói phồn vinh giả tạo, mà nói phồn vinh phải trả bằng xương máu. Viện trợ quân sự, viện trợ kinh tế của Mỹ trong 21 năm đã đổ vào miền Nam trên 300 tỉ đô la (300 nghìn triệu). Để có một ý niệm về con số ấy, cần biết rằng hiện nay cả nước, Nam Bắc cộng lại xuất khẩu hàng năm mới nửa tỉ đôla. Trong 10 năm cuối, tính trung bình hàng năm viện trợ quân sự và kinh tế tổng cộng 2 tỉ. Sau giải phóng, hàng năm hụt mất 2 tỉ. Lúc Mỹ có 540.000 quân đóng ở miền Nam, hàng năm tốn 30 tỉ đôla. Đến lúc Mỹ thay bằng quân Thiệu, trên 1 triệu người, Mỹ chỉ tốn 2 tỉ. Vừa tốn ít tiền, vừa đỡ xương máu. Xương máu đã có người Việt Nam thay thế.

Trong 21 năm, Mỹ cũng đổ lên miền Nam cả chục triệu tấn bom đạn, cả chục tỉ đôla hàng hóa, và hằng hà sa số sách

báo phim ảnh, tìm cách tác động lên tinh thần mọi người. Cùng một lúc, bom đạn Mỹ phá hoại làng xóm buộc 10 triệu người rời bỏ quê hương ủa về thành phố và hai bên các đường chiến lược. Ở đây ai khoẻ mạnh buộc phải đi lính, ai gây nhiều tội ác được lên quan thăng chức, ai nhanh nhẩu thì buôn bán dẫu cơ, rồi dịch vụ hầu lính Mỹ, đi điểm, ma túy, mấy triệu người sống nhờ viện trợ bị đẩy vào những nghề tàn nhẫn hay bất lương, binh lính ra trận bắn cả vào anh em trong gia đình, họ hàng, người Việt giết hại người Việt, đó là cái giá phải trả cho sự phồn vinh, cho hàng hoá nhập vào nhờ có đôla. Giải phóng ai cũng vui mừng được hòa bình, được độc lập, những lúc thiếu hàng, thiếu xăng dầu, thuốc men vì không còn đôla nữa lại nuôi tiếc thời “vàng son” tiêu xài thỏa thuê. Lẽ dĩ nhiên đa số đã lựa chọn hòa bình, nhưng vẫn bao nhiêu người tiếc rẻ.

Bao nhiêu năm sống nhờ viện trợ, buôn bán phe phái, làm sĩ quan, chủ hãng, nay trở lại lao động dẫu có dễ, nhất là lao động vất vả, lương thấp. Để lại mấy triệu người thất nghiệp, lại quen sống không lao động mệt nhọc, đó là một quả bom nổ chậm nguy hại nhất Mỹ để lại trong lòng đất nước chúng ta trước lúc rút lui. Bao nhiêu tệ đoan ấy, thông qua thị trường tự do tiềm ẩn cả đến miền Bắc.

Đến đây cần nói rõ về một điểm, không phải cái gì từ phương Tây truyền sang là xấu cả. Giai cấp tư sản phương Tây đã có một lịch sử lâu dài xây dựng kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, chúng ta không thể phủ nhận sự phát triển trong đó có nhiều người do chế độ cũ để lại, đã tiếp nhận những tiến bộ ấy, nay sẵn sàng vận dụng để phục vụ nước nhà.

Vấn đề là gan đục khơi trong là một công việc không dễ dàng. Văn hóa tư sản của phương Tây bước vào giai đoạn tổng

khủng hoảng mang theo nhiều yếu tố tiêu cực, sang đến thuộc địa, chủ yếu xuất khẩu bộ mặt suy đồi; lại thêm kết hợp với những tàn dư của xã hội phong kiến biến thành một thứ văn hóa hết sức lố lằng, không còn văn hóa tư sản, chỉ là văn hóa con buôn.

Như vậy, mặt trận văn hóa xã hội bố cục như sau:

Một bên là truyền thống tốt đẹp của cha ông để lại, cộng với chất men do cách mạng, do chủ nghĩa Mác- Lênin đưa vào, và do khoa học kỹ thuật, nghệ thuật thúc đẩy, là mặt tích cực.

Một bên là những gì thực dân cũ và mới để lại, hỗn hợp với tàn dư của phong kiến, những sản phẩm của thị trường tự do, của một bộ phận cán bộ các cấp thoái hoá, là mặt tiêu cực.

Chống cái gì, xây cái gì?

Thế nào là tiêu cực?

Để vào đề, ta nói câu chuyện tóc dài, quần "gin".

Sống ở Âu châu trong những năm trước và sau Đại chiến thứ hai, tôi đã thấy xuất hiện những bộ tóc dài và chiếc quần "gin" đầu tiên. Trước hết là trong giới sinh viên. Trước 1930, những sinh viên bạn học cùng tôi, toàn là những con nhà khá giả, đến trường ra phố ăn mặc đoàng hoàng, con trai thì complet cà vạt, tóc không ngắn không dài, râu sáng nào cũng cạo nhẵn nhụi; con gái thì tóc dài, mặc váy, không hút thuốc (mặc quần là không được phép dự lễ nhà thờ). Sau Đại chiến xuất hiện những nam sinh viên tóc râu để dài, quần áo nhếch nhác, rồi lan dần thành một phong trào. Phong trào ấy diễn tiến trong hơn 30 năm nay như một vở kịch ba hồi.

Hồi I - Trước 1930, sinh viên đại học rất ít, học xong chắc chắn sẽ trở thành những kỹ sư, bác sĩ, luật sư hoặc cán bộ cao

cấp của Nhà nước hay của các hãng lớn. Họ tin tưởng ở chế độ gọi là tự do dân chủ tư sản, Âu Mỹ là trung tâm của thế giới có nhiệm vụ đi khai hóa cho các dân tộc lạc hậu ở các thuộc địa.

Chiến tranh nổ ra giữa các cường quốc, tiếp đó là chiến tranh thuộc địa liên miên, chế độ tư bản bộc lộ ra tàn nhẫn đến cùng, các giới cầm quyền tỏ rõ tính lật lọng phản bội, xảo quyệt dối trá. Chính con cái là tầng lớp trên mất tin tưởng trước hết. Họ không bị bóc lột áp bức, nhưng lúc đã mất tin tưởng thì những khuôn phép lễ nghi của chế độ khó mà chấp nhận mãi. Phản ứng đầu tiên là ruồng bỏ tất cả các nghi thức của chế độ tư bản, vứt bỏ complet cà vạt với chiếc quần nếp thẳng ro, bộ tóc râu cắt tỉa gọn gàng. Họ ngang nhiên và hãnh diện để râu tóc bù xù, mặc blouson và quần "cháo lòng". Con gái thì cắt tóc ngắn, mặc quần, phì phèo điếu thuốc mới tỏ ra là có đầu óc được "giải phóng". Cũng như các cụ đồ nho của ta cách đây bảy, tám mươi năm cắt tóc ngắn, bỏ búi tóc, bỏ khăn đóng áo dài, mặc quần tây sơ mi để chống lại hủ tục phong kiến.

Ai tiếp tục complet cà vạt bị khinh thường là "trường giả", ai quần áo tóc râu nhếch nhác được xem là "cách mạng". Bắt đầu là thanh niên, sau đó cả những vị trí thức, một số bạn tôi đường hoàng là giáo sư đại học rồi cũng để râu, mặc quần áo xuề xoàng đi dạy. Phong trào này bắt đầu từ Mỹ, những thanh niên ấy được gọi là híp-pi. Quả là họ có tư tưởng chống tư bản, có phần tiên bộ. Họ chống chiến tranh khá mãnh liệt và thường hô hào lật đổ cả chế độ tư bản. Một số tự xưng là theo triết lý "hiện sinh". Triết lý ấy như thế nào, từng pho sách nhiều khi khúc chiết khó hiểu trình bày ra nhưng ít ai đọc, cốt lõi là khẳng định giá trị tối cao không ở trên trời, không ở ngoài xã hội, mà tuyệt đối ở trong cái "tôi" của mỗi người,

không cần giáo lý, lễ nghi, kinh kệ, chỉ cần cảm thấy, cần có ý thức “tôi sống tự do đối với tôi”, hành động như thế nào cũng được, sự nghiệp xây dựng cho xã hội thì cóc cần. Nhà triết học nổi tiếng Sartre viết một quyển sách dày cộm rất khó hiểu để kết luận trong một câu: “Lãnh đạo xuất sắc một quốc gia hay say mêm tối ngày cũng như nhau”.

Các trường đại học Âu Mỹ sống nhiều năm sôi động với phong trào híp-pi. Năm 1968, sinh viên Paris nổi loạn chiếm các trường đại học, biểu tình khắp các đường phố, lập Ủy ban cách mạng, người ta tưởng chừng chế độ tư bản ở Pháp bị đánh đổ. Lạ là cách mạng này lại không do công nhân, không do Đảng Cộng sản khởi xướng, và trong những hoạt động có vẻ cách mạng lại xen kẽ những vụ mang tính nô đùa giỡn cợt. Ví như nêu khẩu hiệu: “Càng đủ đờn càng cách mạng”.

Hồi II - Cuộc nổi loạn của sinh viên Paris như một ngọn lửa rom, ít lâu dập tắt. Đâu lại vào đấy. Những sinh viên híp-pi không thực hiện được cuộc cách mạng cải tạo xã hội tư bản, họ chỉ là những người “kiếm chuyện” (tiếng Pháp là contestataires). Sau vài năm sống lồi híp-pi, người sinh viên Âu Mỹ bị cuộc sống lôi kéo, phải lựa chọn: Hoặc tiến lên một bước gia nhập hàng ngũ cách mạng với công nhân, hoặc trở lại với cuộc sống bình thường tìm công ăn việc làm, lập gia đình, tậu xe, tậu nhà, ô tô, tức trở lại với trật tự xã hội tư bản. Lúc đã trở nên giám đốc, bác sĩ đông khách, họ cũng trở lại với bộ complet cà vạt.

Cũng sau Đại chiến thứ hai, khoa học kỹ thuật dẫn lên một bước vùn vụt. Sản xuất tăng nhanh, hàng hóa tràn trề. Tất cả xã hội, trong đó có giai cấp công nhân ủa theo hàng hóa, tìm đủ cách mua sắm xe máy, ô tô, tivi, tủ lạnh v.v... Nhất là công nhân thanh niên mới vào nghề. Tư bản cho công nhân mua

chịu, trả dần. Hết quần áo đến xe cộ, nhà cửa. Người công nhân hàng chục năm chỉ suy nghĩ mua sắm, làm việc để mua sắm, để trả nợ, không nghĩ đến đầu tranh.

Nhưng họ cũng phải tỏ ra là chống đối tư bản, họ cũng gia nhập đội quân tóc dài quần “gin”. Thế là hàng chục triệu thanh niên Âu Mỹ chạy theo, một bên là những quần áo có vẻ nhếch nhác, tóc râu để xồm xoàm, đồng thời cũng chạy mua những hàng mới, để cuối cùng hình thành mẫu mực người thanh niên “hiện đại”: Tóc râu để dài, áo blouson, quần “gin”, phóng xe máy như điên, có máy ghi âm cát - sét nghe nhạc xập xình (họ ghét nhạc cổ điển nhắc lại văn hóa tư bản), ngày ngày tập hợp trong những xi-nách-ba nhà khói thuốc uống rượu mạnh. Trai, gái trông bề ngoài chẳng khác gì nhau.

Cái tài của giai cấp thống trị tư bản là họ biết chắc những thanh niên “kiếm chuyện” này sẽ không đi đến đâu, họ chỉ sợ những người thực sự cách mạng. Có híp-pi hùng hổ đến đâu, điều ấy giai cấp tư bản không lo. Không những thu hồi được còn biến thành nguồn lợi. Họ khéo biến phong trào thành “mốt”. Họ rất hiểu tâm lý thanh niên, một mặt muốn tự khẳng định bằng cách ăn mặc, cử chỉ thoát ra ngoài khuôn sáo tỏ ra độc đáo, mặt khác lại rất muốn hòa mình vào một trào lưu những người cùng tuổi. Hai yếu tố ấy cộng lại tạo ra miếng đất cho những “mốt” này nở.

Tư bản Âu Mỹ có những phương tiện sản xuất hàng loạt và một bộ máy tuyên truyền rộng lớn. Muốn quần thể nào họ sản xuất cho, muốn xe máy, cát sét, có xe máy, có cát sét; bộ máy tuyên truyền của họ cũng sẵn sàng nhồi nhét, có ăn mặc như thế này, tóc tai như thế nọ, dùng xe máy hiệu gì mới là con người của thời đại. Họ tạo ra những cái gọi là gadget (gát-giét) tức là

hàng hóa, tuy không lợi ích gì nhưng kích động giác quan và tính ham mới của con người, để thúc đẩy khách hàng mua, và phải mua nhanh để khỏi lạc hậu. Sản phẩm văn hóa biến thành hàng hóa đại chúng mang tính kích động hơn là để thưởng thức ý nhị. Lại thêm một ngành kinh doanh nhiều lãi cho tư bản.

Với văn hóa kiểu tiêu xài này, giai cấp tư bản đã thu hút được thanh niên tiêu thụ hàng hóa của họ, thu hút được cả một tầng lớp thanh niên công nhân. Tôi cho đây là một thành công quan trọng của tư bản phương Tây trong những năm vừa qua.

Hồi III - Tôi gặp lại một số bạn châu Phi vào những năm 70, và họ đã trở thành những người có trọng trách trong phong trào tiến bộ ở nước họ. Họ tỏ ra rất bức mình về phong trào tóc dài quần "gìn" đang lan tràn ở các thành phố châu Phi. Sau 1960 trở đi, hầu hết các nước châu Phi đã độc lập trên danh nghĩa, nhưng các nước phương Tây vẫn nắm hầu hết các nguồn lợi kinh tế và các luồng thông tin văn hóa. Một giai cấp tư sản mại bản và một bộ máy quan liêu bản xứ xuất hiện, thu nhập khá cao. Con cái của tầng lớp này, hoặc từ Âu châu về, hoặc bắt chước lối ăn ở của Âu châu, cũng chạy theo quần "gìn", tóc dài, xe máy, cát - sét, nhạc vàng. Các bạn châu Phi than phiền bảo tôi: Giai cấp tư bản phương Tây sau khi "thu hồi" được thanh niên của giai cấp mình và giai cấp công nhân của họ, cũng đang "thu hồi" luôn cả thanh niên của chúng tôi nữa. Đây là một đòn khá hóc hiểm vào phong trào cách mạng của chúng tôi. Người nào không bị "thu hồi" vào bộ máy của thực dân mới thì cuối cùng cũng thân tàn vì ma túy. Và ma túy cũng là nguồn lợi cho tư bản.

Tôi không chống mốt. Tôi hiểu rằng ăn mặc tóc tai phải thay đổi cho phù hợp với thời buổi. Nhưng sống lâu ở xã hội

tư bản, tôi cũng hiểu có những một tự nhiên, chính đáng phù hợp thời đại, và có những một do tư bản tạo ra hoặc để làm tiền hoặc để “thu hồi” những ai “kiếm chuyện”.

Tôi cũng muốn cho mỗi người có áo đẹp, có xe máy đi lại và bản thân cũng đã dùng xe máy lâu năm. Năm 1979, ở Xiêm Riệp, một chị phụ nữ Campuchia đứng tuổi đã bảo tôi: Điều vui sướng nhất của tôi hiện nay là được mặc những cái váy có màu sắc, Pôn Pốt bắt chúng tôi chỉ mặc màu đen. Chỉ chừng ấy chúng tôi cũng nhớ ơn bộ đội Việt Nam suốt đời! Tôi cũng mong cho phố xá làng xóm của chúng ta tươi lên với những bộ quần áo màu sắc đa dạng. Tôi không chống chuyện tóc dài tóc ngắn, vì chỉ cần giờ một quyển lịch sử phong tục qua các thời đại là thấy trăm kiểu tóc tai.

Đứng trước một thanh niên tóc dài, tôi chỉ muốn đặt câu hỏi: Sau bộ tóc ấy, có gì nữa không. Một bộ óc trống rỗng hay thực sự độc đáo, sáng tạo?

Thấy một thanh niên lao mình trên một chiếc honda, con người xì-bo của tôi cũng biết thương thức, nhưng rồi lại tự nhủ: Ai làm chủ, chiếc xe hay con người?

Nếu chiếc xe honda biến thành mơ ước tôi cao, ngày đêm anh thanh niên tưởng nhớ đến, khao khát chờ mong, sẵn sàng làm tất cả để có được, nó biến thành chủ, và nói theo ngôn ngữ triết học, anh thanh niên đã “tha hóa” vì nó. Tôi có thể lâu lâu hút một điếu thuốc 555 để vui với bạn bè, có cũng được không có cũng được, không thành vấn đề. Nhưng nếu tôi nghĩ rằng, tiếp khách hay cưới hỏi chỉ có 555 mới thật là đám cưới và nhất là lúc tôi đã nghiện, không thể hút được thuốc khác ngoài 555, thì tôi đã “tha hóa” vì nó. Tôi nhắc đến thuốc lá là vì hai lẽ:

Trước hết với cương vị một bác sĩ tôi hiểu rõ sự nguy hại của nó với sức khỏe: bệnh phổi, phế quản - đặc biệt là ung thư phổi ngày càng tăng, chính vì ngày càng nhiều người hút.

Sau với cương vị của một người hay suy nghĩ về các vấn đề xã hội, thấy đây là một nguy cơ đang đe dọa xã hội của ta.

Một cuộc điều tra trên 2000 thanh thiếu niên nam ở Hà Nội năm 1981 cho thấy: từ 11 đến 15 tuổi: 25% các em đã hút thuốc lá, từ 16 đến 20: 52%, trên 20 tuổi: 80%. Tỷ lệ này ngang với tỷ lệ ở các nước Âu châu. Trong số các em hút, có đến 80% lâu lâu cũng có những triệu chứng như ho hen, khạc đờm, đau ngực, còn trong số những em không hút chỉ có không đến 1% có những triệu chứng ấy. Và nữ thanh niên cũng có một số bắt đầu hút.

Rượu cũng vậy, giáo sư Võ Tòng Xuân có lần bảo tôi, riêng ở đồng bằng sông Cửu Long, mỗi năm lương thực bỏ ra nấu rượu ước chừng cũng có đến 300.000 tấn. Nếu trước kia chỉ có đàn ông trung niên và ông già hay nhấm nháp nhậu nhẹt, ngày nay cả thanh niên và phụ nữ cũng uống. Rượu tai hại cho sức khỏe như thế nào, các thầy thuốc rất rõ: Đau gan, liệt bại dây thần kinh, bệnh tâm thần, con cái bệnh hoạn. Ngày tôi mới qua Pháp học Y khoa, vào các bệnh viện ngạc nhiên thấy rất nhiều bệnh xơ gan cổ trướng, và bệnh tâm thần, sau mới rõ, Pháp là nước uống rượu nhiều nhất thế giới. Trong 4 năm Đức chiếm, cướp nhiều rượu mang về nước, các bệnh viện Pháp voi vãi số người đau gan và tâm thần. Viện sĩ Y học Pháp Jear - Bernard mơ ước làm sao giảm dần số người hút thuốc lá và uống rượu thì ngành y sẽ nhẹ gánh rất nhiều, tiền dôi ra sẽ tập trung vào cứu chữa và nghiên cứu không biết bao nhiêu bệnh hiểm nghèo khác.

Thuốc lá, rượu trượt dần đến ma túy, từ một điều thuốc, chén rượu như miếng trầu làm đầu câu chuyện, biến dần thành những bệnh nghiện và tệ nạn xã hội, tha hóa không biết bao nhiêu người.

Trước hết là thanh niên, điều thuốc lá, chén rượu lần đầu tiên không lấy gì làm ngon lành, hút vào uống vào buồn nôn là khác, nhưng vì muốn tỏ ra là người lớn, là sành sỏi cũng cố nuốt. Dần dần quen, sau nghiện. Một anh lái xe thường được người này người kia biếu thuốc, nếu ai không biếu thuốc ngoại, cảm thấy khó chịu, dần dần hóa nghiện, phải bỏ tiền túi mua "ba xô". Người kia biếu thuốc tưởng giúp vui cho anh lái xe, thực tình đã làm hại. Một thanh niên Âu Mỹ hút thuốc lá thom chỉ tiêu một phần nhỏ đồng lương của mình, một thanh niên Việt Nam nghiện 555 chỉ có cách là phe phẩy mới đủ tiền hút.

Cũng như thuốc lá, bất kì món hàng nào, quần này áo nọ, chiếc xe cúp, cái video là những phương tiện tiêu dùng không có gì tai hại, nhưng đều có khả năng tha hóa con người trong hai trường hợp:

- Lúc người ta nghiện nó, đặt nó lên trên tất cả, sẵn sàng làm tất cả để mua sắm cho kì được, nó làm chủ con người.

- Lúc mà người ta tiêu quá mức mà lao động lương thiện của mình cho phép, và nói chung cho một nước, lúc tiêu dùng vượt quá sản xuất.

Tôi không đồng ý với một ông bạn của tôi có lần bảo đưa con trai: Mày cắt tóc ngắn đi, bỏ cái quần gin đi, tao cho mày một nghìn đồng; để cho nó đáp lại: Bố giữ tiền bố con giữ tóc con.

Đến đây, xin kể lại cảm tưởng của tôi mỗi lần vào Thành phố Hồ Chí Minh. Một cảm tưởng vui sướng, vì thấy rất nhiều

biểu hiện năng động, nhiều xí nghiệp cơ quan sáng tạo ra những cách làm ăn có hiệu lực, nhiều câu lạc bộ thanh niên sôi động, nhiều cá nhân năng nổ, luôn luôn tìm tòi hoạt động. Thành phố này có một cơ sở vật chất kỹ thuật to lớn, có nhiều hàng hóa máy móc, có một hậu phương phong phú là đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều công nhân kỹ sư giỏi, có cả hàng hóa tiền bạc những bà con ở ngoài gửi về hằng năm có đến 100 triệu đôla; với cơ sở như vậy, những người năng nổ có điều kiện phát huy óc sáng tạo; hơn hẳn các địa phương khác. Nhờ thế Thành phố Hồ Chí Minh đang trở thành một trung tâm phát triển giúp ích cho cả nước.

Nhưng mặt khác đây cũng là trung tâm tiêu xài lớn nhất của nước ta. Năm 1983, vào đây tôi đã được thấy người ta uống rượu cô-nhắc mỗi chai 250 đồng (mới), tôi đã thấy ngày Tết những tràng pháo dài hàng mấy chục mét. Và tôi đã nghe người ta kể chuyện như sau: Ngày Tết, một đội múa lân trước cửa một nhà buôn mừng năm mới: Từ trên gác chủ nhà cho dây thả xuống 100 đồng tiền thưởng. Lân cho vào miệng, xong nhà ra và trả lại. Chủ nhà cho thông xuống 200, Lân ngậm vào rồi trả lại, 300, 400 cũng trả lại, đến 500 đồng lân mới nhận. Ở đây có ba điểm cần nêu rõ:

- Chủ nhà ném ra 500 đồng không khó gì, đôi với một số người số tiền ấy chẳng là bao.

- Vì sĩ diện với hàng phố, chủ nhà phải nhả tiền ra.

- Vì mê tín, nghĩ rằng đầu năm mà bị lân bỏ đi không thềm nhận tiền, cả năm xúi quẩy, làm ăn thất bại - những hiện tượng đó nay đã giảm hẳn nhưng không phải là không còn. Tôi nêu lên thí dụ này để thấy rõ thế nào là lối sống, là “văn hóa” con buôn.

Trong thành phố này, có một tầng lớp tiêu xài đem tiền phung phí, điều đó không quan trọng nếu chỉ ảnh hưởng đến gia đình họ. Nhưng một số người ra chợ, ra phố mua thịt cá, hàng hóa không cần tính toán, tất giá hàng sẽ lên không những tại chỗ mà trong cả nước. Một số người tiêu xài quá lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh thì giá cả ở Quy Nhơn, Vinh hay Lạng Sơn đều chịu ảnh hưởng. Tiêu xài lớn không những do các tư nhân, ngay trong nhiều cơ quan cũng liên hoan, đón tiếp, quà cáp cho nhau, đơn vị này làm sang hơn đơn vị khác. Thấy báo đăng Quận ủy quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh cấm các đơn vị không được tiếp khách bằng thuốc lá và rượu nước ngoài, tôi rất tán thành.

Nước ta còn nghèo, cần chặt chiu để tích lũy vốn xây dựng cơ sở công nghiệp ban đầu, mỗi chúng ta phải tâm niệm điều ấy. Từ cậu thanh niên đòi bố mẹ mua cho chiếc sơ mi Adidas, đến một cán bộ chi tiêu cho cơ quan bất kì một khoản nào. Mỗi lần lấy máy bay vào Nam, tôi cứ e ngại rồi không biết cái mình làm ra có bù lại được 300 đồng tiền máy bay Nhà nước đã trả cho tôi không?¹ Còn nói gì lúc Nhà nước mua vé cho đi tận Paris hay Niu Iooc (vé đi Paris 2500 đôla).

Câu chuyện tiêu xài không riêng gì Thành phố Hồ Chí Minh, bệnh đó xảy ra ở cả miền Bắc. Các xã miền Bắc mỗi lần liên hoan khách khứa cũng chết oan không biết bao nhiêu gà, lợn. Người ta tính cứ hằng năm có khoảng nửa triệu đám cưới, mỗi đám tính trung bình 10.000 đồng, đã mất 5 tỉ đồng. Vòng hoa cho các đám tang có xu hướng ngày càng phình lên, càng

¹ Nay giá vé máy bay là 1.350.000 đồng một lượt từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh (BT).

nhiều thêm. Ngoài xã hội, trong bộ máy Nhà nước bệnh tiêu xài đã nảy sinh đến mức báo động. Nhưng tôi cũng mừng thấy đã nổi lên xu thế chống việc tiêu xài nhậu nhẹt, đã có những chủ trương xác đáng hạn chế lại.

Và một bệnh khác cũng đã xuất hiện trở lại kể cả trong thanh niên. Bệnh mê tín. Những con buôn làm ăn bấp bênh, nhiều lúc cầu may, lắm khi lên voi xuống chó thường tìm thấy bói cho ít quẻ, lễ thần cứu giúp cho; rồi đến những thanh niên yếu bóng vía trước lúc đi thi, đệ đơn xin đi học hay đi lao động nước ngoài, cưới vợ, gặp bệnh tật hay tình duyên trắc trở cũng cầu Thần lạy Phật, tìm đồng, tìm bóng. Còn biết bao nhiêu người đang kiêng kị đủ thứ, ngày 3 ngày 7 không ra đi, xưa chỉ theo âm lịch, ngày nay kiêng cả những ngày dương lịch. Có lần ở Quy Nhơn, đang ngủ, một giờ khuya thấy ông bạn ngủ cùng phòng thức dậy ăn mặc đàng hoàng, tôi nghĩ rằng ông này "hâm" hay sao. Ông cho biết là để đi một đám cưới, vì thấy bói bảo phải cưới cho đúng hai giờ đêm. Ở quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm hiện đại, ngoài các ngôi chùa và nhà thờ đạo, còn có hơn 50 đền, điện, miếu thờ đủ loại thần, có những nữ thần, thần đá y như thời xưa, cách đây mấy nghìn năm. Tuy những đền, điện miếu thờ đó không còn tập nập người lui tới, khói nhang nghi ngút như xưa, tuy nó đã trở nên vắng lặng nhưng không phải là không có những người năng lui tới cúng kiến, cầu khẩn, nhất là vào những dịp lễ tết. Khi nó đã trở thành thói quen, thành tập quán thì không dễ gì xóa được ngay. Cả một quá khứ đè nặng lên đầu óc của một số người không nhỏ. Không phải chỉ một vài câu lên lớp, vài biện pháp hành chính mà giải quyết được. Có xây dựng được một nhân sinh quan, một đạo lí vững chắc mới thật sự tạo ra được tính miễn dịch.

Nếu tiêu xài và mê tín là hai chứng bệnh lớn của xã hội, nói về bộ máy của Đảng và Nhà nước, báo chí và văn kiện của Đảng thường nhắc đến bệnh quan liêu. Thế nào là quan liêu?

Có hai thanh niên mới vào công tác ở một cơ quan, anh thứ nhất, tôi về thường suy nghĩ, trong cơ quan, về mặt kỹ thuật có những điểm cần cải tiến, về tổ chức có những quy định không hợp lý, thậm chí có một số quyết định bất công. Anh ta đề nghị sửa đổi điều này điều nọ, và có lần nói thẳng với cấp trên ý nghĩ của mình. Nói thật mất lòng, đụng chạm đến người này người khác, đặc biệt đến mấy vị chức sắc, làm nhiều năm rồi vẫn ị ạch ở cấp thấp.

Anh thứ nhì thì tránh đụng chạm bất kì ai, và hơn nữa giám đốc, bí thư có ý kiến gì, đón lấy ngay tán thưởng tìm cách thực hiện. Chẳng bao lâu đã làm tổ trưởng rồi phó phòng, trưởng phòng, ít năm sau đã là phó giám đốc, cho đến ngày được xem là một trong những ông giám đốc trẻ tuổi nhất. Mỗi lần ông giám đốc lên đọc báo cáo ở một hội nghị, thì kính chào từng vị một ở cấp trên về, báo cáo đầy rẫy những trích dẫn nghị quyết, thậm chí còn chen một vài câu của Lênin. Còn mỗi lần ai hỏi gì cụ thể về kỹ thuật, về tài vụ của cơ quan, ông lại nhờ ông phó trả lời hộ; nhưng hễ đi gặp ông Bộ trưởng, dự liên hoan, đi nước ngoài thì nhất định phải ông ta.

Hình ảnh ông quan liêu là thế: Chỉ nhìn lên cấp trên, làm vừa lòng cấp trên là một cứu cánh, cấp dưới nếu xoa dịu không được thì trừ ếm; thực tế sản xuất hay yêu cầu của quần chúng là thứ yếu. Ai đề nghị thay đổi gì trong cơ quan xí nghiệp vì lí do kỹ thuật, hợp lý hóa tổ chức, ông rất khó chịu. Nhưng hễ cấp trên đưa ra một ý gì, chụp lấy ngay mà tán vào.

VII

CON ĐƯỜNG TIẾN THÂN

Thế là tôi đã trình bày với các bạn mấy lối sống, và mẫu người với những con đường tiến thân, mà các bạn có thể lựa chọn:

- Từ con người tiêu xài đến con người phe phẩy con buôn.
- Từ con người cơ hội đến con người quan liêu.
- Từ con người tích cực đến con người cách mạng.

Tôi tạm không nói đến con người cầu an, làm ăn lương thiện, vui với cây phong lan, con chim vàng anh; thông thường thanh niên không có những con người ẩn dật.

Anh con buôn, anh quan liêu sống sang trọng hơn những con người lương thiện và tích cực, nhưng luôn luôn phải nhìn trước ngó sau. "Đứng không yên ổn, ngồi không vững vàng" (Kiều). Vì chúng ta đang sống trong một thời đại cách mạng, nhân dân không chịu bị bóc lột và áp bức mãi đâu, cán bộ ăn hối lộ quan liêu không ít, nhưng số cán bộ giữ được phẩm chất trung thực và cách mạng lại còn đông hơn. Chung quanh những con buôn và những người quan liêu là một mạng lưới đông đảo bao vây truy lùng họ. Một vài lần phe phẩy còn thoát được, có thể lạm dụng quyền hành một thời gian, nhưng nếu tiếp tục lâu dài và trên quy mô lớn những hành động phi pháp

và cửa quyền nhất định một ngày nào đó sẽ sa lưới.

Điều mà anh quan liêu và con buôn không bao giờ có là sự thanh thản trong lòng; sống trong nhung lụa, lên máy bay, xuống ô tô vẫn ngày ngày nom nớp, cuộc sống nếu đầy đủ thịt cá, tivi màu, video, vẫn thiếu một điều cơ bản: Hạnh phúc. Ngày xưa có người mang vàng đến đút lót một ông quan có tiếng thanh liêm, bảo: Ngài cứ yên tâm việc này chỉ ngài với tôi biết mà thôi. Ông quan nói: Còn người thứ ba nữa là trời, tôi không dám nhận. Ngày nay trời là thứ thiên la địa võng của nhân dân và những người cán bộ trung thực, tuy có lúc thụ động, nhưng với đà tiến lên, dần dần sẽ phản ứng cương quyết và bền bỉ.

Hình mẫu những con người tích cực chúng ta dễ gặp trong cuộc sống. Sống thiếu thốn, sống vất vả, không bóp nghẹt hết mầm non của thời đại. Hàng triệu thanh niên - và lớn tuổi - đã ngã xuống, chưa mang lại cuộc sống thật sự sung túc cho toàn dân, nhưng đã mở ra cho thanh niên thế hệ ngày nay những chân trời mới. Giành lại độc lập tự do, tức là đuổi giặc tạo cho mỗi chúng ta miếng đất "dụng võ". Còn học võ, múa võ xây dựng nên cái gì trên miếng đất đã giải phóng là công việc của chúng ta, đặc biệt là thanh niên.

Những chân trời mới là khoa học, là kỹ thuật, là ca nhạc, là sân khấu, là điện ảnh, và cả du hành vũ trụ. Không phải ai cũng có thể trở thành Phạm Tuân, nhưng trong cuộc sống ngày nay, ai có suy nghĩ, chịu khó, tất sẽ tìm ra trong lao động, trong phố phường, trong quan hệ với nước ngoài một điều để cải tiến, để đổi mới. Được may mắn học hành lâu năm, được ở cương vị cao, có nhiều phương tiện trong tay thì có khả năng làm chuyện lớn, không đầy đủ điều kiện làm chuyện nhỏ.

Người bác học trong phòng thí nghiệm, áp dụng những kiến thức uyên bác, sử dụng những khí tài hiện đại tìm ra những giống lúa mới, nhưng làm cho giống lúa ấy mọc trên những cánh đồng thôn quê, nơi đất trũng, chỗ phèn mặn lại là công cụ đơn giản, thay đổi một cỗ máy, thay đổi một quy trình công nghệ phức tạp, là câu chuyện hàng ngày của hàng triệu công nhân, kỹ sư. Đi tàu viễn dương hay khai thác Tây Nguyên, Đồng Tháp Mười, những công việc ngày xưa chỉ một vài người dám nghĩ đến, xem như là một việc phiêu lưu kì dị, ngày nay đã trở nên bình thường. Một nhà văn sau nhiều năm thai nghén ra những quyển tiểu thuyết nổi tiếng, nhưng một anh thanh niên sinh thơ nhân một buổi liên hoan cũng có thể ngân nga một vài câu của mình. Anh Đặng Thái Sơn thì đi khắp năm châu trở tài, nhưng biết bao thanh niên nam nữ trong các câu lạc bộ làng xã phố phường, xí nghiệp cơ quan cũng mang vui lại cho bà con với lời ca tiếng đàn của mình. Biết bao người nông dân nghèo một chữ căn đôi đọc không ra, năm 1945 tưởng là chết đói, nay có con cháu người học ở Liên Xô, kẻ làm diễn viên điện ảnh.

Cả một đất nước đang đi tới, đang dần lên, cả một thế giới đang biến chuyển. Một vị tiến sĩ chỉ ngừng đọc sách, ngừng nghiên cứu một hai năm đã là lạc hậu. Giá thử ngủ đi năm bảy năm, lúc tỉnh dậy cũng chẳng khác người đời xưa lạc lối Đào nguyên vài hôm trở về quê không tìm ra cảnh cũ người xưa nữa.

Đừng có sợ lạc hậu đuổi không kịp một, sợ nhất là đuổi không kịp bước tiến của cả một xã hội, của ngành mình đang làm việc, của tập thể trong đó mình là một thành viên, lạc hậu về nghề nghiệp, về cách suy nghĩ, về lối làm ăn, về cách hiểu

biết, về phong cách sinh sống, đang đe dọa mỗi chúng ta, vì chung quanh chúng ta những con người tích cực đang lôi kéo xã hội tiến lên ngày càng đông. Trong kháng chiến chống Mỹ ra ngô là gặp anh hùng, ngày nay ra ngô là gặp những con người tích cực. Về mặt này mặt khác, không nhất thiết những con người ấy được nêu lên báo chí, và không nhất thiết tất cả những con người được đề cao trên báo chí là những người tích cực nhất, nhưng một điều chắc chắn là cuộc sống chung quanh ta, dù có lúc lên xuống, vẫn theo xu thế đi lên. Vấn đề là ở mỗi chúng ta đừng để mình lẻo đẻo ở lại đằng sau. Vấn đề là không phải trở nên Phạm Tuân hay Đặng Thái Sơn, nhưng chúng ta đóng góp được một cái gì mới; bất kì trong một lãnh vực nào: khoa học kỹ thuật, văn nghệ, thể thao, tổ chức quản lý, dạy học, nuôi con, trồng lúa, nuôi gà, gây rừng, lái xe, chài cá đều có ích cho xã hội.

Cái giá phải trả là nhiều khi bụng đói, áo mặc không đủ ấm, nhà cửa chật chội, có khi phải bỏ thành phố xuống biển lên rừng, nhưng phần thưởng chắc chắn, dù là đóng góp nhỏ nhất, vẫn là điều mà anh quan liêu và con buôn không thể có: Hạnh phúc.

Tiến lên một bước là trở nên con người cách mạng. Không lương thiện, không tích cực không thể nào làm con người cách mạng. Nhưng nếu chỉ có tích cực vẫn chưa đủ. Cách mạng là tích cực cộng với ý thức chính trị, ý thức đấu tranh, muốn vun đắp cho những gì xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, nhất quyết chống những gì cản trở.

Tôi đã nhiều lần nghe một số bạn trẻ nói: Chúng tôi có phải là Đảng viên đâu mà đấu với tranh? Để tránh vào đâu? Đúng là đấu tranh chống tiêu cực phải bắt đầu và kết thúc từ

trong Đảng đã. Ở đất nước nào khác, công việc của Đảng có thể không ăn nhằm gì với nhân dân. Ở đất nước ta, Đảng, nhân dân, Nhà nước đã cố kết với nhau, đã thành người một hội một thuyền, cùng cập bến với nhau hay cùng chìm thuyền với nhau. Chính sách kinh tế văn hóa có thể rất hợp lí nhưng nếu bộ máy Nhà nước và Đảng không có hiệu lực, đất nước không thể nào tiến lên.

Người ngoài Đảng có quyền, có nhiệm vụ nhìn vào, đóng góp vào làm cho Đảng giữ gìn bản chất cách mạng, làm cho đảng viên giữ gìn tính tiên phong. Có người chưa phải là đảng viên, nhưng thực chất đã đầy đủ những đức tính của một đảng viên, chỉ còn là chi bộ tại chỗ chưa nhận ra, vì hẹp hòi quan liêu mà chưa kết nạp. Trong lúc một số đảng viên không xứng đáng đứng trong hàng ngũ, thì không ít người xứng đáng vẫn còn đứng ngoài. Điều đó không ngăn cản những con người tích cực, có ý thức đóng góp xây dựng và đấu tranh cho tiến bộ của xã hội và đất nước.

Đấu tranh như thế nào? Trên những điểm cụ thể nào?

Trước hết, đảng viên hay không, từ 18 tuổi trở lên, mỗi người là một công dân với tất cả nhiệm vụ và quyền hành. Nhiệm vụ lao động, nhiệm vụ quân sự, không thể quên. Nhưng người ta thường ít nói đến quyền hành. Có nhiều quyền lắm đấy. Bạn hãy xem lại Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp và pháp luật cho bạn nhiều quyền lắm.

Ai gửi cho bạn một bức thư, nếu ông chủ tịch phường hay xã, anh cán bộ bưu điện tự tiện mở ra, bạn có thể nhắc. Hiến pháp không cho phép các người mở thư của tôi ra xem. Ngay bố mẹ hay đức ông chồng có mở cũng có thể nhắc khéo làm

thế là không đúng (dĩ nhiên bạn cũng không tự tiện mở thư của người khác, kể cả em út). Nếu tự nhiên công an đến xét nhà bạn, đến bắt bạn, bạn có quyền hỏi: Cơ quan nào kí giấy cho các người xét nhà, bắt tôi? Chỉ có cơ quan tư pháp mới có quyền, tự công an không có quyền bắt ai cả, trừ những trường hợp tóm quả tang ai đang trộm cắp, cướp bóc phá hoại. Chủ nhiệm hợp tác xã, chủ tịch, bí thư, bất kì cấp nào không có quyền bắt ai, giam giữ ai cả. Tuy có pháp luật, nhưng cũng có người kẻ cả cán bộ làm trái luật, mà người dân thường cũng không biết mà đấu tranh.

Nếu bạn thấy mình bị oan ức, về làm việc, về hộ khẩu, vì những quyết định của các cơ quan này khác đựng đến mình, của thù trưởng, của cấp trên, thể chế Nhà nước cho phép bạn khiếu nại ở nhiều nơi; ban thanh tra của ngành, địa phương, đoàn thanh niên, công đoàn, đại hội công nhân viên chức, gửi khiếu nại lên tòa án, lên Quốc hội, lên Trung ương, lên báo chí, đài phát thanh, tivi. Có quyền mà không sử dụng thì có cũng như không. Nhân dân ta còn phải tập khiếu nại, đòi hỏi các cơ quan, cán bộ Nhà nước làm đúng Hiến pháp, đúng luật lệ. Điều đó gọi là dân chủ. Một điều mà xã hội cổ truyền không có, chỉ có cách mạng mới mang lại cho dân tộc. Trong xã hội xưa người trên quen lối gia trưởng, cha chú trong gia đình đã bảo gì, con cháu phải nghe, và cấp dưới với nhân dân cũng quen cách nghĩ, cha chú đã nói, không thể cãi lại. Cách xưng hô giữa cán bộ công nhân trẻ trong cơ quan xí nghiệp với cấp trên, bác bác cháu cháu duy trì cách suy nghĩ ấy. Khó mà giữa hội nghị mà “cháu” lại phê bình thẳng thừng “bác” thù trưởng.

Tôn ti trật tự vẫn hiểu theo quan niệm bao trùm tất cả mọi mặt. Không phân biệt được hai bình diện hoàn toàn khác nhau:

- Một bên là hành động, phải chấp hành các quyết định của cấp trên hay của tập thể. Phải có tinh thần kỷ luật, chấp hành nghiêm túc, mặc dù trái ý mình.

- Một bên suy nghĩ đúng sai, ở đây không có trên dưới, tập thể hay cá nhân, phải độc lập suy nghĩ, và chỉ nhận là đúng sai lúc được thuyết phục. Trao đổi, tranh luận chứ không phải hễ trên bảo là đúng, và không ai là thánh nhân, nắm hết chân lí, như ông giáo hoàng hễ phán ra là tuyệt đối tin tưởng.

Trao đổi, tranh luận ý kiến, dù ở cấp nào, tuổi nào, đều có quyền cả. Đó là dân chủ, một điều chưa có truyền thống trong xã hội ta, nên chúng ta chưa quen vận dụng. Con người cách mạng không thể không dân chủ, không thể không đi trước con đường này.

Nếu xã hội tư bản, đặc biệt chủ nghĩa hiện sinh tuyệt đối hóa cá nhân, không đếm xỉa đến xã hội và tập thể, ngược lại xã hội phong kiến dìm cá nhân xuống khuôn nếp của xã hội và tập thể, hạn chế cứng cực khả năng của mọi người. Con người có thể rất dũng cảm, hy sinh tất cả cho tập thể, nhưng ít tích cực chủ động, chờ đợi lệnh của cấp trên mới hành động.

Con người ngày nay phải thể hiện nhân cách của mình, vừa trung thành với tập thể, sẵn sàng phục vụ xã hội, vừa phát huy cá tính của mình, chủ động tìm tòi, độc lập suy nghĩ, như vậy mới đóng góp thực sự cho xã hội. Một nhược điểm quan trọng của nước ta hiện nay là thanh niên vào đời ít chủ động tìm tòi, bị nhiều ràng buộc hạn chế kìm hãm tài năng.

Các tổ chức thanh niên để đòi hỏi đoàn viên khép mình vào kỉ luật hơn là tìm cách phát huy cá tính, mở triển vọng phát huy tài năng cho từng người. Thường muốn số đông

“đồng diễn” một bài hơn là những nghệ sĩ, mỗi người biểu diễn với một phong cách riêng.

Chủ động tìm tòi suy nghĩ, sẵn sàng trao đổi tranh luận với người khác để rõ đúng sai, chờ cho thực tế chứng nghiệm ý kiến rồi mới khẳng định, không chủ quan nóng vội đó là đức tính của con người khoa học. Ốc khoa học, tính khoa học là những yếu tố mới cách mạng đem gieo lên đất nước. Cha ông ta có rất nhiều kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực, như nước, phân, cần, giống, chẳng hạn, nhưng dù sao nó cũng mới chỉ là kinh nghiệm chưa phải là khoa học.

Tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản, bước ngay vào chủ nghĩa Mác - Lênin là đỉnh cao của khoa học, nhân dân và cán bộ của ta thiếu một sự chuẩn bị khoa học đầy đủ, nên cách làm ăn, và cách suy nghĩ đều chưa thật khoa học. Thể hiện rõ nhất là lúc suy nghĩ về tương lai, lúc đề xuất kế hoạch thường theo ý muốn, mơ ước chủ quan hơn là điều tra nghiên cứu cụ thể, dễ bốc, có nhiều ý đồ lớn lao không sát với thực tế.

Con người khoa học không bao giờ hoàn toàn thỏa mãn với cái hiện có, bao giờ cũng đặt vấn đề, tìm tòi về điểm này điểm khác; mà mỗi đề xuất đổi mới, và ngay việc tìm tòi điều tra nghiên cứu cũng làm cho những con người quan liêu e ngại, vì mỗi sáng kiến càng mạnh dạn càng làm xáo trộn tổ chức, buộc thay đổi cả cách làm ăn, quấy rầy những con người chỉ thích ngồi âm ỉ. Làm con người khoa học đòi hỏi có dũng khí.

Dân chủ, khoa học, nếu không truyền từ cha ông ta ngày trước, thì từ đâu đến?

Từ các nước đã đi trước chúng ta. Chúng ta trân trọng giữ gìn vốn cổ, chúng ta cần khẳng định thật rõ tính dân tộc trong mọi lĩnh vực, sau khi đấu tranh đoạt được độc lập chủ quyền, chúng ta sẵn sàng bảo vệ độc lập chủ quyền ấy. Nhưng nếu chúng ta khoanh chân trời và phạm vi hoạt động ấy lại trong khuôn khổ một đất nước, của dân tộc ở thời đại này, không thể nào tiến lên được. Đảng là người đầu tiên khẳng định rằng cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, và Việt Nam càng gắn bó chặt với cách mạng thế giới chừng nào thì thắng lợi to lớn chừng ấy, lùi lại với tinh thần dân tộc hẹp hòi chừng nào, thì càng dễ vấp vấp thất bại.

Tinh thần quốc tế là điểm mới và quan trọng nhất mà Đảng đã đem về cho dân tộc, như một chất men, một chất xúc tác, phát huy lên cao độ tất cả tiềm năng của một dân tộc đã tích lũy một vốn quý từ nghìn xưa. Con người cách mạng ngày nay không thể không có tinh thần quốc tế, không thể đóng khung đầu óc mình trong tinh thần dân tộc hẹp hòi.

Nói đến quốc tế, nói đến cách mạng thế giới, trước hết là nói đến nước đã đi trước ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và đầu tiên là Liên Xô. Việc chúng ta gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa thường gọi là khối SEB năm 1978, là một sự kiện lịch sử quan trọng không kém so với chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Chắc cũng có bạn ngạc nhiên, có khi còn sùng sốt khi đọc câu trên. Nói chung người ta vẫn chưa thấy hết tầm lịch sử của việc nước ta gia nhập cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới (khối SEB). Đây không phải chỉ có tiếp nhận một khối viện trợ to lớn, mà là một bước ngoặt lịch sử mở ra những chân trời hoàn toàn mới cho dân tộc và mỗi chúng ta. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc

không những đã có công khẳng định chân lí muôn đời của dân tộc “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, còn mang lại cho dân tộc một chân lí mới, chân lí mới của thời đại: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Ước mơ thế giới đại đồng, loài người ôm ấp từ nghìn xưa, nay dân tộc ta được may mắn biến thành cuộc sống cụ thể. Từ đây mỗi chúng ta không những là công dân của nước Việt Nam nghìn lần yêu quý, mà còn là công dân của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Mỗi chúng ta có thể đi từ Cuba đến Liên Xô, làm việc ở Hungari hay Tiệp Khắc mà vẫn thấy như ở trên đất nước của mình. Mỗi chúng ta lúc cần có thể hy sinh cả tính mạng cho Liên Xô hay Cuba cũng như đã có những đồng chí Liên Xô hay Cuba đã hy sinh vì Việt Nam. Mà cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới lại một ngày một mở rộng ra cho đến ngày bao gồm cả nhân loại. Tuổi trẻ ngày nay (và cả tuổi già như bản thân tôi) được may mắn là chân trời không còn thu hẹp trong một khoảnh đất từ Lũng Cú đến mũi Cà Mau, mà còn mở rộng khắp năm châu. Xin thú thật nếu không có sự gia nhập cộng đồng này, không có triển vọng quốc tế ấy, thì lòng yêu nước của tôi có lẽ cũng giảm đến phân nửa. Ngày nay, chúng ta không những chỉ có kế thừa Tổ quốc bốn nghìn năm cha ông để lại, mà còn bắt tay cùng nhiều bè bạn trên thế giới xây dựng một tương lai tươi đẹp. Lòng yêu nước và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa ngày nay là một. Và dĩ nhiên để xây dựng cộng đồng này cũng đòi hỏi những cố gắng bền bỉ và đấu tranh phức tạp. Cần nhận rõ, quá trình xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa không thể tách rời cố gắng xây dựng cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Không có sự hợp tác chặt chẽ toàn diện, không hòa nhập vào hệ thống xã hội

chủ nghĩa thế giới sẽ không có chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sự hợp tác ấy diễn ra với nhiều hình thức, liên doanh, trao đổi kinh tế văn hóa, gửi người đi học, đi lao động ở các nước anh em, đón tiếp chuyên gia bạn cùng các đoàn hữu nghị và du lịch, học tiếng Nga (nhiều bạn Liên Xô cũng đã và đang học tiếng Việt, và đã dịch nhiều sách Việt Nam sang tiếng Nga).

Về mặt này cơ bản là như vậy, nhưng cũng đáng tiếc đã xảy ra những tiêu cực trong việc gửi thanh niên sang lao động ở các nước anh em. Đáng lẽ tổ chức tốt, tuyển lựa kĩ càng, để cho thật đông người đi, có vài chục vạn hoặc cả triệu đi làm như vậy, cho đi lâu, nếu bạn cho phép, ở luôn cũng được, có lập gia đình ở các nước bạn cũng không thành vấn đề. Nếu được như vậy, biết bao nhiêu người sẽ có dịp đóng góp vào việc xây dựng chung của toàn phe, học tập được nghề nghiệp tạo ra những quan hệ khăng khít giữa các nước và chúng ta. Còn những anh chị em có trình độ khoa học cao, nhiều khi về nước không đủ điều kiện, nếu ở lại công tác lâu năm - và có thể lập gia đình - ở nước bạn, có khả năng phát minh nhiều điều quan trọng, lợi ích cho mọi người. Rồi 10, 15 năm sau, về lại làm chuyên gia, việc gì mà bo bo giữ lại ở nước ta.

Như vậy, phương hướng xây và chống khá rõ:

- Xây: dân chủ - khoa học - quốc tế.

- Chống: phi dân chủ - phi khoa học - dân tộc hẹp hòi.

Điều gì khoa học, hợp lí thì vun đắp, phi khoa học mang tính không tưởng chủ quan bất hợp lí thì chống; dân chủ thì khuyến khích thúc đẩy, gia trưởng độc đoán thì chống; hợp tác liên doanh hòa nhập với các nước anh em thì đẩy mạnh, càng nhanh càng tốt; co mình lại, chỉ muốn người khác giúp mình

nhưng lại bo bo giữ một mình, không chịu nhìn, không chịu học ở người khác thì chống.

Từ điều ấy, trong thực tế hằng ngày bạn sẽ không thiếu việc để phát huy tính năng động và óc suy nghĩ.

Tích cực - cách mạng, lao động, đấu tranh, có còn chỗ cho tình yêu nữa không? Còn chứ. Tôi xin lấy quyền *Kiều* để nói về tình yêu vì *Kiều* trước hết là bài thơ về tình yêu. Trong đời *Kiều* có ba lần yêu, ba mối tình hoàn toàn khác nhau.

Gặp Kim Trọng, mối tình đầu chấn động cả con người của cô gái mới lớn lên, làm cô “chập chờn con tình con mê”. Đạo Thiển cho rằng lúc cái “tôi” vượt qua giới hạn cá nhân, hòa mình vào sự vật chung quanh, đó là những giờ phút đặc đạo. Tình yêu làm cho cô gái ngây ngất, phá vỡ giới hạn của con người riêng lẻ, đẩy đến với một người khác, mà vẫn là một mình, tuy hai mà một. Đây là tình yêu của tâm hồn, tạo ra những giờ phút vô song, không thể nào có lại lần thứ hai. *Kiều* sẽ giữ mãi mối tình thơ mộng ấy, cho nên lúc ngồi cạnh người yêu đêm thanh vắng, cô không muốn “ăn xôi ở thì”, và trong cuộc sống đầy dọa về sau, mỗi lần mình với mình than thân tủi phận, thì nhớ đến chàng Kim là niềm hạnh phúc cao nhất. Suốt đời, *Kiều* mang theo mối tình đầu như một viên ngọc quý, giấu kín trong đáy lòng; giá trị của cuộc sống được kết tinh vào mối tình thơ mộng ấy.

Rồi những ngày “bướm chán ong chường” ở lầu xanh, *Kiều* gặp Thúc Sinh, từ trắng gió đến sự hòa hợp giữa hai xác thịt, “hải đường mòn mòn cành tơ, ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng”, tạo nên sự gắn bó thân thiết. Nguyễn Du không ngần ngại để cao tình yêu xác thịt, không xem nó là tà

dâm, nhận nó là một yếu tố chính đáng của tình yêu, một chân giá trị của cuộc sống, một kích thích của hạnh phúc.

Kiều gặp Từ Hải mến phục con người anh hùng, Từ Hải gặp Kiều tìm được một con người tài sắc tương xứng với bản lĩnh của mình, “thuyền duyên lại gặp anh hùng” để cùng nhau xây dựng một cuộc sống đầy hứa hẹn.

Cuộc đời của Kiều không chỉ đoạn trường, tình đâu phải là dây oan. Kiều với ba lần yêu đương đã được nếm mùi hạnh phúc. Sau lại gặp lại Kim Trọng, Kiều không muốn phá vỡ môi trường thơ mộng, viên ngọc thiêng liêng của cả cuộc đời “Chữ tình còn một chút này”, Kiều không muốn nó tan vỡ.

Tình yêu thơ mộng, tình yêu hòa hợp xác thịt, tình yêu tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống có ý nghĩa, để không phải bốn mắt đăm đăm nhìn nhau, mà cũng nhìn ra một con đường¹, cùng nhau tiến lên hạnh phúc cao nhất là kết hợp được cả ba vào một con người. Tự do yêu đương, tự do hôn nhân là để cho mỗi thanh niên ngày nay quyền lựa chọn và xây dựng một tình yêu trọn vẹn. Xưa kia, Kiều không được cái may mắn ấy.

Đúng là làm con người tích cực, con người cách mạng không phải chuyện dễ. Một con người như vậy phải có bản lĩnh? Làm thế nào để xây dựng cho mình có bản lĩnh?

Trước hết, phải có sức khỏe, nói đúng hơn phải biết làm chủ cơ thể của mình. Trong ngành giáo dục, người ta thường cho Văn và Toán là hai môn cơ bản nhất, vì sau này bất kì làm nghề gì cũng phải tính toán, biết diễn đạt ý nghĩ của mình.

¹ Theo câu của nhà văn Pháp Saint Exupéry.

Tôi nghĩ rằng, có một môn cơ bản hơn: Môn thể dục. Và tôi nêu khẩu hiệu: Tiên học võ. Võ đây là khả năng điều khiển cơ thể của mình, không bị động vì nó. Bác học uyên thâm, lãnh tụ tối cao, mà nhức đầu, đau lưng, mạch vành của tim bị tắc cũng đành chịu. Suy nghĩ, cảm xúc, bất kì một thao tác nào của tâm trí con người đều phải thông qua cơ thể.

Kinh nghiệm bản thân và nghiên cứu y học cho phép tôi khuyên các bạn áp dụng một phương pháp gồm ba cách làm. Một là khí công, nôm na gọi là thở bụng, hai là võ thuật kiểu nhu quyền, ba là hằng ngày tham gia một trò chơi. Chơi cũng cần thiết như làm và học. Tuổi nào cũng cần chơi cả. Muốn chơi thường ngày, không cần nhiều phương tiện cơ sở vật chất; khuyên bạn đá cầu.

Đặc biệt nhắc nhở các bạn gái của ta, quá 11-12 tuổi, không nhảy dây nữa, là hết tuổi chơi, rồi cặm cụi bếp núc may vá, cho đến lúc con mọn chiếm hết ngày tháng, già trước tuổi, đi đứng vụng về, có ăn mặc đúng một bao nhiêu vẫn có vẻ quê kệch. Tập võ đi, đá cầu đi, đánh bóng bàn đi, để sau này sinh dẻ chủ động, không đau.

Tiên học võ, hậu học văn.

Văn đây là vốn văn hóa, vốn kiến thức chung, về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. Lúc đầu cố học, càng học càng thấy cần, đến lúc đắm nghiên. Không có quyển sách mới, không đi xem triển lãm, bảo tàng, phim kịch, không chịu được. Lúc đó thấy gần mình với cả loài người, từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây.

Sách vở tiếng Việt còn ít, cố học lấy một loại ngoại ngữ. Đặc biệt là tiếng Nga, vì quan hệ của ta với Liên Xô là quan hệ

đặc biệt. Phải tìm đến sách, xem sách như người bạn thân thiết, không có không được. Muốn học cao, nhất định phải có tủ sách riêng ở nhà, không thể chốc chốc đi thư viện. Dù bạn có là công nhân, hay nông dân, cũng phải bắt đầu xây dựng ngay một tủ sách riêng.

Văn, võ đầy đủ để học thành nghề. Nghề gì cũng được. “quý hồ tinh luyện”. Và nhất là có lương tâm nghề nghiệp. Không bao giờ làm ẩu, làm dối. Làm gì cũng làm kĩ. Không đùa với máy móc; chỉ cần một đinh vít, một bu lông xiết không chặt trên chiếc ô-tô, một máy bay là chết người. Kể cả trong chế độ tư bản, không bao giờ một người công nhân giỏi lại làm dối, vì họ nghĩ đến phục vụ khách hàng. Còn đấu tranh với chủ, thì họ đòi hỏi tăng lương, biểu tình, đình công, cao hơn tham gia đảng cộng sản, chứ không phải muốn chống chủ làm hàng xấu.

Có võ, có văn, có nghề rồi, phải đứng vào hàng ngũ: Vào tổ sản xuất, vào hợp tác, vào công đoàn, chi đoàn, vào Đảng. Vào để học tập, để đóng góp có hiệu quả hơn là đứng một mình, vào để đấu tranh. Đấu tranh như đã nói trên, chống những gì chủ quan bất hợp lí, phi khoa học, chống gia trưởng, độc đoán, phi dân chủ, chống dân tộc hẹp hòi, thiếu tinh thần quốc tế.

Đấu tranh không nhân nhượng, nhưng hết sức kiên trì nhẫn nại. Gan dạ nhưng không làm liều. Có sách lược. Tôi được biết một chị giáo viên trẻ, cầm đến một nhà xuất bản lớn, một bản thảo tiểu thuyết dày mấy trăm trang. Xem xong, giám đốc bảo: Chị chữa lại, chúng tôi sẽ in. Chữa như thế nào? Xã hội ta hiện nay là một tấm màn đỏ, trên đó, có vài chấm đen; sách của chị là một tấm màn đen, điểm vài chấm đỏ. Chị ấy

bảo: Tôi không chữa gì cả, lấy bàn thảo về. Trong mấy năm chị đọc bản thảo mấy trăm trang ấy cho nhiều người nghe, dư luận tán thành sách của chị. 7 năm sau, sách được in ra nguyên vẹn.

Đấu tranh kiên trì của chị giáo viên đã thắng lợi, vì đi đúng theo xu thế của thời đại. Đừng nghĩ rằng, thấp cổ kêu ai nghe, nói làm gì vô ích! Nếu chỉ một mình tất nhiên là vô ích. Nhưng thời đại chúng ta, triệu người rồi sẽ nói vang lên tiếng nói của mình, làm rung chuyển mọi quy chế, mọi lô cốt lúc đầu tưởng như không thể nào lung lay.

Nhưng muốn cho tiếng nói của mình có sức nặng, phải có bản lĩnh, gồm cả: văn, võ, nghề, và đạo lý. Có đạo lý mới có gan nói lên tiếng nói chân thành của mình, chứ không phải vọng lại lời của người khác. Có sức chịu đựng, mới không sa vào nhiều cám dỗ. Nói như người đời xưa, con người có bản lĩnh:

“Phú quý bất năng dâm - giàu sang không làm cho sa đà, bần tiện bất năng di - nghèo hèn không làm cho mình dòi bỏ đạo lý, uy vũ bất năng khuất - uy quyền vũ lực không khuất phục được.”

Hàng ngày được như vậy, thì khi cần bảo vệ đất nước, sẽ dễ dàng mà nhẹ bước ra đi. Trong lúc anh em ở nơi biên cương giáp mặt với kẻ địch, hậu phương chúng ta phải làm sao cho bọn con buôn phe phẩy, và trong bộ máy nhà nước, bộ máy tổ chức đảng, bọn cơ hội quan liêu không còn chỗ đứng.

Nói thì dễ, làm thì khó.

Tôi là một cán bộ già đã về hưu, sức lực đã cạn. Chị còn mong đợi ở lớp trẻ. Vì vậy xin có một đôi lời.

VIII

LẠI MỘT ĐÔI LỜI

Quyển *Một đôi lời* viết 1985, hơn một năm trước đại hội 6, 12 năm trôi qua, vật đổi sao dời, biến cố dồn dập. Mới hơn 10 năm mà nay nhớ lại nhiều việc, như là chuyện thời xa xưa, cả nước đã chuyển sang một thời đại mới. Nay cho in lại, xin cứ giữ nguyên bản không sửa chữa, như là một tài liệu vết tích của một thời, để cho bạn đọc ngày nay thấy một số người “xưa kia” suy nghĩ những gì. Song vì người viết còn sống, mang lấy cái nghiệp viết lách, không thể không viết tiếp, viết thêm. Viết gì?

12 năm rồi, không hề bước chân ra khỏi đất nước, không biết sử dụng vi tính, nghe nói có những nước rỗng rần đầu đầu cũng không rõ, tiếng Anh chữ được chữ mất. Trông vào những máy móc hiện đại, đọc những sách báo khoa học chẳng hiểu mô tê, tôi không thể như bao nhiêu tác giả khác vẽ ra một bức tranh thế kỷ 21 đầy ắp những chuyện kì diệu, hay mô tả cảnh vật của nước này nước khác như những thiên đường. Tôi chỉ viết về những chuyện hiện nay.

Trước mắt, làm theo lời dạy của Nguyễn Bình Khiêm:

Ta đại ta bàn chuyện trước mắt

Người khôn người viết chuyện viễn vông.

Có người bảo: Anh thấy chưa, mấy mươi năm, nào là Việt kiều yêu nước, ủng hộ kháng chiến, vào Đảng Cộng sản, nay được cái gì, có phải đại dột không?

Tôi xin trả lời: Không phải đại dột, mà có phần ngây thơ. Trong nhiều năm nghiên cứu tâm lí trẻ em, qua sách Pháp, sách Mỹ thấy bao nhiêu học giả các nước cố tìm một từ tổng hợp đưa được những đặc điểm của tính tình trẻ con, nào là egocentrism, syncrétisme... vẫn không lột tả hết cái tính gọi là "tính trẻ con". Tôi bỏ cách bám sát nguyên nghĩa các danh từ Âu Mỹ trở lại với tiếng Việt, nhận ra từ ngây thơ. Hay quá! Có ngây, ngây ngô đại dột, nhưng lại kết hợp với thơ, với tính hồn nhiên tràn trề tình cảm, say mê. Và tôi đã rút ra kết luận: dạy dỗ con em, là làm sao cho chúng hết ngây mà vẫn giữ được thơ. Thông thường cứ nhân tiến sĩ rồi thì hết ngây, mà hết cả thơ luôn.

Tôi nhận được tin Cách mạng Tháng 8 vào tuổi 32, lúc đang còn nằm ở một bệnh viện ở Pháp, cái chết gần như đã nắm phần chắc. Các anh Hoàng Xuân Nhị, Phạm Quang Lễ (tức Trần Đại Nghĩa) đến thăm trước lúc về nước, tỏ ý bùi ngùi nghĩ rằng sẽ không bao giờ còn gặp nhau nữa. Riêng tôi lại nghĩ rằng thế nào rồi cũng sống. Vì Cách mạng Tháng 8 đã mở ra chân trời mơ tưởng cho tôi, cho chúng tôi, cho cả bao thế hệ những người mất nước. Tôi con nhà quan, chưa bao giờ biết đói rét là gì, chưa bao giờ bị ai áp bức, được du học Paris vào thời mà cả nước không đến 200 người được cái may mắn ấy. Thế nhưng hai chữ mất nước cứ âm ỉ nhức nhối trong gan ruột, sống mà không có lẽ sống. Từ khi nhận tin Cách mạng Tháng 8, dù nằm dài trên giường bệnh, không còn hy vọng gì về nước cầm súng với anh chị em, vẫn có quyền ước mơ, mơ

tương về một đất nước độc lập tự do. Cùng một lúc phát xít Đức bị quân Liên Xô đánh bại, hình ảnh Liên Xô trên báo chí, phim ảnh ngày ngày làm cho tôi mơ ước về một nước Việt Nam rồi nhanh chóng cũng sẽ như vậy, nhân dân ấm no, trên dưới hòa thuận, sắc tộc hòa mình vào một đại gia đình, rồi nước này nước kia, lần lượt cũng chung một con đường tiến lên, tạo lên thế giới đại đồng, bốn bề anh em. Nhờ xác định được lẽ sống rồi mới tìm ra phương pháp dưỡng sinh cứu sống. Những mơ tưởng ấy đã giúp tôi chiến thắng bệnh tật, 50 tuổi tròn tôi trở về đất nước sau 26 năm trời xa cách, như một đứa con đi xa nay được ngà lại vào lòng mẹ thân thương. 1963: Nửa đất nước phía Bắc còn chìm ngập trong cảnh nghèo nàn, đất ít người đông, lụt bão hạn hán uy hiếp năm này qua năm khác, một chiếc bút bi là của lạ, cán bộ kê cả cao cấp chỉ ước mơ có được một cái đài bán dẫn để nghe tin thời sự. Nhưng đi đến đâu, gặp ai tôi cũng có dịp để làm trỗi dậy, để nuôi dưỡng những ước mơ chất chứa trong lòng.

1975: tuy vì tuổi cao sức yếu, trong 30 năm kháng chiến tôi không đóng góp được gì, vẫn thấy thắng lợi ấy cũng là của mình, cái chung của cả nước cũng là của riêng của bản thân. Rồi được vào Nam ra Bắc, từ Điện Biên, Mèo Vạc đến Mũi Cà Mau bát ngát, vui mừng thấy non sông muôn màu muôn vẻ chùng nào, lại càng đau xót chùng ấy khi đi qua hàng mấy trăm cây số liền từ Quảng Bình đến Phú Yên không còn một cây nào cao quá đầu người, bom đạn, napal, chất hóa học của Mỹ đã tiêu diệt tât cả, tôi chợt nhớ câu thơ *Cung oán*:

Phong trần đến cả sơn khê

Tang thương đến cả cây kia cỏ này.

Cây cỏ còn như vậy, huống hồ con người! Người ta cứ bảo bỏ quên chuyện đã qua, tôi không thể quên được, tôi có khá nhiều bạn thân người Mỹ, nhưng tội ác của những bọn cầm đầu, ngồi ở Nhà trắng, Lầu Năm Góc, lạnh lùng ra lệnh dội bom xuống đất nước chúng ta 15 triệu tấn bom đạn tạo ra 25 triệu hố bom, nhiều hơn khối bom đạn đã được sử dụng khắp toàn cầu trong Đại chiến thứ 2, lấy đất Việt Nam làm nơi thí nghiệm hàng loạt vũ khí, chất độc mới, điều ấy sẽ không bao giờ quên. Vài nghìn lính Mỹ mất tích làm toáng lên, còn cả triệu chiến sĩ, dân thường Việt Nam bố mẹ, vợ con, bè bạn 20 năm nay đã tìm khắp nơi vẫn chưa ra vết tích nào, cái nợ những người lãnh đạo nước Mỹ không thể làm ngơ. Còn chúng ta, nếu quên đi là có tội.

Có người bảo: giá thử trước kia dân ta đừng có đại dột lao vào hai cuộc kháng chiến, trừng chọi đá, có phải hay hơn không? Ông bạn ơi, nếu cứ mỗi lần một đội quân nước ngoài tiến vào, toàn dân cứ rạp cùi đầu xuống, sẵn sàng làm trâu ngựa, một dân tộc như vậy không còn lẽ gì để mà tồn tại nữa. Còn ai mà phi báng, bôi nhọ cuộc kháng chiến trường kỳ vĩ đại tôi không thể xem người ấy là người Việt Nam nữa.

Phải, 50 năm qua, chúng tôi đã ngây thơ kẻ ít người nhiều dẫn mình - phần tôi cũng chỉ biết đấu khẩu, đấu bút thôi, nhưng dù sao cũng với cả tấm lòng - vào một công cuộc kéo dài, thắng lợi, lầm lỗi cũng nhiều, hy sinh mất mát thì vô kể. Phải, nay chúng ta đi đâu so với người, thấy nghèo quá, lạc hậu quá. Trước kia tôi cũng nhiều lần đi nước ngoài, nhưng tôi không hề giấu cái nghèo, trái lại phô trương ra, tôi nhiều lần nói với các anh em đại sứ nước ta ở ngoài không nhất thiết phải đi xe Mercedes, đừng đua sang với các nước, nhưng phải

hành diện là đại sứ của một dân tộc đã qua 30 năm kháng chiến, chúng ta không phải đến nỗi mang đôi dép lố để tiếp tổng thống các nước nhưng đừng quên mang theo tư thế của một Việt Nam bất khuất, đứng trước bất kỳ ai. Tôi còn nhớ năm 1977, Tổng thống Pháp chiêu đãi thủ tướng Phạm Văn Đồng tại điện Elysées - Paris, trong lúc hai bên đọc diễn văn, phóng viên truyền hình của ta mang theo một camera kiểu cũ nặng trĩu, kêu rè rè, cả đoàn Việt Nam phát ngượng. Riêng tôi không cảm thấy xấu hổ tí nào, Việt Nam sau bao nhiêu năm chiến tranh, nếu phương tiện kỹ không có gì lạ.

Vài hôm sau, phái hữu thân Mỹ của Pháp cay cú về chuyện nước ta đã nhanh chóng thống nhất Nam Bắc định bôi nhọ Việt Nam trên màn vô tuyến, xóa nhòa tác động chuyển thăm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Họ mời tôi tham dự một cuộc đấu khẩu 45 phút rông trước vô tuyến với ba nhà báo phản động Pháp sùng sò, rất am hiểu tình hình nước ta: tôi sẵn sàng chấp nhận, vì tuy tính tình điềm đạm, nhưng với những ai xuyên tạc chiến đấu của dân tộc, lại rất già miệng, một chống ba, nhưng với tư thế Việt Nam chính nghĩa và chiến thắng tôi đã tấn công từng câu, từng chữ một, cướp lời không để họ lấn áp; đứng lên trên đầu họ mà đối đáp.

Phải, chúng ta còn rất yếu kém về công nghệ này, công nghệ khác, về marketing, về tính toán thuế má ngân sách, tổ chức ngân hàng, vô vế về tiếng Anh, vụng vế với vi tính, lỏng lẻo về quản lý, lảm phiền hà về hành chính, gặp ai ta cũng phải khiêm tốn lắng nghe học hỏi, ai cũng có thể dạy bảo chúng ta một điều gì đó. Chúng ta đã mở đường cho kinh doanh tư nhân, mở cửa cho nước ngoài đầu tư, hòa nhập vào thị trường thế giới. Nước ta như một chiếc xe bò nay buộc vào một đoàn

ôtô, lợi là muốn hay không cũng phải cố vượt cho kịp, phải năng nổ lên, không thể ngủ gật ngủ gà như trước nữa. Nhờ vậy bao nhiêu nhân tài đã xuất hiện, thời thế tạo anh hùng trong nhiều lãnh vực, kinh doanh, khoa học, thể thao văn nghệ. Nhưng đồng thời cả một nước, một xã hội còn vướng mắc vào bao nhiêu gấn bó truyền thống, bị lôi đi, nghiêng ngả, xáo trộn, chưa tìm ra thế ổn định, cân bằng. Quân sự thuyết khách mọc lên như nấm, trong nước cũng nhiều mà từ Sorbonne, Harvard cũng không ít. Rồi chuyên gia của các cơ quan Liên hiệp quốc, của IMF, các hãng lớn. Rồi nhìn ra thế giới, nước thì hỗn loạn, nơi thì đầy oan khổ tang tóc; nơi thì phồn thịnh mặt này, suy đồi mặt khác. Theo ai, nghe ai? Thời cuộc 10 năm qua cho thấy tất cả, tôi nhấn mạnh tất cả những học giả, chính khách mà thế giới kính trọng nhất, sùng bái nhất, giải thưởng Nobel cũng có, tác giả những quyển sách nhiều người xem như là *Kinh thánh*. Tóm lại những con người mà ngày xưa dân gian xem như là tiên tri, xem như là ông Trạng; không có ai đã đoán trước được những gì đã xảy ra trong 10 năm qua. Ngày nay không còn các ông Trạng nữa, chỉ còn những người nói trạng mà thôi.

Luận điểm nghe hay đấy, nhưng chỉ có thể tin phần nào thôi: không còn *Kinh thánh*, còn dịch lý nào nữa để chúng ta nghe theo, hễ gặp khó khăn là mở cẩm nang ra mà tìm bí quyết.

Nói như vậy không có nghĩa là buông tay, phó mặc cho con tạo xoay vần. Con người tôi có cội có gốc, có gia đình quê hương, có một tổ quốc, không thể nào thờ ơ bỏ lên núi một mình tìm đạo, hay xuất biên tìm đất hứa ở một nơi nào khác. Trong con người tôi có một nhà nho nhận thức rõ trách nhiệm

của kẻ sĩ với xã hội, có một người đã thấm nhuần tư tưởng khoa học thực nghiệm, thông qua nhiều năm học hành. Nho giáo, khoa học thực nghiệm, cơ sở của chủ nghĩa nhân văn hiện đại xuất hiện ở Tây Âu từ thế kỷ 16, nở rộ ở thế kỷ 18 ở Pháp (thế kỷ Ánh Sáng) để làm chất men cho cuộc đại Cách mạng Pháp 1789, cả hai luồng tư tưởng đều mang tính duy lý nhân văn. Khẳng định giá trị con người lý trí, từ cái nền đó không khó gì để tiến thêm một bước là chấp nhận học thuyết Marx. Một đôi lời 1985 đúng là viết theo quan điểm Marx, rất chính trị. Chỉ có chính trị không hiểu theo cách là “thống soái” mà là một lãnh vực quan trọng cả một sự vận động nhiều mặt của toàn bộ xã hội. Ngày trước, ngây thơ nghĩ rằng, hễ giải quyết vấn đề chính trị là chìa khóa giải quyết tất cả; chỉ cần Đảng Vô sản nắm được chính quyền rồi nhanh chóng, cả một xã hội, một cuộc sống bao nghìn năm loài người mơ ước sẽ xuất hiện trong một thời gian ngắn. Ngây thơ nghĩ rằng cứ giao tất cả kinh tế văn hóa cho nhà nước vô sản, càng nhanh càng sớm thì xây dựng xã hội cộng sản càng nhanh chóng. Trong khốc lửa chiến tranh chống lại kẻ địch mạnh hơn ta nhiều lần, các tín tưởng duy lý về lý trí con người đã trượt dần thành tín ngưỡng kiểu tôn giáo, giúp cho con người chịu đựng được gian lao, dám hy sinh tất cả. Ngây cũng như vậy, mà thơ cũng là vậy. Nhớ lại, nhìn lại, vừa thấy đại đột, vừa nuối tiếc cả một thời đẹp để làm sao, trong sáng làm sao, 50 tuổi đầu, bốn ba bao nhiêu năm nước ngoài, trở về nước, tôi vẫn ngây thơ nghĩ rằng các bộ trưởng của ta, đã từng lặn lội rừng núi nhiều năm, nay về Hà Nội cũng dễ dàng cùng anh em cấp dưới, hết giờ làm việc cùng nhau lấy xe đạp ra về. Tôi vẫn ngây thơ nghĩ rằng đuổi hết quân Mỹ, Nam Bắc một nhà, dân tộc đã có đôi

hài 7 dặm để chỉ cần ít năm là tràn trề hạnh phúc. Một mặt sống rất thực tế tính từng xu một, tránh bom đạn, một mặt lại mơ tưởng, quên cả thiếu thốn.

Có người bảo tôi thanh niên bây giờ thực dụng lắm, không thấy ngây thơ như vậy nữa đâu. Tôi nghĩ nếu thật như thế, sống không còn mơ tưởng, không còn chút ngây thơ nữa, thì tội nghiệp cho thanh niên quá. Cuộc sống phải đầy đủ cả hai mặt, cả thực, cả mơ. Cái mơ cũng rất thực, và chính cái mơ thường là nguồn gốc của những cái thực nhất. Thực đẻ ra mơ, mơ mở đường cho thực, không phải là một vòng luân quần, mà là một đường xoắn ốc biện chứng đi tới đi lên.

Ta sống giữa một nền kinh tế thị trường, không thể cưỡng lại quy luật nghiệt ngã của nó, không thể ngây ngô mong xóa bỏ thị trường. Xã hội cần có một bộ máy nhà nước với hệ thống quan chức chặt chẽ, các tổ chức quốc tế cũng vậy, ta không thể ngây thơ ôm giữ tư tưởng vô chính phủ, xóa sạch quan liêu. Ta không thể ngây thơ chỉ biết hòa nhập vào một cộng đồng thế giới mà chỉ gồm 5-7 nước XHCN, mà bỏ quên các nước tư bản, các nước lân cận. Loại trừ không tưởng xóa bỏ kinh tế thị trường, bộ máy quan liêu, không có nghĩa là chấp nhận tất cả mọi hệ quả, cứ mặc cho kinh tế thị trường và các bộ máy quan liêu quốc gia và quốc tế tha hồ tác oai tác quái, để hình thành một xã hội, một thế giới chỉ có tiền trao cháo múc, khôn sống mớng chết, người này có thể tặng một cô bồ cả một biệt thự mấy tỉ, người kia tìm không ra 1, 2 nghìn đồng mua một viên thuốc cho con ốm, ở nước này các hộp thức ăn nuôi chó được chế biến kỹ lưỡng, với đầy đủ các vitamin: chất đạm, chất khoáng, ở nước khác thì 50% - 80% trẻ em suy dinh dưỡng nặng.

Tôi không nói nhiều về những tai họa khác đang uy hiếp cuộc sống của chúng ta, chỉ xin nêu lại hai khái niệm mà nhiều học giả đã đưa ra, kinh tế thị trường man rợ hay văn minh - Man rợ là cái gì có lẽ là đầu tư, không kể lợi hay hại cho môi trường, con người, dành cho lao động lương thường phúc lợi thấp chừng nào hay chừng ấy, bất chấp pháp luật, chủ quyền của các quốc gia, đạo lý, nếu cần và có thể thì sử dụng bạo lực, không kể đến sinh mạng con người. Vào những năm 70, chúng ta đã nói đến những hiện tượng gọi là “tiêu cực”. Trong một bài báo 1981, tôi thử định nghĩa tiêu cực như sau: Trong xã hội ngay ở miền Bắc đã xuất hiện một liên minh gồm 4 thành phần:

- Con buôn (con chứ không phải là nhà buôn)
- Cán bộ xấu, thoái hóa
- Côn đồ lưu manh
- Tay sai của nước ngoài

Từ đó đẻ ra kinh tế con buôn, văn hóa con buôn, lối sống con buôn. Không loại trừ, ít nhất kiểm chế được liên minh này, thì việc chống tiêu cực chẳng đến đâu. Để nó lớn lên nó sẽ thành mafia, tiếp đó là một nhà nước độc tài phát xít. Có trời tay bọn mafia này mới có một kinh tế thị trường văn minh, một xã hội, một thế giới yên lành. Không phải với một số tiến sĩ Ph.D. một đội ngũ công an đông đảo là đủ sức trời tay chúng, buộc chúng trở nên văn minh. Trong tất cả các nước, bộ máy kinh doanh, bộ máy chính quyền, bộ máy các tổ chức quốc tế ngày nay đều cùng tồn tại cả hai xu hướng, hai loại người, một bên là mafia, một bên là những con người thiện chí. Nếu cuộc đấu tranh nội bộ thường xuyên trong các bộ máy ấy diễn ra trong thâm cung cấm thành, nhân dân không được

hay, không có ý thức can thiệp vào, tất thắng sẽ thuộc về bên mafia. Lấy một ví dụ: các hãng lớn quốc tế rất thèm xây dựng quanh Hồ Gươm Hà Nội một loạt khách sạn siêu thị cao 10, 15 tầng vì đây là trung tâm; cán bộ có người chủ trương cứ bán đất đi, lấy đôla, dùng bỏ lỗ díp, nhưng không ít người phản đối, vì nếu chung quanh Hồ Gươm mọc lên vài chục cao ốc, xe cộ rầm rầm thì Hồ Hoàn Kiếm sẽ chẳng khác gì một cái ao tù nước đọng, người Hà Nội suốt ngày bôn ba ngược xuôi mua bán còn đâu những phút ngồi ngắm trời ngắm cảnh, nhớ đến Lê Lợi, Nguyễn Trãi, trẻ con sẽ quên hết tích nhà vua trả lại kiếm vàng cho thần Rùa sau khi chiến thắng. Đền Ngọc Sơn, Tháp Rùa, cầu Thê Húc không có gì vĩ đại cả. Hồ Gươm chẳng rộng bao nhiêu, nhưng chỉ cần ngồi bên bờ năm mười phút là con người Hà Nội trong chốc lát thoát khỏi sự trói buộc của thị trường, một người từ Đồng Tháp, Minh Hải, Bình Định đi ra, từ Hoàng Liên Sơn, Điện Biên Phủ xuống, chỉ cần rào quanh hồ ít phút là thấy mình gắn bó với tất cả một dân tộc nghìn năm văn hiến. Không thể cho bọn tư sản man rợ mua đất xây khách sạn 15 tầng, bắt chúng trở thành văn minh biết tôn trọng thiên nhiên, tôn trọng lịch sử của cả một dân tộc. Phải khuấy câu chuyện Hồ Gươm, các nhà làm sử, làm báo phải lên tiếng, không thể chỉ để vài chuyên viên kinh tế cãi nhau trong phòng kín, chỉ có tính toán số đôla ít hay nhiều. Một mặt nước giữa thành phố không phải chỉ là mặt nước, mà là một khoảng trời, tiết thu thì trong biếc, khi thì ráng chiếu rực rỡ, khi thì mây gió dữ dội, nếu khu Hồ Gươm biến thành một trung tâm thương mại thuần túy, thì con người Hà Nội, con người Việt Nam sẽ mất đi một phần mơ tưởng, tâm hồn sẽ khô khan đi một ít, tàn nhẫn thêm một phần.

Nếu dân Hà Nội, dân cả nước thờ ơ, thì chẳng bao lâu không còn Hồ Gươm nữa. Nhưng dân Hà Nội, dân ta không thờ ơ, đã có nhiều bài báo, nhiều người lên tiếng để rồi dần dần cảnh Hồ Gươm, hai bờ sông Hương, đường vào chùa Hương, chùa Thầy, đường lên Mỹ Sơn không bị những tấm bảng quảng cáo Sam sung, Castrol, Sony to tướng che hết cảnh quan. Chúng ta còn dốt nát về nhiều mặt, còn phải học tập đủ thứ, nhưng tôi cho rằng học khoa học, công nghệ, kỹ thuật vi tính với dân ta không có gì là khó lắm. Một nghìn năm thi cử đề làm quan, đề biết đạo lý ít nhất cũng để lại một truyền thống hiếu học, trẻ em Việt Nam lớn lên ở nước ngoài không thiếu gì kỹ sư, bác học có tầm cỡ quốc tế. Các chính phủ Mỹ - Pháp - Australia cũng đã thừa nhận, tiếp nhận hàng vạn người Việt Nam sang nước họ rút cục là có lợi cho họ, vì sẽ cung cấp cho nước họ khá nhiều nhân tài. Văn hóa Việt Nam, khoa học nghệ thuật Việt Nam sẽ phát triển thêm một luồng mới, kết hợp tinh hoa cả Đông - Tây do cộng đồng người Việt ở nước ngoài tạo nên, gắn bó chặt chẽ với văn hóa trong nước. Khác với Hoa kiều, vốn đôla của bà con kiều bào ta chẳng là bao, nhưng vốn trí thức, nghệ thuật thì rất phong phú. Làm sao cho tri thức trong nước với tri thức kiều bào bắt tay nhau hợp tác giải quyết những vấn đề cụ thể chung, thiên kinh địa nghĩa. Có bắt tay cùng xây dựng một đề án cụ thể, một công trình, mới trao đổi, phê bình nhau có hiệu quả, bằng không người đứng từ xa, người ở trong cuộc chỉ là hai người điếc cãi nhau.

Cái vốn ham học, mà những dân tộc đã tiêm nhiễm Nho giáo lâu đời như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam, Singapore, xuất phát từ cái hạt nhân duy lý của đạo nho, con người có học mới nên người; mặt khác lại tập trung ý nghĩ vào

việc xây dựng xã hội, ít quan tâm đến cuộc sống tồn tại ở thế giới bên kia, đã tạo cho những dân tộc thẩm nhuần một tiền đề vững chắc để tiến lên một xã hội hiện đại. Điểm này tôi đã nói lên trong một bài đăng tạp chí *La Penée* năm 1962¹, mấy năm gần đây một số học giả các nước đã phát triển thêm.

Ngoài cái vốn hiểu học nghìn xưa ấy, còn cái vốn hiện đại là 30 năm kháng chiến hết đánh Pháp đuổi Nhật đến Mỹ, với tất cả những đội quân đánh thuê cho các cường quốc nói trên. Trong hàng chục vạn cán bộ, đảng viên, không đảng viên, một số đã tha hóa, tham nhũng, hách dịch, nhưng số đông vẫn còn giữ phẩm chất những con người đã mấy chục năm “ngây thơ” lao mình vào sự nghiệp chung. Không phải dân tộc nào cũng có một cái vốn như vậy đâu. Nhiều nước Âu châu cũng có một quá trình chống phát xít nhưng cũng chỉ vài ba năm thôi. Tôi tin rằng sau một vài năm choáng ngợp trước cảnh hàng hóa tràn trề, phim ảnh kích dục, nhân dân vốn nòng cốt là những cán bộ đã từng kháng chiến bao nhiêu năm, với con cái bè bạn của họ sẽ vùng dậy, dấy lên một cuộc kháng chiến mới, lần này không phải sử dụng tiểu liên hay tên lửa nữa, mà vận dụng sức sáng tạo, sức đoàn kết bao vây, ngăn chặn không để cho những con buôn lớn hay bé làm mưa làm gió, buộc chúng bỏ tính man rợ trở nên văn minh.

Có những bạn Pháp - Mỹ hỏi tôi: ngày trước chúng tôi tổ chức mít tinh, biểu tình bỏ phiếu chống bọn hiếu chiến trong chính phủ Pháp hay Mỹ, nay Việt Nam cần đô la thì chúng tôi lại không có, thế có cần đến chúng tôi nữa không.

Tôi trả lời ngay: còn cần hơn trước kia nữa. Để quốc ngày

¹ Bài này đã in ở phần *Bàn về đạo nho* trong tập này (BT).

nay không đem quân xâm chiếm nước chúng tôi nữa, nhưng những thủ đoạn mảnh khoe thương mại, kinh tế, văn hóa phá hoại môi trường thì đủ loại, chỉ có các bạn mới chỉ rõ cho chúng tôi là nên buôn bán với hãng nào, sử dụng những kỹ thuật nào thuận lợi nhất không để cho chúng tuồn cho chúng tôi hàng dỏ, kỹ thuật lỗi thời. Trong nước chúng tôi phải bắt tay nhau thành lập mặt trận kháng chiến mới, thì giữa những người dân tộc khác nhau, tôn giáo chính kiến khác nhau cũng phải hình thành một mặt trận quốc tế làm đối trọng cho các lực lượng tư bản man rợ, không để chúng đầu độc con em chúng ta, phá hoại môi trường, gây mâu thuẫn giữa các sắc tộc. Vào thời đại trước kia thì khẩu hiệu quốc tế vô sản tạo ra một sức mạnh lớn lao, ngày nay có những nguy cơ đe dọa tính mạng toàn thể loài người, mặt trận quốc tế tập hợp những người thiện chí rộng rãi hơn nhiều. Máy vi tính và tất cả những học thuật mới đều tác động lên con người, tâm lý học ứng xử, marketing, truyền thông giao tiếp và những phương tiện nghe nhìn, điện, những con người thiện chí phải giành giật với bọn con buôn, bọn mafia để phục vụ con người, chứ không để chúng sử dụng thao túng nhấn tâm nhào nặn tâm tư con em chúng ta biến thành những con người chỉ biết tiêu xài, sống cuống cuống trong những bão táp giống tổ kích động giác quan, kích thích mọi dục vọng, biến cả trái đất như một bệnh viện tâm thần quy mô toàn cầu.

Các bệnh suy dinh dưỡng, nhiễm trùng, ký sinh chóng chấy cũng sẽ bị tiêu diệt, nhưng rối loạn tâm thần càng ngày càng lây lan. Công nghiệp càng phát triển, đô thị ngày càng lớn rộng thì số bác sĩ tâm thần ngày càng đông, trong mấy chục chuyên khoa của y học, riêng chuyên khoa tâm thần chiếm quá

1/3 số bác sĩ. Đó chưa nói đến cả một đội ngũ tâm lý học có học chính quy hay tự do ngày ngày làm tư vấn bày ra trăm phép trị liệu mong làm yên tâm cho hàng chục triệu người. Các hãng thuốc lớn mỗi ngày tung ra một vị thuốc mới, gọi chúng là tâm dược (chữa bệnh tâm lý) chống loạn óc, chống lo hãi, chống trầm nhược. Người ta nói nhiều đến AIDS, ma túy, phạm pháp nhưng ít ai biết là các ngành y tế ở các nước giàu mạnh vào hạng nhất như Mỹ đang đứng trước một cảnh nghịch lý, lưỡng nan chưa biết thoát ra như thế nào.

Một bên là những phát minh kỹ thuật công nghệ về sinh học kỳ diệu, chữa lành một số bệnh xưa nay xem là nan y, sẽ xem như là gần đến lúc mà mọi sự trong cơ thể con người không còn gì là bí ẩn nữa, y học thành một công nghệ sinh học cao cấp toàn năng, người thầy thuốc hiện đại, với những bệnh viện được trang bị tối tân là thiên thần đủ mọi phép phép bảo đảm tất cả cho toàn thể loài người. Tổ chức Y tế Thế giới đã có lần kêu lên khẩu hiệu: *Sức khỏe cho tất cả mọi người vào năm 2000!* Nay ai cũng thấy rõ đây là không tưởng. Vì sức khỏe tốt là như thế nào?

Chính y học cũng chưa xác định rõ ràng. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) nêu lên định nghĩa: tình trạng thoải mái, dễ chịu về sinh học, về xã hội, về tâm lý. Rồi lại nêu lên khẩu hiệu: *Nâng cao chất lượng cuộc sống!*

Nếu như vậy sẽ dành cho ngành y tế, cho những bác sĩ, những nhà lãnh đạo kế hoạch y tế của các nước hầu như toàn bộ quyền hành kế hoạch hóa, điều hành cuộc sống của mọi người. Lịch sử loài người đã trải qua những chế độ quyền lực do sức mạnh quân sự tạo nên, do thẩm quyền, do một hệ tư tưởng, nay mai phải chăng sẽ hình thành một chế độ Y quyền,

một chế độ lấy tin học làm cơ sở cho quyền lực, hay marketing, hay học thuật truyền thông giao tiếp? Có những người thì bảo, thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ phục hồi của các tôn giáo, hàng trăm hàng nghìn giáo sĩ mọc lên như nấm!

Riêng tôi không nghĩ như vậy. Đúng là cả một thế giới, chứ không riêng gì nước ta đang vừa vươn lên, vừa chao đảo như một con thuyền mất phương hướng. Mỗi lần nhìn lên tivi chỉ thấy bắn nhau, bom nổ, người chết nhà cửa sụp đổ tan hoang, nhưng đó là tivi, mà tivi thì chỉ chạy theo những hình ảnh li kỳ, giật gân, chứ không phóng viên nào lại chụp cái cảnh hàng ngày sống bình yên, làng mạc yên ổn, chợ búa, trường học, đường phố, cơ quan ở đây không xảy ra việc gì cả, thế giới tivi là giả tạo, không phải là thế giới thật. Nói đúng hơn là vừa thật vừa giả tạo. Bao lực, sa đọa, tiêu xài vô tội vạ, dâm ô tràn lan, bộ mặt man rợ của nền kinh tế tư bản không còn che giấu được nữa, cả loài người đang đứng trước những nguy cơ hết sức nghiêm trọng. Nếu không bị một chiến tích nguyên tử hủy diệt, thì những rối loạn tâm thần tràn lan rồi cũng dẫn đến tiêu vong.

Nhưng điều mà các media (phương tiện truyền thông đại chúng) không nói đến vô tình hay hữu ý, là cả một truyền thống mấy nghìn năm, khắp Đông Tây, khi cháy bùng lên, khi âm ỉ như ngọn lửa leo lét dưới tro tàn, nhưng không bao giờ tắt, vẫn tồn tại, nuôi dưỡng một giấc mơ kéo dài thế kỷ này qua thế kỷ khác, khi mang tên này tên khác nhưng đều xoay quanh một đôi tượng, nói gọn là con người. Nói theo chữ Hán là nhân. Chữ Hán, Nhân có hai cách viết (人) là con người, từng con người một, và (仁) là mối quan hệ giữa hai con người, giữa những con người với nhau. Con người ở đây không riêng

là của một bộ tộc, một tôn giáo, chính kiến, quốc gia nào, đây là cái gì chung nhất cho cả loài người, nói rõ hơn, một bên là Tính người, một bên là Tình người. Tính người làm cho con người khác thú vật, tình người làm cho mọi người gắn bó với nhau, sống có tình có nghĩa với nhau. Ta quen dùng từ Hán Việt, tiện nhất là lấy những danh từ mà đạo nho để lại. Tính người làm cho khác với thú vật, là có lễ có văn. Có lẽ là biết tự kiểm chế các dục vọng, ép mình vào kỷ cương của xã hội; văn là mờ mang lý trí, có học vấn, đạo không chỉ có tin mà phải có lý, là đạo lý. Có tình người, chữ nhân thứ hai, là gắn bó, nhận lấy trách nhiệm với các cộng đồng xã hội, gia đình, quốc gia, thiên hạ, tu nhân để phục vụ các cộng đồng từ nhỏ đến lớn, tu nhân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Người ta thường hay bảo đạo Nho lấy chữ Trung với Vua làm gốc, đâu có thế, tất cả quyền *Luận ngữ*, quyền sách cơ bản nhất chỉ xoay quanh chữ Nhân.

Tôi không phò chủ nghĩa tân nho, nhằm phục hồi đạo Khổng làm nền tảng cho nền văn hóa mới, theo kiểu một vài nước ở gần chúng ta; chủ nghĩa Tân Nho có nguy cơ dẫn ta đến một xã hội gò bó, thậm chí tàn nhẫn. Từ thế kỷ 19 đạo Nho đã không làm nổi vai trò lịch sử cứu nước, hướng hồ bước sang thế kỷ 21 nhưng tôi nghĩ rằng vẫn có thể vận dụng một số khái niệm mà đạo Nho đã truyền đạt cho chúng ta. Tôi thấy giả thử mỗi cán bộ nhà nước mà theo đúng được mẫu hình người quân tử mà Khổng Mạnh đã nêu ra, thì không khó gì mà xây dựng nên mặt trận đôi trọng kiểm chế tư bản man rợ:

“Người quân tử ăn chẳng cầu ngon, ở chẳng cầu sang, làm việc thì cần mẫn, lời nói thì thận trọng (Không hứa hươu hứa vượn với nhân dân)”.

“Giàu sang không sa đọa, nghèo khổ không xa rời đạo lý, không chịu khuất phục trước quyền lực”.

Nếu thêm vào đó cái gọi là tư tưởng đại đồng, bốn bể đều là anh em, thì cũng không xa lắm, với điều mà ta gọi là lý tưởng cộng sản. Mơ ước đại đồng của người xưa, mơ ước bình đẳng bác ái của cách mạng 1789, quốc tế vô sản, cộng sản của 1917 thực chất là một, thành một dòng lịch sử, một luồng tư tưởng truyền thời đại này qua thời đại khác.

Những biến động lịch sử lớn lao trong 10 năm qua buộc chúng ta thay đổi rất nhiều chính kiến, sự sụp đổ của nhiều nước XHCN buộc chúng ta phải suy nghĩ lại, xét lại nhiều vấn đề nhưng điều không thay đổi, là mơ ước, lý tưởng, đạo lý về con người, về thế giới đại đồng, về xã hội cộng sản. Lấy chữ Nhân làm gốc, ta có thể, tùy người, tùy hoàn cảnh. Theo hai con đường: hoặc con đường hành động là chủ yếu, hành động nhân đạo, hoặc con đường học thuật nghiên cứu tìm tòi, đó là con đường khoa học nhân văn.

Lấy văn hóa Đông Sơn làm nền tảng, dân tộc ta đã du nhập, đồng hóa thêm các hệ tư tưởng Phật, Nho, Lão, rồi từ phương Tây ta lại tiếp nhận đạo Kitô, tư tưởng dân chủ khoa học thực nghiệm, học thuyết Mác. Chưa nói là trong nội bộ có đến 54 tộc người khác nhau. Không thể loại trừ một xu hướng nào, đất nước chúng ta là một ngã tư đường giao lưu về tất cả mọi mặt, khí hậu, địa lý, thực vật, động vật, tộc người, tôn giáo, văn hóa. Với một cái vốn lịch sử lâu dài, không quên cái vốn 30 năm kháng chiến, cái vốn bè bạn năm châu và tiến bộ khắp nơi: chúng ta có thể tiếp nhận đầy đủ những cái hay cái mới cái đẹp của các nền văn hóa khác. Nhưng chắc gì loại trừ được tất cả những luồng gió độc, và phục hồi chuyện xưa chắc

gì thanh lọc được biết bao nhiêu cái tiêu cực cổ lỗ thường vẫn bám theo các đạo giáo xưa như hình với bóng.

Đúng, con người tính vừa bản thiện, vừa bản ác. Khoa học kỹ thuật, kể cả khoa học về con người như y học, tâm lý, xã hội học, tôn giáo học, tổng hợp lại gọi là nhân học (anthropologie) có thể giúp cho con người phát huy cái thiện, hay nhân cái ác lên gấp bội. Như vào những năm 1965 - 1975, một giáo sư đại học Harvard, Samuel Huntington đã vận dụng các học thuyết về con người vạch cho chính phủ Mỹ một kế hoạch rộng lớn ở nước ta xuất phát từ một số luận điểm:

a. Quân Mỹ không thể nào đuổi theo từng anh du kích nông dân Việt Nam một, tốt nhất là tiến hành một cuộc “*đô thị hóa cưỡng bách*”, làm cho đại đa số nông dân thành người thành phố, tức dùng bom, napalm, chất hóa học xóa sạch các làng xóm miền Nam đi. Theo số liệu của Mỹ 10 triệu nông dân đã phải rời làng quê tập trung vào những vùng do Mỹ kiểm soát.

b. Đối với nông dân các vùng này vận dụng phương pháp điều kiện hóa của thuyết ứng xử: như đối với những con chuột trong phòng thí nghiệm. Chuột đi đúng con đường mà nhà “khoa học” vạch ra thì có thịt ăn, đi trái đường thì bị điện giật. Sau một vài lần chuột cứ đi đúng theo ý muốn của thí nghiệm viên. Mỹ đổ vào miền Nam một số hàng hóa, tiêu xài đồ sộ, ai theo Mỹ để chống lại kháng chiến thì hưởng mọi thứ tiền của, chức danh, ai chống lại thì bị tra tấn, tù tội, giết hại.

c. Với những phương tiện truyền thông hiện đại ngày ngày tung ra khẩu hiệu, sách báo, nhất là hình ảnh rừng rợn, ghê tởm về “Việt cộng”, không còn xem Việt cộng là những con người nữa, tra tấn chém giết không còn dè dặt gì nữa.

Thật là một diệu kế: mấy triệu du kích nông dân có thể trở thành một đội quân, một bộ máy cảnh sát đồ sộ phục vụ ý đồ của Mỹ. Chỉ cần tốn 2, 3 tỉ đôla hàng năm trong khi hơn nửa triệu quân Mỹ ở Việt Nam tốn đến 30 tỉ/năm.

Những nhà chiến lược đại tài của Mỹ chỉ quên rằng con người khác với con chuột, những phương pháp vận dụng trong các phòng thí nghiệm với chuột gặp phải những con người có ý thức, có lý tưởng, có đạo lý, có tình người, có tính người. Những nhà "bác học" Mỹ quên mất chữ Nhân nên nước Mỹ đã chuốc lấy thất bại có tính lịch sử.

Không phải kế hoạch nói trên đã không gây ra những tổn thất nặng nề cho dân ta. Sau giải phóng, vào thăm trại cai nghiện ma túy Bình Triệu thấy ở 5 đầu ngón tay của một số thanh niên xăm 5 chữ T, hỏi họ, họ bảo là: **Tuổi trẻ thiếu tình thương**. Bố bỏ nhà đi lính cho Mỹ, mẹ bỏ con sa vào mại dâm, những đứa trẻ lớn lên muốn tránh bị bắt đi lính, chỉ còn cách tự hủy hoại thân mình với ma túy. Thanh niên thời ấy thực ra có thể lựa chọn không phải chỉ có hai con đường như các nhà bác học kia đã dự định, hoặc đi lính cho Mỹ, hoặc bị hủy diệt, biết bao nhiêu còn lựa chọn con đường thứ ba, là dẫn mình vào cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc.

Tôi không ngờ năm chữ T lại gặp ở một bài báo ngày 1.11.1995 của *Sài Gòn Giải Phóng* kể lại một chuyện băng thanh thiếu niên Việt Nam di tản qua Australia, trốn lột, buôn lậu, ma túy, sát hại nhau, làm rối loạn cả một địa phương của Úc, cảnh sát sở tại cũng không trị nổi. Băng thanh thiếu niên phạm pháp ấy tự đặt tên là 5T: **Tiền, Tình, Tội, Tù, Tử**. Làm cho ra tiền với bất kỳ lý do nào, thỏa mãn đầy đủ tình dục, phạm tội không sợ tù, và có chết cũng bất chấp. Cũng là một cách liều

mình tự hủy diệt.

Không phải chỉ có trong thời chiến tranh hay với những thanh thiếu niên di tản mới có những băng nhóm vậy, vì thiếu hụt tình thương ngay vào thời tấm bé, hay không tìm được một chỗ đứng trong xã hội xa lạ, mà lao vào con đường ma túy phạm pháp. Nói theo kiểu trường phái phân tâm học, ở trong tâm tư xung lực bản năng hướng về cái chết (Thanatos) đã lấn áp xung lực bản năng hướng về cái sống, về cái ham sống (Eros). “Chết bỏ”, liều mạng, bất chấp pháp luật đạo đức, chống đối xã hội của người chiếm ưu thế. Ngay trong các thành phố lớn hiện nay như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và dần dần đến cả nông thôn tâm trạng ấy không phải là ít gặp. Đừng vội lên án thanh niên, kết án bố mẹ, hay yếu tố này nguyên nhân khác. Đây là cả một vấn đề của thời đại, của cả thế giới hiện nay.

Trước hết tìm hiểu đã: Đến 13-15 tuổi là không còn trẻ con nữa, mà cũng chưa phải người lớn. Cả con người xao xuyên, đến tuổi dậy thì, thể lực có thừa, trí lực phát triển đến trình độ có khả năng khái quát, suy luận về những vấn đề lớn của cuộc sống, tính dục sôi động, nhưng qui chế xã hội, cái “thê” đứng có nghề nghiệp, có vị trí, làm ra tiền đủ nuôi sống ít nhất là bản thân cũng chưa vững, vẫn phải lệ thuộc gia đình. Một xã hội phức tạp, phong phú, đầy rẫy của cái hàng hóa, trò chơi hấp dẫn ngày ngày kích động giác quan, dục vọng, không tiền để tiêu xài khó mà chịu nổi. Đồng thời khoa học kỹ thuật, văn nghệ, thể thao, mở ra không biết bao nhiêu cơ may để vươn lên, để trưởng thành, trở nên những con người có uy tín, sống vui về nghề nghiệp. Muốn vậy phải học tập, suy nghĩ cố gắng không ngừng, và điều kiện đầu tiên là dồn nén, kiềm chế ham

muốn đang sôi động trong con người. Ham tiền, ham của, ham sắc, ham quyền, ba cái ham, cái dục vọng chủ yếu của con người phải được kiềm chế, phải “*quả dục*”. Không có cách nào khác, là phải lựa chọn, hoặc buông thả sống theo dục vọng, hoặc tự buộc mình làm sao để các xung lực sôi động trong con người “*thăng hoa*” tiến tới những hành động, sự nghiệp, tạo cho bản thân không những chỉ có cái “*thê*”, mà sự gắn bó tình cảm với người thân, bố mẹ, vợ chồng, con cái, bầu bạn, láng giềng, đồng loại và cả những bè bạn nước ngoài. Dù muốn dù không, ai cũng có một “*Tâm*” luôn luôn sống động, hay xơ cứng ừ rũ, các xung lực vận động hài hòa hay xung khắc với nhau, cái Tâm mà không ổn định không mong gì có hạnh phúc.

Thực ra thanh niên không phải trần trở về 5 chữ T, mà chỉ có 3 thôi:

1. Tạo cho mình một cái **Thế** đứng vững giữa xã hội, tự lập không phải nhờ vả vào ai.

2. Nuôi dưỡng cái **Tình** người cho phong phú, gắn bó với nhiều người, nhiều cộng đồng khác nhau.

3. Tự tạo cho mình một cái **Tâm** ổn định, mình làm chủ lấy mình, đời có sóng gió, cái Tâm của mình vẫn vững vàng

Buông thả tất cả sẽ dẫn đến “*thất thê*”, “*thất tình*”, rồi mất hết chí hướng, hoài vọng, không còn động cơ nào lâu dài cao cả thôi thúc nữa, không còn hoài vọng gì nữa về ngày mai vì tương lai, đó là tâm trạng *thất chí, thất vọng*.

Thất thế, thất tình, thất chí, thất vọng trở thành con người tàn phế, trôi giạt giữa một dòng đời cuốn cuộn.

Phận bèo bao quản nước sa

Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.

Thời thế thay đổi, không thể không thay đổi ý kiến, loại trừ một số sai lầm tư tưởng, nhưng điều không thể thay đổi là cái đạo lý làm người. Thức thời chứ không phải cơ hội, hết cái ngây dại, nhưng cái thơ, cái sống mơ tưởng thì thanh niên hay thượng thọ cũng không thể đề mất đi. Thà còn ngây thơ ít nhiều, hơn là chỉ biết quanh quẩn tính toán lãi lỗ, chức vụ chạy theo thời thượng.

*

* *

Có lẽ có bạn nghĩ rằng tôi không hề quan tâm đến câu chuyện cần thiết nhất là kinh tế. Thú thật, hiểu biết về kinh tế cũng được ít nhiều, nhưng về con số GDP từng người của ta đến năm 2000 là bao nhiêu, tôi không lo lắm. Vì con số trung bình ấy thực ra chẳng có ý nghĩa bao nhiêu. Điều lo của tôi giống với cái lo của người xưa “không lo nghèo mà chỉ lo phân chia không đều”, chỉ lo người thì sống không hơn gì thời đồ đá, cạnh người sống không kém bất kỳ một gia đình Mỹ hay Pháp, chỉ lo cái hố ngăn cách ấy sẽ kéo dài đến thời nào? Cổ lỗ sĩ quá chăng? Đành vậy, già nua ý nghĩ câu văn không còn mạch lạc như thời trẻ nữa nhưng con người vẫn còn cái ngây thơ, chỉ bằng cứ nói lên, cứ viết ra, còn hơn là im lặng, ít nhất cũng lọt vào tai của một ít người.

Nguyễn Khắc Viện

Viết tại TP. HCM trong những ngày Xuân 1996
sau mấy buổi làm việc với các bạn Thành Đoàn TNCS.

BỨC THƯ GỬI LẠI

Đây là bài bác sĩ Nguyễn Khắc Viện lúc ấy là Chủ tịch Hội liên hiệp Việt kiều tại Pháp, viết để lại chào bà con bè bạn trước ngày về nước, khi bị Chính phủ Pháp trục xuất năm 1963. Lúc ấy, vì Hội đang còn hoạt động bí mật, nên chưa công bố được. Nhân ngày giỗ đầu bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, Báo Đoàn Kết của Hội số 467 tháng 7-1998 mới đăng lại tại Pháp.

Thưa các bác cao tuổi

Thưa anh chị em.

Ra về không gặp hết các bạn xa gần, xin có vài lời thân ái gửi lại các bác, các bạn. 26 năm trời sống ở ngoài nay được về nước, mừng như con được về với mẹ, nhưng cũng làm sao quên được bao nhiêu năm cùng các bác, các bạn chia sẻ ngọt cay trên đất Pháp, cùng nhau xây dựng phong trào yêu nước của Việt kiều. Nhớ lại những buổi trong Đông dương học xá bàn luận về tương lai nước nhà, năm 1939, nhớ lại hàng vạn anh em công nhân chiến binh chong đèn khắp các trại thanh toán mù chữ, học bổ túc văn hóa, rồi râm rập kéo nhau

ra phổ biến tình ủng hộ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa mới thành lập, chống chiến tranh, nhớ lại những lễ Tết ba bốn nghìn kiều bào ứa nước mắt xem kịch **Lửa cháy lên rồi**, hay hân hoan thưởng thức những vở cải lương, không ai ngờ dựng lên được giữa Paris này, nhớ những ngày hàng chục vạn nhân dân Pháp trong lễ Huma kéo qua gian triển lãm Việt Nam, cờ đỏ sao vàng phấp phật theo gió, nhớ lại tay không dựng lên một trại hè 300 người trên Pyrénées cao gần hai nghìn thước, nhớ những lúc anh chị em đi liên hoan sinh viên quốc tế, trưng pho văn nghệ dân tộc trước hàng vạn khán giả; biết bao kỉ niệm, hình ảnh, đồn dập sống lại trong lòng kẻ ra đi. Nhưng trong giờ phút sắp chia tay, sáng rõ nhất trong tâm tư tôi là bóng dáng quen thuộc của những người con đã xây dựng lên những thành tích nói trên. Tôi sẽ nhớ mãi những bạn công nhân bỏ nhà máy ra, chưa kịp nuốt miếng cơm đã hơi hã đi của, đục, đẽo cho xong gian triển lãm Huma, cảnh trí kịch Tết, nhớ những bác tóc pha màu tuyết mà vẫn đứng bếp, rán chả giò hết giờ này qua giờ khác ở Lễ Nhân đạo; quên sao được các anh chị em sinh viên, đêm đông lạnh buốt tập được hát xướng hàng tháng để khỏi phụ lòng mong đợi của đồng bào, quên sao được các kiều bào Tân thế giới Tân đảo, từ hàng vạn cây số gửi tiền giúp anh em sinh viên mất số; có người đi ra ngoại ô xa, mất một ngày chủ nhật, tốn gần 1000 quan để quỳên cho được 500 - 600 quan, không phải vì món tiền, mà để cho gia đình kia ở xa có dịp tỏ tình đoàn kết, có dịp biết tin tức nước nhà, có bạn đợi hàng giờ, ngược xuôi mấy ngày liền xin cho được một chữ ký.

Phong trào Việt kiều chúng ta không ai có sức Quan Vũ, có tài Gia Cát, chỉ xây dựng với hàng trăm hàng nghìn con kiến cần cù, kiên nhẫn, làm việc trong bóng tối, năm này qua năm khác, không đòi lên sân khấu, không bao giờ có tên trên báo chí, không nhắm ghế bộ trưởng; sức mạnh, sức bền vững của nó cũng từ đó mà ra. Kẻ địch

thường bảo chúng ta: có giỏi thì về nước mà kháng chiến, đừng làm chính trị suông ở Pháp! Thật ra địch rất sợ cái lô làm chính trị của chúng ta, đâu đâu cũng có những nhà làm chính trị vô danh, trong bóng tối đi xin chữ kí, răn chửi giở, tập ca hát hưởng ứng người chiến sĩ cầm súng ở trong nước.

Để quốc muốn cho ta chỉ đem súng chọi súng; như Nguyễn Tri Phương ngày xưa dấn 7000 quân ra chống 175 tên lính Pháp, trong 2 tiếng đồng hồ mất thành Hà Nội. Nếu chỉ có súng chọi súng, ta nhất định thua, nhưng nếu biết đem chính trị chọi súng, thì đại bác, xe tăng, tàu bay lên thẳng của địch hóa ra bất lực. Sức mạnh của ta là sau lưng một người cầm súng có hàng trăm, hàng nghìn người làm chính trị; như vậy kẻ địch phải đối phó với một mặt trận kéo dài từ Cà Mau, Đồng Tháp đến Sài Gòn, Huế tận Paris, Mulhouse, Montpellier, Héricourt, Tân Đảo, Tân thế giới. Sứ quán Diệm ở Paris phải bỏ ra vài triệu làm ngày Tết đeo đuôi cho kịp Tết của Việt kiều, tức là Mỹ mất vài triệu, giảm số súng ống gửi qua miền Nam, phải nuôi một số tay sai chỉ điểm tức là trong nước chính quyền Diệm phải giảm số bảo an dân vệ, số mật vụ; sinh viên ta đòi được quyền ăn học ở Pháp tức quân đội Diệm mất một số không nhỏ chuyên viên. Khắp nơi, với hàng triệu hàng ức sợi tóc mong manh, dân tộc ta trói chặt anh không lỗ để quốc Mỹ, cho đến ngày phải tê liệt.

Đã có lần ngồi xem phim Bắc Hưng Hải cạnh một bà cụ già răng đen, tôi thấy hình ảnh đông bào đào kênh tát nước, làng mạc tươi vui cứ làm cho bà cụ rần rụa nước mắt. Hôm vừa rồi cùng mấy em bé xem hình ảnh chiến tranh miền Nam trong tờ báo Mỹ Life (số 25-2-63), chúng tôi lặng ngắt trong mấy phút, nhìn những đông bào bị trói, mặt mũi thân thể bầm tím, những xác chết chất đống, không

ai thốt ra một lời; sau cùng một em nhỏ bảo tôi: *Này bác, nếu ta đuổi được Mỹ khỏi miền Nam, như thế dân tộc ta có phải là mạnh nhất thế giới không?* Tôi nói: *Mạnh nhất thì không có, nhưng nhất định anh đừng vào hạng nhất*". Chính trị của chúng ta lấy nguồn từ tình yêu đất nước tràn trề của bà cụ răng đen, từ lòng tự hào dân tộc của em bé kia; phong trào Việt kiều của chúng ta lấy từ nguồn đó. Biết bao nhiêu nhà chính trị, những người văn hay chữ tốt, báo chí hay nhắc đến tên tuổi, mà vẫn thiếu môi trường tha thiết của bà cụ già, thiếu niềm tin dân tộc như em bé nọ? Có người thấy đất nước 20 năm binh lửa chỉ biết khóc suốt suốt, than vãn ngán dài. Chúng ta càng đau xót cho dân tộc càng tự hào, càng cố gắng; 20 năm nay hết quân Nhật, đến Tưởng Giới Thạch, hết quân đội viễn chinh thực dân đến Mỹ, nhưng 20 năm nay dân tộc ta không chịu cúi đầu, đánh Nhật, đuổi Tưởng, đánh quân Anh, đánh quân thực dân, đến ngày nhất định sẽ đuổi Mỹ khỏi bờ cõi.

Đuổi chúng với sức cố gắng phi thường của 30 triệu người, với óc sáng suốt biết lựa chọn những con đường thuận lợi nhất.

Đuổi chúng với tất cả tình đoàn kết, không từ bỏ ai trong một mặt trận dân tộc rộng rãi.

Nghề của đế quốc là còn nước, còn tát, bày ra trăm khoanh nghìn chước, nhưng vấp phải một dân tộc anh dũng, sáng suốt như dân tộc Việt Nam, đứng trong thế giới hiện tại, không thể nào đánh bại, cũng không thể nào lừa gạt được chúng ta nữa.

Tôi ra về, hoàn toàn tin tưởng ở sức mạnh của phong trào Việt kiều, tin chắc rằng các bác, các bạn sẽ phát triển mãi mãi phong trào yêu nước ở Pháp; chắc các bạn còn nhớ 10 năm về trước thực dân cấm ta hội họp ra báo chí, lùng bắt một số Việt kiều, đàn áp đủ cách, thế mà phong trào Việt kiều ở Pháp cũng như ở Tân thế giới Tân đảo

vẫn theo đà của cách mạng dân tộc không ngừng tiến lên ngày càng vững mạnh thêm. Cho đến ngày nay, nói về số lượng, về tinh thần không có tổ chức nào có thể so sánh với phong trào Việt kiều của chúng ta được. Và trong lúc vẽ, xin phép nhắc lại cùng các bạn vai trò quốc tế của dân tộc ta; Paris, nước Pháp là chỗ ta có thể giao dịch người trăm nước, riêng tôi đã được tiếp xúc cùng nhiều giáo sư đại học, nhà báo Pháp, Ý, Thụy Sĩ, các anh em sinh viên châu Phi, Miên, Lào đến cả các người Nam Mĩ, ai ai gặp đều tỏ lòng kính phục dân tộc Việt Nam, những tiếng Điện Biên Phủ, Hồ Chí Minh, Mặt trận giải phóng, những việc như thanh toán mù chữ, giải quyết nạn đói ở miền Bắc, xây dựng kỹ nghệ đều được người trăm nước biểu dương lên làm điển hình cho cuộc đấu tranh của những dân tộc nhỏ yếu. Giương cao ngọn cờ dân tộc giữa quốc tế là một việc chúng ta có thể làm thường xuyên ở trên đất Pháp, với điều kiện là bản thân ta theo dõi được từng bước của cuộc cách mạng, biết đi sâu vào các vấn đề. Vì biết bao nhiêu dân tộc cũng đang lần mò tìm con đường tiến lên, tiến trình của Việt Nam đối với họ là một kinh nghiệm phong phú, nên ta biết kể lại cho các bạn quốc tế hiểu thấu, họ sẽ hết sức vui mừng đón nhận. Một số người nước ngoài nhìn dân tộc Việt Nam qua các bạn. Các bạn cần đảm nhận lấy vai trò "đại sứ" này, mở thêm một mặt trận buộc để quốc phải đôi phó nữa.

*

* *

Ôn lại 26 năm ở Pháp, tôi nhớ ơn sâu sắc những anh chị em, trong lúc xây dựng phong trào Việt kiều yêu nước, đã đồng thời xây dựng cho con người của tôi. Giá thử không có phong trào Việt kiều, không được các bạn dìu dắt, bồi dưỡng phê phán cho, tạo ra bầu

không khí sôi nổi đấu tranh, thân mật làm việc, gắn chặt tình cảm với đồng bào trong nước, học tập với nhau, chắc ngày nay tôi cũng đã chôn mình vào giữa xã hội Pháp, lạc lõng ngó ngán Đông chẳng ra Đông, Tây chẳng ra Tây. Ngày bước chân lên đất Pháp, tuổi mới ngoài 20, con nhà quan đại thân triều đình Huế, gia đình cấp cho tiền đầy đủ qua Paris du học, kể thanh niên thời ấy ai dám mơ mộng được như vậy. Nhưng thật ra nhớ lại tuổi thanh niên thế hệ chúng tôi, nó tẻ nhạt làm sao, trông về tương lai chỉ thấy một bức tường đen sừng sững, không có cách gì vượt qua. Trông lên đàn anh, có người đã hy sinh ở Côn Lôn, Lao Bảo, có người chễm chệ làm quan huyện quan phán, có người đồ kỹ sư không có nhà máy dùng đến, trông về hướng nào cũng thấy tịt mù, mỗi lần tự đặt câu hỏi, học về làm gì? Không ai trả lời cho được. Trong con mắt tuổi 20, thế hệ chúng tôi đã tắt hết tia sáng hy vọng cho đến ngày nay ra về, tuổi gần 50, lòng mình lại lằng lằng, nhìn xa thấy cả một chân trời quang đãng, ngàn phương gió mới, mỗi ngày tóc bạc thêm một sợi nhưng cảm thấy ngày càng rộng thảng càng dài, hai mắt nhìn mọi sự vật như lung linh trong ánh ban mai. Ngày trước lòng già cỗi từ tuổi 20, vì trên đất nước tìm không ra chỗ đứng; may mắn là chính lúc ở nước ngoài lại tìm được đường trở về với dân tộc, đặt lại đời riêng của mình vào giữa lòng dân tộc mỗi một việc làm nhỏ mọn đều có ý nghĩa, vì được gắn bó với sự nghiệp chung.

Rất mong rằng mỗi bạn gần xa rồi cũng được may mắn trở về cùng quê hương đất nước, trong lòng Bắc Nam sum họp.

Xin kính chúc các bác ở lại sức khỏe dồi dào, điều đắt cho con em.

Chúc các bạn công nhân luôn luôn tích cực, sát cánh cùng kiều bào, cùng anh em công nhân Pháp.

Chúc các chị em sinh viên học hành tiến bộ, giữ mãi nhiệt tình

của tuổi trẻ.

Chúc các nhà tri thức, các nhà nghiên cứu Việt Nam ở Pháp nhiều thành công, đóng góp vào khoa học thế giới, làm rạng thanh danh Việt Nam.

Chúc các nhà buôn bán làm ăn vui vẻ.

Chúc các bạn thủy thủ vượt biển bình an.

Chúc các anh chị phụ nữ thoát khỏi ràng buộc, trở thành người đàn bà mới.

Chúc các chị phụ nữ Pháp, con dâu đất Việt, ngày càng gần gũi với dân tộc, với giang sơn nhà chồng.

Và xin kính chúc toàn thể kiều bào Tân thế giới, Tân đảo luôn luôn đoàn kết hện ngày mai gặp lại trên đất nước, chung sức xây dựng Tổ quốc thân yêu.

Paris ngày 27-4-1963

Nguyễn Khắc Viện

BÀI PHÁT BIỂU

NHÂN LỄ NHẬN GIẢI THƯỞNG LÒN PHÁP VĂN CỦA VIỆN HÀN LÂM PHÁP

(Phòng dịch trích đoạn - Nguyễn Khắc Viện tự dịch)

NGHỀ DỊCH

Nghề chơi cũng lắm công phu (Kiểu)

Cuộc sống trở trêu, bỗng đặt lên vai một ông già đã hết hơi hết cốt, gánh nặng, nhất thời dừng lại lá cờ Pháp văn ở một đất nước nghìn trùng xa cách nước Pháp.

Lịch sử thăng trầm, bao nhiêu năm người ta bằng quên tiếng Pháp, nay đến thời tái ngộ, những con người còn biết thưởng thức một vần thơ của Apollinaire, thấu hiểu ý nhị một áng văn của Valéry đã trên dưới bảy mươi, hàng ngũ thưa thớt.

Hẳn rằng các hãng Pháp có đầu tư, khách du lịch dồn hết, rồi cũng tìm ra vài người phiên dịch.

Thế hệ thanh niên đồ xô học tiếng Anh: Giao dịch, thương mại, đón đưa khách chỉ cần vài năm luyện tiếng Anh. Phải chăng tiếng Pháp rồi chỉ còn là một thứ đồ cổ dành cho một số ít ông đồ Tây, sành chữ, sành nghĩa? đời sau chỉ còn nhắc đến

văn Pháp, vang bóng một thời.

Hàng hóa, người qua lại đang tuôn từ nước này qua nước khác, quả rằng trên hành tinh này không có gì ngăn cách nổi luồng giao lưu tầm cỡ thế giới ấy nữa. Nhưng liệu rằng buôn bán, du lịch có đủ làm cho các dân tộc hiểu nhau, đồng cảm với nhau. Mua bán tất có cạnh tranh, cò kè lãi lỗ, thậm chí được bao nhiêu định kiến hận thù, hiểu lầm nhau chống chọi từ bao đời. Sắc tộc này, tín đồ tôn giáo này đứng trước sắc tộc, dân tộc, tôn giáo khác bao giờ cũng muốn tìm hiểu cái mới, muốn làm quen cái lạ, vừa cảnh giác, nghi kỵ, khinh miệt những cách ăn nói, đi đứng, lễ nghi, phong tục của kẻ khác. Nhắc sao hết những thảm họa xưa và nay mà óc kỳ thị sắc tộc tôn giáo, văn hóa đã gây ra?

Chỉ khi nào thấu hiểu được, thương thức được những cái hay cái đẹp của một nền văn hóa khác mới xóa bỏ được óc kỳ thị kia. Dùng một máy vi tính xưa nhất, tôi không cần biết là của Pháp hay của Nhật, quý hồ tiện lợi và giá rẻ, nhưng say sưa đọc một tiểu thuyết của Balzac, nắm được những luận điểm sâu sắc của Bergson hay Sartre, ngắm một bức tranh của Gauguin là tôi đã hòa mình với tình cảm, tài năng của nhân dân Pháp, qua một sản phẩm chỉ riêng nước Pháp mới có. Cũng như khi người Pháp thấu hiểu được *Truyện Kiều* hay văn thơ của Nguyễn Trãi. Lúc đó giữa hai dân tộc không còn gì ngăn cách nữa, giao tiếp không còn bị rồi nhiễu, qua những tác phẩm văn học nghệ thuật cao đẹp. Những gì quý giá nhất của dân tộc này du nhập vào văn hóa của một dân tộc khác, kho tàng văn hóa của đôi bên phong phú thêm mà bản sắc vẫn được gìn giữ và ảnh hưởng sẽ tồn tại từ đời này qua đời khác. Toàn quyền Doumer bắc qua sông Hồng chiếc cầu sắt đồ sộ

mong lưu danh sử sách nay mai chỉ còn là đồng sắt vụn, còn những bài thơ tuyệt tác của Baudelaire mãi mãi ngân vang trong tâm hồn nhiều người Việt Nam.

Không phải đa số người Việt Nam trực tiếp đọc thơ Baudelaire, cũng như không mấy người Pháp đọc thẳng *Truyện Kiều*. Sự giao lưu văn hóa bắt buộc phải qua dịch thuật, mỗi nước phải có một đội ngũ dịch không cần đông, nhưng cần hết sức tinh, nắm được, sử dụng được ngôn ngữ cả hai bên ở mức tinh vi, tế nhị, nhuần nhuyễn... Không một quốc tế ngữ nào thay thế được. Muốn người Pháp và những người dùng tiếng Pháp trên thế giới hiểu *Truyện Kiều*, phải có người dịch Kiều ra tiếng Pháp, muốn người Đức, người Nga hiểu, phải dịch ra tiếng Đức, tiếng Nga...

Trong nhiều năm, tiếng Pháp là một trong những công cụ chủ yếu của Việt Nam để tiếp nhận văn hóa Pháp và văn hóa nhiều nước khác. Và để cho người nước khác hiểu Việt Nam, cứ tưởng tượng trong trăm năm qua, không có những bản dịch những tác phẩm của Rousseau, Montesquieu, Balzac, Engels, Shakespeare, Tolstoi, Goeth (qua bản tiếng Pháp) thì đời sống văn hóa, chính trị, triết học ở nước ta sẽ ra sao?

Đã đến lúc cần đánh chuông báo động: Đội ngũ nắm tiếng Pháp đến trình độ dịch được những tác phẩm văn học và các môn nhân văn nay thật chỉ đếm trên đầu ngón tay, hơn nữa đều đã cổ lai hy. Ở đây không ăn xổi được, không có máy móc nghe nhìn nào, phương pháp nào tạo ra nhanh nhiều những người dịch giỏi. Nghề dịch chẳng phải nghề chơi, cần siêng chữ nghĩa. Phải rèn luyện lâu dài, gian khổ. Quen viết một bài xã luận ít khi mất đến tiếng đồng hồ, còn không ít chữ trong *Kiều*, nghiền ngẫm thấu đêm vẫn không dịch ra.

ĐỀN NỢ

Nợ nước nợ dân không trả, đểch làm người

(Theo ý của Nguyễn Công Trứ)

Niềm vui lớn nhất khi nhận giải thưởng này là tôi cảm thấy lúc cuộc đời đã xé chiếu, thanh toán được nợ nần trước ngày nộp sổ quyết toán. Lớn lên trong một gia đình nhà Nho, tôi thường nhận thức rằng, kẻ sĩ được đặc ân học hành đầy đủ, với nước với dân mang một món nợ khôn lường. Anh em súng mang vai mấy chục năm lặn lội các chiến trường, vũ khí của tôi chỉ có lời nói và cây bút. Học nghề thuốc, đâu có ai dạy cho chính trị, văn chương, nhưng mang nợ phải trả nợ. Với dân tộc, với đồng bào máu mủ ruột thịt phải đền ơn. Đâu cần lời giải thích, cần thuyết trình, cần bài vở, cần phim ảnh, với bà con Việt kiều, với người trăm nước, ai thắc mắc hiểu lầm điều gì là phải đứng lên thuyết phục, tranh thủ, đâu có kẻ xuyên tạc chính nghĩa của dân tộc là phải xông pha đấu bút, đấu khẩu trên báo chí, trong hội nghị, mít-tinh, trên đài phát thanh, vô tuyến. Ở Paris, ở Roma, ở Thụy Điển, ở Sénégal, ở Thái Lan, ở Ấn Độ... May mắn là đâu cũng có bạn bè nâng đỡ, trong và ngoài nước, những bè bạn vừa chân tình vừa uyên bác. Viết đến đâu, dịch đến đâu, nhà nước bao cấp cho xuất bản, bè bạn các nước đưa in vào các báo, các tạp chí, thành sách vở chuyển từ tiếng Pháp dịch ra tiếng Anh, Ý, Đức, Bồ, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Ả Rập. Cũng không thể quên người bạn đời của tôi, cũng chia sẻ ngọt bùi đắng cay, cũng gánh vác sự nghiệp.

Có lần khai lý lịch, đến mục ghi tên những bạn bè thân

thiết ở nước ngoài, tôi rất lúng túng, vì tính ra, cả kiểu bào với bạn các nước đến mấy trăm ngàn, ghi sao hết?

Được bao nhiêu người chấp cánh cho, tôi xông vào nhiều trận địa khác nhau: chính trị, quân sự, kinh tế, lịch sử, văn học, tả xung hữu đột hơn ba mươi năm trời như anh chàng Don Quichotte thuở nọ.

Tôi lại được đặc ân làm quen với nước Pháp, nhân dân Pháp trong nhiều năm. Chiếc xe đạp đã dẫn tôi từ vùng Bretagne đến núi Pyrénées, từ đồng lúa mì Bèauc đến bờ xanh biếc Địa Trung Hải; những thầy học, danh y vào bậc nhất đã truyền cho tôi chủ nghĩa nhân đạo của nghề làm thuốc. Trong các bệnh viện, các quán trọ thanh niên, qua các cuộc mít-tinh, đình công, biểu tình tôi đã kết thân với nhiều đồng chí, bạn hữu đủ các tầng lớp trí thức, công nhân, nông dân. Khi nhà chức trách truy nã, tôi được nhiều bạn Pháp bao che, giúp đỡ, cộng sản, công giáo, phe phái tự do, có cả những người thường đôi đầu về chính trị hay tư tưởng. Với nhân dân Pháp tôi đã mắc một khoản nợ không thể quên.

Còn khoản nợ nữa, là với con em, hàng triệu còn khốn khổ vì suy dinh dưỡng, vì bệnh tật. Tôi đã học nhi khoa, mong phần nào giúp cho các em bớt phần đau khổ. Mơ ước thời thanh niên không thực hiện được, đến tuổi về hưu, cùng với một số bè bạn, chúng tôi thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Trẻ em. Người ta quan tâm nhiều đến nhu cầu tâm lý. Không được đáp ứng cũng sinh ra còi cọc, bệnh hoạn về tâm trí, và cả thể chất. Cuộc sống biến động, kinh nghiệm nghìn xưa dạy dỗ đối xử với con em không còn phù hợp nữa, phải nghiên cứu, tìm hiểu những nỗi “khổ tâm” của con em mới mong dạy dỗ có hiệu quả, giảm nhẹ mâu thuẫn giữa bố mẹ và

con cái, phòng ngừa phạm pháp, ma túy, bỏ học. Là một tổ chức Phi Chính phủ, Trung tâm Nghiên cứu của chúng tôi không được cấp kinh phí, bẩm sinh mang bệnh tài chính eo hẹp.

Giải thưởng của Viện Hàn lâm Pháp sẽ giúp chúng tôi đẩy mạnh mọi hoạt động. Chúng tôi sẽ dịch nhiều công trình của các nhà tâm lý học Pháp cho anh em trẻ tham khảo...

.....

.....

.....

Bước vào những năm cuối của thế kỷ, khi loài người đón chờ những triển vọng vô cùng tốt đẹp, mà cũng có khả năng xảy ra những tai họa tày trời, đứng trước bao nhiêu cánh đờ võ tan hoang, tôi cũng như nhiều người khác không khỏi phân vân. Phải chăng thế giới đại đồng, tự do, bình đẳng, bác ái, chủ nghĩa quốc tế chỉ là không tưởng? Riêng phần tôi, điểm hết những ảo tưởng, những hiểu lầm bản thân đã ôm ấp trong mấy chục năm qua, mặc cho ai hoài nghi chế giễu, tôi vẫn hướng việc làm và suy tư theo đạo lý, ấy là những mơ ước lòng người đã từng ấp ủ từ những thời sơ khai.

Để đáp nghĩa những anh em, bè bạn, đồng chí khắp nơi, đã nâng đỡ, tác thành cho tôi, đáp ân Viện Hàn lâm Pháp đã dành cho tôi một vinh dự đáng kể, tôi xin hứa là tiếp tục nhiệm vụ đã được giao phó theo con đường mà bản thân đã vạch ra.

*(Trích Nguyễn Khắc Viện - Như tôi đã biết,
Lê Phú Khải, NXB Thanh niên, 1999)*

26 Novembre 1992

**Allocution prononcée par
Dr NGUYEN KHAC VIEN à l'ambassade de
France à Hanoi lors de la réception du Grand
Prix de la Francophonie de l'Académie
française.**

*Monsieur l'Ambassadeur,
Mesdames, Messieurs,
Chers amis,*

Vous avez devant vous un vieillard usé, à bout de souffle, et voilà qu'à ce vieil homme échoit la lourde tâche de relever pour un moment le drapeau de la francophonie dans un pays, loin, très loin de la France.

Est-ce l'ironie du sort, ou s'agit-il d'un de ces tours et détours qui émaillent l'histoire des relations entre le Vietnam et la France, et qui pour le moins nous incitent à la réflexion?

Une histoire mouvementée et complexe.

Après un siècle de mariage forcé sont venues la rupture, dramatique, et puis les longues années de bouderie réciproque, les gouvernements français qui se sont succédés depuis quelques décennies se résignant mal à reconnaître la séparation, la partie vietnamienne, de son côté, se crispant dans une attitude de fermeture. Il faut rendre cette justice aux gouvernants des deux côtés, qu'ils n'étaient pas tout à fait libres

de leurs mouvements au cours de ces années, subissant des pressions contradictoires tant nationales qu'internationales, dans un monde orageux, où les bonnes intentions ne suffisent pas pour changer le cours des choses.

De ces années de fracture, la francophonie en a pâti, et quand vient le temps des retrouvailles, ceux qui avaient étudié sous les toits de l'ancienne école franco-viennamienne et donc acquis une maîtrise suffisante de la langue française voient leurs rangs s'éclaircir rapidement. La jeune génération se rue vers l'anglais, clé qui ouvre la porte des belles carrières diplomatiques, commerciales, touristiques, technologiques. Les vrais francophones, ceux qui savent se délecter à réciter des vers de Racine ou d'Apollinaire, goûter les nuances d'un texte de Valéry, comprendre les subtilités d'un ouvrage de Michel Foucault sont des septuagénaires, qui se comptent sur le bout des doigts.

Certes, des cours de français s'ouvrent ci et là, avec des étudiants bien motivés, certains centres sont équipés avec les engins les-plus sophistiqués enseignent avec les méthodes les plus modernes, pour ne pas dire les plus à la mode. Les firmes qui investiront au Vietnam, les touristes qui visiteront le pays qui trouveront certainement des traducteurs bien stylés; à ce niveau je crois que quelques années d'apprentissage intensif suffisent. Mais peut-on vraiment être entièrement satisfait de ce résultat, certainement appréciable? Des échanges commerciaux, technologiques à la mesure du développement économique, un afflux croissant de touristes dans une ambiance détendue, sans oublier la dégustation des plats

spécifiquement nationaux, tout cela contribuera grandement à la prospérité du pays. D'ores et déjà, je me réjouis de percevoir de nombreux signes de cette nouvelle époque, celle des échanges fructueux entre nos deux peuples enfin réconciliés.

Il persiste cependant au fond de moi-même un sentiment d'inquiétude non pas vague, brumeux, mais qui se formule de façon bien précise: dans quelques années, quand la vieille garde ne sera plus là, la relève sera-t-elle assurée par une francophonie de qualité? Est-ce la nostalgie d'intellectuel, d'esthète, ou une nécessité voire un impératif pour notre avenir commun? On peut étudier l'anglais, sans se soucier de connaître la culture anglaise ou américaine, mais peut-on le faire au Vietnam à propos de la langue française? La question se pose aussi bien pour les Vietnamiens que pour les Français.

Pouvoir manier correctement l'anglais ouvre l'accès au marché mondial, permet de mener à bien des transactions diplomatiques compliquées, mais qu'en est-il de l'accès au trésor de la culture mondiale, ou plus exactement aux mille et une valeurs spirituelles que les peuples et les nations ont enfantées depuis de nombreux siècles? Dans ce brassage à l'échelle planétaire qui multiplie aujourd'hui les contacts entre les hommes des "quatre océans" (pour employer une expression vietnamienne traditionnelle), peut-on se contenter d'échanger simplement des produits matériels ou du savoir-faire technologique? Le jour viendra-dans un avenir pas trop lointain, je crois-où les hommes d'affaires et touristes trouveront au Vietnam des aéroports, des hôtels des services de standing international comme à Bangkok ou à Kuala

Lumpur, mais ni le développement des échanges commerciaux ni celui du tourisme ne suffisent à garantir la survenue d'une ère de compréhension, et permettez-moi d'employer un terme peu usité, d'empathie réciproque entre les peuples et les nations. Les échanges économiques ne sauraient qu'en créer les prémisses; seule une interpénétration culturelle authentique permet de bâtir des fondements durables. Car seuls les produits culturels portent la marque d'une spécificité nationale irremplaçable. Quand j'use d'un ordinateur dernier cri ou d'une belle voiture - Peugeot par exemple pour citer un nom bien connu ou Vietnam - je n'ai pas besoin de savoir si ces engins sont français ou japonais, ces produits de la technologie étant à vrai dire transnationaux, comme les firmes qui leur ont donnée naissance et qui en tirent puissance et profit.

Mais quand un Vietnamien savoure les *Fleurs du mal*, s'extasie devant un tableau de Gauguin, se passionne pour les œuvres de Marcel Proust, c'est la France elle-même qui se fait présente, avec ses goûts et ses couleurs, son passé et ses perspectives, c'est le peuple français lui-même qui est là avec sa sensibilité et son génie propres. Ni le pacte colonial, ni la concurrence et la course au profit ne viennent s'interposer entre les deux peuples, la communication passe sans encombre par le canal des belles œuvres.

Des belles oeuvres et des grandes idées.

Rousseau, Montesquieu ont été les premiers Français à secouer profondément les esprits au Vietnam, puis sont venues les thèses de Durkheim, de Bergson, de Sartre, pour ne citer que quelques noms, sans oublier que le marxisme, ce puissant

catalyseur de notre vie politique et culturelle, est venu par le canal de la langue française. De Paris, les traductions de Marx, d'Engels, par l'entremise de marins français avaient passé entre les mains des détenus du bagne de Poulo Condor pour être enseignées quelques dizaines d'années après dans les universités nationales. Aussi par le canal de la francophonie, l'intelligentsia vietnamienne a fait connaissance avec Shakespeare, Goethe, Dostoïevski, Tolstoï. On voit comment la langue française a servi de véhicule, devenant pour le peuple vietnamien une des grandes voies d'accès à la culture mondiale.

Il ne faut pas cependant croire que la grande majorité du peuple vietnamien puisse assimiler directement les ouvrages français ou les traductions françaises des grandes œuvres d'autres pays. La traduction de toutes ces œuvres en langue vietnamienne s'impose comme une médiation absolument indispensable. Si le roman vietnamien, la poésie vietnamienne, la pensée historique ou philosophique vietnamienne ont puisé des sources d'inspiration nouvelles au contact de la culture française et mondiale, c'est grâce au travail obscur, patient de traducteurs passionnés, véritables bénédictins, qui avaient acquis une bonne connaissance de la langue française, tout en étant capable de manier avec virtuosité la langue vietnamienne. Les œuvres de Balzac, de Victor Hugo, de Baudelaire, de Verlaine, traduits excellemment, rééditées à maintes reprises deviennent partie intégrante du fonds culturel vietnamien, alors que l'imposante carcasse d'acier du pont Doumer est vouée dans un proche avenir à devenir de la ferraille.

Dans le sens inverse, des Français et Vietnamiens avaient

aussi oeuvré pour que le public français prenne connaissance des acquis de la culture vietnamienne. Des préjugés européocentristes avaient jeté une ombre sur ce travail, il n'en reste par moins que l'œuvre de ces chercheurs, missionnaires chrétiens ou professeurs laïques, historiens, écrivains, ethnologues et archéologues a été considérable. Nous disposons d'un legs historique appréciable. Après les années de rupture, vient aujourd'hui le moment de renouer avec cette tradition bénéfique et d'intensifier le travail, à la mesure des moyens dont nous disposons aujourd'hui, grâce à une coopération devenue intergouvernementale. Littérature contemporaine, sciences humaines, il reste beaucoup de domaines à défricher et dans les deux sens.

*

* *

Vous me permettez à ce propos d'évoquer quelques souvenirs personnels. J'ai été amené à réfléchir sur ces problèmes, non de façon académique comme je le fais aujourd'hui devant cette honorable assemblée, mais pour ainsi dire dans le feu de l'action. Pendant une trentaine d'année, d'abord comme responsable politique de la colonie vietnamienne en France, puis chargé de la propagande en direction de l'étranger après mon retour à Hanoi, j'ai dû m'adresser au peuple français, et à de nombreux autres peuples, par la parole, par l'écrit, et ce directement en langue française. Rien ne m'avait préparé à cette tâche: j'avais étudié la médecine, non les Sciences Po ou la littérature. Qu'importe, un militant doit savoir tout faire, quand la situation l'exige. A

force d'avoir reçu de nombreux coups de règle sur les doigts à l'école primaire, à force d'avoir bachoté laborieusement, j'avais fini par savoir conjuguer à peu près correctement les verbes français. Les autres combattaient pour la libération nationale, fusil à l'épaule; moi j'avais comme seules armes la parole et la plume (plutôt la machine à écrire). Les directives d'en haut se faisaient pressantes: il faut multiplier les éditoriaux, les reportages, les œuvres, les livres, les interviews, les films de télévision, il faut voir au-delà du domaine politique, présenter aux autres peuples notre histoire, notre littérature nationales, la beauté de notre terroir et de nos œuvres d'art.

Les tâches prescrites dépassaient de beaucoup de mes capacités. Mais j'avais avec moi des amis et collaborateurs compétents et dévoués dont au premier rang Huu Ngoc, érudit, homme de savoir et de conscience. Je recevais aussi le concours de nombreux amis français, que ce soit pour retoucher une traduction ou donner un conseil d'expert. J'étais surtout poussé par l'élan de tout un peuple dressé pour reconquérir son indépendance et sa dignité, et plus ou moins consciemment, j'avais repris à mon compte la devise des révolutionnaires français de 1979: impossible n'est pas vietnamien! Des amis français m'avaient ouvert les portes de leurs publications, de la *Pensée aux Temps modernes*, de la *Nouvelle Critique à Europe*, de *Démocratie nouvelle au Monde diplomatique*, des *Éditions sociales aux Editions Maspero*, *La Farandole* et *l'Harmattan*; j'ai pu présenter de longues séquences à la Télévision française. Dans d'autres pays, d'autres amis ont traduit nos productions en anglais, en espagnol, en italien, en

allemand, en portugais, en arabe. Trente années durant, grâce à ces encouragements multiples, j'ai réussi à vaincre mes hésitations pour assumer les tâches les plus diverses. Un peu comme Don Quichotte, j'ai frappé de taille et d'estoc, me suis attaqué à des domaines divers: récits de batailles, politique au jour le jour, histoire, littérature, voire philosophie.

De cet ensemble hétéroclite, il ne restera certainement pas grand-chose: tout ce qui est politique, de nature essentiellement conjoncturale est destiné à ne pas durer. A la lumière des bouleversements actuels, quand je relis tout ce que j'ai écrit au fil de l'événement, c'est surtout pour faire le décompte de mes erreurs et illusions. D'ailleurs, la valeur des écrits peut se mesurer par le temps qu'on doit leur consacrer: un éditorial pour commenter un événement marquant demande moins d'une heure pour sa rédaction, tandis qu'il m'avait fallu souvent de longues nuits de rumination avant de trouver l'expression juste pour traduire un vers du Kiêu. Je ne nourrissais aucune prétention littéraire, je traduais les oeuvres les unes après les autres non par vocation mais parce que nécessité oblige et je pense que le Grand Prix de l'Académie française est venu récompenser moins la qualité de l'oeuvre que la somme des efforts fournis. J'ai été tout au plus un médiateur, non un créateur: j'avais simplement fait mon devoir de citoyen, de militant, en toute conscience et honnêteté. Ma gratitude n'en est que plus grande envers ceux qui ont su voir, au-delà de quelques écrits sans grande valeur leur signification véritable.

Tout ce que je peux dire aujourd'hui, recevant cette récompense inestimable, c'est d'exprimer la grande satisfaction

que j'éprouve au soir de ma vie, d'avoir payé mes dettes, avant de déposer le bilan. Je m'explique. Né dans une famille imprégnée de morale confucéenne, j'avais grandi avec cette idée que le lettré qui a le privilège de faire des études a contracté pour la vie envers son peuple une dette incommensurable. Au peuple vietnamien chair de ma chair, sang de mon sang, je me suis appliqué à payer ma dette.

J'ai eu encore le privilège de faire connaissance avec la France et le peuple français: des milliers de kilomètres de randonnées à vélo m'avaient promené de la Bretagne aux Pyrénées, de la Champagne à la côte d'Azur. Au cours de mes études, j'ai pu recevoir l'enseignement de maître prestigieux qui m'avaient inculqué le sens de l'humanisme médical, dans les Auberges de jeunesse, pendant mes longs séjours dans les hôpitaux, au cours de mes activités militantes, meetings, manifs, grèves, je m'étais fait de nombreux amis et camarades dans tous les milieux, intellectuels, ouvriers, paysans. Quand j'étais en butte aux tracasseries policières et administratives, j'avais trouvé refuge et assistance auprès de nombreux Français, communistes, libéraux, chrétiens, aussi bien auprès de ceux du même bord que de ceux qui au cours des affrontements politiques ou idéologiques s'avéraient être des adversaires. Envers le peuple français, j'avais contracté pour la vie une dette à laquelle je ne pouvais me dérober.

Reste une dernière dette, celle contractée envers les enfants de mon pays, accablés par la malnutrition et des infections multiples: j'avais étudié la pédiatrie, espérant pouvoir soulager quelque peu leurs souffrances. Je n'ai pu réaliser ce rêve de

jeunesse; la retraite venue, avec des amis, médecins, enseignants, chercheurs en sciences humaines, j'ai créé un Centre d'études de psychologie infantile, que nous avons baptisée fondation N-T. Psychologie et psychopathologie infantiles sont des domaines encore quasiment inexplorés au Vietnam: peu de personnes s'imaginent que les enfants puissent avoir des tracas de conscience qui les rendent paresseux, fugueurs, énurétiques, les poussent à la délinquance et les attirent vers les drogues. Les autorités et l'opinion commencent à se soucier des besoins en protéines, en vitamines, mais ignorent complètement les besoins psychologiques des enfants. À la fondation N-T, nous nous efforçons à sensibiliser l'opinion sur l'urgence du problème, non par des injonctions moralisantes, mais par des études concrètes et précises. N-T est aussi la première ONG à vocation scientifique au Vietnam; à ce titre, elle bénéficie d'une liberté de mouvement que ne connaissent pas les organismes d'Etat; en revanche, ne recevant pas de crédits, elle souffre d'un mal congénital et chronique, la pénurie pour ne pas dire la misère financière. Le Grand Prix de l'Accadémie française vient à point nommé pour nous dépanner et au nom des enfants du Vietnam, j'exprime notre profonde gratitude pour cette magnifique donation. Donation qui servira aussi la francophonie.

Depuis quelques années, les membres francophones de notre Fondation s'appliquent à traduire de nombreux textes de la psychologie infantile; les chercheurs vietnamiens qui ne lisent pas le français peuvent consulter à notre siège quelques milliers de pages déjà traduites. Des jeunes psychologues sont aussi formés

pour devenir de futurs traducteurs. Des sociologues coopèrent également avec nous dans ce sens. Vous ne m'en voudrez certainement pas d'ajouter à ce tableau une note familiale: ma femme qui avait étudié la psychologie en Sorbonne, dans les années 50, participe activement à nos travaux.

*

* *

Mesdames, Messieurs,

J'ai un peu longuement parlé de mon cas personnel, simplement pour poser le problème de la médiation culturelle franco - vietnamienne, problème qui s'intègre dans le cadre des relations actuelles du Vietnam non seulement avec la France mais encore avec de nombreux autres pays, le Canada, la Belgique, la Suisse et de nombreux pays de l'Afrique aux Antilles, même jusqu'en Océanie. Apparemment, les échanges culturels ne pèsent pas d'un grand poids face aux investissements économiques; je me risque cependant à penser que certains impondérables peuvent jouer un rôle sinon plus important du moins plus durable. En cette fin de siècle qui voit poindre tant d'espoirs comme se profiler l'ombre de désastres sans nom, peut-être pourrions-nous voir s'ouvrir dans cette voie de larges possibilités pour un avenir commun à tous les peuples. Les hommes des quatre océans sont tous frères, disaient nos anciens. Liberté, Égalité, Fraternité, proclamaient les révolutionnaires français de 89, Internationalisme est la devise première de tous ceux qui se réclament du socialisme. Utopie diront certains. Pour ma part, en dépit des déchirements et bouleversements actuels, je m'en tiens à cette

utopie qui n'avait jamais cessé de hanter les esprits depuis qu'il y a des hommes, et qui pensent.

Vous serez certainement indulgents pour cette présomption d'un octogénaire qui n'a comme seule qualité que de croire à ce qu'il dit.

Pour tout ce que j'ai reçu de tous mes frères, camarades et amis, pour l'insigne honneur que m'a réservé l'Académie française, je ne peux répondre que par la promesse de continuer dans la voie que je me suis tracée, et de dire: Grand Merci.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Tiêu sử bác sĩ Nguyễn Khắc Viện	7
BÀN VỀ ĐẠO NHO	11
I. Ông quan và kẻ sĩ.....	12
Người tiểu nông và quan lại	14
Đời sống làng xã và nho sĩ	20
Nhân - Nghĩa - Lễ.....	24
Nho sĩ quan lại và nho sĩ bình dân	31
Nho sĩ và trí thức hiện đại.....	38
Nho sĩ và những người mác-xít.....	43
Bổ sung 1984.....	51
II. Nói theo đạo nhà	55
III. Chút vốn nho học	67
Luận ngữ.....	68
Mạnh Tử.....	74
Đại học và Trung dung.....	77
Ngũ kinh.....	80
Đạo đức kinh (của Lão Tử) Nam hoa kinh (của Trang Tử).....	85

IV. Đạo làm người	87
Bạt	87
Có thuật phải đi với học, có đạo.....	89
TÔI ĐÃ ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NHƯ THẾ NÀO.....	91
MỘT ĐÔI LỜI	101
I. Lòng tin	102
II. Làm người Việt Nam	110
IV. Từ Pháp qua Thái Lan	121
V. Đứng về bên nào?.....	130
VI. Cuộc sống khi quá độ.....	142
VII. Con đường tiến thân.....	161
VIII. Lại một đôi lời	177
BỨC THƯ GỬI LẠI.....	199
BÀI PHÁT BIỂU NHÂN LỄ NHẬN GIẢI THƯỞNG LỚN	
PHÁP VĂN CỦA VIỆN HÀN LÂM PHÁP	207
Nghề dịch.....	207
Đến nợ	210

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Địa chỉ: 36 Hàng Chuối - Hà Nội

Tel: (04) 9719 073, Fax: (04) 9719 071

E-mail: nxb_khxx@yahoo.com.vn

Web: http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban_khxx

ĐẠO VÀ ĐỜI

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. VI QUANG THỌ

Biên tập: NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Kỹ thuật vi tính: LƯU QUANG ĐÀ

Trình bày bìa: NGÔ XUÂN KHÔI

Sửa bản in: THAIHABOOKS

In 2.000 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Công ty TNHH In & DVTM Phú Thịnh.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản số: 798 - 2007/ CXB/ 29 - 57/ KHXXH. In xong
và nộp lưu chiểu Quý IV/2007.

“Suốt cả cuộc đời, Nguyễn Khắc Viện tuân thủ trung thực và trung thành một Đạo Sống rất đẹp, vốn là cái truyền thống muôn đời của trí thức Việt Nam: Yêu nước, lo dân”.

(Hoàng Như Mai)

“Ồ ông, sự cọ xát của những nền văn hóa Đông Tây không hề làm sút xước mà ngược lại tô chuốt cho bản tính Việt Nam: một tính cách nhất quán nhưng lại mềm dẻo trong tư duy và có khả năng luôn tự điều chỉnh”.

(Đỗ Lai Thúy)

“Không chỉ trong suy nghĩ mà toàn bộ con người ông là một cầu nối giữa phương Tây và phương Đông”.

(Gunter Giesenfeld)



CÔNG TY CP SÁCH THÁI HÀ
506 C3 Làng Quốc tế Thăng Long
Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Tel: (84 - 4) 242 6330 - 793 0480
Fax: (84 - 4) 756 9374
Website: www.thaihabooks.com

